



FREDERICK FORSYTH - NGUYỄN HOÀNG

HỒ SƠ MẬT

TÂN ĐỨC QUỐC XÃ



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

FREDERIC FORSYTH
NGUYỄN HOÀNG DỊCH

**HỒ SƠ MẬT
TÂN QUỐC XÃ**

(THE ODESSA FILE)

THẾ GIỚI 1994

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Theo thông lệ thì tác giả nào cũng có lời cảm ơn đối với những người đã giúp họ hoàn thành tác phẩm, nhất là khi viết về những đề tài khó, và thường là có nêu rõ tên tuổi.

Với những người đã giúp đỡ tôi, dù chỉ là một chút, qua việc cung cấp những dữ kiện cần thiết để hoàn thành Hồ Sơ Odessa, thì cũng xin nhận ở đây lòng biết ơn sâu xa của tôi, và nếu như tôi không nêu tên quý vị ra đây là vì có ba lý do.

Một số, vốn là cựu thành viên SS, thì khi được hỏi chuyện đã không biết tôi là ai hoặc họ không ngờ là điều họ nói sẽ được viết thành sách. Một số khác thì có yêu cầu rõ ràng đừng nêu tên ra và với một số còn lại, thì chính tôi đã quyết định không nêu tên của họ, tôi hy vọng làm thế sẽ có lợi cho họ hơn.

F.F.

LỜI NÓI ĐẦU

O dessa ở đây không phải là tên một thành phố ở miền Nam nước Nga, cũng không phải tên một thị trấn ở nước Mỹ, nó là sáu chữ viết tắt tên một tổ chức, trong tiếng Đức là: "Organisation Der Ehemaligen SS - Angehorigen" nghĩa là "Tổ chức của các cựu thành viên SS".

SS, như ta biết, là một quân đội trong một quân đội, một guồng máy trong một guồng máy, do Adolf Hitler đặt ra và do Heinrich Himmler chỉ huy, nó đảm nhận những công tác đặc biệt trong thời Quốc Xã thống trị nước Đức từ 1933 đến 1945. Các công tác này được coi như có liên hệ mật đến nền an ninh của đế tam Reich, thực tế nó phụ trách thực hiện tham vọng của Hitler là loại trừ khỏi nước Đức và Châu Âu các phần tử mà ông ta cho là "Không đáng sống", và tiêu diệt tất cả người Do Thái, bất kể đàn ông, đàn bà hay trẻ con sống trên lục địa này.

Trong việc thực hiện các công tác đó, SS đã tổ chức và tiến hành tàn sát khoảng 14 triệu nhân mạng, gồm cỡ 6 triệu người Do Thái, 5 triệu người Nga, 2 triệu người Ba Lan, nửa triệu dân du mục Bohemien và nửa triệu người ở các nước khác, trong đó có tới 200.000 người Đức và Áo

không có gốc Do Thái, con số này rất ít được đề cập tới. Số người này được coi như kẻ thù hay đã cản trở về mặt tinh thần hoặc vật chất với Đại Đức, như các đảng viên Cộng sản, Dân chủ xã hội, Tự do, những chủ nhà xuất bản, phóng viên, thầy tu, tức là những kẻ ưa nói thẳng, những người có can đảm và lương tri, và sau cùng là các sĩ quan bị nghi là thiếu trung thành với Hitler.

Trước khi bị tiêu diệt, SS đã làm cho tên gọi và huy hiệu của chúng, hình hai tia chớp, thành dạng chữ SS, trở thành đồng nghĩa với sự vô nhân đạo mà chưa từng một tổ chức nào từ xưa đến nay làm được. Lúc thế chiến sắp kết thúc, hầu hết bọn đầu não đều hiểu rõ chúng sắp thua trận, và biết loài người sẽ xét xử ra sao đối với những việc chúng làm, nên chúng đã bí mật chuẩn bị để chuyển sang một cuộc sống mới và để cho toàn dân Đức chịu đựng và chia sẻ lời kết án về những tội ác của chúng. Với mục đích này một số lớn vàng của SS đã được tẩu tán và gửi vào nhiều chương mục ngân hàng, nhiều giấy tờ giả được chuẩn bị, nhiều ngõ thoát được mở ra, sau cùng khi đồng minh chiếm nước Đức, thì phần lớn bọn sát nhân đã biến mất.

Tổ chức chúng thành lập để đào thoát chính là Odessa, khi công việc đầu tiên là bảo đảm thoát sang một số nước an toàn xong, thì tham vọng của bọn sát nhân này lại tăng thêm. Nhiều tên không hề rời khỏi Đức, chúng ở lại với một cái tên và giấy tờ giả trong lúc đồng minh chiếm đóng. Chỉ có một số thành viên cao cấp là ở nước ngoài, lưu vong an toàn thoải mái và điều hành hoạt động của tổ chức. Mục đích của Odessa trước sau gồm 5 điểm: Bố trí lại các cựu SS trong các ngành nghề của Cộng Hòa Liên Bang Đức khi được đồng minh thành lập năm 1949 - cố gắng xâm nhập vào các đảng phái chính trị dù ở hàng ngũ thấp - tạo sự bảo vệ hợp pháp nhất cho các SS bị đưa ra tòa

án, và bằng mọi cách có thể được để vô hiệu hóa sự thi hành công lý ở Tây Đức nhằm xử phạt các cựu Kamerad (Đồng chí, chiến hữu) - thứ tư là bảo đảm cho các cựu SS hoạt động tạo địa vị trong ngành thương mại và kỹ nghệ để kịp thời hưởng lợi trong những phát triển kinh tế đã khôi phục cho đất nước từ 1945 - và sau cùng tuyên truyền cho dân Đức các quan điểm là bọn sát nhân SS thực ra cũng chỉ là những chiến sĩ yêu nước bình thường, làm nhiệm vụ cho Tổ Quốc và không đáng bị những trừng phạt của công lý và lương tâm con người đang đè nặng một cách oan uổng lên họ.

Trong công tác đó, hỗ trợ bởi ngân quỹ rất lớn, chúng đã thành công rất nhiều, và đã biến sự xét xử của công lý trên cả nước Tây Đức thành một trò khôi hài. Đổi tên nhiều lần, Odessa đã cố gắng che dấu sự tồn tại của nó, kết quả là có nhiều người Tây Đức đã cho rằng Odessa không có thật. Câu trả lời dứt khoát là: nó thực sự có thật và cái Kameraden của dấu hiệu sọ người vẫn còn bền chặt trong đó. Mặc dù thành công trong hầu hết các mục tiêu của nó, Odessa cũng phải sụp đổ. Điều bi đát này xảy ra cho nó vào đầu mùa xuân 1964, khi một gói tài liệu nặc danh được gửi tới cho Bộ Tư Pháp ở Bonn (Thủ Đô Tây Đức). Với một số viên chức được phép xem qua danh sách trong tài liệu đó, thì cái gói nói trên được mệnh danh là: "Hồ sơ Odessa".

HỒ SƠ MẬT TÂN QUỐC XÃ

CHƯƠNG I

Mọi người, ai hẵn cũng còn nhớ rất rõ là mình đang làm gì, trong ngày 22-11-1963, ngay vào cái phút nghe tin Tổng Thống Kennedy qua đời. Ông bị bắn vào lúc 12 giờ 22 phút, giờ Dallas và bản thông báo về cái chết của ông được loan đi vào 1 giờ 30 chiều hôm đó. Tin này đến New York vào 2 giờ 30, đến London vào 7 giờ 30 tối, và đến Hambourg lúc 8 giờ 30 của một đêm rét mướt lạnh lẽo.

Peter Miller lúc đó đang lái xe trở vào thành phố sau buổi ghé thăm mẹ tại nhà vào tối thứ sáu, một phần để xem bà có đủ mọi thứ cho ngày nghỉ cuối tuần chưa và một phần vì hẵn cũng nghĩ rằng mình phải thăm nom bà mỗi tuần một lần. Hẵn có thể chỉ cần gọi điện thoại, nhưng bà lại không có, nên hẵn phải lái xe tới. Đó cũng là lý do tại sao bà không chịu mắc điện thoại ở nhà.

Theo thói quen hẵn bật Radio trên xe, và đang nghe một chương trình âm nhạc của đài phát thanh miền Bắc Tây Đức. Lúc 8 giờ 30, hẵn đang ở trên đường Osdorf, mới rời khỏi nhà bà mẹ cỡ mười phút, thì tiếng nhạc chợt ngưng bật và giọng nói của xướng ngôn viên vang lên, nghe rất nghiêm trọng:

- Achtung. Achtung (Chú ý, chú ý). Đây thông báo. Tổng Thống Kennedy đã chết, chúng tôi xin lập lại Tổng Thống Kennedy đã chết.

Miller đưa mắt nhìn chòng chọc vào bản dò tần số sáng mờ mờ ở mặt trên của máy phát thanh, như muốn không tin vào điều tai hắn vừa nghe, hắn tưởng mình đã mở nhầm đài phát thanh vỡ vụn nào đó chuyên loan tin thất thiệt.

“Chúa ơi,” hắn nén hơi thở dài, rà chân hăm thẳng và rẽ vào lề phải lòng đường. Hắn liếc qua kính. Dọc theo con đường xa lộ từ Altona vào Hambourg, rộng rãi thẳng tắp, một số người lái xe khác cũng nghe thấy tin đó và cũng rẽ vào lề, làm như đột nhiên việc lái xe và nghe Radio đã trở thành hai việc không thể cùng làm một lúc được.

Phía trước, hắn có thể nhìn thấy đèn hiệu hăm thẳng của nhiều chiếc xe đang rẽ vô lề, và người lái xe đang theo dõi các tin tức chi tiết qua máy phát thanh của họ. Phía bên trái cũng có mấy chiếc xe chạy từ thành phố ra, đang quét ngọn đèn vọi vàng khi rẽ vào lề đường. Hai chiếc xe qua mặt hắn, chiếc đầu rú lên giận dữ và hắn còn thoáng thấy ông tài xế quay về phía mình vỗ vỗ vào trán, trong một cử chỉ thô bạo, bực bội mà dân lái xe Đức thường tỏ ra đối với kẻ làm phiền họ.

- Rồi ông cũng hiểu thôi. Miller nghĩ.

Tiếng nhạc nhẹ ngưng hẳn, thay vào đó là điệu quân hành tang lễ được phát ra, hẳn là từ một bộ đĩa nào đó. Chốc chốc, xướng ngôn viên lại đọc thêm vài mẩu tin chi tiết vừa nhận được qua máy viễn ký. Sự việc dần dần rõ hơn: chiếc xe mui trần chạy vào thủ phủ Dallas. Kẻ ám sát nấp sau cánh cửa sổ của kho hàng chứa sách giáo khoa. Việc bắt giữ thủ phạm không được đề cập.

Người đàn ông trong chiếc xe đậu phía trước bước ra và đi về phía Miller. Gã đến bên cửa phía trái, rồi khi thấy chỗ của người lái thì ở bên phải, gã bèn đi vòng qua. Gã mặc một chiếc áo khoác cổ cứng. Miller quay cửa kính xuống.

- Ông nghe thấy không? Gã nọ hỏi khi khom người tì vào cửa xe.

- Ờ, có.

- Quái đản nhỉ. Khắp nơi ở Hambourg, ở Châu Âu hay cả thế giới, chắc những người không quen cũng dừng lại với nhau để trao đổi tin tức này.

- Ông có nghĩ là bọn cộng sản làm không? Gã hỏi.

- Tôi chả biết nữa.

- Có thể có chiến tranh, ông nhỉ, nếu bọn nó làm.

- Có thể! Miller trả lời.

Hắn mong gã đi phứt cho rồi. Là một phóng viên, hắn có thể mừng tượng ra cảnh huyên náo ở các tòa soạn nhật báo cả nước trong lúc này, mọi người đều được gọi lại để tiếp tay ấn hành ngay một bản tin ra kịp vào bữa điểm tâm sáng mai. Chắc là phải có một bài tiểu sử, cả hàng ngàn nguồn tài liệu được tập hợp và cho sắp chữ, điện thoại thì âm ỉ kêu réo để moi móc thêm các chi tiết rõ hơn nữa về một người bị bắn bể cuống họng đang nằm gục ở một thị trấn của bang Texas.

Hắn chợt mơ được trở lại làm phóng viên nhật báo, nhưng từ khi trở thành phóng viên sản tin tự do trong ba năm nay, hắn đã chuyên chú vào các tin tức quốc nội, nhất là có liên quan đến tội phạm, cảnh sát và các thành phần chót cùng của xã hội. Mẹ hắn ghét việc này lắm, vẫn thường bảo hắn dây dưa với "bọn bắn thủ", và hắn có tự hào mình là loại phóng viên điều tra sáng giá nhất nước tới đâu cũng không làm bà nghĩ được rằng phóng viên là cái nghề xứng đáng cho cậu con trai duy nhất của bà.

Khi bản tin trên đài tiếp tục, thì tâm trí của hắn đang vụn vẹo, mò mẫm để tìm ra một góc cạnh nào khác trong nước Đức khả dĩ làm thành một chuyện bên lề của vụ này. Phản ứng của chính quyền Bonn chắc là có những tay sản tin ở đó theo dõi và hỏi ỨC về chuyến viếng thăm Bonn vào tháng sáu năm ngoái của Kennedy chắc cũng được nhắc tới. Coi bộ đó không phải là câu chuyện hấp dẫn mà hắn có thể moi móc ra mà bán cho bất kỳ một tờ báo ảnh nào ở Đức vốn đã rất quen biết với hắn.

Gã đàn ông bên cửa xe cũng thấy tâm trí Miller đang

ở đâu đâu và nghĩ rằng hẳn đang nhớ về ông Tổng Thống quá cố. Gã bèn ngưng bàn về chiến tranh thế giới và cũng tỏ ra ngậm ngùi.

- "Chà, chà..."

Gã làm bầm như rành rẽ lắm, làm như gã chứng kiến đầu đuôi câu chuyện:

- Bọn gồm thật, bọn Mỹ đó, chơi bạo thật, tụi Mỹ nó có cái chất tàn bạo mà mình ở đây không thể nào hiểu được.

- Ờ..ờ...

Tri óc Miller vẫn lang thang mãi tận đâu đâu, rồi gã nó cũng hiểu ra.

- Thôi, tôi phải về nhà ngay - gã đứng thẳng dậy - GrussGott (Chúc ngủ ngon).

Gã bước về xe của mình. Miller lúc đó mới hay là gã đã bỏ đi.

- Ja. Gute Nacht (chào buổi tối).

Hắn gọi vọng ra ngoài, rồi quay cửa lên ngăn những bụi mưa tuyết từ phía sông Elbe thổi tới. Nhạc ở trên đài phát thanh chuyển sang điệu quân hành chậm, xướng ngôn viên thông báo chấm dứt chương trình nhạc nhẹ, chỉ còn lại tin tức xen lẫn với điệu nhạc chuyển mục.

Miller dựa ngửa trên chiếc nệm êm ái của chiếc Jaguar và đốt một điếu Roth-Handl, một loại thuốc đen không dầu lọc mùi vị đậm đà, cũng là một món của hắn thường bị bà mẹ phàn nàn.

Thật là luôn luôn hấp dẫn khi nghĩ xem có chuyện gì có thể xảy ra, hoặc không xảy ra. Thường thì đây là một việc làm vớ vẩn, vì cái có thể xảy ra được là một điều vô cùng bí mật. Nhưng có lẽ chắc chắn rằng nếu Miller không nghe Radio đêm đó, hẳn không dừng xe lại bên đường trong nửa giờ, thì hẳn đã chẳng trông thấy chiếc xe cứu thương, không nghe nói tới tên Salomon Tauber hay Eduard Roschmann gì cả, và 40 tháng sau thì có thể nước

Cộng Hòa Israel đã không còn tồn tại nữa.

Hắn hút hết điều thuốc, tiếp tục nghe đài, quay cửa xe xuống để quăng mẩu tàn ra. Chỉ với một cái bấm nhẹ trên nút là động cơ 3.8 lít nằm dưới capô nghiêng nghiêng của chiếc Jaguar XK 150-S rung lên và phát ra tiếng gầm êm ái, quen thuộc, như một con thú nổi giận toan tháo củi xổ lông. Miller bật hai ngọn đèn trước, quan sát mặt đường phía sau và nhập vào dòng lưu thông náo nhiệt trên con lộ Osdorf.

Hắn đến ngã tư đường Strasemann Strasse, dừng lại vì đèn đỏ thì nghe tiếng rú của chiếc xe cứu thương phía sau. Nó vượt qua phía trái hắn, tiếng còi rít lên thảm thiết, hơi chậm lại trước dòng xe cộ rồi vượt đèn đỏ, lượn trước mũi Miller, quặt sang mé phải vào đường Daimler Strasse. Miller phản ứng theo những suy nghĩ cấp kỳ. Hắn bám chặt tay lái và chiếc Jaguar theo sát chiếc xe cứu thương khoảng hai mươi mét.

Ngay lúc đó thì hắn định đi thẳng về nhà. Có lẽ cũng chẳng có gì, nhưng ai mà biết được. Cứu thương tức là có lộn xộn, mà lộn xộn là một câu chuyện, nhất là khi ta có mặt đầu tiên tại hiện trường và mọi việc được thu xếp xong trước khi các tay phóng viên tới. Có thể đó là một vụ đụng xe hay hỏa hoạn lớn, một khu chung cư bốc cháy có nhiều trẻ em kẹt trong đó. Có thể là bất cứ cái gì. Miller luôn luôn mang theo một chiếc Yashica (hiệu máy ảnh Nhật) nhỏ, có bộ đèn riêng trong hộc xe bởi vì chẳng ai ngờ được chuyện gì xảy ra ngay trước mắt mình.

Hắn biết có một tên nọ đang chờ máy bay ở phi cảng Munich hồi 6 tháng 2-1985, thì chuyến máy bay chở đội banh Manchester United bị nổ ngay trước mặt hắn vài trăm thước. Tên đó chả phải tay săn ảnh chuyên nghiệp, nhưng hắn đang đeo một chiếc máy ảnh chụp chơi trong dịp nghỉ đi trượt Ski, nên hắn bấm ngay được mấy pô hình của chiếc phi cơ bốc cháy. Các tạp chí báo ảnh đã trả 5,000 bảng Anh cho mấy bức hình đó.

Chiếc xe cứu thương vòng vo qua những con đường rắc

rồi nhỏ hẹp của khu Altona, vượt qua ga xe lửa Altona rồi hướng về bờ sông. Tay nào đang lái chiếc Mercedes cứu thương mũi đẹp, cao kều kia hẳn là rành Hambourg và biết cách lái xe lắm. Với tốc độ lớn và tinh thần căng thẳng, Miller cảm thấy rõ hai bánh sau xe Jaguar trượt trên mặt đường trơn ướt vì mưa.

Miller liếc nhìn kho hàng Menck bên đường, rồi qua hai con phố nữa, thì nghi vấn ban đầu của hắn được giải đáp. Chiếc xe cứu thương chạy vào một khu nghèo nàn lụp xụp, đèn đường yếu ớt lẩn trong mưa tuyết nghiêng nghiêng, hai bên đường là những dãy chung cư. Chiếc xe đậu lại bên một chiếc xe cảnh sát ở sẵn đó, ánh đèn xanh trên mũi quay vòng vòng, soi chập chồn qua các gương mặt của một đám người đang bu lại trước cửa.

Một ông Trung Sĩ cảnh sát khoác áo mưa đang quát tháo để dân đám đông ra tạo khoảng trống trước cửa cho chiếc xe cứu thương. Chiếc Mercedes lùi vào đó, tài xế và người phụ tá bước xuống, chạy ra sau, kéo ra một cỗ băng ca, họ nói vài lời với ông Trung Sĩ rồi vội vã chạy lên lầu.

Miller đậu chiếc Jaguar ở bên kia đường cách khoảng hai mươi thước, và nhướn mắt lên nhìn. Không đụng xe, không cháy nhà, không có trẻ con bị kẹt. Có lẽ là một chuyện ái tình vặt. Hắn leo ra và bước tới gần đám đông đang bị ông Trung Sĩ dạt ra thành một vòng bán nguyệt trước cửa căn nhà, mở thành khoảng trống từ cửa tới phía sau xe cứu thương.

- Tôi vào xem được không? Miller hỏi.

- Có gì đâu mà xem, không cần tới anh đâu.

- Tôi là nhà báo mà. Miller chìa thẻ báo chí Hambourg ra.

- Còn tôi là cảnh sát. Không ai được vô hết, cầu thang chật quá, chả an toàn gì cả. Máy y tá xuống liền bây giờ mà. Ông Trung Sĩ trả lời.

Đó là một gã to con, kiểu Trung Sĩ già của lực lượng cảnh sát tại những khu phố hóc búa của Hambourg. Cao

cỡ 1 thước 90, khoác áo mưa, dang rộng hai tay ngăn đám đông, hẳn trông có vẻ chắc chắn như cánh cửa kho hàng.

- Thế có chuyện gì trên đó?

- Đừng có phỏng vấn, chút nữa tôi bớt lấy tin.

Một người mặc thường phục từ cầu thang xuống và đi ra. Ánh sáng xoay vòng trên chiếc Volkswagen rọi qua mặt gã và Miller nhận ra ngay. Hẳn và gã từng học chung trường Trung học Hambourg. Gã đó là thẩm sát viên trẻ tuổi trong cảnh sát Hambourg, từng sự tại khu trung tâm Altona.

- Hey, Karl.

Gã trẻ tuổi quay lên nhìn vào đám đông sau lưng ông Trung Sĩ, đến vòng quay kế tiếp của ánh đèn trên xe, gã nhận ra Miller dang giơ tay chào. Gã nhe răng ra, phần như cười, phần như bực mình. Gã hát hàm với ông Trung Sĩ:

- Thôi được, không sao, nó chả hại gì đâu.

Ông Trung Sĩ hạ tay xuống và Miller bước qua. Hẳn bắt tay Karl Brandt.

- Làm sao tới đây được?

- Đi theo chiếc xe cứu thương.

- Đồ kên kên. Đạo này thế nào?

- Vẫn thường. Phóng viên tự do.

- Mọi móc nhiều chuyện dữ hả. Tao thấy tên mây trên mấy tờ báo ảnh hoài.

- Công việc kiếm ăn. Có nghe vụ Kennedy không?

- Có. Chuyện kinh thật. Tụi nó chắc lục tung cả Dallas lên tối nay. May phước nó không xảy ra ở khu này của tao.

Miller hát hàm về phía lối vào tòa nhà cho thuê, ngõ hành lang có một ngọn đèn tròn hắt ánh vàng vọt lên bức tường dán giấy nham nhở.

- Một vụ tự tử bằng hơi gas. Hàng xóm nghe mùi rồi gọi

tụi tao. Cũng may không ai bật diêm quẹt, hơi dốt xì đây nhóc.

- Không phải tài tử xinê hả?

- Không. Làm gì mà bọn chúng sống ở đây. Một ông già. Coi mặt lão như chết đã từ mấy năm rồi.

- Dù sao chết cũng đỡ hơn sống ở đây...

Gã thẩm sát viên thoáng mỉm cười và quay lại khi hai người y tá bước xuống bảy bậc cuối cùng của chiếc cầu thang ọp ẹp, tới lối ra cửa, khiêng theo chiếc băng ca. Brandt nhìn quanh:

- Bảo người ta tránh chỗ khác.

Ông Trung Sĩ lại quát lên và đẩy đám đông dân ra. Hai người y tá bước ra hè phố và thẳng tới cánh cửa sau của chiếc Mercedès. Brandt đi theo và Miller bám sát gót. Chả phải hẳn muốn nhìn mặt người chết gì cả, hẳn chỉ theo Brandt vậy thôi. Khi tới cửa xe, một ông y tá gác đầu băng ca lên và người kia chuẩn bị đẩy vào.

- Khoan đã...

Brandt lên tiếng, hẳn phát nhẹ góc tấm khăn phủ mặt tử thi và nói ngoài ra sau lưng:

- Thủ tục vậy mà. Tôi phải báo cáo rõ là đã cùng đưa xác ra xe và theo đến nhà xác.

Ngọn đèn trong xe cứu thương khá sáng và Miller đã nhìn thấy mặt tử thi trong hai giây. Ấn tượng đầu tiên và cuối cùng là hẳn chưa từng thấy ai già cỗi và xấu xí đến thế. Cho dù có tác dụng của hơi ngạt, thì với những nếp nhăn xám xịt trên da mặt, bờ môi tái mét, ông già này lúc sống cũng chẳng đẹp lão gì. Vài lọn tóc lơ thơ còn sót lại trên cái đầu hói nhẵn. Cặp mắt khép kín, gương mặt gầy đến quắt lại, mấy chiếc răng giả bị gõ ra, hai bờ má tụt lõm vào đến độ như muốn chạm vào nhau ở trong miệng, trông như ma cà rồng trong các bộ phim kinh dị. Còn cặp môi khô mà thấy được, cả môi trên và môi dưới thu lại thành một nếp nhăn nằm ngang, làm Miller nhớ lại những

đầu người phơi khô mà hắn từng thấy ở vùng thung lũng sông Amazone (sông lớn ở Nam Mỹ), ở đó thổ dân đã khâu hai cái môi của sọ người lại. Thêm vào đó, bộ mặt còn có hai vết sẹo mờ, nhãn nhúm dọc hai bên má, kéo dài từ thái dương mang tai xuống tới khóe miệng.

Nhìn sơ qua, Brandt phủ tấm khăn lại và hất đầu ra hiệu cho người y tá phía sau. Gã lui một bước khi người y tá đẩy chiếc băng ca vào trong, xập cửa lại và vòng ra phòng lái phía trước, leo lên. Chiếc xe cứu thương nổ máy lao đi, đám đông bắt đầu giải tán trong tiếng cầu nhàu của ông Trung Sĩ: "Đi đi, hết rồi, có gì đâu mà coi. Sao không về nhà đi kìa?"

Miller nhượng mắt nhìn sang Brandt:

- Hấp dẫn.
- Ồ. Ông già tội nghiệp. Chẳng có gì cho mày khai thác cả?

Miller có vẻ nản:

- Không phải dịp thôi. Như mày nói, mỗi đêm một người. Đêm nay thiếu gì người chết trên thế giới mà chẳng ai thêm quan tâm. Ngoại trừ Kennedy.

- Mày, đúng là đồ phóng viên.
- Vậy đó. Cái người ta muốn đọc là về ông Kennedy, nên họ mới mua báo chớ.
- Phải, bây giờ tao phải về đồn, đi nghe.

Họ bắt tay nhau và đi. Miller lái xe trở ra nhà ga Altona, theo con đường lớn về trung tâm thành phố, và hai mươi phút sau, hắn đậu chiếc Jaguar trong khu hầm đậu xe Hansa Square, cách tòa nhà mà hắn muốn tuốt trên nóc, khoảng hai trăm thước.

Gửi cái xe trong bãi đậu thuê dài hạn suốt mùa đông thì khá tốn kém, nhưng đó là một trong những chi phí hơi quá mà hắn tự cho phép mình. Hắn cũng khoái căn phòng khá đắt tiền của hắn vì nó ở trên cao và hắn có thể từ đó nhìn xuống đại lộ ồn ào của khu Steindamm. Còn quần áo

ăn uống hẳn chẳng chú ý gì, 29 tuổi, cao 1 thước 80 với mái tóc quăn màu nâu, và mắt nâu, vốn được phụ nữ ưa chuộng nên hẳn cũng chẳng cần thêm quần áo cầu kỳ gì. Một bạn trai từng nói với hẳn một cách ghen tị: “Cậu có thể dụ cả mấy bà trong tu viện”. Hẳn cười nhưng cũng ngậm khoái trá vì hẳn cũng biết rõ như thế.

Cái đam mê thật sự trong đời hẳn là xe hơi thể thao, săn tin tường thuật và Sigrid, mặc dù có lúc hẳn cũng xấu hổ mà nhận rằng nếu phải lựa chọn giữa Sigi (tên thân mật của Sigrid) và chiếc Jaguar, thì Sigi chắc phải đi tìm một mối tình khác.

Hẳn đứng ngắm nghía chiếc Jaguar dưới ánh đèn của bãi đậu sau khi đã cho xe vào chỗ. Hẳn cũng ít có dịp ngắm toàn vẹn chiếc xe. Ngay cả khi bước qua hè phố để tới xe, hẳn cũng dừng lại và chiêm ngưỡng nó, đôi khi có khách bộ hành đi qua, không dè đó là xe của Miller, cũng dừng lại và nhận xét: “Có lý đấy chứ”.

Bình thường một phóng viên tự do trẻ tuổi thì chẳng có đi Jaguar XK-150 đâu. Đồ phụ tùng thì khó mà kiếm ra ở Hambourg này, nhất là loại XK, mà đời kiểu S lại là đời sau chót, nó đã bị ngưng sản xuất từ hồi 1960. Hẳn thì cứ giữ nó lại, rồi bỏ hàng giờ của ngày chủ nhật để lăn lóc dưới gầm xe hay cắm đầu vào trong dàn máy. Số lượng xăng mà ba lốc máy kiểu S.U. của nó tiêu thụ là một tổn kém đáng kể đối với hẳn. Và nó còn tăng theo giá xăng ở Đức, nhưng hẳn vẫn vui vẻ chỉ ra. Phần thưởng thu lại là nghe tiếng nổ xả khí khi hẳn đạt tốc độ cao trên xa lộ rộng rãi, cảm thấy chiếc xe chồm vọt lên như bắn khi qua khỏi một khúc quanh đường núi. Hẳn còn cho hẳn cứng thêm dàn nhún ở hai bánh trước và khi chiếc xe cứng chắc đủ, nó có thể ôm cua vững vàng, bỏ xa các tay lái xe khác đang lỏng lẻo trên nệm nếu họ muốn đua với hẳn. Ngay khi mua nó về, hẳn đã cho sơn lại với màu đen, rồi thêm hai đường sọc vàng tươi chạy dọc hai bên hông xe. Vì xe được chế tạo ở Coventry, Anh Quốc, mà không phải loại xe để xuất cảng nên tay lái được gắn ở bên phải, khiến

hắn phải đổi thói quen cầm lái tay phải và sang số tay trái, lâu dần rồi cũng dần ra thích.

Ngay khi nghĩ lại chuyện mua được cái xe này hắn cũng lấy làm kỳ vì vận may của mình. Mùa hè năm đó, hắn ngồi chờ trong tiệm hớt tóc, rồi lật xem chơi mấy tờ tạp chí. Thường thì hắn chả bao giờ đọc tới mấy chuyện vặt về các minh tinh tài tử, nhưng bữa đó hết cái để xem rồi. Ở trang giữa là bài nói về bốn chàng thanh niên lông gáy bù xù người Ăng Lê đang lên như diều, nổi tiếng khắp thế giới. Bức hình chụp bốn chú, có chú phía ngoài cùng bên phải, có cái mũi bự, thì lạ hoắc, nhưng bản mặt của ba chú kia đã réo lên một hồi chuông trong trí nhớ đầy ăm ắp của hắn.

Tên hai bộ đĩa đã đưa nhóm tứ quái này lên đài danh vọng, "Please Please Me" và "Love Me Do" cũng chả có nghĩa gì, nhưng ba bản mặt kia cứ quanh quẩn trong đầu hắn cả hai ngày trời. Rồi hắn nhớ ra hai năm trước, 1961, mấy chú này có hát kiếm tiền tại một hộp đêm nhỏ ở khu Reeperbahn. Đến hôm sau hắn mới nhớ ra tên hộp đêm vì bữa đó hắn chỉ ghé vào uống bậy một ly để tán láo với một tay giang hồ nhằm moi móc tư liệu về băng Sanktpauli. Hộp đêm đó là Star Club. Hắn bèn tới đó ngay và lục lọi trong chồng hóa đơn của năm 1961 và tìm ra họ. Bọn họ xưa có tới năm mạng, gồm ba chú hắn nhận ra và hai chú nữa: Peter Best và Stuart Sutcliffe.

Từ đó hắn tìm được tay thợ chụp ảnh chuyên lo việc làm hình quảng cáo cho ông bầu Bert Kaempfert và mua ngay mọi tấm hình mà hắn còn giữ được, thiên phóng sự "Hambourg đã khám phá Tứ Quái Beatles như thế nào?" của hắn được đăng trên hầu hết tạp chí, báo ảnh âm nhạc của Đức và một số ở nước ngoài. Nhờ đó hắn đủ tiền sắm chiếc Jaguar mà hắn đã thấy trong một salon xe hơi, xe này của một sĩ quan Anh gửi bán vì vợ con quá đùm đê khiến xe si-pô không đủ chỗ nữa. Hắn cũng mua vài đĩa nhạc Beatles để làm kỷ niệm, nhưng chỉ có Sigi là đôi lúc nghe chúng.

Hắn rời chiếc xe, bước qua bờ dốc lên tới mặt đường và trở về phòng. Đã gần nửa đêm, và mặc dù hồi 6 giờ hắn đã ăn một bữa cứng bụng ở nhà mẹ, mà bây giờ lại thấy đói. Hắn bèn làm một đĩa trứng bác và lắng nghe chương trình tin giờ chót, cũng chỉ nói về Kennedy và nhấn mạnh ở khía cạnh quan điểm của Đức, có thêm chút ít tin mới nhận từ Dallas. Cảnh sát vẫn đang truy lùng thủ phạm, xướng ngôn viên lại dài dòng về mối tình hữu nghị giữa Đức với Kennedy, chuyến viếng thăm của ông ở Berlin mùa hè năm ngoái và lời tuyên bố của ông ở đây "Ich bin ein Berliner".

Sau đó là một bài diễn văn chia buồn của Thủ Tướng Willy Brandt, giọng cũng khá xúc động, rồi một bài của Quốc Trưởng Ludwig Erhard, rồi của cựu Quốc Trưởng Konrad Adenauer, ông này mới về hưu hồi 15 tháng 10 năm ngoái.

Peter tắt máy và lên giường. Hắn mong có Sigi ở nhà vì lúc nào buồn chí, mệt mỏi hắn đều muốn bù khú với nàng, rồi hứng lên và ân ái với nàng. Sau đó hắn lăn ra ngủ say mê, cái này làm nàng bực lắm vì sau khi tỉnh tự, nàng khoái nói chuyện về hôn nhân, con cái và các thứ. Nhưng lúc này, cái hộp đêm mà nàng làm ở đó còn mở cửa tới 4 giờ sáng, thường vào khuya thứ sáu như thế này, khi các tay dú lịch và khách tỉnh lẻ kéo về đông kịt ở khu Reeperbahn, họ sẵn sàng mua một chai Champagne đắt giá gấp mười lần để thưởng cho cô nào có núm vú to nhất và cái váy ngắn nhất, thì Sigi bao giờ cũng có hai cái nhất đó.

Rồi hắn hút thêm một điếu thuốc nữa và ngủ thiếp một mình vào khảng 3 giờ 15, trong giấc mơ còn lảng vảng bộ mặt kinh khủng của lão già tự tử hơi ngạt ở Altona.

Trong lúc Miller ăn đĩa trứng bác lúc nửa đêm ở Hambourg, thì có năm người đàn ông đang uống rượu với nhau trong một căn phòng tiện nghi của một ngôi nhà sát bên khu trường dạy lái xe, gần những Kim Tự Tháp, phía ngoài thành phố Cairo (thủ đô Ai Cập). Lúc đó là 1 giờ

sáng. Họ đã ăn tối, no nê và đang vui vì được nghe bản tin từ Dallas khoảng bốn tiếng đồng hồ trước.

Ba trong số người đó là Đức, còn hai người kia là dân Ai Cập. Bà vợ chủ nhà, tức hiệu trưởng trường lái xe, nơi gặp gỡ lý tưởng của một số thượng lưu trong xã hội Cairo và nhóm dân cư độ vài ngàn người Đức, bà vợ đó đã đi ngủ, để yên cho những người đàn ông nói chuyện với nhau.

Ngồi trong chiếc ghế nệm da sát bên khung cửa sổ là Peter Bodden, vốn là chuyên gia về Do Thái trong bộ tuyên truyền Quốc Xã của Tiến Sĩ Joseph Goebbels, từng sống ở Ai Cập ngay sau khi thế chiến chấm dứt, nơi đây hẳn gia nhập Odessa. Bodden mang tên Ai Cập là El Gunra, và hiện là chuyên gia về Do Thái trong Bộ Kế Hoạch Ai Cập. Hẳn cầm một ly Whisky. Bên trái hẳn, cũng là cựu chuyên viên của Goebbels, Max Bachmann, cũng làm việc ở Bộ Kế Hoạch. Lúc này, Max đã theo đạo Hồi, thường hành hương về Mecca (Thánh địa Hồi Giáo, thuộc Arab Saudi) và mang tên mới là El Hadj. Do tôn giáo mới, nên hẳn chỉ uống nước cam vắt. Cả hai đều là đảng viên Quốc Xã cuồng tín.

Hai người Ai Cập còn lại thì có Đại Tá Chams Edine Badrane phụ tá cho Thống Chế Abdel Hakim Amer, người sau này thành Bộ Trưởng Quốc Phòng rồi bị kết án tử hình vì mưu phản sau vụ cuộc chiến sáu ngày năm 1967. Đại Tá Badrane cũng bị thất sủng sau vụ đó. Người kia là Đại Tá Ali Samir, chỉ huy trưởng của Moukhabarat, cơ quan tình báo Ai Cập.

Còn có người thứ sáu nữa, người khách danh dự, ông này đã trở về Cairo khi nghe tin Dallas lúc 9 giờ 30, giờ Cairo. Ông ấy là phát ngôn nhân chính thức của Quốc Hội Ai Cập. Alwar El Sadat một phụ tá thân tín của Tổng Thống Nasser, sau này chính ông lên kế vị.

Peter Bodden giơ cao ly rượu:

- Thế là Kennedy, thằng mê Do Thái đã chết. Thừa các ông. Mời các ông cùng nâng ly.

- Nhưng ly của tôi thì cạn rồi. Đại Tá Samir phản đối.

Chủ nhà vội vàng rót thêm bằng chai Scotch ở kế đó.

Gọi Kennedy là tên mê Do Thái chả làm cho năm người đó phiền gì cả. Ngày 14 tháng 3 năm 1960, khi Eisenhower còn là Tổng Thống, thì Thủ Tướng Do Thái, David Ben Gurion và Quốc Trưởng Đức, Konrad Adenauer, đã họp mặt ở khách sạn Waldorf Astoria, New York, một cuộc họp mà cỡ mười năm trước là không thể xảy ra được. Vào năm 1960, những chuyện xảy ra trong phiên họp vẫn còn có vẻ khó tin, mấy năm sau người ta mới biết được nội dung buổi họp, nên mãi đến 1963, Nasser vẫn chưa chú ý lắm đến những tin tức do Odessa và tổ chức Moukhabarat đệ trình lên cho ông ta.

Hai vị nguyên thủ quốc gia đó đã ký một thỏa ước, theo đó, Tây Đức đồng ý cho Israel vay 50 triệu dollar một năm mà không có điều kiện ràng buộc nào. Tuy nhiên, Ben Gurion sau này cũng hiểu ra có tiền là một chuyện, mà có được nền an ninh và vũ khí tốt lại là một chuyện khác. Sáu tháng sau thỏa ước Waldorf, lại thêm một ký kết khác giữa Bộ Trưởng Quốc Phòng của Đức và Do Thái, Franz Josef Strauss và Shimon Peres, qua ký kết này, Do Thái có thể dùng tiền vay của Đức để mua vũ khí của Đức.

Adenauer, vốn biết rõ sự rắc rối này, nên đã trì hoãn phê chuẩn nhiều tháng, cho đến tháng 11-1961, ông hội kiến với tân Tổng Thống Kennedy ở New York, Kennedy đã tạo áp lực, chẳng qua vì không muốn Hoa Kỳ trực tiếp cung cấp vũ khí cho Israel. Israel cần chiến đấu cơ, vận tải cơ, trọng pháo 105 ly kiểu Howitzer, thiết giáp, xe tăng các loại, nhưng nhất là xe tăng.

Tây Đức thì có đủ cả, chủ yếu là kiểu Mỹ, hoặc là từ Mỹ chở qua để trang bị cho đạo quân NATO ở Đức hoặc được chế tạo nhượng quyền ở Đức.

Dưới áp lực của Kennedy, thì ký kết Strauss - Peres đã được thông qua. Những chiếc xe tăng Đức đầu tiên cập bến Haifa vào cuối tháng 6-1963. Khó mà che dấu sự vụ

này lâu được, có quá nhiều người biết. Cuối 1962 Odessa hay được và đã thông báo ngay cho Ai Cập qua các đường dây gần mật thiết với Cairo của họ.

Cuối năm 1963, thì mọi sự thay đổi. Ngày 15 tháng 10, Konrad Adenaeur, con cáo thành Bonn, vị Quốc Trưởng cứng rắn, đã xin về hưu. Ludwing Erhard lên thay, kẻ từng tạo ra những phép lạ cho kinh tế Đức, nhưng lại tỏ ra yếu ớt và do dự về mặt đối ngoại.

Ngay khi Adenaeur còn tại chức, thì trong nội các đã có phe nhóm chủ trương dẹp bỏ vụ cung cấp vũ khí cho Israel. Quốc Trưởng đã dùng uy tín của mình để làm họ chịu ở yên, không chống đối.

Erhard thì lại là người khác hẳn, ông bị người ta đặt cho biệt hiệu là Rubber Lion (Sư tử bằng cao su) ngay khi ông nhậm chức, nhóm chống đối trên, chủ yếu là dựa vào Bộ Ngoại Giao, mơ ước nhiều đến một mỗi bang giao ngày càng rộng rãi với các nước Ả Rập, nên đã mở lại chiến dịch chống đối. Erhard đã nao núng. Nhưng đằng sau còn có quyết định của Kennedy là Israel phải nhận vũ khí qua ngã Đức Quốc.

Rồi bây giờ ông ta bị bắn chết. Vấn đề còn lại của nhóm năm người vào sớm 23 tháng 11 đơn giản còn lại là: liệu Phó Tổng Thống Johnson kế vị có xóa bỏ áp lực của Mỹ đối với Tây Đức và để cho ông Quốc Trưởng lừng khừng ở Bonn chịu chấm dứt việc cung cấp vũ khí không? Thực ra thì không được, nhưng ở Cairo niềm hy vọng vẫn còn lớn lắm.

Ông chủ nhà của buổi gặp gỡ vui vẻ ở ngoại thành Cairo đó, đã rót đầy ly của khách, rồi quay sang rót thêm cho mình. Tên ông là Wolfgang Lutz, sinh ở Mannheim, năm 1921. Cựu Thiếu Tá trong quân đội Đức, một kẻ thù Do Thái cuồng tín, đã di cư sang Cairo vào năm 1961 và mở trường dạy lái xe. Tóc hung, mắt xanh, mặt quăm như chim ưng, ông rất có uy tín với hàng ngũ chính quyền Cairo cũng như với cộng đồng người Đức, đảng viên Quốc Xã lưu vong, sống tại lưu vực sông Nile này.

Ông quay vào và nở một nụ cười. Nếu nụ cười có gì trá ngược thì cũng chẳng ai nhận ra. Nhưng đó thực sự là một nụ cười ẩn ý. Ông ta vốn thực là gốc Do Thái, sinh ở Mannheim, nhưng đã sang Palestine hồi 1933 lúc 12 tuổi. Tên thật là Zéev và mang Ion Rav-Sere (Thiếu Tá) trong quân lực Israel, đồng thời đang là nhân viên cao cấp trong sở tình báo Israel ở Ai Cập lúc đó, ngày 28 tháng 02-1965, sau vụ oanh kích ở khu phố, người ta khám phá ra điện đài trong phòng tắm của ông, và ông đã bị bắt giữ. Bị xử khổ sai chung thân ngày 26-6-1965. Được phóng thích sau cuộc chiến hồi 1967 trong vụ trao đổi tù binh với Do Thái, ông và vợ trở lại quê nhà qua phi cảng Lod ngày 4-2-1968.

Nhưng trong đêm Kennedy chết thì mọi chuyện đó chưa xảy ra... như bị bắt, tra tấn, vợ bị hãm hiếp... Ông nâng cao ly rượu với bốn bộ mặt vui vẻ ngồi trước bàn.

Thực ra ông chờ mong các khách chơi về cho rồi, vì các điều họ nói với nhau trong khuya nay đã rất có mệnh hệ đối với Tổ Quốc của ông, và ông muốn còn lại một mình, chạy vào phòng tắm và gửi một bức điện về Tel Aviv (tên thủ đô Do Thái). Nhưng lúc này buộc lòng ông phải tiếp tục cười.

- Chết hết cái bọn Do Thái đi...

Ông nâng cốc: "Sieg Heil".

Sáng hôm sau Peter Miller thức dậy lúc gần 9 giờ và tựa mình ngái ngủ dưới lớp mền bông phủ kín chiếc giường đôi. Trong cơn nửa thức nửa ngủ, hắn cảm thấy hơi ấm của thân người Sigi còn đọng trên giường, hắn liền lăn qua ôm lấy nàng, bờ mông của nàng áp sát vào bụng hắn. Tự động hắn thấy mình hưng lên.

Sigi chỉ mới ngủ được một lát bốn năm giờ đồng hồ, khê ẩm ử khó chịu và lăn ra tuốt mé giường. "Đi đi..." Nàng lằm bằm mà không thức dậy. Miller thở dài, lăn ra và xem đồng hồ tay. Rồi chuôi ra khỏi giường, quấn chiếc khăn tắm quanh người, bước sang phòng khách và kéo màn cửa ra. Ánh nắng long lanh tháng 11 tràn ngập căn phòng làm

hắn nheo mắt lại. Hắn nhìn xuống khu Steindam. Buổi sáng thứ bảy, xe cộ thưa thớt trên mặt đường tráng nhựa ướt át. Hắn ngáp ầm ĩ và đi vào bếp pha ly cà phê đầu tiên trong ngày, một ngày hắn uống không biết bao nhiêu ly nữa. Mẹ hắn và Sigi thường rửa hắn là chỉ biết sống với cà phê và thuốc lá.

Nhâm nhi ly cà phê, hút điếu thuốc đầu ngày trong bếp và nghĩ xem có chuyện gì cần phải làm không, cũng chả có gì, hắn thấy thế. Có điều rõ ràng là mọi tờ nhật báo và tạp chí bữa nay chắc chỉ viết về Tổng Thống Kennedy, và có thể kéo mấy ngày hay cả tuần lắm. Vả lại hiện hắn cũng chẳng có phóng sự nào để theo đuổi. Ngoài ra, thứ bảy với chủ nhật thì thật khó chịu khi cứ giữ người ta ở sở làm hay quấy rầy họ ở nhà. Mới đây hắn vừa hoàn tất một loạt bài thành công về sự thâm nhập của các băng gang tơ vào khu ăn chơi Reeperbahn béo bở của Hambourg, bọn này đủ cả, người Ý Áo, Pháp... tuy nhiên hắn chưa nhận tiền nhuận bút. Hắn nghĩ phải chạy tới tòa soạn tạp chí để phản đối mới được. Tụi nó phải trả đúng hẹn, hắn thì cũng chưa hết tiền xài đâu. Kết số ở tương mục của hắn, ba bữa trước ngân hàng đã gửi tới, hắn còn cỡ hơn 5,000 Mark (500 bảng Anh), cũng đủ cho hắn xài một thời gian.

- Điều rắc rối với mày... - Hắn nói với một trong những cái nồi xoong chùi rửa láng bóng của Sigi trong bếp, khi hắn cọ rửa cái ly uống cà phê ... - là khi mày làm biếng đó.

Cách đây mười năm, khi hắn hết thời hạn quân dịch, hắn được hỏi là muốn trở thành cái gì khi trở về đời sống dân sự. Hắn đã trả lời "Làm thẳng ở không mà giàu có", và bây giờ 29 tuổi, hắn chưa đạt nổi điều đó và chắc chẳng bao giờ đạt nổi nhưng hắn vẫn nghĩ đó là một ước mơ hợp lý.

Hắn mang chiếc radio vào phòng tắm, khép cửa lại để khỏi phiền Sigi, và nghe bản tin buổi sáng trong lúc tắm rửa và cạo râu. Tin chủ yếu là việc đã bắt được thủ phạm

bản Tổng Thống Kennedy. Đúng như hấn nghĩ, chả có tin tức gì đáng nói ngoài những tin về vụ ám sát Kennedy.

Sau khi lau mình, hấn trở lại nhà bếp và pha thêm một ly cà phê nữa, ly lần này nhiều gấp đôi. Dem sang phòng ngủ, hấn đặt lên chiếc bàn đêm, cởi áo choàng và leo lại lên giường bên cạnh Sigi, mái tóc vàng hoe của nàng xõa ra trên gối.

Nàng mới 22, hồi còn đi học từng là tay quán quân về thể dục, mà theo lời nàng, nàng có thể đạt tiêu chuẩn dự Olympic, nếu vòng ngực đừng phát triển quá đến độ cản trở và không một thứ nịt ngực nào có thể bảo đảm an toàn. Rồi trường học, nàng trở thành huấn luyện viên thể dục ở một trường nữ. Năm sau, nàng nhảy sang làm vũ nữ thoát y ở Hambourg vì lý do vô cùng đơn giản là kiếm được nhiều tiền hơn. Lợi tức của nàng cao hơn gấp năm so với làm cô giáo.

Mặc dù nàng tự nguyện lột trần truồng mình tại hộp đêm, nhưng nàng rất bực mình trước bất cứ một biểu lộ dâm dật nào của bất cứ ai tỏ ra đối với nàng.

- Vấn đề là - có lần nàng nói với Peter một cách rất là nghiêm trang - Khi em ở trên sân khấu, em chả nhìn thấy gì hết vì ánh đèn, nên em không cảm thấy bực. Nếu em mà nhìn thấy bọn họ chắc em không ra sân khấu nổi.

Việc này cũng không ngăn nàng sau buổi diễn lại ra ngồi ở bàn, mặc áo quần tử tế, và chờ xem có ông khách nào mời uống gì không. Thứ uống duy nhất của nàng là Champagne trong chai khai dở, hay khoái hơn thì trong chai nguyên. Nàng còn hưởng thêm 15% hoa hồng của phần rượu đó. Mặc dù hầu hết bọn khách chơi khi mời nàng Champagne đều hy vọng đi xa hơn sau cả giờ đồng hồ chiêm ngưỡng cái vùng trũng giữa ngực của nàng, họ chẳng hề toại nguyện. Nàng là típ thiếu nữ hiểu biết và tế nhị, thái độ của nàng đối với những ý đồ đó của khách là một tiếc rẻ êm đềm hơn là một sự khinh thị mà các cô gái khác thường che dấu sau nụ cười dưới ánh đèn của họ.

- Máy thằng cha đó - nàng từng nói với Peter - phải có một bà vợ đẹp ở nhà để họ trở về mỗi đêm.

- Em muốn nói ai - máy thằng cha đó? - Miller phản đối - Họ là bọn già dịch túi đầy nhóc tiền để phung phí.

- Phải, bọn họ sẽ không như thế nếu có ai săn sóc họ. Sigi vận lại, và kiểu lý luận đàn bà của nàng thì không thể nào lay chuyển được.

Miller tình cờ gặp nàng nhân dịp ghé thăm quán của bà Kokett nằm dưới quán cà phê Reese trong khu Reeperbahn - khi hấn uống rượu đấu lão với ông chủ, vốn là kẻ quen biết cũ. Nàng là một cô gái to con, cao 1 thước 70 và khá cân đối, nếu lùn hơn chút thì hóa ra tẹt. Nàng vũ trong tiếng nhạc với điệu bộ lạnh nghề xem ra rất gợi cảm, mặt nàng mang một nét bĩu môi kiểu như đang trong phòng ngủ, Miller không lạ gì cảnh này và cứ nhấp ly rượu mà không thêm để ý.

Nhưng khi chiếc nịt ngực của nàng rơi ra, thì hấn phải trở mặt, ly rượu sững lại nửa chừng trên môi. Ông chủ nhìn hấn với vẻ chế riễu.

- Em đó được quá chứ, hả? Hấn nói.

Miller cũng phải thừa nhận rằng nàng đã làm các cô gái làm mẫu cho tờ Playboy hàng tháng trở nên cứ như mấy cô thiếu ă. Nhưng nàng có thân hình săn cứng đến độ bộ ngực vươn thẳng ra và vểnh lên mà không có vẻ gì là vận sức cả.

Vào lúc cuối điệu vũ, khi tiếng vỗ tay nổi lên, cô sững lại trong một tư thế của vũ viên chuyên nghiệp, khẽ cúi chào như bẽn lẽn lẫn hơi bực mình về hướng khán giả và khẽ nhếch môi cười, như nụ cười của con chó săn vừa chụp được con mồi. Chính nụ cười nhếch đó làm Miller chú ý, chứ không phải điệu vũ hay nhân dáng nàng. Hấn nhờ hỏi xem nàng có thích uống một ly không và lát sau nàng bước ra.

Vì Miller ngồi chung với ông chủ, nên nàng không gọi một chai Champagne mà chỉ kêu một ly Gin. Vô cùng ngạc

nhiên, hắn thấy nàng là một cô gái dễ thương, và hắn hỏi có thể đưa nàng về nhà sau buổi diễn không. Với sự dè dặt vừa đủ, nàng bằng lòng. Chơi ván bài một cách bình tĩnh, Miller chả mưu đồ gì hơn đêm đó. Lúc đó là đầu mùa xuân, nàng rời hộp đêm khi giờ đóng cửa, trong một chiếc áo choàng có mũ trùm trông rất xoàng, hắn nghĩ rằng nàng cố ý làm thế.

Họ uống cà phê và nói chuyện gẫu với nhau, nàng đã bớt vẻ xa lạ và nói cười vui vẻ. Hắn được biết nàng khoái nhạc Pop, nghệ thuật, đi dạo dọc bờ hồ Alster, coi sóc nhà cửa và con cái. Sau đó, họ đi chơi với nhau một lần mỗi tuần vào đêm nàng nghỉ việc, ăn tối hay xem kịch nhưng không hề ngủ với nhau.

Sau ba tháng, Miller đưa nàng vào phòng ngủ của hắn và đề nghị xem nàng có thích tối ở chung không. Với thái độ đơn giản trước một việc quan trọng của đời mình, Sigi đã xác định là nàng muốn kết hôn với Peter và vấn đề duy nhất của nàng là có thể nào lấy được hắn mà không cần lên giường với hắn hay có cách nào khác không. Nhận thấy hắn thừa sức có thể bù đắp sự trống vắng của hắn bằng một cô gái khác khi nào cảm thấy cần, nên nàng quyết định dọn tới ở và làm cho đời sống hắn trở nên thoải mái đến độ hắn muốn cưới nàng luôn. Cho đến cuối tháng 11 thì họ đã ở chung với nhau đến 6 tháng rồi.

Ngay Miller vốn coi sóc nhà cửa cũng cẩn thận, đã phải thừa nhận nàng làm cho nhà hắn trở nên đẹp hơn, và nàng làm tình với sự khỏe mạnh và khoái lạc cao độ. Nàng không bao giờ đề cập tới hôn nhân một cách trực tiếp, nhưng thường cố gắng nói ý đó ra bằng cách khác. Đi dạo trong ánh nắng bên hồ Alster, đôi lúc nàng làm quen với những đứa trẻ chập chững, trước con mắt dịu dàng của bố mẹ chúng. Miller thường làm như lơ tít đi.

- Ô, Peter, trông cứ như chú thiên thần hả?

Miller sẽ âm ỉ: "Ồ, đẹp thật..."

Sau đó, nàng sẽ tỏ ra nhạt nhẽo với hắn cả giờ vì hắn

đã không hiểu ý của nàng. Nhưng họ vẫn hạnh phúc với nhau, nhất là với Peter Miller, với hẳn một đời sống đôi lứa thoải mái, một mối tình nhẹ nhàng vững chắc mà không có ràng buộc hôn nhân thì thật khoái trá cho cuộc đời.

Uống hết nửa cốc cà phê, Miller trườn vào trong, ôm lấy nàng từ phía sau, nhẹ nhàng mơn trớn vùng kín của nàng, hẳn biết làm thế nàng sẽ thức giấc. Vài phút sau, nàng lau bầu một cách thích thú và lăn nằm ngửa ra. Vẫn tiếp tục vuốt ve, hẳn chồm lên và bắt đầu hôn ngực nàng. Vẫn còn ngái ngủ, nàng phát ra một chuỗi rên ư ử... và bàn tay nàng vuốt lơ mơ dọc theo lưng và mông của hẳn. Mười phút sau, họ lâm tình với nhau, rên rĩ và rùng mình trong khoái cảm. Sau đó nàng ấm ức:

- Đánh thức người ta dậy cái kiểu quý gì đâu ấy.

- Có nhiều kiểu còn quý hơn nữa kia.

- Máy giờ rồi?

- Gần mười hai. Miller nói láo, biết rõ nàng sẽ liệng cái gì vào hẳn nếu biết rằng mới có mười giờ rưỡi và nàng chỉ mới ngủ được có năm tiếng: "Hỏi làm gì, cứ ngủ tiếp đi nếu thích".

- Ừ... cảm ơn cưng, cưng tốt lắm... Nàng lại quay ra ngủ tiếp.

Sau khi nốc hết ly cà phê, Sigi đã ngủ, và Miller đang bước vào phòng tắm thì điện thoại reo. Hẳn trở ra phòng khách, và nhắc ống nói lên.

- Peter hả?

- Peter đây, ai đó?

- Karl!

Trí óc hẳn còn lơ mơ và không nhận ra giọng nói:

- Karl?

Đầu bên kia tỏ ra sốt ruột:

- Karl Brandt đây. Có chuyện gì đó? Giờ này mà còn

ngủ sao?

Miller tỉnh ngay lại:

- Ô, ơ, Karl đó hả, xin lỗi, tao mới dậy. Có gì đó?

- Có cái về ông già Do Thái chết tối hôm qua đây. Tao muốn nói chuyện với mày.

Miller ú ớ:

- Do Thái nào chết?

- Cái lão tự tử bằng gas tối qua ở Altona đó. Nhớ gì không?

- À nhớ ra rồi, tối qua - Tao không biết ông ta là Do Thái. Có cái gì vậy?

- Tao muốn nói với mày - nhưng không qua phon dậu, gặp tao được không?

Trí óc Miller vô khớp hoạt động tức thì. Bất cứ ai có gì muốn nói mà lại không nói qua điện thoại thì hẳn là rất quan trọng. Với Brandt, Miller khó tin rằng tên Thẩm Sát Viên này lại âm ờ với chuyện nhằm nhí đó.

- Được. Trưa rảnh không?

- Có thể. Tiếng Brandt.

- Được. Tao chờ mày, nếu có gì đáng nói.

Hắn nói tên một nhà hàng nhỏ ở khu vực chợ Goose - "lúc 1 giờ", và hắn bỏ ống nói xuống. Hắn vẫn còn hoang mang, vì không thể nghĩ ra chuyện gì với ông già tự tử, gốc Do Thái hay không, ở khu phố tồi tàn Altona đó.

Suốt buổi ăn trưa, gã Thẩm Sát Viên trẻ tuổi có vẻ như chưa muốn nói gì vào chuyện, đến khi cà phê đưa ra, gã mới nói: "Ông già tối qua".

- Ờ, sao? Có chuyện gì? Miller hỏi.

- Chắc mày cũng biết bọn Quốc Xã đối xử ra sao với người Do Thái trong thời gian trước và trong thế chiến?

- Dĩ nhiên. Hồi mình đi học, mấy ông thầy nói ra rả về các vụ đó hoài, phải không?

Miller cũng rất khó chịu và bối rối. Như hầu hết các thanh niên Đức khác, hồi còn đi học năm chín mười tuổi, hắn đã được dạy rằng tất cả dân tộc Đức đều mang cái tội ác chiến tranh diệt chủng. Hồi đó hắn thừa nhận thế mà chả hiểu gì về vụ đó cả.

Sau này, cũng thật khó để hiểu ra được ý các ông thầy muốn nói cái gì vào cái thời hết chiến tranh đó. Hắn chả biết hỏi ai, mà cũng chả ai muốn nói, kể cả thầy giáo hay bố mẹ. Mãi đến khi trưởng thành hắn mới tự tìm đọc được chút ít, và mặc dù những điều đó làm hắn ghê tởm nhưng hắn cũng không cảm thấy có liên quan gì tới mình. Chuyện đó ở thời nào, chỗ nào khác kia, xa xôi rồi. Hắn không có mặt lúc chuyện đó xảy ra, bố hắn không có ở đó, mẹ hắn cũng không. Có cái gì trong lòng hắn cứ cho rằng vụ đó chả dính dáng gì với Peter Miller này cả, nên hắn chả buồn hỏi thêm chi tiết, tên tuổi, ngày tháng gì cả. Hắn không rõ tại sao Brandt lại nói chuyện này ra.

Brandt khuấy ly cà phê. Gã cũng bối rối, chả biết khởi đầu câu chuyện ra sao. Mãi rồi gã mới nói:

- Cái ông già tối qua đó, người Đức gốc Do Thái. Lão đã từng bị vào trại tập trung.

Miller tưởng tượng lại khuôn mặt lão trên băng ca tối qua. Câu chuyện họ đang nói có thể thôi sao? Thật khôi hài. Lão ta chắc được Đồng Minh giải phóng hồi 18 năm trước, rồi sống tới già, rồi chết. Nhưng khuôn mặt cứ hiện lại. Hắn chưa từng nhìn thấy ai từ trại tập trung ra, ít nhất là thế. Hắn cũng chưa gặp ai từng là tay đồ tể SS, chắc chắn là vậy. Dù sao, cũng đáng chú ý. Ông già này có thể có gì lạ.

Hắn nhớ lại vụ xử án Eichmann ở Jerusalem hồi hai năm trước. Báo chí khai thác vụ này cả tuần lễ. Hắn nghĩ tới gương mặt đó, hắn nhớ rằng ấn tượng của mình lúc ấy là sao gương mặt đó bình thường quá, bình thường một cách đáng buồn. Do đọc báo về vụ án, nên lần đầu tiên, hắn rõ được chút ít về chuyện SS làm ra sao, và chúng trốn thoát thế nào. Nhưng đó là chuyện xảy ra ở Ba Lan,

Nga, Hung, Tiệp Khắc, mãi tận đầu và xưa lắm rồi. Hẳn chẳng biết cụ thể là ai.

Hắn trở về hiện tại và kiểu khó nói ra của Brandt làm hắn chú ý. Hắn hỏi:

- Chuyện ra thế nào?

Để trả lời, Brandt móc ra một gói giấy vàng khè từ trong xách tay và đẩy qua mặt bàn:

- Ông già để lại một cuốn nhật ký. Thực ra ông chưa già gì. Năm mươi sáu. Hình như ông đã ghi chép từ hồi đó và giấu trong tấm vải bó chân. Sau thế chiến, ông viết lại thành nhật ký.

Miller nhìn gói giấy với hứng thú ít ỏi:

- Mà tìm thấy ở đâu?

- Nó nằm ngay cạnh xác ông ta. Tao lấy mang về nhà rồi đọc nó tối qua.

Miller nhìn gã bạn học một cách kỳ quặc:

- Tệ lắm hả?

- Kinh khủng. Tao không nghĩ rằng những chuyện trong đó là tệ.

- Sao lại đưa cho tao?

Đến đây thì Brandt bực mình. Gã nhún vai:

- Tao nghĩ mà có thể khai thác cho báo chí.

- Bây giờ nó thuộc về ai?

- Đúng ra tao đưa cho con cháu Tauber, nhưng tìm không ra. Tao định nạp cho Cảnh Sát Cục. Nhưng người ta cũng chỉ lưu trữ thôi. Mà cứ giữ nếu muốn. Mà chớ nói là tao cho. Tao không muốn bị dây dưa rắc rối.

Miller trả tiền nước và cả hai đi bộ ra ngoài.

- Thôi được, tao sẽ đọc. Nhưng tao không hứa là đi sâu thêm đâu. Có thể viết một bài trên tạp chí.

Brandt quay sang nhìn hắn cười nửa miệng:

- Mà thật là cà chớn.

- Không đâu. Cũng như với mọi nhân vật tao có quan tâm từ trước và hiện giờ. Còn mày? Sau mười năm trong nghề chắc mày thành một thằng côm trùm rồi... Cái này chắc làm mày chơi với lắm, phải không?

Brandt nghiêm mặt lại. Gã nhìn gói giấy trong tay Miller và gật gù.

- Phải, phải, tao chơi với. Tao chưa hề nghĩ là chuyện nó tệ đến thế, mà nó cũng chưa hẳn trở thành chuyện quá khử. Chuyện này còn kéo dài và mới chấm dứt ở Hambourg này tối qua. Thôi chào nghe - Peter.

Gã Thẩm Sát Viên quay lưng bỏ đi, gã không biết gã đã sai lầm thế nào. Câu chuyện chưa hề chấm dứt mà mới chỉ là khởi đầu.

CHƯƠNG 2

Peter Miller mang gói giấy về nhà thì đã hơn ba giờ. Hắn liệng gói lên bàn phòng khách, và đi pha một bình cà phê trước khi ngồi vào đọc.

Dựa trên tấm nệm ghế thoải mái, một ly cà phê ở ngay tầm tay, đốt một điếu thuốc, hắn mở gói giấy ra. Tập nhật ký bằng các tờ giấy rời, có bìa cứng bọc bên ngoài, tập giấy được đóng lại bằng kẹp để có thể rút hay thêm trang vào nếu cần.

Nó gồm khoảng 150 trang đánh máy, chiếc máy chữ sử dụng hắn là đã cũ vì nhiều mặt chữ đã nhòe, và chạy xộc xệch không ngay hàng. Phần lớn đã viết cả năm trước, hay hơn nữa, vì giấy tuy sạch sẽ nhưng đã phai màu, ố đi. Nhưng ở đầu và cuối có một số tờ mới hiển nhiên là vừa thêm vào gần đây. Ở đầu là mấy trang lời giới thiệu và cuối trang là lời bạt. Cả hai phần này đều được ghi ngày viết là 21 tháng 11, tức là hai ngày trước. Miller nghĩ chắc ông ta viết chúng sau khi đã có quyết định tự tử.

Đọc lướt vài đoạn ở trang đầu. Miller rất ngạc nhiên vì văn chương sáng sủa và chính xác, giọng văn của một người có văn hóa tử tế. Ngoài bìa, có dán một vuông giấy trắng, lại có một lớp giấy bóng để giữ cho sạch. Trên đó là một dòng chữ đen viết kiểu in hoa: "Nhật Ký Của Salomon Tauber".

Miller ngồi dựa ngửa ra, mở trang đầu và khởi sự đọc.

NHẬT KÝ CỦA SALOMON TAUBER

Lời nói đầu:

Tên tôi là Salomon Tauber, tôi là người Do Thái và sắp chết. Tôi đã quyết định chấm dứt cuộc đời mình vì nó chẳng còn giá trị gì nữa, mà cũng chẳng còn việc gì để tôi phải làm cả. Những việc mà tôi cố gắng suốt đời để thực hiện đã chẳng đi tới đâu, và mọi nỗ lực của tôi đều trở thành vô ích. Vì những cái xấu của tôi từng gặp cứ tồn tại và nảy nở, và chỉ có cái tốt là bị bỏ quên trong bụi bặm và sự chế riễu. Những người bạn của tôi, những kẻ bị dọa dẫm và nạn nhân, tất cả đều đã chết, nhưng bọn dọa dẫm người ta thì vẫn còn ở đây, chung quanh tôi. Tôi gặp bọn chúng trên phố giữa ban ngày, rồi ban đêm tôi lại trông thấy Esther, vợ yêu quý của tôi đã chết từ lâu rồi. Tôi cố gắng mãi đến nay chỉ vì tôi muốn làm một đôi việc, muốn thấy được một đôi chuyện, mà bây giờ tôi biết rõ mình sẽ không bao giờ toại nguyện.

Tôi chẳng có thù ghét căm hờn chi người Đức, vì họ cũng là người tốt. Người ta thì không phải là quý, chỉ có một số cá nhân nào đó mới là quý. Triết gia Anh Burke rất đúng

khi ông nói: “Tôi không biết được có cách nào để buộc tội cho cả một quốc gia”. Không hề có tội ác tập thể, Thánh kinh đã kể Chúa muốn tiêu diệt hai thành Sodom và Gomorrah vì tội lỗi của người dân ở đó, cả đàn ông đàn bà và trẻ con, rồi ở đó lại có một người chân chính sống chung trong đó ra sao, và bởi ông ta chân chính nên ông ta được chữa ra. Như thế tội lỗi cũng như cứu chuộc đều là ở cá nhân.

Khi tôi thoát khỏi trại tập trung Riga và Stutthof, khi tôi sống còn sau chuyến đi Tử Thần về Magdeburg, khi các người lính Anh giải phóng cho thân xác tôi ở đó hồi tháng 4-1945, nhưng linh hồn tôi vẫn còn bị trói buộc, tôi thù ghét cả thế giới. Tôi thù con người, cây cỏ, đá sỏi vì chúng cấu kết với nhau bắt tôi chịu đọa đầy. Và trên hết, tôi thù ghét người Đức. Tôi lên tiếng hỏi, như tôi đã từng hỏi không biết bao nhiêu lần trong bốn năm trước đó, tại sao Chúa không diệt chúng nó đi, diệt cho tới thẳng đàn ông, đàn bà và đứa trẻ nít cuối cùng, phá tan tành thành phố nhà cửa của chúng vĩnh viễn ra khỏi mặt đất này. Và khi Chúa không làm thế, tôi thù ghét luôn cả Người, tôi gào lên rằng Người đã bỏ tôi và dân tộc tôi, dân tộc mà Người đã làm chúng tôi tin là dân tộc đã được Người chọn, thậm chí tôi còn nói thẳng ra là Người không có thực. Tôi chối bỏ Người.

Nhưng năm tháng trôi qua, tôi lại biết yêu trở lại, yêu cây cỏ, đá gạch, bầu trời trên kia và con sông chảy qua thành phố đó, những con chó, con mèo hoang lạc, các hạt cây nảy mầm trong kẽ đá, và những đứa trẻ bỏ chạy trên phố khi thấy mặt tôi, vì tôi quá xấu xí. Chúng không đáng trách. Có một câu ngạn ngữ Pháp: “Hiểu được mọi chuyện là tha thứ cho mọi chuyện.” Khi ai hiểu được người ta, sự đại khờ và nỗi sợ hãi, lòng tham lam và ham mê quyền lực, sự ngu dốt và dễ bảo của con người, thì đều có thể tha thứ. Phải, ta có thể tha thứ cho mọi chuyện bọn họ làm nhưng ta không thể quên.

Có một số người mà tội ác của họ đã vượt quá tâm có thể hiểu được, tức là vượt quá khả năng tha thứ, và đây

quả là một thất bại thực sự, vì bọn chúng vẫn còn ở chung với chúng ta, đi dạo chơi quanh phố, làm việc trong các văn phòng, ăn trưa ở câu lạc bộ, cười cợt bắt tay và gọi những kẻ đứng đắn khác là Kamérad. Tức là chúng vẫn sống. Không phải như kẻ bị ruồng bỏ, mà như những công dân chân chính, và làm ô uế cho cả nước đời đời với tội ác của riêng chúng, đây là một thất bại thực sự. Và ở đây chúng ta, các anh và tôi, tất cả chúng ta đều đã thất bại, và thất bại một cách thảm thương.

Sau cùng, với thời gian, tôi lại tìm được lòng yêu thương Thiên Chúa, và cầu mong Người tha thứ cho những việc tôi đã làm phạm luật của Người. Và những việc đó thì nhiều lắm.

SHEMA YISROEL, ADONAI ALOHENU, ADONAI EHAD...



Hết lời nói đầu, Nhật ký khởi sự với khoảng hai mươi trang Tauber kể lại lúc ra đời và thời thơ ấu, niên thiếu ở Hambourg về ông bố công nhân - rồi chiến sĩ, về cái chết của cả hai ông bà sau khi Hitler nắm quyền năm 1933. Cuối thập niên 1930, ông ta thành hôn với một cô tên Esther làm nghề kiến trúc, họ thoát nhiều cuộc ruồng bỏ vào trước 1941 nhờ ông chủ sở bao che. Sau cùng ông bị bắt ở Berlin trong một chuyến đi thăm khách hàng. Sau thời gian ở trại tạm giam, ông bị tống chung với các người Do Thái khác vào một toa xe bit bùng trên chuyến xe chở súc vật và đưa về miền Đông.

Tôi không thể nhớ rõ ngày chuyến xe rùng mình đứng lại ở sân ga. Tôi độ chừng đã hết sáu ngày bảy đêm từ khi bị tống lên xe ở Berlin. Bất thần chuyến xe lửa ngừng lại, tia sáng lọt vào toa cho tôi biết lúc đó là ban ngày. Đầu óc tôi quay cuồng, choáng váng vì kiệt sức và hơi người nồng nặc.

Có tiếng quát tháo bên ngoài, tiếng then cài kéo ra và cánh cửa bật mở. Lúc đó tôi cũng không thể nhìn ra tôi, vốn mặc áo sơ mi trắng và quần dài được ủi tử tế (còn cả

vạt với áo khoác thì liệng xuống sàn tàu từ lâu rồi). Những người khác trông cũng tả tơi lắm.

Khi ánh sáng ban ngày tràn vào toa, ai nấy vội đưa tay che mắt và rên lên vì đau. Thấy cửa mở tôi vội nhắm nghiền hai mắt để bảo vệ. Vì quá đông, nên cỡ nửa toa bị dồn nén thành một khối thịt người hơi hám tống ra nằm ở sân ga. Nhờ tôi đứng ở cuối toa, cạnh cánh cửa giữa nên tránh được cảnh này và ráng mở hé mắt dù bị chói, tôi bước ngay xuống sân ga.

Bọn lính SS mở cổng ở giữa ra, bọn thô bạo này quát tháo lâu bầu bằng một thứ ngôn ngữ tôi không thể hiểu nổi, nên đành đứng lùi ra. Trong toa xe thùng, ba mươi một người bị đè ép nằm bẹp trên sàn. Họ vĩnh viễn không dậy nữa. Những người còn lại, đói khát, gần như lóa, thổ đớc và hưng hực hơi từ đầu tới chân trong bộ dạng tả tơi đang cố đứng thẳng lên trên sân ga. Vì khát nên lưỡi chúng tôi dính chặt vào vòm miệng, đen sạm và sưng lên, môi thì nứt nẻ và khô rang.

Cũng ở sân ga này, có bốn mươi toa từ Berlin và mười tám toa từ Vienna cũng trút người từ trong đó ra, một nửa trong số đó là đàn bà và trẻ con. Nhiều đàn bà và hầu hết trẻ em đều ở trần, cứt đại bắn thủ, nhếch nhác không tả được. Có bà còn bế xác đứa con đã chết tự lúc nào trên tay khi lảo đảo bước ra ánh sáng. Bọn lính chạy tới chạy lui trên sân, sắp xếp những kẻ đi dầy thành từng hàng, trước khi dẫn chúng tôi vào thị trấn. Nhưng thị trấn nào đây? Và ở đây người ta nói thứ tiếng gì? Sau này tôi mới biết chỗ đó là Riga và bọn lính SS đó là người Latvia mới tuyển mộ, cũng thù Do Thái như bọn SS ở Đức, nhưng ít học và nặng thú tính trong hình dạng người hơn.

Đứng đằng sau bọn lính là một lũ người quần áo dơ dáy, vẻ sợ hãi, mỗi người có mang một mảnh vá hình chữ J lớn trên lưng và trước ngực. Đây là những kẻ tình nguyện đặc biệt từ Ghetto, lo việc mang xác từ các toa xe ra chôn ở ngoại vi thị trấn. Bọn này bị khoảng 5,6 tên khác canh chừng, mấy tên này cũng mang chữ J ở lưng và ngực,

nhưng có thêm một băng tay và cầm một cái cuốc chim. Đó là bọn Kapos Do Thái, được hưởng phần ăn khá hơn kẻ khác vì việc làm của chúng.

Có mấy sĩ quan SS Đức đứng dưới bóng của tấm bạt ở ga, khi quen mắt với ánh sáng tôi mới nhìn rõ bọn này. Một tên đứng tách ra trên một cái thùng gỗ, ngắm cảnh mấy ngàn bộ xương từ các toa xe đổ xuống với nụ cười nhẹ nhưng có vẻ hài lòng. Hắn nhịp nhịp chiếc roi ngựa bằng da bện vào chiếc ủng. Hắn mặc bộ đồng phục xanh với huy hiệu hai tia chớp SS màu đen và bạc và một dấu hiệu Waffen SS trên cổ áo bên phải, cổ bên trái có quân hàm Đại Úy.

Hắn cao và gầy gò, tóc màu nâu nhạt, mắt xanh biếc. Sau này tôi biết hắn là một thằng bạo dâm hạng nặng, có biệt danh mà sau này Đồng Minh cũng dùng để chỉ hắn "tên đồ tể Riga". Đó là lần đầu tiên tôi thấy đại úy SS Eduard Roschmann...

Năm giờ sáng 22-6-1941, 130 sư đoàn của Hitler chia làm ba cánh, vượt biên giới xâm lăng nước Nga. Sau mỗi cánh quân là một đội binh tàn sát SS, theo lệnh Hitler, Himmler và Heydrich, để lùng giết các đảng viên cộng sản và các cộng đồng Do Thái sống trong các vùng nông thôn Nga rồi quây những dân Do Thái thành thị vào các Ghetto tại thành phố lớn để chờ "đổi xử đặc biệt".

Quân đội Đức hạ Riga, thủ đô Latvia, vào 01-8-1941, và nửa tháng sau, những toán cảm tử SS đầu tiên tiến vào. Những đơn vị đầu tiên thuộc bộ phận SD,SP của SS thành lập ở Riga vào 01-8-1941 và bắt đầu chương trình quét sạch Do Thái ra khỏi xứ Ostland (Lãnh Thổ Phía Đông, tên Đức đặt cho ba xứ mới chiếm ở vùng Baltic này).

Rồi Berlin quyết định dùng Riga, làm trại chuyển tiếp thanh toán người Do Thái ở Đức và Áo. Năm 1938 ở đây có 320,000 người Đức - Do Thái và 180,000 người Áo-Do Thái, vừa được nửa triệu. Tháng 7-1941, khoảng hàng chục ngàn người bị đưa tới, chủ yếu là từ các trại tập trung ở Đức và Áo, nhất là Sachsen-hausen, Mauthansen, Ra-

venabruck, Dachau, Buchenwald, Belsen, Theresienstadt ở Bohemia. Nhưng số người ngày càng đông, và khu đất âm u ở phía Đông có vẻ là một chỗ tốt để thanh toán số còn lại. Chúng đã bắt đầu mở rộng sáu trại thanh toán Auschwitz, Treblinka, Belzec, Sobibor, Chelmno và Maidanek. Cho đến khi xong xuôi, thì cần tìm một chỗ để giết thêm càng nhiều càng tốt, và giam thêm số còn lại, thì Riga được chọn.

Từ 1-8-1941 tới 14-10-1944 có hơn hai trăm ngàn người Đức và Áo gốc Do Thái được chở tới Riga. 80,000 đã chết ở đó, 12,000 còn lại được đưa tới sáu trại thanh toán ở Nam Ba Lan nói trên, và chỉ còn 400 người sống sót, thì bị chết ở Stutthof hay trên đường Tử Thần tới Madgeburg. Chuyến tàu chở Taubert là chuyến đầu tiên từ Đức tới Riga, và đã tới nơi vào 3 giờ 45 chiều ngày 18-8-1941.

Ghetto Riga là một thành phố, xưa vốn là nơi bắt buộc cư trú của dân Do Thái ở Riga, hồi đó mới chỉ có vài trăm người. Chưa đầy ba tuần sau khi tôi tới, Roschmann và phụ tá của hắn, Krause, đã cho tàn sát gần hết số đó.

Ghetto nằm ở phía Bắc thành phố, giáp với vùng nông thôn phía Bắc. Có một bức tường dài ở mặt Nam, còn ba mặt kia được bao bằng dây kẽm gai. Có một cổng ra vào duy nhất ở mặt Bắc. Có hai vọng gác do lính SS người Latvia đóng, chạy suốt từ cửa này qua trung tâm Ghetto tới bức tường phía Nam là Mose Kalnu Iela (Phố Little Hill) đứng từ phía Nam nhìn ra cổng ở Bắc, thì mé tay phải là Blech Platz (tức là công viên Thiếc) nơi người ta chọn để đem đi giết, hay điểm danh, lựa nhóm khổ sai lao động, đánh đập và treo cổ. Giàn treo cổ có tám móc thép, thường xuyên có những sợi thòng lọng lủng lẳng đu đưa trong gió. Mỗi đêm ít nhất cũng có sáu người không may và thường xuyên phải thay nạn nhân mới cho tám chiếc móc này trước khi Roschmann thấy hài lòng vì công việc một ngày của hắn.

Cả Ghetto rộng chưa đầy 2 dặm vuông, một khu như thế phải chứa 12 tới 15 ngàn người. Trước khi chúng tôi

đến, thì số người ở đó ít ra cũng còn 2,000, họ đã phá bớt tường đi, nên chỗ dành cho 5,000 mới tới chúng tôi, cả đàn ông đàn bà trẻ con, thì cũng còn rộng. Nhưng sau chuyến của chúng tôi, các chuyến kế tiếp cứ tới liên tục mỗi ngày, nên dân số ứ lên tới ba bốn chục ngàn, như thế mỗi lần có một chuyến xe mới tới, lại có một số người cũ bằng y con số mới tới còn khỏe mạnh, phải được giết bớt đi để dành chỗ cho kẻ mới tới. Mặt khác, tình trạng đông quá sẽ trở nên đe dọa cho sức khỏe của các công nhân trong số chúng tôi. Và Roschman không muốn thế.

Do đó, đêm đầu chúng tôi tới, thì còn những căn nhà tốt, mỗi người một phòng, dùng màn cửa, áo choàng lẩn chần và ngủ trên giường tử tế. Một bạn kế phòng của tôi, sau khi uống no nước trong thùng chứa, đã bày tỏ rằng có lẽ tình hình cũng không quá tệ. Chúng tôi vẫn chưa chạm mặt Roschmann lúc đó...

Mùa hạ sang thu rồi thu qua đông, tình hình Ghetto trở nên tồi tệ hơn. Mỗi sáng, mọi người, chủ yếu là đàn ông, vì đàn bà và trẻ em ngay lúc mới đến, đã bị giết hầu hết vì yếu sức không lao động được, tất cả tập hợp ở công viên Thiếc, bị xô đẩy đánh đập bằng báng súng của bọn Latvia và việc điếm danh bắt đầu. Không có tên họ, chúng tôi được đếm và chia thành những nhóm lao động. Hầu hết mọi người mỗi ngày phải xếp hàng rời Ghetto để lao động cưỡng bách trong 12 giờ tại khu sản xuất gần bên.

Ngay lúc đầu tôi đã khai là thợ mộc, đó là khai láo, tuy nhiên hồi làm kiến trúc tôi thường xem thợ mộc làm việc và cũng biết được chút. Tôi đoán rằng người ta luôn luôn cần tới thợ mộc, và tôi được đưa sang làm ở xưởng gỗ kế bên, sản xuất gỗ thông cửa sẵn từng mảnh để ráp thành nhà gỗ làm chỗ đóng quân.

Công việc nặng nhọc muốn gãy xương lưng, đủ để làm suy nhược một người khỏe mạnh, vì phải làm việc ngoài trời dù mùa đông hay mùa hè, lại còn chịu sự ẩm ướt vì vùng này gần bờ biển Latvia.

Thực phẩm chế độ của chúng tôi là nửa lít cái được gọi

là súp, chủ yếu là nước có màu, đôi khi có vài mẩu khoai trong đó, ăn trước khi làm vào buổi sáng và nửa lít nữa với một lát bánh mì đen và một củ khoai mọc meo lúc trở vào Ghetto ban đêm.

Mang thức ăn vào Ghetto là bị phạt treo cổ tức khắc trước mặt mọi người đang được điểm danh ở công viên Thiếc. Tuy nhiên liều lĩnh làm vậy là cách duy nhất để sống còn.

Khi hàng người thứ tự bước qua cổng để vào Ghetto mỗi đêm, Roschmann và vài tên bộ hạ thường đứng bên lối đi, kiểm soát người vào. Chúng có thể gọi người này người kia về tội lộn xộn, bước ra khỏi hàng đứng ra một bên. Nếu một củ khoai hay một mẩu bánh mì bị khám phá, người đó sẽ ở đằng sau trong khi người khác đi tới công viên Thiếc để điểm danh tối.

Khi mọi người tập hợp xong, Roschmann mới bệ vệ bước đi, theo sau là bọn lính SS điệu mấy người bị tội. Họ được điệu lên giá treo cổ và đứng chờ với vòng thông lọng quanh cổ, trong khi việc điểm danh vẫn tiếp tục. Rồi Roschmann đi dọc theo hàng tội nhân, nhe răng cười với những khuôn mặt bên trên và đá đổ những chiếc ghế dưới chân họ, từng người một. Hắn thích làm thế trước mặt họ, để người sắp chết có thể nhìn thấy mặt hắn. Có lúc hắn giả vờ như đá chiếc ghế đi, nhưng chỉ co chân lại. Hắn cười hô hố lên khi thấy người trên ghế run rẩy, tưởng họ đã tòn teng trên dây rồi, thì lại thấy còn đứng trên ghế.

Đôi khi người tử tội cầu kinh hay xin tha. Roschmann thích nghe những lời đó. Hắn ưa giả vờ như hơi lãng tai, hắn ngoẹo cổ và hỏi: Nó to hơn chút nữa coi, mày nói gì đó?

Khi hắn đá chiếc ghế đi - thực ra đó là cái thùng gỗ - hắn sẽ quay sang nói với bọn lính: "Chắc tao phải đi mua một cái ống nghe quá".

Trong vài tháng, đối với chúng tôi, Roschmann đã trở thành con quỷ hiện hình người. Hắn luôn luôn bày thêm

trò chơi mới. Khi một phụ nữ bị bắt vì tội mang thức ăn vào Ghetto, bà ta sẽ phải chứng kiến những người đàn ông chịu treo cổ trước, nhất là khi đó người bị treo lại là chồng hay anh em của bà. Rồi Roschmann bắt bà quỳ trước mặt chúng tôi đang xếp hàng chung quanh công viên, trong khi tên thợ hớt tóc cạo đầu bà tọc lóc đi.

Sau khi điểm danh xong, bà bị điệu ra hố chôn ở phía ngoài rào, tự đào hố cho mình và quỳ xuống, Roschmann hay một tên nào đó sẽ bắn một viên đạn từ khẩu Luger của chúng vào gáy bà ta. Không ai được phép chứng kiến cuộc hành hình đó, nhưng chúng tôi thường lên nghe thấy bọn lính Latvia kể với nhau, là chúng thường bắn sượt qua tai để bà ta kinh hoàng té bổ xuống hố, rồi lại kéo lên, quỳ vào chỗ cũ. Có lúc chúng gài ổ không có đạn, bóp cò đánh click một tiếng làm bà ta tưởng mình như đã chết. Bọn Latvia rất là man rợ, nhưng Roschmann thường lại tỏ ra thích xem chúng làm thế.

Có một cô gái ở đây liều lĩnh giúp đỡ bọn tù chúng tôi. Cô tên là Olli Adler, hình như là dân Munich. Chị của cô là Gerda đã bị bắn vì tội giấu thức ăn. Olli là một cô gái rất đẹp làm Roschmann mê tơi. Hắn bèn lấy cô làm vợ bé - trên danh nghĩa là hầu phòng, vì quan hệ giữa một người SS với một cô Do Thái bị cấm đoán hoàn toàn. Cô thường lên mang theo thuốc men vào Ghetto khi được phép vào đây, cô ăn cắp chúng trong kho của bọn SS. Dĩ nhiên tội này là chết như chơi. Lần sau cùng tôi thấy cô ta là lúc chúng tôi lên một chiếc tàu ở bến cảng Riga.

Cuối mùa đông đầu tiên ở đó, tôi đã biết chắc mình không thể sống lâu hơn. Đói rét, ẩm ướt, lao lực và sự man rợ thường xuyên của chúng đã biến tôi từ một người cường tráng thành một tấm thân da bọc xương. Nhìn vào gương tôi thấy mình là một ông già hốc hác, dơ dáy, mắt đỏ quạch, má hóp, mới chỉ 35 tuổi mà tôi trông như già gấp đôi số tuổi, nhưng ai ở đây cũng thế.

Tôi đã chứng kiến cả chục ngàn người bị dẫn vô rừng để tàn sát đồng loạt, hàng trăm người chết vì lạnh, lao lực

quá độ, và hàng chục người chết vì treo cổ, đánh đập, xử bắn. Sau 5 tháng, tôi đã sống quá tuổi thọ của mình. Ước muốn sinh tồn lúc còn ở trên toa xe lửa trong lòng tôi giờ đã tiêu tan, chả còn gì ngoài việc cứ sống như cái máy để chờ ngày chết. Rồi có một chuyện xảy ra vào tháng 3 khiến tôi phục hồi ý chí trở lại.

Tôi còn nhớ mãi ngày đó. Ngày 3 tháng 3 năm 1942, ngày mà chuyến xe Dunamunde đến lần thứ hai. Một tháng trước tôi thấy nó đến lần đầu, đó là một chiếc xe tải lạ mắt, nó dài bằng cỡ xe Bus, sơn màu xanh, không có cửa sổ, đậu ở ngoài cổng Ghetto, vào giấc điếm danh buổi sáng, Roschmann thông báo là hãn mới có một xưởng ướp cá vừa lập ở thị trấn Dunamunde, bên bờ sông Duna, cách Riga 80 dặm. Hãn bảo công việc ở đó nhẹ, ăn uống đủ và sống đỡ hơn. Vì công việc nhẹ nên chỉ dành cho người già, trẻ em người bệnh tật và yếu sức.

Dĩ nhiên nhiều người muốn được đưa sang làm chỗ đó, khi Roschmann đi dọc theo hàng người chúng tôi, thì lúc đó, những kẻ già yếu vốn thường trốn vào hàng trong để tránh bị kéo ra đem xử ở trên đồi, thì nay lại muốn chường mặt ra. Sau cùng khoảng trên trăm người được chọn, tất cả được dẫn lên xe. Cánh cửa đóng lại và cài rất khít. Chiếc xe chạy đi, và phun ra rất nhiều khói. Về sau chúng tôi mới rí tai nhau và biết chiếc xe đó là gì. Chả có xưởng ướp cá gì cả, đó là chiếc xe hơi ngạt. Trong ngôn ngữ của dân Ghetto từ đó, chữ "Chuyến xe Dunamunde" có nghĩa là chết vì hơi ngạt.

Vào ngày 3 tháng 3 có tin rằng chuyến xe Dunamunde lại tới nữa, và thật vậy, vào buổi điếm danh, Roschmann lại thông báo như thế. Nhưng không có kẻ nào tình nguyện. Cười gằn, Roschmann đi dọc theo hàng tù, lấy chiếc roi ngựa gõ vào ngực kẻ nào phải đi. Một cách khôn ranh, hãn nhìn vào hàng thứ tư và hàng chót, nơi hãn hy vọng tìm ra kẻ ốm yếu, già, không làm việc được.

Có một bà lớn tuổi biết trước cảnh này và đã đứng ở hàng đầu. Bà chắc đã gần 65 tuổi, nhưng với nỗ lực sống

còn, bà đã đi một đôi guốc cao, mặc đôi vớ lụa đen, một chiếc váy ngắn trên đầu gối và một cái nón tươm tất. Bà còn bôi phấn và thoa son. Thực tế bà ta nổi bật trong bất cứ một nhóm tù nào, nhưng bà nghĩ rằng mình sẽ được liệt vào bọn gái còn trẻ.

Khi bước tới hàng bà ta, Roschmann ngừng lại, nhìn bà chăm chú, rồi một nụ cười khoái trá nở trên mặt hắn:

- Hay quá mình có cái này đây! Hắn la lên, trở ngọn roi vào bà để cho bọn lính chú ý, bọn này đang canh chừng cỡ trăm người đã được chọn đứng ở giữa sân:

- Cô hắn là không muốn đi Dunamunde phải không? Tiểu thư?

Run rẩy vì sợ, bà già thầm thì:

- Không thưa ngài!

- Thế cô bao nhiêu tuổi rồi? Roschmann ré lên khi bọn SS bắt đầu cười rúc rích: Bảy chục, tám chục?

Đầu gối bà già bắt đầu run.

- Vâng, thưa ngài!

- Thật là ly kỳ - Roschmann la lên - Được, tôi lúc nào cũng thích các cô gái đẹp. Bước ra đây để mọi người chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cô!

Nói xong, hắn túm lấy tay bà và lôi tới trước, giữa công viên Thiếc. Hắn để bà đứng đó và nói:

- Rồi, tiểu thư, cô còn trẻ và đẹp lắm, có lẽ cô thích khiêu vũ với chúng tôi hả?

Bà đứng đó run rẩy vì gió lạnh và cũng vì sợ hãi. Bà thì thào câu gì mà tôi nghe không rõ.

- Cái gì? - Roschmann quát - cô không thể nhảy? Ô. Tôi tin rằng một người trẻ đẹp như cô là phải nhảy được, đúng không?

Bọn lâu la SS Đức của hắn cười rú lên. Bọn Latvia thì chả hiểu gì, nhưng cũng nhe răng ra. Bà già lắc đầu. Nụ cười Roschmann chợt tắt.

- Nhảy đi! Hấn rít lên.

Bà hơi lắc lư người một chút, rồi ngừng lại. Roschmann móc khẩu Luger của hấn ra, chia mũi bắn xuống đất cách chân bà vài phân. Bà sợ hãi giật một chân lên.

- Nhảy... Nhảy... Nhảy đi, đồ Do Thái chó đẻ!

Mỗi tiếng "nhảy" hấn lại nổ một viên vào chân bà.

Cứ thế cho đến khi dùng hết hai gấp đạn, hấn đã bắt bà nhảy suốt nửa giờ, nhảy càng lúc càng cao, chiếc váy chập chờn mỗi lần nhảy, cho đến lúc bà quy xuống chẳng biết sống chết gì nữa. Roschmann nổ ba viên cuối vào đất trước mặt bà, đất cát hất bắn vào mắt bà ta. Giữa hai phát đạn, tất cả chúng tôi đều nghe tiếng thở khò khè của bà.

Hết đạn, hấn lại quát "nhảy" mỗi tiếng hấn lại thúc chiếc ủng vào bụng bà. Mọi chuyện xảy ra trong sự im lặng hoàn toàn của chúng tôi. Cho đến khi người đàn ông bên cạnh tôi bắt đầu cầu kinh. Hấn là người Hassid, nhỏ thó, râu rìa, vẫn còn mặc tấm áo rách ngoài chiếc áo khoác đen của hấn, mặc dù trời lạnh bắt buộc chúng tôi đội mũ che kín tai còn hấn vẫn đội chiếc nón rộng của giáo phái hấn. Hấn bắt đầu đọc kinh Shema, dần dần, giọng run run đó trở nên lớn tiếng hơn. Biết rằng Roschmann đang lúc khùng, tôi cũng thầm lặng cầu cho tên Hassid kia im đi, nhưng hấn không im:

- Nghe chăng, ôi Israel...

- Câm đi! Tôi rít qua khóe miệng.

- Adonai elohenu... Chúa là của chúng tôi...

- Câm đi, mày làm tội tao chết hết bây giờ!

- Ngài là duy nhất... Adonai Eha-a-ad!

Như kẻ hát lễ, hấn kéo dài câu cuối cùng theo kiểu cổ, như Rabbi Akiva hát khi ông ta chết trong giảng đường ở Cacsarea theo lệnh của Tinius Rufus. Ngay lúc đó, Roschmann ngừng gào rú với bà già. Hấn ngừng đầu lên như con thú nghe hưởng gió và quay về phía chúng tôi. Vì tôi cao hơn gã Hassid một cái đầu, nên hấn nhìn ngay vào

tôi.

- Thằng nào vừa nói đó? Hắn vừa la vừa băng qua khoảng sân tới ngay trước mặt tôi.

- Mày..bước ra đây!

Hiển nhiên là hắn chỉ vào tôi. Tôi tự nhủ: "Thế là hết. Sao? Cũng chả hề gì, nó phải xảy ra như thế, sớm hay muộn thôi."

Tôi bước tới khi hắn đến trước mặt tôi.

Hắn chẳng nói gì, nhưng mặt hắn co rúm như thằng điên rồi giãn ra trở thành nụ cười chó sói từng làm khủng khiếp tất cả mọi người trong Ghetto, ngay cả bọn SS Latvia.

Tay hắn vung lên rất nhanh không ai kịp thấy, tôi chỉ cảm được như có cú đâm vào phía trái mặt mình. Đồng thời với một tiếng nổ như sấm dội ngay bên màng nhĩ của tôi. Rồi một cảm giác rõ ràng là lớp da tôi bị xé toạc như vải mực tử thái dương xuống miệng. Rồi trước khi nó kịp chảy máu, bàn tay Roschmann lại vung lên lần nữa và ngọn roi ngựa của hắn vút vào mặt bên phải của tôi đánh chát và lại có cái cảm giác bị rách một lần nữa. Đó là ngọn roi ngựa dài nửa thước, có lõi làm tay cầm bằng thép, phần đầu ngoài là da bện không có lõi, và khi dùng nó cứa trên da thịt thì ngọn roi có thể xé rách da người như dục giấy. Tôi đã từng thấy thế.

Trong giây lát tôi cảm thấy máu mình chảy dài xuống cằm nhỏ xuống áo, thành hai dòng hai bên, Roschmann bước lùi ra, rồi quay lại chỉ vào bà già còn đang rên rỉ ở giữa sân:

- Dem nó lên xe! Hắn sửa lên với tôi.

Và, tôi dẫn đầu số vài trăm nạn nhân, ôm theo bà già, đi theo con đường Little Hill hướng đến cánh cổng và chuyển xe đang đợi, máu của tôi từ cằm nhỏ cả lên bà. Khi tôi đặt bà xuống cửa sau xe và để bà ở đó. Thì bà nắm ngay lấy cổ tay tôi bằng những ngón run rẩy, với một sức mạnh mà tôi không ngờ. Bà kéo tôi lại gần, ngời xồm lên sàn xe, và với một tấm khăn tay lụa, ngày trước chắc là

đẹp lắm, bà thấm những dòng máu đang rịn ra của tôi.

Bà ngược nhìn tôi với khuôn mặt nhòe nhoẹt phấn sáp, son và đất cát, nhưng đôi mắt đen sáng như sao.

“Con ơi, mày phải sống. Thế với tao là mày sẽ sống còn và thoát khỏi nơi này đi. Mày phải sống để mà nói lại với loài người ngoài kia về những chuyện đã xảy ra cho dân tộc mình ở đây. Nghe không. Hứa với tao đi. Thế với Sefer Torah này đi.”

Và tôi đã thế, dù sao cũng chả hại gì. Rồi bà để tôi đi. Tôi lảo đảo bước vào Ghetto, nửa đường thì tôi té khụy xuống.

Ít lâu sau, khi đã lao động trở lại. Tôi có hai quyết định. Thứ nhất bí mật viết một nhật ký, đêm đêm, tôi xăm chữ và ngày tháng bằng một cái kim và mực đen, lên lớp da của bàn chân và cẳng chân, để một ngày kia tôi có thể viết lại tất cả những gì đã xảy ra ở Riga. Và nếu được những bằng chứng rõ ràng về những kẻ phạm tội ác.

Quyết định thứ nhì là tôi sẽ trở thành một tên Kapo, tức là Do Thái làm cảnh sát cho Đức. Quyết định này rất là khó khăn, vì những tên Kapo sẽ đưa những người Do Thái đi lao động và dẫn về, và thường còn dẫn đến chỗ xử tội. Hơn nữa, lại còn phải cầm gậy gộc và có lúc, dưới mắt bọn sĩ quan SS Đức, phải dùng nó để đánh đập thẳng tay vào những người bạn Do Thái để họ làm việc chăm chỉ hơn. Tuy nhiên, vào ngày 1-4-1942 tôi đã đến gặp tên chỉ huy Kapo và xin gia nhập, thế là tôi bị cộng đồng Do Thái ruồng bỏ. Lúc nào thì bọn chúng cũng sẵn sàng nhận thêm Kapo mới, vì dù có được ăn khá hơn, khỏi phải lao động cực nhọc, đỡ vất vả hơn nhưng cũng ít có ai chịu xin làm việc này.

Ở đây, tôi muốn mô tả cách hành hình đối với những kẻ không lao động được nữa, vì có khoảng 70 đến 80 ngàn người bị xử theo kiểu này do lệnh của Eduard Roschmann ở Riga. Khi có một chuyến xe lửa chở thêm tù nhân mới đến, thường chỉ có 5,000 người còn khỏe mạnh và cỡ 1,000

người đã chết trên xe sau chuyến đi. Họ hoàn lắm con số chết này mới xuống thấp còn vài trăm, rải rác trong độ 50 toa.

Khi số người mới tới này xếp thành hàng ở công viên Thiếc xong. Thì khởi đầu cuộc lựa chọn để giết bớt, không phải chỉ trong số mới tới mà cả trong số cũ nữa. Nên có việc là đếm đầu người mỗi buổi sáng và tối. Trong số mới, những kẻ yếu nhược, già, bệnh, phần lớn là đàn bà, và đại đa số trẻ em đều được coi là không lao động được, họ bị xếp sang một bên. Số còn lại được đếm, nếu tổng số là 2,000, thì cũng có 2,000 trong số cũ được lọc ra, nên có 5,000 người mới tới thì có 5,000 người sẽ được dẫn đi để giết. Nhờ thế mới tránh được nạn đông dân tù quá. Một người thường chỉ sống sót sau 6 tháng lao động khổ sai, khó mà lâu hơn, rồi khi sức khỏe suy tàn, thì chiếc roi của Roschmann ngày nào đó sẽ gõ vào ngực hắn và hắn sẽ được xếp vào hàng người dẫn đi để xử tử.

Mỗi đầu, các nạn nhân đi thành hàng tiến về cánh rừng ở ngoài thị trấn. Người Latvia gọi đó là rừng Bickernicker, bọn Đức đặt cho nó cái tên mới là rừng Hochwald, nghĩa là rừng cao. Ở đây, trong chỗ quang dăng giữa các gốc thông, có vô số những hố lộ thiên rất lớn do người Do Thái đào trước khi chết. Và ở đây bọn lính SS Latvia, theo lệnh và dưới sự quan sát của Eduard Roschmann, sẽ giết họ và để họ rơi xuống hố. Những người Do Thái Riga còn lại sẽ đổ lên một lớp đất vừa đủ để phủ kín, rồi cứ thêm từng lớp xác chết và lớp đất như thế cho đến khi đầy hố. Rồi lại đào thêm một cái hố mới.

Từ trong Ghetto, chúng tôi có thể nghe tiếng súng máy ròn rã mỗi khi có nhóm bị đưa đi xử, và lại thấy Roschmann ngồi trên xe từ đồi chạy vào cổng sau khi xong việc.

Sau khi tôi trở thành một Kapo thì mọi tiếp xúc giữa tôi với cộng đồng Do Thái còn lại đều ngưng hẳn. Chả có cách nào để giải thích tại sao tôi làm như thế, một tên Kapo thì dù sao cũng không thể làm gì khác hơn. Không làm tăng thêm một người chết thì không có gì, nhưng còn

một nhân chứng sống sót thì có thể làm mọi chuyện khác hẳn, chẳng phải là cứu sống Do Thái ở Đức, nhưng là để báo thù cho họ. Ít nhất thì đó cũng là luận cứ để tôi tự nhủ với mình, nhưng liệu đó có phải lý do thực sự không? Hay là tôi sợ chết? Dù sao, sợ hãi cũng không còn là một yếu tố, vì tới tháng tám năm đó, có một chuyện xảy ra khiến hồn tôi đã chết trong thân xác tôi, chỉ còn lại một cái vỏ cố gắng sống.

Tháng 7-1942, có một số lớn dân Do Thái được giải từ Vienna tới, hiển nhiên tất cả đều bị xếp vào loại "đối xử đặc biệt" vì toàn bộ bọn họ chẳng bao giờ tới được Ghetto. Chúng tôi không thấy họ, vì tất cả đều được súng máy áp giải thẳng từ ga tới rừng cao. Sau đó, có bốn xe tải từ đồi chạy xuống chỗ đây nhóc quần áo, được đưa về công viên Thiếc để phân loại. Chúng được chất thành một đồng to bằng cái nhà rồi được chia thành từng thứ, giày, vở, quần lót, quần dài, áo khoác, chổi cạo râu, kính đeo mắt, răng vàng, nhẫn cưới, cà rá, nón...

Dĩ nhiên, đây là công việc của những chuyến đi xử tử. Tất cả đều bị giết trên đồi, lột đồ đạc và sau đó đem chôn, đồ đạc đó được phân loại rồi chở về Đức. Vàng bạc, ngọc thạch thì do chính Roschmann phân loại.

Tháng 8-1942 lại có một chuyến từ Theresienstadt tới, đó là một trại giam cả chục ngàn người Đức, Áo gốc Do Thái trước khi chuyển về phía Đông để thủ tiêu. Tôi đứng ở công viên Thiếc nhìn Roschmann đi vòng vòng để tuyển lựa. Những người mới tới đều cạo trọc từ khi còn ở trại trước, nên cũng không dễ gì phân biệt đàn ông với đàn bà, ngoại trừ nhờ những bộ y phục có nét phụ nữ rõ rệt. Có một người đàn bà đứng tuổi ở phía bên kia làm tôi chú ý, bà có nét gì làm trí óc tôi gợi nhớ, mặc dù bà trông hốc hác, gầy gò như que củi và ho sù sụ.

Tới trước mặt bà, Roschmann gõ roi vào ngực bà và đi qua. Bọn lính Latvia đi sau liền lôi bà sang một bên đứng chung với một đám khác ở giữa sân. Có nhiều người trong số mới tới không còn sức lao động và cuộc tuyển chọn kéo

dài. Thế nghĩa là số người cũ phải chịu chết để nhường chỗ cũng sẽ ít hơn, với tôi vấn đề đó có vẻ rất trừu tượng. Là một Kapo, tôi có đeo băng tay và cầm dùi cui, phần ăn có khá hơn đã làm tăng sức tôi chút ít. Mặc dù Roschmann đã trông thấy mặt tôi, nhưng hình như hắn không nhớ. Hắn đã quát vào mặt quá nhiều người nên thêm một tên nữa cũng chả có gì cho hắn phải chú ý.

Hầu hết người bị chọn vào đêm mùa hè đó xếp thành hàng và bị các Kapo điệu qua cổng Ghetto, ở đó bàn giao cho bọn Latvia để dẫn qua bốn dặm cuối cùng đi tới rừng cao và cái chết. Nhưng vì lúc đó lại có chiếc xe hơi ngạt chờ sẵn, nên một nhóm khoảng 100 người yếu nhất được tách ra khỏi hàng. Tôi đang sắp giải một nhóm khác ra cửa thì thiếu úy Krause chỉ vào bọn bốn năm Kapo chúng tôi: "Tụi bay, đưa bọn này vô xe Dunamunde!"

Sau khi các nhóm khác được giải đi, thì năm đưa chúng tôi dẫn trăm người còn lại, da số đều ho, khập khiễng hay lê lết, đi tới cổng để tới chiếc xe chờ sẵn. Người đàn bà gầy gò đó cũng có trong nhóm, buồng phổi bị dầy vò vì bệnh lao. Bà biết mình đang đi tới chỗ nào, như mọi người, nhưng ai cũng lưỡng lự với sự cam chịu bước tới sau chiếc xe. Bà quá đuối sức không bước lên bậc thang xe nổi, vì nó hơi cao khỏi mặt đất, nên bà quay sang tôi nhờ giúp. Chúng tôi giáp mặt nhau rất gần, trong nỗi bàng hoàng vô độ.

Đằng sau, tôi nghe có ai đang tiến lại, và hai tên Kapo trên bậc cửa xe sững thẳng người dậy, lột mũ cầm tay. Nhận ra đó phải là một sĩ quan SS, tôi cũng làm y như thế. Người đàn bà vẫn nhìn tôi không chớp. Người sau lưng tôi bước tới. Đó là đại úy Roschmann, hắn hát hàm cho hai tên Kapo kia tiếp tục công việc và nhìn sang tôi với cặp mắt xanh lê của hắn. Tôi nghĩ đêm đó tôi sẽ bị dẫn một trận vì tôi đỡ nón chào quá chậm.

- Tên mày là gì? Hắn hỏi nhẹ nhàng.

- Tauber, thưa đại úy! Tôi trả lời, nín thở.

- Được, Tauber, mày hơi chậm đó. Mày nghĩ tối nay phải được kích thích một chút hả?

Câu hỏi không thể trả lời được. Dứt câu Roschmann quay sang người đàn bà, mắt hấn nheo lại như vẻ nghi ngờ. Rồi nụ cười chó sói của hấn nở ra trên mặt:

- Mày biết bà này hả?

- Vâng, thưa đại úy!

- Ai vậy?

Tôi không trả lời nổi. Miệng tôi như bị dán keo.

- Vợ mày hả? Hấn hỏi tiếp. Tôi gật đầu như máy.

- Được, bây giờ nè, Tauber, phép lịch sự để đâu? Giúp bà ta lên xe đi chớ.

Tôi vẫn đứng đó cứng ngắc, không cử động nổi. Hấn ghé mặt lại sát bên tôi và thì thào: "Mày có mười phút để đưa bà vào. Rồi mày cút đi".

Chậm chạp, tôi dơ tay cho Esther dựa, nhờ sự trợ giúp này, nàng leo vào trong xe. Hai tên Kapo kia chờ đợi để đóng cánh cửa lại. Khi lên xong, nàng quay xuống nhìn tôi và hai dòng lệ trào ra từ đôi mắt, chảy dài xuống má. Nàng không nói gì, chúng tôi chẳng ai nói gì. Rồi cánh cửa đóng sập vào và chiếc xe lăn bánh. Hình ảnh cuối cùng tôi thấy là cặp mắt nàng đang nhìn tôi chăm chú.

Cả hai mươi năm nay, tôi đã cố mà hiểu cái nhìn của nàng. Đó là yêu hay ghét, khinh bỉ hay thương hại, hoang mang hay hiểu ý thông cảm? Tôi chẳng thể nào hiểu nổi.

Khi chiếc xe đã đi, Roschmann quay sang tôi, vẫn nhếch mép cười:

- Mày có lẽ sẽ cứ sống, cho đến lúc chúng tao buộc lòng phải cho mày chết, Tauber ạ, nhưng mày kể từ hôm nay thì coi như đã chết rồi.

Và hấn nói đúng. Đó là ngày hồn tôi đã chết trong tôi. Hôm ấy là 29-8-1942.

Một năm sau tháng tám đó, tôi trở thành một người

máy. Không hơn không kém, không còn cảm giác lạnh hay đói nữa, không còn cảm giác gì hết. Tôi lạnh lùng nhìn sự man rợ của Roschmann và bọn SS. Tôi không cảm xúc với tất cả mọi thứ có thể làm tâm hồn con người rung động, và vô tri với hầu hết các thứ làm thể xác xao xuyến. Tôi chỉ còn ghi nhận mọi thứ, từng chi tiết nhỏ một, ghi nhớ đầy trong óc hay thích dấu ngày tháng lên lớp da chân. Các chuyến xe tới, dẫn đi thủ tiêu, hay vào chiếc xe hơi ngạt, chết và đem chôn. Đôi khi tôi nhìn vào mắt họ lúc họ bước đi, cùng đi với họ đến cổng Ghetto với băng tay và dùi cui. Nó làm tôi nhớ một bài thơ đã từng đọc, của một thi sĩ người Anh, diễn tả một linh thủy già, bắt buộc phải sống, hẳn đã phải nhìn vào mắt những người bạn thủy thủ khi họ chết vì khát ra sao, và đọc thấy sự nguyên rủa trong đó. Nhưng với tôi thì chẳng có nguyên rủa gì cả, vì tôi cũng không có tí cảm xúc gì về tội lỗi. Cứ thế mấy năm sau nữa. Chỉ có sự trống rỗng của một xác chết vẫn còn tiếp tục đi lại.

Peter Miller đọc đến khuya. Ảnh hưởng của câu chuyện kể về sự tàn bạo vừa đơn điệu mà lại vừa thu hút. Đã mấy lần hẳn phải ngồi dựa ra trên ghế và thở thật chậm rãi trong vài phút để bình tĩnh trở lại. Rồi hẳn đọc tiếp.

Đến nửa đêm, hẳn đặt tập sách xuống và pha thêm cà phê. Hẳn đứng trước cửa sổ và kéo màn, nhìn xuống con đường. Đàng xa là ánh đèn Néon sáng bừng của quán cà phê Chérie rọi qua con phố Steindamm, và hẳn thấy một trong các cô gái ăn sương thường lui tới đó để kiếm tiền nằm trong vòng tay của một người đàn ông. Họ biến mất trong một ngôi nhà ở đàng xa kia, trong đó chắc gã đàn ông phải chi ra cả trăm mark để đổi lấy nửa giờ hoan lạc. Miller kéo màn cửa lại, uống hết ly cà phê và quay lại với cuốn nhật ký của Salomon Tauber.



Vào mùa thu 1943, có lệnh từ Berlin đến bảo phải đào mấy chục ngàn xác chết lên và phá hủy hoàn toàn vết tích, bằng lửa hoặc bằng vôi sống. Công việc này nói thì

đễ mà làm thì khó, mùa đông sắp tới và đất sắp đông cứng lại. Việc này làm Roschmann bối rối hết mấy ngày liền, các chi tiết thủ tục hành chánh của việc thi hành lệnh này cũng đủ khiến hấn bận rộn và ít lưu ý đến chúng tôi.

Từng ngày một, những tổ lao động mới lập được dẫn lên rừng, mang theo cuốc xẻng, rồi mỗi ngày lại có những cột khói đen bốc lên từ khu rừng. Họ đã dùng gỗ thông trong rừng để làm nhiên liệu, nhưng phần lớn các xác chết đã thối rữa thì rất khó cháy, nên công việc rất chậm chạp. Sau cùng người ta dùng vôi sống rắc lên mỗi lớp xác rồi sang mùa xuân 1944, khi đất mềm trở lại thì vùi chúng xuống. (Phương pháp đốt xác này không thiếu hủy hoàn toàn phần xương. Sau này người Nga khai quật được 80,000 bộ xương đó)

Bọn làm công việc này thì không phải dân trong Ghetto. Chúng bị cô lập hoàn toàn với mọi người. Họ là dân Do Thái nhưng bị giam ở một trong những cái trại tệ nhất ở vùng lân cận: Salas Pils. Ở đó họ bị bỏ cho đến chết đói, mặc dù trong đó đã xảy ra chuyện ăn thịt người.

Khi công việc đã tạm xong vào mùa xuân 1944, thì Ghetto được lệnh dẹp bỏ. Hầu hết trong số 30,000 tù nhân được dẫn lên rừng để trở thành những nạn nhân cuối cùng, làm phân bón cho rừng thông. Khoảng 5,000 người chúng tôi được chuyển tới trại Kaisewald. Trong khi ở sau lưng, Ghetto bị phóng hỏa, rồi tro tàn xóa hết. Ở đó không còn lại gì, ngoài một vùng lớn cả vài chục ngàn thước vuông đầy tro. (Cuộc phản công của Hồng Quân Nga năm 1944 đã đẩy lùi mặt trận về phía Tây đến độ Hồng Quân Nga tràn vào phía Nam các nước vùng Baltic và vượt qua biển này sang phía Tây. Vùng Ostland của Đức bị mất, làm nảy sinh sự bất đồng giữa Hitler và các tướng lãnh. Họ thấy Hồng Quân Nga đang tràn tới và đã xin Hitler cho rút 45 sư đoàn khỏi vùng bị cô lập. Hitler đã từ chối và nhai đi nhai lại câu khẩu hiệu "Chết hay là chiến thắng" Sau cùng 500,000 lính Đức ở đó, không được tiếp tế, đã chiến đấu với đạn dược ít ỏi để chống lại số phận hẩm hiu, sau cùng

họ đầu hàng. Đa số bị bắt làm tù binh đưa về Nga mùa đông 1944-1945. Độ 10 năm sau, chỉ có một ít trở về được tới Đức.)



Khoảng 20 trang kế đó trong nhật ký Tauber mô tả nỗ lực sống còn ở trại tập trung Kaiserwald chống lại đói rét, bệnh tật, lao lực và sự man rợ của bọn lính canh. Trong giai đoạn này đại úy SS Eduard Roschmann biến mất. Nhưng rõ ràng là hắn vẫn còn ở lại Riga. Tauber mô tả, vào đầu tháng 10-1944 bọn SS, trong nỗi lo sợ hoang mang là sẽ bị quân Nga bắt sống, nên đã chuẩn bị cho một cuộc rút chạy tuyệt vọng khỏi Riga bằng đường biển, mang theo một nhóm tù nhân còn sống sót khi chúng lên đường về Đức.

Buổi chiều 11 tháng 10, chúng tôi bây giờ chỉ có 4,000 người khỏe mạnh, tới được thị xã Riga, và xếp hàng đi thẳng tới bến tàu. Chúng tôi có thể nghe ở xa xa tiếng nổ ì ầm lạ tai, nghe như tiếng sấm dọc chân trời. Nó làm chúng tôi lo sợ trong chốc lát, vì chúng tôi chưa từng nghe tiếng bom, hay đại bác nổ. Rồi trí óc chúng tôi, vốn tả tơi vì đói rét - dần dần hiểu ra đó là tiếng súng cối của quân Nga bắn vào khu ngoại ô Riga.

Khi chúng tôi đến bến tàu thì ở đó đã đông nghẹt bọn sĩ quan và lính SS. Tôi chưa từng thấy chúng tập trung đông ở một chỗ như vậy bao giờ. Dĩ thường chúng còn đông hơn bọn tôi. Chúng tôi được lệnh xếp hàng trước một kho hàng và hầu hết chúng tôi đều nghĩ rằng chúng sẽ dùng súng máy giết chúng tôi ở đây. Nhưng không phải thế.

Có vẻ như bọn SS vẫn còn dùng chúng tôi, những kẻ còn sót lại trong số mấy trăm ngàn người Do Thái từ Riga tới, khi chúng còn khả năng rút lui trước bước tiến của quân Nga để rút về Đức. Một chiếc tàu đậu ở bến số 6, là phương tiện vận chuyển cuối cùng thoát khỏi vùng bị cô lập. Khi chúng tôi thấy, thì việc lên tàu đã bắt đầu với một khoảng vài trăm thương binh Đức nằm trên các băng ca

trong hai kho hàng nằm dọc theo bến.

Mãi đến tối mịt, đại úy Roschmann mới tới, và hấn đứng sững lại khi thấy con tàu đã có người lên. Khi hấn thấy đó là các thương binh Đức, hấn bèn quay sang và la lên với các y công đang mang băng ca lên tàu: "Ngừng lại!".

Hấn bước vội vã tới cầu tàu và tát vào mặt một y công. Hấn vòng tới hàng tù nhân chúng tôi và gầm lên:

- Chúng mày lên tàu, mang tụi nó xuống. Mang ngay xuống đây. Cái tàu đó là của tụi tao.

Dưới mũi súng của bọn SS, chúng tôi khởi sự tiến tới miếng ván lên tàu. Hàng trăm tên lính SS khác, vốn lúc này chỉ đứng nhìn người ta mang thương binh lên, lúc này liền tràn tới và theo bọn tù chúng tôi lên tàu. Lên tới boong, chúng tôi bắt đầu khiêng các băng ca và đưa trở xuống bến. Chúng tôi đang cắm cúi làm thì một tiếng la khác ngăn chúng tôi lại. Tôi đang bước tới chân ván tàu và định bước lên thì nghe tiếng la, tôi quay lại nhìn xem có chuyện gì. Một tên đại úy quân đội đang chạy xuống bến và đến sát bên tôi, ngay đầu tấm ván lên tàu. Nhìn chòng chọc vào những người tù phía trên, đang vác băng ca chuẩn bị xuống, ông ta quát:

- Ai ra lệnh cho chúng mày mang xuống đó?

Roschmann bước đến sau lưng ông ta và nói:

- Tôi ra lệnh đó, chiếc tàu này là của chúng tôi.

Tên đại úy nọ quay lại, hấn thò tay vào túi và rút chìa ra một tấm giấy:

- Chuyến tàu này được gửi tới để di tản thương binh - và nó chỉ có chỗ thương binh thôi.

Rồi ông ta quay sang bọn y công và quát bảo họ tiếp tục đưa các băng ca lên. Tôi nhìn sang Roschmann. Hấn đứng đó run rẩy, chắc là vì giận dữ. Rồi tôi thấy thực ra là hấn sợ. Hấn sợ phải ở lại giáp mặt với quân Nga. Không như bọn tù chúng tôi. Lính Nga có võ trang.

Hấn liền quát lên với bọn y công:

- Để tụi nó ở đó. Tôi ra lệnh điều động chiếc tàu này, nhân danh Đại Đức.

Bọn y công chả lý gì đến hắn và cứ làm theo lệnh của tên đại úy kia. Tôi chú mục vào khuôn mặt của ông ta, chỉ cách tôi khoảng hai mét. Nó xám xịt lại vì mệt mỏi, với những vết đen dưới đôi mắt. Hai vết nhăn xuất hiện dài ở hai bên mũi và râu mọc lờm chờm ở cằm sau nhiều tuần quên cạo. Thấy công việc đã tiếp tục trở lại ông bỏ mặc Roschmann, đi tới để giám sát bọn y công. Trong số những băng ca đặt chen chúc trên mặt tuyết trên bến, tôi nghe một một tiếng la bằng thổ âm Hamhourg:

- Hay lắm, đại úy, phải nói vào mặt con heo đó như thế.

Khi ông đến ngang bên Roschmann, hắn liền chụp lấy tay ông, giật xoay ông lại và vung bàn tay mang găng đập vào mặt ông. Tôi đã thấy hắn đánh người khác cả ngàn lần, nhưng chưa bao giờ như thế này. Ông đại úy lãnh cú đánh, lắc mạnh đầu một cái, nắm tay lại và tung một cú đấm phải vào hàm Roschmann. Hắn lão đảo lui mấy bước và té ngửa tên mặt tuyết, một vết máu đỏ từ khóc miệng hắn chảy ra. Ông đại úy lại tiến về phía các y công.

Tôi thấy Rochmann rút khẩu Luger của hắn ra khỏi bao, nhắm cẩn thận, và bắn ngay vào giữa hai bờ vai của ông đại úy. Tiếng nổ chát chúa làm mọi hoạt động ngưng lại. Ông đại úy sững người, rồi quay lại. Roschmann lại xiết cò, viên đạn ghim ngay vào cổ họng ông ta. Có cái gì ông đeo ở cổ văng ra khi viên đạn bắn vào. Ông ta lão đảo lui lại và chết ngay trước khi té xuống tới đất. Khi được lệnh lại mang băng ca thương binh xuống bến, tôi đi qua chỗ xác ông nằm, và thấy vật bị văng ra là một chiếc huy chương có dây băng đeo. Tôi chả biết tên ông ta là gì, nhưng chiếc huy chương đó là huy chương Thập Tự Kỵ Sĩ với chùm lá sồi..



Miller đọc trang nhật ký này càng lúc càng sững sờ, rồi

trở thành không tin, nghi ngờ, rồi lại tin tưởng lại và sau cùng là căm phẫn sâu xa. Hắn đọc trang đó cả chục lần để chắc chắn hơn nữa, rồi lại tiếp tục đọc.

Sau đó chúng tôi được lệnh chuyển bọn thương binh xuống đặt trên bến tàu phủ đầy tuyết. Tôi có đưa một thương binh trẻ qua ván tàu để xuống bến. Anh bị mù, quanh mắt được băng bằng một tấm vải dơ dây xé từ một tấm sơ mi. Anh đã gần mê sảng và cứ luôn miệng hỏi về bà mẹ. Tôi độ chừng anh mới mười tám tuổi.

Sau cùng số thương binh được chuyển hết xuống, và bọn tù chúng tôi được lệnh lên tàu. Bọn chúng tôi được đặt nằm theo hai hàng dưới hầm tàu, cho đến lúc chặt cứng không thể lăn trở gì được. Rồi nắp hầm đóng lại, bọn SS bắt đầu di chuyển lên. Tàu nhổ neo vào khoảng nửa đêm. Bọn SS rõ ràng muốn thoát khỏi vịnh Latvia trước lúc bình minh để tránh không bị các tuần dương hạm Stormovick của Nga bắt gặp và tấn công.

Mất ba ngày, chúng tôi mới cập bến Danzing, đằng sau phòng tuyến của Đức. Ba ngày trời trong cái hầm tàu bị xoay cuồng, nhồi dập vì sóng, không ăn uống. Có đến một phần tư trong số bốn ngàn tù nhân đã chết. Vì không có thức ăn trong bụng, nên mọi người bị say sóng và nôn mửa đến khô cả người. Nhiều tù nhân đã kiệt sức, chết vì nôn mửa, có số chết vì đói rét, vì ngạt thở hay vì họ không còn muốn sống nữa, nên nằm đó và chờ chết. Rồi con tàu cũng thả neo, cửa hầm được mở ra, không khí mùa Đông lạnh buốt tràn xuống hầm tàu hơi hám bẩn thỉu.

Khi chúng tôi lên đến Danzig, những xác chết được xếp thành hàng bên cạnh những người tù còn sống, để con số có thể kiểm đúng với con số lúc lên tàu ở Riga. Bọn SS thì luôn luôn chính xác với những con số. Sau này chúng tôi biết Riga đã lọt vào tay quân Nga vào ngày 14 tháng 10, lúc chúng tôi đang lênh đênh trên biển.



Nhật ký Tauber về chuyến hành trình cực khổ đến lúc

kết thúc. Từ Danzig, bọn tù sống sót được chở bằng xà lan tới trại tập trung Stutthof, ở ngoài Danzig và cho mãi tới những ngày đầu năm 1945, họ đã lao động hàng ngày ở xưởng tàu ngầm ở Burggraben và đêm thì trở về trại. Thêm mấy ngàn người chết ở đó nữa vì thiếu ăn. Tauber chứng kiến đồng bọn chết, tuy nhiên ông vẫn cứ sống.

Tháng 1-1945, quân Nga tiến tới gần Danzig, những tù nhân ở Stutthof được chuyển về phía Tây trong chuyến đi Tử Thần vượt tuyết lạnh để tới Berlin. Trên suốt miền Đông nước Đức, những chuỗi dài các hồn ma này đã được dùng làm bùa hộ mệnh cho bọn lính SS trước bàn tay của Đồng Minh, nên được đưa về hướng Tây. Trên đường đi, vì tuyết giá, họ chết như ruồi..

Tauber vẫn sống sót, và cùng những kẻ còn lại tới được Magdeburg, phía Tây Berlin, ở đây bọn SS bỏ mặc họ để chạy thoát thân. Nhóm của Tauber bị nhốt trong nhà tù Magdeburg, do những ông già cai tù hoang mang đơn độc coi chừng. Không có gì cho tù ăn. Sợ Đồng Minh sắp tràn tới và kết tội, nên cai tù đã để cho bọn tù còn khỏe được đi ra ngoài tự kiếm thức ăn.

Lần cuối cùng tôi đã thấy Roschmann là khi hấn điểm danh bọn tôi trên bến tàu Danzig. Mặc áo ấm rất kỹ để chống lại cái lạnh mùa Đông, hấn leo lên một cái xe. Tôi nghĩ đó là lần cuối cùng tôi thấy hấn, nhưng tôi còn gặp hấn lần chót nữa. Đó là ngày 3 tháng 4-1945.

Lúc đó tôi đi về Gardelegen, một làng nhỏ ở phía Đông thành phố, và đã tom góp được một bao khoai với ba người khác. Chúng tôi đang vội vã trở về với mở thức ăn đó thì có một chiếc xe từ đằng sau chúng tôi chạy về phía Tây. Nó dừng lại để chờ một chiếc xe ngựa vượt qua đường, và tôi thì lơ đãng nhìn nó đi qua. Trong xe có bốn sĩ quan SS, chắc là đang tìm đường tẩu thoát về phía Tây. Ngồi bên cạnh tài xế, mặc áo khoác đồng phục của hạ sĩ quan bộ binh, chính là Eduard Roschmann.

Hấn không nhìn thấy tôi, vì đầu tôi khuất sau bao khoai, lúc đó vác trên vai để ngăn những cơn gió lạnh lẽo. Nhưng

tôi thì thấy hẳn. Chắc chắn là như thế. Cả bốn người bọn hẳn, hiển nhiên đã thay đổi đồng phục trong lúc xe chạy. Khi nó chạy mất hút, có một chiếc áo bị quăng qua cửa xe rơi xuống đường. Chúng tôi tới chỗ đó và dừng lại vài phút để lục lọi nó. Đó là chiếc áo khoác sĩ quan SS, mang huy hiệu hai lần chộp của bọn Waffen SS và quân hàm đại úy. Tên SS Roschmann đã biến mất.

Hai mươi bốn ngày sau, Đồng Minh tràn tới. Chúng tôi không ra ngoài nữa, đành chịu ở lại nhịn đói trong tù. Ra đường lúc này rất hỗn loạn. Buổi sáng 27 tháng 4, thành phố rất yên tĩnh. Khoảng chín, mười giờ tôi đang ở ngoài sân nói chuyện với một người cai tù già, ông có vẻ rất sợ và bỏ cả giờ để giải thích rằng ông và các bạn cai tù chả có làm gì với Adolf Hitler và không dính dáng gì tới việc ngược đãi người Do Thái cả.

Tôi nghe có tiếng xe đậu lại ngoài cổng, rồi tiếng đập cửa. Ông cai tù già ra mở. Kẻ bước vào là một người lính, súng lục cầm tay, bước thận trọng, mặc chiến phục theo kiểu tôi chưa thấy bao giờ. Rõ ràng hẳn là một sĩ quan, vì theo sau hẳn là một binh sĩ cầm súng dài, đội mũ tròn, dẹt. Họ đứng yên lặng nhìn quanh sân nhà tù. Ở một góc còn chất khoảng 50 xác chết cả hai tuần rồi mà không có ai đủ sức để chôn họ nữa. Một số khác, nửa sống, nửa chết, nằm dọc theo tường, cố gắng sưởi lấy một chút nắng xuân, những vết thương của họ mưng mủ và hôi hám. Hai người lính nhìn nhau rồi nhìn sang lão cai tù 70 tuổi nọ. Ông nhìn lại, bối rối. Rồi ông nói lên một câu mà chắc đã học được từ hồi Đệ nhất thế chiến. Ông nói: "Hello, Tommy".

Người sĩ quan nọ nhìn lại lão, rồi nhìn quanh sân và nói bằng tiếng Anh: "Đồ Quốc Xã chó đẻ". Và đột nhiên, tôi khóc.



Thực sự tôi không hiểu mình đã làm thế nào mà trở về được Hambourg, mà tôi đã về được. Tôi nghĩ tôi muốn nhìn lại coi nơi sinh sống cũ còn lại gì không. Chả còn gì cả.

Con phố nơi tôi sinh ra và lớn lên đã tan nát vì những đợt dội bom của Đồng Minh, nơi tôi làm việc hồi trước, căn nhà của tôi, tất cả đều biến mất.

Người Anh đưa tôi vào nhà thương Magdeburg, nhưng tôi theo ý riêng đã đi nhờ xe về nhà. Nhưng khi tôi đến và thấy tất cả chẳng còn lại gì, thì tôi vô cùng phẫn chí. Tôi ở nhà thương dưỡng bệnh khoảng một năm, cùng với những người khác đã thoát khỏi một nơi được gọi là Bergen-Belsen, rồi tôi lại ở đó làm việc như một y công hết một năm nữa, để giúp đỡ những người còn bệnh nặng hơn tôi.

Khi rời nhà thương, tôi đi tìm mượn một căn phòng ở Hambourg, nơi tôi sinh ra, để sống những ngày cuối cùng của đời mình.

Tập sách chấm dứt với hai tờ giấy trắng, sạch sẽ, hiển nhiên là mới viết gần đây, được xem là lời bạt.

Tôi đã sống ở khu Altona này từ 1947. Sau khi tôi ra khỏi nhà thương, tôi đã khởi sự viết lại câu chuyện về tôi và những người khác ở Riga. Nhưng trước khi tôi hoàn tất, thì rõ ràng là cũng có nhiều kẻ khác sống sót, nhiều kẻ có khả năng và có nguồn dữ kiện phong phú hơn tôi để nêu lên các chứng kiến về những chuyện đã xảy ra. Hàng trăm cuốn sách đã xuất hiện để mô tả cuộc tiêu diệt tàn sát, nên chắc không có ai chú ý tới tập sách của tôi. Tôi không bao giờ để ai đọc nó cả.

Nhìn lại tất cả quãng thời gian và năng lực đã bỏ phí. Cuộc nỗ lực để sống còn và để có thể viết lại các chứng cứ.

Khi những người khác làm tốt hơn tôi, thì lúc này tôi lại mong mình được chết với Esther ở Riga cho rồi. Ngay cả niềm hy vọng sau cùng, là được thấy Eduard Roschmann bị đứng trước tòa án, và để làm chứng trước công lý về những hành động của hắn, thì cũng không mong toại nguyện. Bây giờ tôi đã biết chắc như thế.

Tôi đi qua những đường phố, và nhớ lại chuỗi ngày cũ ở đây nhưng bây giờ không giống như xưa nữa. Bọn trẻ

cười vào mặt tôi và bỏ chạy khi tôi cố làm quen với chúng. Có lần tôi bắt chuyện với một đứa bé gái không bỏ chạy, nhưng mẹ nó đi tới rú lên và kéo nó đi. Nên tôi không nói chuyện được với nhiều người lắm.

Có lần có bà tới gặp tôi. Bà nói bà thuộc Sở Bồi Thường và tôi được lãnh một số tiền, tôi bảo với bà là tôi không cần tiền gì cả. Bà rất ngạc nhiên, và nhấn mạnh rằng đây là quyền lợi mà tôi được hưởng vì những thiệt thòi trong chiến tranh. Tôi vẫn từ chối. Họ lại gửi người khác tới, và tôi vẫn từ chối. Người tới sau này bảo là hết sức kỳ cục khi từ chối sự bồi thường. Tôi nghĩ là tôi đã làm rối loạn cho hồ sơ giấy tờ của hấn. Nhưng tôi chỉ lấy của họ cái gì thực sự về tôi.

Khi còn trong bệnh viện của người Anh, có một bác sĩ hỏi tôi sao không di cư sang Israel, lúc đó đã được độc lập. Làm sao tôi có thể giải thích cho ông? Tôi không thể nói với ông rằng tôi chẳng bao giờ trở về đất tổ đó, không bao giờ được vì những việc tôi đã làm cho Esther. Tôi thường nghĩ về chuyện đó và mơ tới những gì sẽ xảy ra, nhưng tôi chẳng xứng đáng để đi về đó.

Nhưng nếu những dòng chữ này được đọc ở Israel, xứ sở mà tôi sẽ chẳng bao giờ trông thấy, thì lúc đó, liệu có ai vui lòng đọc một lời cầu nguyện cho tôi chẳng?

Salomon Tauber

Altona, Hambourg 21 tháng 11 năm 1963

Peter Miller đặt tập nhật ký xuống và dựa ngửa trên ghế một lúc lâu, nhìn đăm đăm lên trần và hút thuốc. Đến gần 5 giờ sáng hấn nghe tiếng mở cửa, và Sigi trở về sau buổi diễn. Nàng ngạc nhiên khi thấy hấn còn thức.

- Làm gì mà thức khuya vậy?

- Đọc sách.

Sau đó, họ cùng lên giường vào lúc ánh bình minh bắt đầu thấp thoáng trên ngọn tháp nhà thờ St Michaelis. Sigi buồn ngủ, và vui vẻ như một cô gái trẻ đang được yêu,

Miller thì cứ im lặng nhìn lên trần và suy nghĩ.

- Làm gì vậy? Sau cùng Sigi lên tiếng.

- Suy nghĩ tí.

- Em biết. Em biết chắc là thế. Có cái gì vậy?

- Về cái phóng sự mà anh sắp điều tra.

Nàng trở mình và nhìn sang hẳn:

- Anh định sắp làm gì đó? Nàng hỏi.

Miller chồm ra ngoài và dụi tắt mẩu thuốc.

- Anh sẽ đi truy lùng một người...

CHƯƠNG 3

Khi Peter và Sigi ngủ trong vòng tay nhau ở Hambourg thì một chiếc máy bay Coronado của hãng hàng không Argentina vượt qua dãy đồi Castille âm u và lướt tới chuẩn bị đáp xuống sân bay Barjas, thuộc Madrid, Tây Ban Nha.

Ngồi ở hàng ghế thứ ba của lô hạng nhất, sát bên cửa sổ là một người đàn ông độ 60 tuổi, với mái tóc xám tro và hàng ria mép gọn ghẽ.

Trên đời chỉ còn một tấm hình duy nhất còn sót lại chụp ông ta mới 40, với mái tóc cắt ngắn, không có hàng ria mép, một đường ngôi thẳng tắp ở phía bên trái mái tóc. Khó có ai trong một số ít người từng nhìn thấy tấm ảnh mà, nay có thể nhận ra ông khách trên chuyến bay này, tóc ông ta dày hơn, chải ngược ra sau, không có đường ngôi gì cả. Bức hình trong thẻ thông hành là hình dạng mới này của ông.

Tên trong thẻ của ông ghi là Sēnor Ricardo Suertes, công dân Argentina. Cái tên này cũng là một trò chơi chữ với thiên hạ. Vì Suertes trong tiếng Tây Ban Nha là may mắn, mà may mắn trong tiếng Đức là Gluecks. Người khách trong chuyến bay đêm đó là Richard Gluecks vốn là Đại Tướng SS, chỉ huy Cục Hành Chánh Kinh Tế Trung Ương Đức và là Tổng Thanh Tra các trại tập trung của Hitler. Trong danh sách truy tầm của Tây Đức và Israel, ông ta

xếp vào hạng 3, sau Martinn Bormann và cựu chỉ huy Gestapo, Heinrich Muller. Hẳn còn cao hơn cả Dr. Joseph Mengele, y sĩ Quỷ của trại Aushwitz. Trong Odessa, ông xếp hạng nhì, là phụ tá thân cận của Martin Bormann, kế kế vị Hiler sau 1945.

Vai trò của Richard Gluecks trong tội ác của SS thật độc đáo nên ông ta phải biến mất hoàn toàn vào tháng 3-1945. Còn hơn cả Adolf Eichmann, Gluecks là một trong những bộ óc sáng tạo nhất trong việc tàn sát kẻ thù, tuy rằng ông ta chưa bắn lấy một viên đạn nào. Nếu có một khách hàng nào đó trên chuyến bay được cho biết rõ người ngồi bên cạnh hẳn là ai, thì hẳn rất là ngạc nhiên tại sao một người chỉ huy một cơ quan hành chánh kinh tế lại ở hàng đầu trong danh sách truy tìm.

Nếu hẳn hỏi, thì sẽ được biết rằng các tội ác diệt chủng của Đức Quốc Xã từ 1933 đến 1945, thì có đến 95% là do bàn tay SS. Trong đó, có đến 80 hay 90% là do hai cơ quan của SS. Đó là Cục An Ninh Trung Ương Đức và Cục Hành Chánh Kinh Tế Trung Ương Đức.

Nếu ta thấy một cơ quan kinh tế can dự vào tội ác diệt chủng là một chuyện lạ thì phải hiểu người ta đã giao cho nó đảm trách công việc thế nào. Không phải nó chỉ muốn tiêu diệt tất cả dân Do Thái ở Âu Châu và hầu hết dân Slave, mà nó còn muốn công việc đó còn mang lợi lại nữa. Trước khi cánh cửa phòng hơi ngạt mở ra, thì SS đã làm một cuộc cướp bóc lớn nhất trong lịch sử.

Đối với dân Do Thái, thì công việc có ba giai đoạn. Thứ nhất, họ bị cướp đi công việc làm, nhà cửa, xí nghiệp, trương mục ngân hàng, đồ đạc, quần áo, xe cộ. Họ được chở về miền Đông, tới các trại lao động khổ sai và trại thủ tiêu, họ được nói là đem đi định cư lại và họ tin thế, nên họ thường mang theo một số đồ đạc, thường là hai chiếc vali nhỏ. Trong sân trại giam, những thứ đó bị tước đi, cùng với áo quần họ đang mặc.

Trong số hành lý của 6 triệu con người này, giá trị của nó lên đến cả ngàn triệu dollas, vì dân Do Thái ở Âu Châu

thời đó thường mang theo của cải mỗi khi đi đâu, nhất là những người ở Balan và các nước miền Đông. Từ các trại, toàn bộ nữ trang, kim cương, ngọc thạch, hoàng ngọc, bạc, tiền vàng Louis, dollar Mỹ và tất cả các loại ngân phiếu, tiền giấy đều được chở về bộ chỉ huy SS ở Đức. Suốt đời của nó, SS đã thu lợi từ những hoạt động này. Một phần của món lợi này nằm dưới dạng vàng lượng đóng dấu con chim ưng Đại Đức và dấu hai tia chớp SS được ký thác vào lúc cuối thế chiến ở các ngân hàng của Thụy Sĩ, ở Leinhtenstein, Tangier, và Beirut để tạo thành ngân quỹ mà sau này Odessa sẽ dựa vào đó. Phần lớn số vàng này vẫn còn nằm bên dưới những đường phố Zurich, của Thụy Sĩ, được các chủ ngân hàng hiếu khách và cẩn thận đó giữ gìn.

Giai đoạn thứ hai là khai thác sức lực của các nạn nhân. Họ còn một số năng lượng trong người và có thể sử dụng có lợi. Ở điểm này, người Do Thái thì cũng như người Nga, người Ba Lan bị bắt cùng lượt. Những kẻ nào không lao động đều bị thủ tiêu vì vô dụng. Còn những kẻ lao động được thì đưa vào các cơ xưởng của SS hay các xí nghiệp của nhà nước Đức như Krupp, Thyssen, Von Opel.. với mức lương 3 Mark một ngày đối với công nhân không lành nghề, và 4 Mark cho thợ chuyên môn. Lương "mỗi ngày" nghĩa là làm việc tối đa đối với sức người để đổi lấy một số thức ăn tối thiểu trong thời gian 24 giờ. Hàng trăm ngàn người chết vì công việc theo kiểu này.

SS Là một quốc gia trong một quốc gia. Nó có cơ sở riêng, nhà máy, lực lượng kỹ thuật, bộ phận xây cất, sửa chữa, bảo quản và quân nhu quân trang. Nó có thể tự chế tạo mọi thứ cần thiết, và được dùng bọn tù khổ sai để làm việc, với sự cho phép của Hitler.

Giai đoạn thứ ba của việc khai thác là ở các xác chết. Họ chết trần truồng, để lại cả hàng toa xe các giày vỡ, áo quần, mắt kính. Họ cũng để lại tóc trên đầu, nó được chở về Đức kết làm giấy ủng cho lính mang trong mùa Đông. Còn răng vàng cũng được nhổ ra gom lại, và đúc thành

khởi gửi ở Zurich. Chúng còn dự định dùng xương để làm phân bón và lấy mỡ người để làm xà bông, nhưng sau cùng thì thấy việc này không lợi.

Đảm trách toàn bộ công việc khai thác kinh tế bằng cách thủ tiêu 14 triệu con người đó là Cục Hành Chánh Kinh Tế Trung Ương Đức, và kẻ chỉ huy chính là người khách ngồi ở ghế số 3B trên chuyến máy bay đêm đó.

Gluecks là người không thích may rủi hay thử thách cả cuộc đời tự do của mình, bằng cách trở lại nước Đức. Ông chả cần làm thế. Được quỹ mặt cung ứng đầy đủ, ông có thể sống thoải mái ở Nam Mỹ, và đến nay vẫn thế. Sự trung thành đối với lý tưởng Quốc Xã của ông vẫn không lay chuyển sau những biến cố của năm 1945 và với quá khứ của mình, nên ông đã có một chỗ đứng uy tín trong số những đảng viên Nazi lưu vong ở Argentina, đó cũng là nơi điều hành Odessa.

Chuyến máy bay đáp xuống bình yên và các khách hàng qua cửa quan thuế không có trục trặc gì. Tiếng Tây Ban Nha lưu loát của người khách ghế 3B không làm ai phải chú ý, vì từ lâu ông đã là người dân Nam Mỹ. Ra khỏi phi trường, ông vẫy một chiếc Taxi, và theo thói quen từ lâu, ông cho xe đậu lại cách khách sạn Zurburan một con phố. Xuống xe ở Trung Tâm Madrid, ông xách túi du lịch và đi bộ khoảng 200 mét tới khách sạn. Phòng riêng của ông đã được đặt trước, nên ông ta nhận khóa và vào phòng để tắm rửa cạo râu. Đến 9 giờ, có ba tiếng gõ nhẹ, ngưng một lát rồi thêm hai tiếng nữa ở ngoài cửa. Ông ra mở cửa và bước lùi lại khi nhận ra người khách.

Người khách mới tới đóng cửa lại sau lưng, đứng nghiêm và dơ cao tay, lòng bàn tay quay xuống theo kiểu chào ngày xưa: "Seig Heil", người nọ hô. Tướng Gluecks hát hàm với người trẻ tuổi nọ và cũng giơ tay ra. "Seig Heil", Ông nói nhẹ nhàng hơn. Ông đưa gã kia vào bàn khách. Gã kia là người Đức, cựu sĩ quan SS tại Tây Đức và hiện là chỉ huy mảng lưới SS tại Tây Đức. Gã cảm thấy rất vinh dự khi được triệu đến Madrid để gặp gỡ riêng với một sĩ

quan cao cấp đến thế, và gã cũng nghi rằng sẽ có chuyện gì phải làm với cái chết của Kennedy 36 giờ trước. Gã đoán không sai.

Tướng Gluecks rót cho gã một tách cà phê và cẩn thận mỗi một điều xì-gà Corona thật lớn:

- Anh hẳn cũng đoán được lý do của chuyến viếng thăm Châu Âu khá bất ngờ của tôi - vì tôi không thích ở lại lâu quá mức cần thiết, tôi sẽ đi ngay vào chuyện và cũng vẫn tắt thôi.

Gã Đức nọ nhồm tới trước một cách chờ đợi.

- Kennedy bây giờ đã chết, với chúng ta đó là một dịp may lớn - ông Đại Tướng nói - chúng ta không được quyền thất bại trong việc khai thác tối đa lợi thế trong dịp này. Anh nghe kịp không?

- Được thưa Đại Tướng. Gã nọ trả lời. Nhưng dưới hình thức nào đây?

- Tôi muốn nói đến vụ cung cấp vũ khí bí mật giữa lữ phản bội ở Bonn và bọn heo ở Tel Aviv. Anh biết về vụ này không? Xe tăng, súng ống và các vũ khí khác ngay lúc này vẫn còn đang được chở từ Đức sang Israel?

- Thưa, dĩ nhiên là tôi có biết.

- Và anh cũng biết là tổ chức chúng ta đã làm tất cả mọi việc trong khả năng để hỗ trợ cho Ai Cập, để họ một ngày kia có thể cầm chắc chiến thắng trong cuộc chiến sắp tới chăng?

- Thưa biết. Chúng ta đã tổ chức chiêu mộ nhiều khoa học gia Đức cho mục tiêu này.

Tướng Gluecks gật đầu:

- Tôi sẽ nói chuyện đó sau. Cái mà tôi muốn nói tới là chính sách cung cấp cho những người bạn Ả Rập thật đầy đủ tin tức chi tiết về vụ cung cấp vũ khí này, để họ có thể có những phản đối mạnh mẽ ở Bonn qua ngã ngoại giao. Những phản đối của người Ả Rập sẽ đưa tới việc hình thành một nhóm viên chức Đức chống đối lại vụ cung cấp vũ khí,

vì nó làm đảo lộn tình thế của Ả Rập. Nhóm này vô tình đã làm lợi cho ta, tạo áp lực với tên Erhard ngay cả ở cấp cao nhất như trong nội các để đòi ngưng vụ đó lại.

- Vâng, tôi hiểu.

- Được, tuy Erhard không bỏ hẳn việc cung cấp vũ khí, nhưng hẳn cũng hoãn lại nhiều lần, luận cứ chủ yếu để biện minh cho việc này là áp lực của Kennedy, và khi Kennedy muốn gì, Erhard phải làm như thế.

- Vâng, đúng vậy!

- Nhưng Kennedy bây giờ đã chết.

Gã trẻ tuổi ngồi thẳng lưng lại, mắt sáng hẳn lên. Như sắp có một cơ hội hoạt động mới mẻ đang mở viễn tượng ra trong đầu hẳn. Ông Tưởng gạt tàn thuốc dài sọc của điếu xì gà vào ly cà phê và chỉ tay về phía gã nọ.

- Như thế, cho đến hết năm nay, nét chủ yếu trong hoạt động chính trị tại Đức mà các bạn bè và người ủng hộ chúng ta phải đảm nhận, đó là tạo nên một dư luận càng rộng càng tốt, nhằm chống lại việc cung cấp vũ khí, và bênh vực cho người bạn Ả Rập chân chính và trung thành của Đức.

- Vâng, phải, cái đó có thể làm được. Gã trẻ tuổi cười rất tươi.

- Một số tay chân chúng ta có trong chính phủ Cairo sẽ bảo đảm một sự phản đối ngoại giao liên tục qua các tòa đại sứ. Một số bạn Ả Rập khác sẽ bảo đảm những cuộc biểu tình phản đối của các sinh viên Ả Rập và Đức. Công việc của anh sẽ là kết hợp phổ biến qua các loại sách báo, tạp chí mà chúng ta đã có ảnh hưởng, tuyên truyền trên đại đa số báo chí, vận động các viên chức thân cận trong chính quyền và giới chính khách có thể thuyết phục để tham gia tạo áp lực chống lại việc cung cấp vũ khí.

Gã trẻ tuổi nhiu mày lại, gã nói ngập ngừng:

- Ngày nay thật là khó phát triển tâm tình chống Do Thái ở Đức.

- Không cần lưu ý đặt ra vấn đề đó. Khía cạnh này rất giản dị: Vì những lý do thực tiễn, nước Đức không được mất lòng 80 triệu dân Ả Rập vì những chuyến tàu vũ khí đại đột đó. Vô số người Đức sẽ nghe theo luận điểm đó, nhất là giới ngoại giao. Danh sách các bạn bè ta trong bộ ngoại giao có thể được lập ra. Một quan điểm thực tế như vậy rất là khả quan. Dĩ nhiên ngân sách lúc nào cũng sẵn có. Vấn đề chủ yếu là, với cái chết của Kennedy, và Johnson thì không ưa một đường lối toàn cầu thân Do Thái như thế. Erhard sẽ phải chịu áp lực liên tục ở mọi mức độ, ngay cả trong nội các để dẹp vụ cung cấp đó đi. Nếu chúng ta chứng tỏ được cho Ai Cập thấy, ta có thể làm đường lối ngoại giao của Bonn thay đổi thì chỗ đứng của ta ở Cairo chắc chắn sẽ được tăng lên rất cao."

Gã trẻ tuổi gật đầu lia lịa, và đã thấy rõ kế hoạch hoạt động hình thành trước mặt.

- Điều đó sẽ làm được. Gã nói.

- Hay lắm. Gluecks trả lời.

Gã trẻ tuổi ngược lên:

- Thưa Đại Tướng, ông có đề cập đến các khoa học gia Đức hiện đang làm việc ở Ai Cập.

- Phải tôi sẽ nói cho anh rõ. Đó là khía cạnh thứ nhì trong kế hoạch tiêu diệt vĩnh viễn bọn Do Thái. Chắc anh có biết về những hỏa tiễn Helwan?

- Vâng, có một vài nét khái quát.

- Nhưng thực tế nó như thế nào?

- Thưa, tôi nghĩ rằng...

- Rằng nó có thể đưa vài tấn chất nổ cực mạnh sang phía Israel hả? Gluecks cười lớn - Anh sai lầm to lắm. Tuy nhiên, tôi nghĩ lúc này cũng có thể nói cho anh hay tại sao các hỏa tiễn đó và những người chế tạo nó, trong thực tế lại có tầm quan trọng lớn đến như thế.

Gluecks dựa ngửa ra sau, nhìn lên trần phòng và kể cho gã thuộc hạ nghe câu chuyện thực sự của các hỏa tiễn

Helwan.

Trong lúc kết thúc chiến tranh. Khi vua Farouk còn trị vì ở Ai Cập, hàng ngàn đảng viên Quốc Xã và SS đã rời khỏi Châu Âu và lập được khu trú ẩn an toàn dọc lưu vực sông Nil. Trong đó có cả một số khoa học gia. Ngay trước khi nổ ra vụ đảo chánh lật đổ Farouk, đã có hai khoa học gia được Farouk ủy thác khởi sự nghiên cứu để sau này lập một xưởng sản xuất hỏa tiễn. Đó là năm 1952, và hai khoa học gia đó là giáo sư Paul Goerke và Kolf Engel.

Dự án này đình chỉ vài năm sau khi Gamal Abdel Nasser lên nắm quyền, nhưng sau khi thua lớn trong trận Sinai năm 1956, nhà độc tài mới của Ai Cập đã có một lời thề. Ông thề một ngày kia sẽ tiêu diệt hoàn toàn Israel. Năm 1961, khi Nga dứt khoát từ chối yêu cầu cung cấp hỏa tiễn hạng nặng cho ông thì dự án Goerke - Engel về cơ xưởng sản xuất hỏa tiễn cho Ai Cập lại được tái tục, và trong năm đó, làm việc không ngừng với ngân sách vô giới hạn, các giáo sư người Đức và Ai Cập đã xây dựng được một nhà máy 333 ở Helwan, phía Bắc Cairo.

Lập nhà máy là một chuyện, vẽ đồ án và chế được hỏa tiễn lại là một việc khác. Từ đó, các tay ủng hộ Nasser, hầu hết đều có xu hướng thân Quốc Xã từ sau thế chiến thứ hai, đã liên lạc mật thiết với các chỉ huy Odessa ở Ai Cập. Từ đó vấn đề lớn của Ai Cập được trả lời - đó là tập trung đủ các khoa học gia để chế tạo hỏa tiễn.

Nước Nga, Mỹ, Anh hay Pháp đều không thể giúp lấy một người. Nhưng Odessa lại cho hay rằng loại hỏa tiễn mà Nasser đang cần rất giống với hỏa tiễn V2 do Werner Von Braun và nhóm của ông ta từng chế tạo ở Pecnemunde để dội xuống London. Và nhiều người trong nhóm đó vẫn còn sống. Cuối năm 1961, việc chiêu mộ các khoa học gia khởi sự. Nhiều người trong số đó đang làm việc ở học viện nghiên cứu không gian Tây Đức ở Stuttgart. Nhưng họ không làm được vì thỏa ước Paris 1954 đã cấm Đức theo đuổi nghiên cứu và chế tạo ở một số lãnh vực, nhất là vật lý hạt nhân và hỏa tiễn. Và lại ngân sách nghiên cứu cũng

ít ỏi. Đối với nhiều bác học trong số đó, một nơi làm việc công khai, ngân sách đầy đủ và cơ hội để phác họa một hỏa tiễn thực sự thì rất hấp dẫn.

Odessa đã chỉ định một nhân viên chiêu mộ ở Đức, người này có một phụ tá vốn là trung sĩ SS, Heinz Krug. Họ đi cùng khắp nước Đức để tìm ra người đồng ý sang Ai Cập và chế tạo hỏa tiễn cho Nasser. Với số lương mà họ có thể trả, thì đã tìm được nhiều người. Đáng kể nhất là giáo sư Wolfgang Pilz, người đã được nước Pháp đưa đi từ lúc hết thế chiến, sau đó đã trở thành cha đẻ của hỏa tiễn Véronique của Pháp, cũng là bước đầu trong chương trình nghiên cứu không gian của De Gaulle. Giáo sư Pilz sang Ai Cập vào đầu năm 1962. Người kế tiếp là Heinz Kleinwachter, giáo sư Eugen Saenger và bà vợ Irene, cả hai trước kia đều ở trong nhóm V2 của Von Braun, họ sang Ai Cập cùng với tiến sĩ Josef Eisig và Kirmayer, những chuyên gia về kỹ thuật và nhiên liệu phóng hỏa tiễn.

Người ta thấy kết quả đầu tiên của họ trong một buổi duyệt binh qua đường phố Cairo ngày 23-7-1962, kỷ niệm 8 năm ngày lật đổ Farouk. Hai chiếc hỏa tiễn El Kahira và El Zafira, có tầm hoạt động là 500 và 300 Km được dẫn qua đám đông đang gào rú inh ỏi. Mặc dù đó chỉ là những vỏ bọc ngoài, không có ngòi nổ và nhiên liệu, chúng được coi như những cái đầu tiên của một loạt 400 hỏa tiễn mà một ngày kia sẽ được bắn sang lãnh thổ Israel.

Gluecks ngừng lại, hút một hơi thuốc và đưa câu chuyện trở lại thực tại:

- Vấn đề là, chúng ta mới chỉ giải quyết được khâu chế tạo vỏ bao, đầu đạn và nhiên liệu thuốc súng, cái mấu chốt của một phi đạn có điều khiển là hệ thống điều khiển từ xa.

Ông ta chỉ điều xì gà vào gã trẻ tuổi:

- Và đó chính là cái chúng ta không cung cấp được cho Ai Cập.

Ông ta nói tiếp:

- Không may, mặc dù có nhiều bác học và chuyên gia về ra da điều khiển làm việc ở Stuttgart và ở nhiều nơi khác, nhưng chúng ta không thuyết phục được một ai có khả năng để sang Ai Cập. Tất cả các chuyên viên ở đó chỉ rành về khí động lực học, phóng đạn và đồ án ngôi nổ. Nhưng chúng ta đã hứa với Ai Cập rằng sẽ làm xong hỏa tiễn cho họ theo đúng ý. Tổng Thống Nasser đã quyết định đến một ngày, chiến tranh sẽ bùng nổ giữa Ai Cập và Israel. Ông ấy tin tưởng vào xe tăng và quân sĩ của mình sẽ chiến thắng. Còn tin thăm dò của ta thì bi quan hơn. Họ sẽ không thắng nổi, dù quân số đông hơn. Nhưng hãy nghĩ xem địa vị của chúng ta sẽ ra sao, khi với vũ khí của Nga, mua mất hàng tỉ dollars, họ lại thất trận, như thế chỉ nhờ thứ hỏa tiễn do các bác học được chiêu mộ của ta cung cấp mới đem lại chiến thắng. Và địa vị chúng ta sẽ không gì lay chuyển nổi. Như thế chúng ta sẽ thu được hai cái lợi, bảo đảm một vùng Trung Đông thân thiện, chỗ trú an toàn và lâu dài cho chúng ta, và đạt tới sự tiêu diệt toàn bộ và vĩnh viễn bọn quỷ Do Thái, hoàn tất ước vọng sau cùng của Fuehreuer (Lãnh tụ, Quốc Trưởng, chữ dành cho Hitler). Đây là một công cuộc vĩ đại, trong đó chúng ta không được quyền và cũng sẽ không thể thất bại.

Gã thuộc hạ nhìn cấp chỉ huy của gã đi lại trong phòng với vẻ bàng hoàng và sợ hãi:

- Xin lỗi Đại Tướng, nhưng nhiên liệu với 400 đầu đạn trung bình, chúng ta có thể tiêu diệt bọn Do Thái vĩnh viễn không? Phá hủy phần lớn thì được, nhưng còn tiêu diệt hoàn toàn?

Gluecks quay sang và nhìn vào mặt gã với nụ cười khoái trá:

- Nhưng đầu đạn nào? Anh đừng nghĩ chúng ta chỉ dùng chất nổ, dù là cực mạnh. Chúng ta đã đề nghị lên Nasser và ông ấy đã sốt sắng chấp thuận là đầu đạn cho các hỏa tiễn Kahiras và Zafiras đó sẽ là một loại khác. Một số sẽ cấy sẵn vi trùng dịch hạch và một số sẽ nổ từ trên cao, bao phủ hoàn toàn lãnh thổ Israel bằng những tia phóng

xạ Strodium 90. Trong vài giờ, chúng sẽ chết vì bệnh dịch hoặc vì tia Gama. Đó là cái mà chúng ta đang để dành cho chúng.

Gã kia há hốc miệng nhìn ông ta:

- Ly kỳ thật. Bây giờ tôi nhớ ra là có đọc một số về vụ án ở Thụy Sĩ mùa hè rồi. Cũng sơ lược thôi, có nhiều bằng chứng người ta chụp được. Hóa ra có thật, nhưng thừa Đại Tướng, nó thật là kỳ diệu.

- Kỳ diệu, phải, và không tránh được, miễn là Odessa chúng ta trang bị được hệ thống điều khiển cần thiết để đưa chúng bay đúng hướng đồng thời cho nó nổ vào đúng chỗ họ muốn. Người kiểm soát toàn bộ nghiên cứu để chế hệ thống đó cho các hỏa tiễn thì hiện đang làm việc ở Tây Đức. Bí danh của ông ấy là Vulkan. Anh có nhớ thần thoại Hy Lạp không? Vulkan là vị thần làm ra sấm sét cho vũ trụ.

- Ông ấy là một nhà bác học hả? Gã hoang mang hỏi.

- Không, không phải. Khi ông ấy buộc phải biến mất vào năm 1955 lẽ ra thì ông sẽ qua Argentina. Nhưng chúng tôi đã lệnh cho Odessa làm ngay cho ông ấy một thẻ thông hành giả để có thể ở lại Đức. Ông ta đã được ngân quỹ Zurich tài trợ một triệu dollar để mở một nhà máy ở Đức. Mục đích là để dùng nhà máy đó như cái vỏ cho một công cuộc nghiên cứu khác cần thiết cho chúng ta lúc đó, nhưng công việc đó hiện nay được tạm đình chỉ để chuyển sang nghiên cứu về hệ thống điều khiển cho các hỏa tiễn ở Helwan. Nhà máy của Vulkan hiện nay đang sản xuất radio transistor. Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Trong phòng nghiên cứu của nhà máy, một nhóm bác học hiện đang chế tạo thử hệ thống điều khiển, sau này sẽ được áp dụng cho các hỏa tiễn Helwan của ta.

- Sao họ không sang Ai Cập cho tiện hơn?

Gluecks vẫn cười và tiếp tục đếm bước trong phòng:

- Đó là cái trục trặc trong toàn bộ hoạt động của ta. Tôi đã nói với anh là có nhiều người ở Đức đủ khả năng chế

tạo hệ thống điều khiển đó, nhưng không có ai chịu di cư sang Ai Cập. Nhóm bác học hiện làm việc ở nhà máy Vulkan thực ra đang tin rằng họ làm việc theo hợp đồng, dĩ nhiên là với điều kiện giữ tối mật, cho Bộ Quốc Phòng của Bonn.

Gã trẻ tuổi đứng vọt lên, ly cà phê của hắn đổ xuống sàn:

- Trời đất. Thế việc đó dần xếp ra sao?

- Cũng rất đơn giản thôi. Thỏa ước Paris cấm Đức nghiên cứu về hỏa tiễn. Những bác học ở Vulkan đã thể giữ kín với một viên chức thực sự của Bộ Quốc Phòng ở Bonn, viên chức này cũng là người của ta. Hắn đi với một viên Tướng mà các bác học quen mặt từ hồi cuối thế chiến. Tất cả bọn họ sẵn sàng làm việc vì người Đức, dù trái với thỏa ước Paris, nhưng lại không sẵn sàng để làm việc cho Ai Cập. Lúc này đây, họ vẫn còn tin họ làm việc cho nước Đức. Dĩ nhiên, chi phí rất là to lớn. Một cuộc nghiên cứu về vấn đề như thế mà do chính quyền đảm trách cũng là chuyện thường. Toàn bộ chương trình này rất tốn kém cho quỹ mật của ta. Đến đây anh đã hiểu được tầm quan trọng của Vulkan chưa?

- Dĩ nhiên - gã chỉ huy Odessa tại Đức đáp - Nhưng nếu có gì xảy ra cho ông ấy, thì chương trình không thể tiếp tục nữa sao?

- Không. Nhà máy cũng như công ty đều do một mình ông ấy quản lý và điều hành. Ông là giám đốc, là quản trị viên, là cổ phần viên duy nhất, là người trả lương luôn. Chỉ mình ông ta là có thể tiếp tục trả lương cho các bác học và các chi phí cho cuộc nghiên cứu. Không có một nhà bác học nào có bất cứ quan hệ với bất kỳ một ai trong xí nghiệp, và không một ai trong xí nghiệp biết rõ bản chất của bộ phận nghiên cứu này. Họ tin rằng các chuyên gia đó đang nghiên cứu về dòng điện vi ba với hy vọng tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Sự giữ bí mật được giải thích như là cách để phòng chống gián điệp kỹ nghệ. Kẻ nối kết duy nhất giữa hai bên là Vulkan. Nếu mất ông

ta toàn bộ dự án sẽ sụp đổ.

- Ông có thể cho tôi biết tên nhà máy đó không?

Gluecks suy nghĩ một phút, rồi nói một tên gọi. Gã kia ngạc nhiên nhìn chòng chọc vào ông ta:

- Tôi biết hiệu radio đó mà.

- Dĩ nhiên. Đó là một nhà máy lương thiện, sản xuất những cái radio lương thiện.

- Và giám đốc quản trị... ông ta đó sao?

- Phải, ông ấy là Vulkan. Bây giờ anh đã rõ tầm quan trọng của ông ấy và việc ông ta đang làm. Nên đây, có một chỉ thị nữa cho anh. Đây...

Gluecks móc một tấm hình trong túi áo ngực và đưa cho gã chỉ huy Odessa Tây Đức. Sau một lúc nhìn chòng chọc, bối rối vào tấm ảnh, gã lật ra sau và đọc cái tên viết ở đó.

- Trời ơi, tôi tưởng ông ta đã ở Nam Mỹ rồi chứ!

Gluecks lắc đầu:

- Ngược lại kia. Đó là Vulkan. Hiện nay, công việc của ông ấy đang tới một giai đoạn gay go nhất. Nên bất cứ giá nào anh phải dập tắt tức thì tất cả những câu hỏi tò mò không có lợi của bất kỳ ai về ông ta, kẻ đó phải bị... dẹp đi ngay. Cảnh cáo, hay tới chỗ thanh toán luôn. Anh nghe kịp không? Kamerad. Không một ai, tôi nhắc lại, không một ai được tiến tới chỗ có thể làm lộ lai lịch của Vulkan ra.

Ông Đại Tướng SS đứng thẳng lên, người khách cũng làm thế:

- Có từng ấy thôi - Gluecks nói - Anh đã nhận chỉ thị rồi đó.

CHƯƠNG 4

Peter và Karl Brandt ngồi cạnh nhau trong chiếc xe của Miller đậu ngoài ngôi nhà của gã Thẩm Sát Viên nơi Miller đến tìm hẩn trong bữa trưa của một ngày nghỉ.

- Nhưng mày cũng chả biết là tên đó còn sống hay chết.

- Không, tao không biết. Nên đó là điều đầu tiên tao phải tìm ra. Nếu Roschmann đã chết, thì dĩ nhiên thế là xong. Mày giúp tao được không?

Brandt ngẫm nghĩ một lát, rồi chậm rãi lắc đầu.

- Rất tiếc, tao không thể.

- Tại sao không?

- Này. Tao cho mày tập nhật ký đó vì tình thân hữu riêng mày với tao. Vì nó làm tao xúc động, vì tao nghĩ rằng mày có thể khai thác nó cho báo chí. Nhưng tao đâu ngờ mày lại muốn truy cho ra tên Roschmann đó. Sao mày không làm một phóng sự về chuyện tìm ra tập nhật ký rồi thôi?

- Vì trong đó chả có phóng sự gì cả. Tao sẽ nói gì nhỉ? Ngạc nhiên thật là ngạc nhiên, tôi tìm thấy tập nhật ký của một ông già tự tử bằng hơi đốt, mô tả những gì ông đã trải qua trong thế chiến? Mày nghĩ xem có thằng chủ bút nào chịu mua một phóng sự như thế? Tao cũng nghĩ

dây là một tài liệu kinh khủng, nhưng đó chỉ là ý kiến riêng tao thôi. Đã có cả trăm hồi ký như thế được viết từ hồi hết chiến tranh rồi. Thế giới người ta đã mệt với chúng. Thì thêm một nhật ký này cũng chả bán được cho bất cứ tờ báo nào ở Đức đâu.

- Thế bây giờ mày tính làm gì? Brandt hỏi.

- Đơn giản thôi. Cùng cảnh sát truy lùng cho ra tên Roschmann đó, dựa theo nhật ký này, rồi tao mới viết thành phóng sự.

Brandt gạt tàn vào đĩa trong hộp xe:

- Không thể có chuyện cảnh sát di truy lùng đâu. Peter, mày có thể rành về báo chí, nhưng tao hiểu cảnh sát Hambourg. Công việc của tụi tao là ngăn ngừa tội ác ở Hambourg ngay trong lúc này, năm 1963. Chả có ai lại cử một thám tử đã quá mệt mỏi đi truy tầm một người vì những chuyện hấn đã làm ở Riga cả 20 năm về trước. Không có đâu.

- Nhưng ít ra tụi mày cũng có thể đặt vấn đề. Miller nói, Brandt lắc đầu.

- Không, tao không làm đâu.

- Tại sao không? Có trục trặc gì đâu?

- Vì tao không muốn bị dây dưa. Mày có lý, nhưng mày đơn độc, không ai hỗ trợ. Mày có thể đi tìm vợ vẫn đâu đó tùy ý. Tao đã có vợ và hai con, nghề nghiệp ổn định, và tao không muốn gặp rắc rối trong công việc-

- Làm sao chuyện này lại gây rắc rối cho mày với cảnh sát được? Roschmann là tội nhân, phải không? Cảnh sát được giao phó việc truy tìm kẻ có tội. Thế có gì là rắc rối đâu?

Brandt liệng mẩu thuốc đi:

- Cũng khó mà nói cho rõ được. Nhưng có một thái độ trong giới cảnh sát, tuy không có gì cụ thể, đó chỉ là cảm giác. Và cảm giác đó là, cứ khởi sự điều tra điên cuồng về

tội ác chiến tranh của SS, thì nó sẽ đưa sự nghiệp của một cảnh sát viên trẻ tới chỗ không tốt đẹp gì. Không có gì rõ cả. Lời yêu cầu đó sẽ chỉ bị bác một cách đơn giản. Nhưng sự thực là nó được ghi vào hồ sơ. Rồi cơ hội tiến thân của mày bị cản trở. Không ai nói điều đó ra, nhưng ai cũng biết thế. Nên nếu mày muốn điều tra gì về vụ này, thì cứ làm. Đừng có kéo tao vô.

Miller thử người nhìn ra cửa kính.

- Thôi được. Nếu chuyện phải như thế. Nhưng tao phải biết khởi sự ở chỗ nào. Tauber có để lại cái gì nữa không?

- Có, có một lá thư ngắn. Tao đã lấy và kèm vào báo cáo của tao về vụ tự tử này. Bây giờ nó đã đưa vào hồ sơ. Và hồ sơ đã xếp lại-

- Ông ta ghi gì trong đó?

- Không nhiều. Ông chỉ nói ông ta tự tử. À, còn một chi tiết nữa, ông ta nói ông ta để lại tất cả của cải cho một người bạn, tên Herr Marx-

- Hay lắm, đó là chỗ khởi sự. Ông Marx đó ở đâu?

- Làm quái gì biết được.

- Lá thư chỉ nói có bấy nhiêu thôi sao? Còn ông Marx không địa chỉ gì cả?

- Không có gì? Chả có chi tiết gì về tên Marx đó.

- Ông ta tất cũng ở quanh đây đây. Sao mày không đi tìm ông đó.

Brandt thở dài:

- Sao mày lại hỏi thế? Tụi tao đã quá bận rộn. Mày cứ thử nghĩ có bao nhiêu thằng cha Marx ở cái xứ Hambourg này? Có cả vài trăm đứa tên đó trong sổ diện thoại. Tụi tao hơi dẫu bỏ cả tuần để tìm một ông Marx nào đó. Còn mấy thứ ông già kia để lại cũng chưa đáng giá đến 10 xu.

- Vậy thôi à? Không có gì khác?

- Không. Nếu mày muốn tìm ra Marx, thì cứ thử đi.

- Được, tao sẽ thử. Hai người bắt tay nhau và Brandt trở vào với bữa ăn trưa của gia đình.

Sáng hôm sau, Miller khởi sự tìm đến ngôi nhà Tauber đã sống. Một người đàn ông đứng tuổi ra mở cửa, mặc chiếc quần bạc phếch có dây quàng, một chiếc áo sơ mi hở cổ và bộ ria lồm chồm quên cạo.

- Chào ông, ông là chủ nhà?

Ông ta nhìn từ đầu tới chân Miller và gật đầu, người ông ta có mùi cái bắp.

- Ở đây có một người tự tử bằng hơi dốt mấy bữa trước.

- Bộ ông ở bót cảnh sát hả? Chủ nhà hỏi.

- Không, tôi là Báo chí. Miller chìa thẻ ra.

- Tôi không có kể chuyện khơi khơi đâu.

Miller chia ngay ra tờ 10 Mark dúi vào tay ông ta:

- Tôi chỉ muốn xem phòng ông ấy.

- Tôi đã cho thuê rồi.

- Còn đồ đạc ông ấy ở đâu?

- Ở đằng sau đó. Tôi chả đựng gì tới nó đâu.

Đống đồ đạc vụn vặt quăng ở đằng sau. Nó vẫn còn mùi hơi dốt. Có một máy chữ đã cũ, hai cặp giấy rách, một mớ quần áo, một chồng sách, một chiếc khăn quàng bằng lụa có viền rua mà Miller đoán chừng nó được dùng làm gì đó trong đạo Do Thái. Anh lục lọi mọi thứ nhưng chả có chi tiết gì về Marx hay địa chỉ của ông ấy.

- Có thể này thôi sao?

- Có thể thôi. Từ khung cửa sau ông chủ nhà nhìn anh một cách cau có.

- Ông biết gì về một người tên là Marx Không?

- Không.

- Ông có biết một ông Marx nào ở đây không?

- Không.

- Tauber có người bạn nào không?

- Làm sao biết được. Ông ở một mình, đi về chả có giờ giấc gì, rồi ở phòng đóng kín cửa. Cũng hơi khùng khùng, nhưng ông trả tiền thuê rất đều đặn. Không gây rắc rối gì cả.

- Ông có thấy ông ấy đi với ai không? Tức là ở ngoài phố đó.

- Không. Không bao giờ. Hình như ông ấy không có bạn, mà chả có gì ngạc nhiên cả, ông ấy cứ lảm bảm một mình hoài. Khùng khùng mà.

Miller đi ra, và bắt đầu hỏi quanh khu đó. Hầu hết mọi người đều nhớ có gặp mặt ông già ấy, đi lang thang, đầu cúi xuống, khoác một chiếc áo dài đến gót, đội mũ len, găng tay len sờn rách lòi cả đầu ngón tay ra.

Suốt ba ngày, anh quần nát khu phố của Tauber ở, hỏi cả người đưa sữa, xén cỏ, bán thịt, cửa hàng kim khí, tiệm rượu, người bán thuốc lá, người đưa thư. Hôm thứ tư, buổi chiều, anh gặp một lũ trẻ chơi banh ở bức tường nhà kho.

- Cái gì, ông già Đạo Thái? Già điên hả? Một thằng nhóc đứng đầu bọn trả lời anh như thế. Cả bọn trẻ bu lại.

- Phải đó. Già điên đó.

- Ông già đó khùng mà.

- Có em nào thấy ông ấy đi với ai khác không? Nói chuyện với ai khác? Một ông nào chẳng hạn?

- Ông muốn biết cái gì đó? Đứa lớn nhất hỏi, vẻ nghi ngờ.

- Tụi tôi có làm gì ổng đâu.

Miller móc ra một đồng 5 Mark, tung tung trên bàn tay. Tám cặp mắt ngó theo đồng bạc lấp lánh. Rồi cả tám cái đầu lắc chậm rãi.

Miller quay lưng và bước đi.

- Ông đi.

Một thằng nhỏ nhất bọn chạy lại.

- Tôi có lần thấy ông ấy với một người. Họ nói chuyện với nhau. Ngồi và nói chuyện.

- Ở đâu vậy?

- Ở phía bờ sông, trên bãi cỏ dọc theo bờ. Có mấy cái băng ghế ở đó. Họ ngồi ở đó nói chuyện-

- Ông kia già không?

- Già lắm, tóc trắng hết luôn.

Miller đưa cho nó đồng bạc. Nghĩ rằng không có hy vọng gì. Nhưng anh cũng đi tới bờ sông, nhìn xuống bãi cỏ dài theo con sông ở cả hai phía. Có khoảng chừng hơn chục chiếc băng ở trên bờ, tất cả đều không có ai ngồi. Mùa hè thì chắc cũng có nhiều người ra đây ngồi ngắm những chuyến tàu qua lại trên dòng Elbe. Nhưng vào cuối tháng 11 này thì không ai làm thế.

Ở phía trái, dọc theo bờ có một bến cá, độ năm sáu chiếc tàu đánh cá Bắc Hải đậu ở cầu tàu để đổ cá thu cá trích mới đánh được xuống, hay để chuẩn bị ra biển lần nữa.

Khi còn nhỏ, anh đã tới thành phố điều tàn này. Rồi khỏi một nông trại bị bom đạn tàn phá, và đã lớn lên giữa cảnh đổ nát đó. Nơi anh thích đến để chơi đùa đó là cái bến cá dọc theo con sông, ở khu Altona này. Anh yêu những người thợ chài, thô lỗ, nhưng tử tế, lúc nào cũng có mùi cá, mùi muối và thuốc lá rẻ tiền. Anh lại nghĩ tới Eduard Roschmann ở Riga, và không hiểu sao cùng một xứ sở mà lại sinh ra hai loại người như thế.

Anh lại nghĩ về Tauber và vấn đề đó. Anh có thể tìm ông bạn Marx đó ở đâu đây? Anh biết mình còn thiếu một cái gì nhưng không thể nhận rõ ra được. Anh trở ra xe và lúc đậu lại để đổ xăng ở một trạm gần nhà ga xe lửa Altona thì câu trả lời hiện ra. Người bán xăng phàn nàn về giá xăng vọt lên và như nói chuyện với khách hàng, hần than

thờ tiền bạc ngày càng khó kiếm. Ông ta đi đổi tiền lẻ để thối, trong khi Miller ngồi đợi, nhìn chòng chọc vào chiếc ví mở rộng trên tay.

Tiền. Tauber kiếm tiền ở đâu ra? Ông không làm việc, ông từ chối nhận bồi thường của chính quyền Đức. Vậy mà ông ta trả tiền thuê nhà rất đều đặn và còn dư để ăn uống. Ông 56 tuổi, như thế ông không thể có trợ cấp dưỡng lão, nhưng ông có thể có trợ cấp già yếu mất sức. Có thể lắm.

Miller nhận tiền thối. Nổ máy chiếc Jaguar và lái tới bưu điện Altona. Anh tiến tới quầy có ghi: Trợ cấp.

- Bà có thể cho biết lúc nào người ta nhận trợ cấp? Anh hỏi một bà phốp pháp ngồi sau quầy.

- Vào ngày cuối tháng.

- Nếu đó là thứ bảy?

- Ngoại trừ ngày cuối tuần. Tháng này ngày đó là thứ sáu, tức là ngày một.

- Cả người lãnh trợ cấp mất sức cũng tới đây sao?

- Ai có trợ cấp đều nhận ở đây vào ngày cuối tháng hết.

- Ở ngay quầy này à?

- Nếu người đó sống ở Altona. Bà nọ trả lời.

- Vào lúc mấy giờ?

- Từ lúc bưu điện mở cửa.

- Cám ơn bà.

Miller trở lại vào sáng thứ sáu, nhìn hàng dài những ông bà già lần lượt vào cửa khi bưu điện làm việc. Anh đứng dựa vào tường, chỗ thuận tiện để thấy rõ hướng của họ khi ra về, có nhiều người tóc bạc lắm, nhưng ai cũng đội mũ sùm sụp vì trời rét. Thời tiết đã khô trở lại, đã có nắng nhưng vẫn lạnh. Đến gần 11 giờ, một ông già, tóc bạc trắng xóa rời khỏi bưu điện, vừa đi vừa đếm lại tiền, nhét hết vào túi và nhìn quanh quẩn như tìm kiếm một

ai. Vài phút sau, ông quay đi và bước chậm rãi qua đường Muscum đi về phía bờ sông. Miller rời khỏi bức tường và đi theo ông ta.

Ông già phải mất đến 20 phút để đi quãng đường nửa dặm tới bờ sông Elbe, rồi ông vượt qua bãi cỏ và ngồi xuống một băng ghế, Miller chậm rãi tiến tới sau lưng ông ta.

- Ông Marx?

Ông già quay lại khi Miller đi vòng ra phía trước. Ông không có vẻ gì ngạc nhiên, làm như ông thường thấy người lạ nhận ra ông.

- Phải, ông trả lời giọng trầm trầm, tôi là Marx.

- Còn tôi là Miller.

Marx hơi cúi đầu khi nghe hẳn nói.

- Ông... à... chắc đang chờ ông Tauber?

- Phải. Ông ta trả lời, không hề ngạc nhiên.

- Tôi ngồi được không?

- Vâng. Xin mời.

Miller ngồi xuống cạnh ông ta, họ cùng nhìn xuống dòng sông Elbe. Một con tàu chở hàng lớn, chiếc Kota Maru từ cảng Yakohama, nhấp nhô theo con nước đang xuống.

- Tôi e rằng ông Tauber đã chết.

Ông già nhìn theo chiếc tàu chạy qua. Ông chả có vẻ tiếc thương hay sửng sốt, làm như một tin tức như vậy vẫn được nghe tới hàng ngày. Có lẽ là thế.

- Tôi cũng nghĩ thế. Ông trả lời.

Miller kể sơ lược cho ông nghe về câu chuyện của đêm thứ sáu tuần trước:

- Ông không ngạc nhiên khi hay ông ấy tự tử à?

- Không, ông ấy là người rất đau khổ.

- Ông ấy để lại một tập nhật ký, ông biết không?

- Biết, đã có lần ông ấy nói cho tôi nghe.
- Ông có đọc nó không?
- Không. Ông ấy chẳng cho ai đọc cả, nhưng có kể cho tôi nghe.
- Nó ghi lại những ngày ông còn ở Riga trong thế chiến.
- Ờ, ông ấy có nói là ông ở Riga.
- Còn ông cũng ở Riga sao?

Ông già quay sang nhìn anh với con mắt buồn bã:

- Không, tôi ở Dachau.
- Này, ông Marx, tôi cần ông giúp đỡ. Trong nhật ký, ông Tauber có nói tới một người, một sĩ quan SS tên là Roschmann. Đại úy Eduard Roschmann. Có bao giờ ông ấy nói tới người này với ông không?

- À, có. Ông có kể về Roschmann. Đó chính là điều khiến ông ta muốn sống. Hy vọng một ngày ra trước tòa làm chứng về tội ác của Roschmann.

- Trong nhật ký, ông cũng nói thế. Tôi được đọc nó sau khi ông ấy chết. Tôi là phóng viên báo chí. Tôi muốn tìm ra Roschmann. Đưa hắn ra tòa. Ông hiểu không?

- À.

- Nhưng tôi không biết hắn ta còn sống hay chết. Ông có nhớ Tauber có biết Roschmann còn sống và tự do, hay là không?

Marx nhìn dăm dăm theo bóng con tàu Kota Maru, mấy phút trôi qua, im lặng, rồi ông già trả lời:

- Tên đại úy Roschmann đó còn sống, và tự do.
- Sao ông biết?
- Vì Tauber có thấy hắn.
- Phải, tôi có đọc thấy. Đó là hồi tháng 4-1945.
- Không, mới hồi tháng trước.

Cả hai im lặng sống lại, Miller nhìn ông già chòng chọc, còn Marx nhìn xuống dòng nước.

- Tháng trước? Miller nhắc lại: ông ấy nói có gặp hẳn ra sao không?

Marx thở dài, và quay sang Miller:

- Có. Có lần ông ta đi bộ lúc khuya lắm rồi, ông thường đi như thế những lúc không ngủ được. Ông ta đang đi về nhà, qua hí viện Sate Opera House, ngay vào lúc người ta tan buổi diễn. Ông dừng lại khi họ tràn ra lề đường. Ông ấy kể đó toàn là bọn giàu có đàn ông áo choàng, áo khoác đàn bà áo lông, kim cương. Có ba cái taxi đậu bên lề chờ khách. Người gác cửa hí viện ngăn khách bộ hành lại để họ đi qua. Và lúc đó, ông ta thấy Roschmann.

- Trong đám người xem hát về?

- Phải. Hẳn cùng hai người nữa leo lên một chiếc taxi và đi mất.

- A, ông Marx, này. Ông ấy có chắc đó là Roschmann không?

- Chắc chứ.

- Nhưng ông ta không gặp hẳn cả 19 năm nay rồi. Hẳn chắc đã thay đổi nhiều, làm sao ông ấy tin chắc được?

- Ông ta nói lúc đó hẳn cười.

- Hẳn làm gì?

- Hẳn cười. Roschmann cười.

- Thế nghĩa là sao?

Marx gật gù:

- Ông ta bảo ai đã từng thấy Roschmann cười thì không thể quên được. Ông ta không mô tả được, nhưng nói chắc rằng ông ta có thể nhận ngay ra nụ cười đó trong cả triệu nụ cười khác, ở bất cứ chỗ nào trên đời này.

- À. Ông có tin ông ấy không?

- Tin, tin chứ. Tôi tin rằng ông ta đã thấy Roschmann.

- Thôi được. Tôi cũng thừa nhận thế đi. Ông ta có nhớ số xe của cái taxi đó không?

- Không. Ông nói lúc đó tâm hồn ông rung động khi nhìn chiếc taxi chạy đi.

- Chà. Chà, có thể nó tới một khách sạn. Nếu biết số xe mình có thể gặp tên tài xế để hỏi. Tauber kể cho ông chuyện này lúc nào?

- Mới tháng trước, khi chúng tôi di lãnh trợ cấp. Ở đây, ngay trên hàng ghế này.

Miller đứng dậy, và thở dài:

- Ông phải thấy là chả có ai tin nổi câu chuyện của ông ta.

Marx quay sang và nhìn lên gã phóng viên:

- Phải, ông ta trả lời rất nhỏ. Ông ấy cũng biết thế. Anh thấy đó. Đó cũng là lý do tại sao ông ấy tự tử.

Tôi hôm ấy, như mọi tuần, Peter ghé thăm mẹ và như thường lệ, bà lại lục vấn xem anh ăn đã no chưa, một ngày hút mấy điếu thuốc, quần áo giặt giũ thế nào.

Bà người thấp, hơi mập, khoảng hơn 50 tuổi, không bao giờ quen với ý nghĩ là cái nghề mà con trai duy nhất của bà muốn làm là nghề phóng viên.

Tôi đó bà hỏi con hiện đang làm gì. Anh bèn nói sơ lược cho bà nghe, cũng nói luôn ý đồ của anh là muốn truy cho ra tên Eduard Roschmann đó. Bà có vẻ như kinh ngạc.

Peter ăn một cách bình thản, mặc cho hàng chuỗi lời trách móc và khuyên can của bà chia vào tai.

- Thật là tệ, mày cứ luôn luôn dính dáng với mấy bọn dơ dáy đó, bây giờ lại còn dây dưa với bọn Quốc Xã nữa. Tao không hiểu bố mày sẽ nghĩ sao. Tao không...

Một ý nghĩ làm hấn xúc động.

- Mẹ.

- Cái gì?

- Trong chiến tranh... những chuyện bọn SS làm... trong các trại mẹ có bao giờ nghi ngờ... có bao giờ mẹ nghĩ nó xảy ra thế không?

Bà bực bội trong lúc thu dọn bàn ăn. Lát sau, bà nói:

- Kinh khủng dễ sợ. Người Anh có cho chúng tao coi một bộ phim hồi sau chiến tranh. Tao không muốn nghe về những thứ đó nữa.

Bà vội vàng đi ra. Peter đứng dậy và theo bà vào nhà bếp.

- Mẹ có nhớ hồi 1950, hồi con 16 tuổi, con có đi Paris với các bạn trong trường không?

Bà ngừng lại, chờ nước đầy bồn để rửa chén.

- Có, tao nhớ.

- Tụi con có tới nhà thờ Sacre Coeur (Thánh Tâm). Buổi lễ xong, đó là buổi lễ cầu hồn cho một người tên Jean Moulin. Người ta ra về, và họ nghe con nói tiếng Đức với người bạn. Thì có một người trong bọn họ quay lại và nhổ nước bọt về phía con. Con còn nhớ vết nước bọt dính vào áo khoác của con. Con nhớ sau đó con về và có kể cho mẹ nghe. Mẹ nhớ mẹ lúc đó nói gì không?

Bà Miller bực tức kỳ cọ những cái đĩa. Peter tiếp:

- Mẹ nói bọn Pháp là như thế. Thói quen bắn thủ, mẹ nói vậy đó.

- Ờ, bọn nó là thế, chúng ta không bao giờ làm như họ. Bà đáp.

- Nay, mẹ, mẹ có biết chúng ta đã làm gì ông Jean Moulin trước khi ông chết không? Không phải mẹ, bố, không phải con. Nhưng chúng ta, người Đức, hay rõ hơn là Gestapo, thì đối với cả triệu người ngoại quốc thì cũng là một thứ.

- Tao không muốn nghe vụ đó nữa. Bây giờ như thế đủ chưa.

- Thôi được, con không thể nói với mẹ, vì con không

biết. Dĩ nhiên những chuyện đó cũng được ghi lại đâu đó rồi. Nhưng còn chỗ này con bị nhổ nước bọt không phải vì con là thằng Gestapo mà vì con là người Đức.

- Và mày có thể tự hào về điều đó.

- Ô, tự hào chứ, mẹ tin con đi. Nhưng như thế không phải là con cũng tự hào về bọn Quốc Xã, bọn SS và Gestapo.

- Chả ai làm thế cả, nhưng nói hoài về chuyện đó mệt lắm.

Bà bối rối, như tất cả mọi lần anh tranh luận với bà, bà lau tay vào khăn bếp rồi bước nhanh trở lại phòng khách, Miller đi theo.

- Mẹ, mẹ ráng hiểu đi. Cho tới lúc con đọc tập nhật ký đó con chưa hề tìm hiểu về những chuyện mà người ta gán cho dân mình. Bây giờ, ít nhất, con cũng bắt đầu hiểu. Đó là lý do tại sao con muốn tìm ra tên này, tên đồ tể này, nếu nó vẫn còn sống. Nó phải bị đưa ra tòa.

Bà mẹ ngồi xuống chiếc ghế dài, gân muốn khóc.

- Đây, Peter, để mặc chúng nó đi. Đừng có moi móc vào quá khứ. Nó chả tốt đẹp gì đâu. Chuyện qua rồi mà. Tốt hơn là quên đi.

Peter quay về phía mặt lò sưởi, có đặt một cái đồng hồ, và bức ảnh của người cha quá cố. Ông mặc quân phục, cấp đại úy, tia mắt nhìn thẳng, với nụ cười dịu dàng, hơi buồn buồn làm anh nhớ tới ông hơn. Bức hình này chụp trước khi ông trở ra mặt trận, trong lần về thăm cuối cùng.

Peter nhớ lại cha mình rất rõ, nhìn bức hình ông chụp hồi 19 năm về trước, trong lúc bà mẹ đang bảo anh bỏ vụ điều tra về Roschmann đi. Anh còn nhớ, lúc trước chiến tranh, hồi mới 5 tuổi, ông có lần dẫn anh đi chơi trong sở thú Hagenbeck, và chỉ cho anh xem mọi loại thú, từng con một, kiên nhẫn đọc mọi ghi chú trên tấm bảng đồng trước mỗi chuồng thú để trả lời chuỗi câu hỏi vô tận của cậu con trai.

Anh cũng nhớ ngày ông về nhà sau khi ông ghi tên nhập ngũ ra sao, và mẹ anh khóc lóc thế nào, còn anh thì nghĩ sao mẹ lại khóc kỳ cục thế khi có một điều ly kỳ là ông bố mặc quân phục. Anh nhớ năm 1944, lúc 11 tuổi, có một sĩ quan tới trước cửa nhà, và bảo với mẹ anh là người chồng của bà, đã anh dũng hy sinh ở mặt trận phía Đông.

- Thời buổi này, chả có ai muốn phơi bày những chuyện đó ra nữa. Kể cả cái tòa án quỷ quái gì đó nữa. Không ai đi cảm ơn mày về chuyện đó đâu, dù mày có tìm ra được. Họ sẽ chỉ trở mày ngoài đường, tức là họ không muốn có thêm vụ án nào nữa cả. Bây giờ thì không, chuyện cũ quá rồi. Peter, mày nghe tao đi, bỏ qua chuyện đó đi.

Anh nhớ lại những cột báo viền đen, in danh sách, mỗi ngày một cột dài như thế, nhưng vào một ngày cuối tháng 10 thì khác vì ở giữa cột có một dòng:

- Tử nạn vì Tổ Quốc và Fuehreur. Miller, Erwin, Đại Úy, ngày 11 tháng 10, ở Ostland.

Và thế đó. Không có gì khác. Không có dấu vết về ở đâu, lúc nào hay tại sao. Có độ phân mười trong số mấy chục ngàn những tên tuổi được báo từ miền Đông về để ghi đầy lên cột báo viền đen dài vô tận đó, cho đến lúc chính quyền không cho in nữa vì nó làm nhụt tinh thần chiến đấu.

- Mày cũng phải nhớ tới cha mày chứ. Bộ mày nghĩ ông muốn con trai ông lục lọi chuyện cũ, rồi bày ra một vụ xử tử tội ác chiến tranh nữa sao? Mày tưởng đó là điều cha mày muốn đó hả?

Peter bước loanh quanh và đi tới bên mẹ, đưa hai tay ôm lấy vai bà và nhìn vào đôi mắt xanh đen, bực bội của bà. Anh cúi xuống và hôn nhẹ nhàng lên trán mẹ.

- Vâng, thưa mẹ. Con nghĩ đó chính là điều cha con muốn.

Anh ra về, leo lên xe và trở lại Hambourg, sự phẫn nộ

sôi sục trong lòng.

Mọi người biết ông và có nhiều người không đồng ý với nhau về dáng ngoài của Haus Hoffmann. Ông ta đã gần năm mươi, hào hoa một cách khá trẻ trung với mái tóc xám cắt chải cẩn thận theo kiểu mới nhất, những ngón tay có móng được mài dũa kỹ lưỡng. Bộ quần áo xám nhạt may ở hiệu Savile-Row, chiếc cà vạt lụa hiệu Cardin. Có một vẻ thẩm mỹ khá tốn kém ở ông ta.

Nếu dáng dấp là tài sản duy nhất thì ông không thể là một trong những kẻ giàu nhất Tây Đức và là chủ nhiệm tờ báo thành công nhất xứ này. Khởi nghiệp sau thế chiến với một tờ báo in tay, phổ biến những thông báo của lực lượng Anh chiếm đóng hồi đó, đến 1949 ông thành lập tờ tạp chí báo ảnh hàng tuần đầu tiên. Bí quyết của ông rất giản dị: Nói bằng cách viết và làm cho nó có tác dụng mạnh, hỗ trợ thêm bằng các bức ảnh làm sao để các tay làm báo cạnh tranh bị coi như những tên tạp sự. Nó đã làm như thế. Hệ thống tám tờ báo của ông di từ chuyện tình cho bọn môi lớn đến các tin tức bình luận về hành vi của bọn có tiền và tình dục đã khiến ông trở thành một tay đại triệu phú. Nhưng Komet, tờ tạp chí tin tức và thời sự, vẫn là đứa con cưng của ông ta.

Tiền bạc đã mang lại cho ông một biệt thự sang trọng ở Othroarwchen trên miền núi, một biệt thự ở miền biển, một chiếc Rolls Royce và một chiếc Ferrari. Cạnh đó ông còn có một cô vợ đẹp mà ông toàn cho máy mặc ở Paris và hai đứa con xinh xắn mà ông ít khi gặp mặt. Nhà triệu phú duy nhất ở Đức có nhiều đời vợ trẻ đẹp, giữ gìn kín đáo và thường thay đổi mà không bao giờ chụp hình đăng trên tờ tạp chí linh tinh của mình đó là Haus Hoffmann. Ông ta cũng rất tinh khôn.

Buổi chiều thứ tư đó, ông gặp tạp nhật ký Salomon Tauber lại sau khi đọc hết lời nói đầu, dựa ngả ra trên ghế và nhìn vào gã phóng viên trẻ tuổi ngồi đối diện.

- À, tôi có thể đoán được đoạn sau. Thế anh muốn cái

gì?

- Tôi nghĩ rằng đó là một tài liệu tốt, Miller trả lời. Có một người được nhắc tới luôn, suốt tập nhật ký, tên là Eduard Roschmann, đại úy SS. Chỉ huy trại Riga. Từng giết 80.000 người có cả đàn bà và trẻ em. Tôi muốn tìm ra hắn.

- Sao anh biết hắn còn sống?

Miller kể cho ông nghe sơ lược. Hoffmann mím môi lại:

- Bằng chứng khá là mơ hồ.

- Đúng. Nhưng đáng chú ý. Tôi đã từng có nhiều phóng sự khởi đầu còn mơ hồ hơn.

Hoffmann cười, nhớ lại khả năng điều tra ra những chuyện kỳ lạ của Miller. Hoffmann đã hoan hỉ cho in chúng, một khi đã kiểm chứng được nó là chính xác. Những chuyện đó khiến số phát hành tăng vọt lên.

- Thì giả thử như tên đó, tên gì nhỉ. Roschmann hả? À, giả thử như Roschmann có nằm trong danh sách truy tìm. Nếu cảnh sát không thể tìm ra hắn, thì sao anh nghĩ là anh làm được?

- Cảnh sát thực sự có truy tìm à?

Hoffmann nhún vai:

- Coi như là có. Chính vì thế người ta mới trả lương cho họ.

- Nếu giúp vào một chút cũng chẳng hại gì, phải không? Chỉ là tìm xem hắn thật sự còn sống không, hắn có từng bị bắt không nếu có thì cái gì đã xảy ra cho hắn.

- Thế anh muốn gì ở tôi?

- Một số tiền ứng trước để khởi sự. Nếu không có, tôi không bắt đầu được.

Hoffmann du đưa trên ghế, quay mặt nhìn qua khung cửa sổ ngó xuống dãy bến tàu dài, các cần trục và cầu tàu xếp hàng cả mấy dặm ở phía dưới cửa sổ của tầng thứ 13

này.

- Nó hơi ra ngoài lãnh vực quốc nội chuyên môn của anh. Tại sao lại chú ý thế?

Miller thấy khó nghĩ. Cố gắng để bán một ý nghĩ lúc nào cũng là việc khó nhất. Một phóng viên tự do phải bán phóng sự, hay ý nghĩ về một phóng sự, đầu tiên là cho chủ nhiệm hay nhà xuất bản. Còn công chúng là sau đó.

- Đó là một phóng sự hấp dẫn. Nếu tờ Komet có thể tìm ra một người mà cảnh sát tìm không ra, nó sẽ là một tiếng vang. Là một thứ mà người ta muốn biết.

Hoffmann nhìn ra bầu trời tháng 12 và chậm rãi lắc đầu.

- Anh lầm rồi. Đó là lý do tại sao tôi không hỗ trợ anh để làm vụ đó. Tôi tin rằng đó là thứ mà công chúng ghét nghe nói tới nhất.

- Nhưng, thưa ông Hoffmann, cái này thì khác. Những người mà Roschmann giết không phải là người Ba Lan hay Nga, họ là người Đức, Đức gốc Do Thái, nhưng họ vẫn là người Đức. Làm sao mà người ta không muốn biết chuyện này?

Hoffmann rời mắt khỏi cửa sổ, chỗi khuỷu tay lên bàn và đỡ lấy cằm:

- Miller, anh là phóng viên giỏi. Tôi khoái kiểu làm phóng sự của anh, nó có sắc thái riêng. Và anh là tay săn tin hay. Tôi chỉ cần nhắc điện thoại là có thể mượn được cả 20, 50 hay cả trăm người ở thành phố này, và bọn họ sẽ làm mọi chuyện được sai bảo, điều tra chuyện mà họ được cử đi điều tra. Nhưng tự họ không thể làm phóng sự được. Còn anh thì có thể. Do đó, với tôi, anh có nhiều chuyện làm, và có thể có nhiều hơn trong tương lai. Nhưng trong đó không có chuyện này đâu.

- Tại sao thế? Đây là một phóng sự hay.

- Nghe đây, anh còn trẻ. Tôi muốn nói với anh vài vấn đề về báo chí. Một nửa các báo là muốn đăng những chuyện

tốt đẹp. Nửa còn lại thì muốn bán chạy. Anh có thể làm kiểu thứ nhất nhưng tôi có thể làm kiểu thứ hai. Đó là lý do tại sao anh thế đó mà tôi thế này. Anh nghĩ đó là một chuyện ai cũng muốn đọc, vì nạn nhân ở Riga là người Đức gốc Do Thái. Nói thật với anh, thực ra đó chính là cái mà không ai muốn đọc hết. Và đó vẫn còn là thứ chuyện họ cho là tồi nhất thế giới. Và trừ phi có một đạo luật buộc người ta phải mua báo để đọc, còn không thì người ta vẫn mua và đọc chuyện gì người ta muốn đọc. Và đó là thứ tôi đem lại cho họ, thứ mà họ muốn tìm đọc.

- Nhưng sao chuyện Roschmann này thì không?

- Anh vẫn chưa thấy sao? Thôi để tôi nói. Trước chiến tranh, hầu như người Đức nào cũng quen biết một người Đức Do Thái. Tức là trước khi Hitler lên, ở Đức chả ai ghét Do Thái cả. Chúng ta có sự đối xử rất tốt với thiểu số người Do Thái hơn bất cứ một quốc gia Châu Âu nào. Hơn cả Pháp, Tây Ban Nha, hơn xa Ba Lan và Nga, nơi có những cuộc tàn sát rất dã man.

- Rồi Hitler lên, tuyên truyền cho người ta rằng bọn Do Thái là chịu trách nhiệm về thế chiến một, về thất nghiệp, bần cùng và mọi thứ tồi tệ khác. Người ta không biết tin vào cái gì. Hầu hết người ta ai cũng có biết một người Do Thái tử tế, hay cũng thuộc loại vô hại. Người ta có bạn Do Thái, những người bạn tốt, ông chủ Do Thái, ông chủ tử tế, đây tổ Do Thái đây tổ siêng năng. Họ tuân theo pháp luật, chả làm hại ai. Và rồi Hitler lại nói họ chịu tội về tất cả mọi thứ. Rồi khi những chuyến xe hơi ngạt tới và chở họ đi, người ta đã không làm gì cả. Họ đứng ngoài, họ im lặng. Họ dần dần tin theo những lời nói ra rả tối ngày đó. Vì quân chúng là như thế, nhất là dân Đức. Chúng ta là dân tộc kỷ luật. Đó là sức mạnh lớn lao nhất và cũng là chỗ yếu lớn lao nhất của chúng ta. Nó cho phép ta làm được những phép lạ kinh tế trong khi nước Anh còn trì trệ, và nó cũng khiến chúng ta có thể theo một kẻ như Hitler đi tới một cuộc tàn sát người quy mô nhất.

- Đã nhiều năm, người ta chả ai tự hỏi chuyện gì đã

xảy ra cho người Do Thái ở Đức. Họ đã biến mất, không có gì khác. Cũng thật chán khi phải đọc đến những vụ xử tội ác chiến tranh đã xảy ra cho những người Do Thái vô danh ở Warsaw, Lublin, Bialystok, những người Do Thái xa lạ không quen biết ở Ba Lan hay Nga. Bây giờ anh lại muốn nói với họ về những chuyện đã xảy ra cho người hàng xóm của họ. Anh có thể hiểu chưa? Những người Do Thái này, ông ta gõ gõ vào tập nhật ký... là những kẻ mà họ biết, kẻ mà họ vẫn chào trên phố, mua bán với nhau, thế mà họ lại tỏ ra dửng dưng khi người đó bị bắt để đưa tới cho thằng cha Roschmann của anh, nó xử lý. Anh nghĩ là họ thích đọc chuyện đó lắm hả? Anh khó có thể tìm ra một đề tài nào mà dân Đức ghét hơn đề tài này!

Nói xong, Haus Hoffmann dựa ngửa ra, chọn lấy một điều trong hộp xì gà trên bàn và đốt lên bằng chiếc quẹt Dupont vàng. Miller ngồi ở đó và suy nghĩ tới điều anh không thể tự nghĩ ra từ trước đây, sau cùng anh nói:

- Chắc đây là cái mà mẹ tôi muốn nói tới.

Hoffmann ậm ừ:

- Có thể lắm.

- Nhưng tôi vẫn muốn tìm cho ra tên này.

- ~~Bỏ~~ Bỏ đi, Miller. Mặc xác nó. Không ai cảm ơn anh đâu.

- Phản ứng của công luận, đâu phải là lý do duy nhất. Còn lý do động cơ khác nữa chứ, phải không?

- Phải.

- Ông có sợ gì chúng không? Miller hỏi. Hoffmann lắc đầu.

- Không. Nhưng tôi không đi kiếm chuyện rắc rối cho việc làm ăn. Thế thôi.

- Rắc rối gì đâu?

- Anh có bao giờ nghe tới một người tên Haus Habe? Hoffmann hỏi.

- Nhà văn phải không? Có, rồi sao?

- Hãn từng chủ trương một tờ tạp chí ở Munich. Khoảng đầu thập niên 50. Tờ báo hay lắm, hãn ta là một phóng viên giỏi như anh. Tờ báo tên là Echo of the Week (Tiếng vang hàng tuần). Hãn ghét bọn Quốc Xã, nên hãn đã viết một loạt bài điều tra nêu tên các cựu SS hiện còn đang sống tự do ở Munich.

- Rồi cái gì xảy ra cho hãn?

- Cho hãn, đâu có gì. Càng ngày hãn càng nhận được nhiều thư từ hơn. Một số là của các thân chủ, gửi cho hãn để rút lại mục quảng cáo của họ trên báo. Một số từ các ngân hàng yêu cầu hãn thanh toán nợ, vì ngân hàng đã đóng cửa vì vỡ nợ, ngay vào lúc đó. Trong vòng tuần lễ, tờ tạp chí đình bản. Bây giờ thì hãn viết tiểu thuyết cũng ăn khách. Nhưng không còn làm báo nữa.

- Thế chúng ta làm gì đây? Cứ sợ hãi mãi sao?

Hoffmann cắn điều xì gà trên miệng.

- Tôi không cần anh phải như thế, Miller ạ.

Mắt ông chớp chớp và nói tiếp:

- Trước đến nay tôi vẫn ghét bọn đó. Nhưng tôi hiểu độc giả của tôi. Và họ thì không muốn đọc về Eduard Roschmann.

- Thôi được, tôi rất tiếc. Nhưng tôi vẫn muốn đi điều tra vụ này.

- Anh biết đó, Miller, nếu tôi không biết anh, thì tôi đã nghĩ là phải có động cơ cá nhân gì đó trong chuyện này. Đừng bao giờ để báo chí dính dáng tới cá nhân. Điều đó không tốt cho việc tường thuật và người phóng viên. Dù sao, anh có còn đủ khả năng tài chánh không?

- Tôi cũng còn một ít tiền tiết kiệm. Miller đứng dậy.

- Chúc may mắn.

Hoffmann cũng đứng lên, đi vòng qua bàn:

- Tôi nói trước. Ngày nào Roschmann bị bắt và tống giam, tôi sẽ trả tiền cho thiên phóng sự của anh. Đó là

một chuyện hay, do đó nó là tài sản của công chúng. Nếu tôi quyết định không cho in, tôi sẽ mua nó bằng tiền của tôi. Đó là hết sức tôi rồi. Nhưng khi anh điều tra, anh không thể mang giấy tờ của tạp chí này như là của anh được.

Miller gật đầu.

- Tôi sẽ gửi trả lại.

CHƯƠNG 5

Cũng buổi sáng ngày thứ tư, vào giờ đó, năm người chỉ huy của năm cơ quan tình báo Israel gặp mặt trong buổi họp thường lệ hàng tuần của họ.

Trong hầu hết quốc gia, sự xung khắc trong nội bộ các cơ sở tình báo khác nhau đã là một huyền thoại. Ở Nga, KGB ghét bọn GRU. Ở Mỹ FBI không ưa gì CIA. Ở Anh, Phòng An Ninh Anh Quốc nhất định không cộng tác với Sở Đặc Biệt của Scotland Yard. Và ở Pháp, không thiếu gì nhân viên SDECE đã bán khoán không hiệu tình báo Pháp phục vụ cho chính quyền hay cho bọn nào khác.

Nhưng Israel thì may mắn hơn. Mỗi tuần, chỉ huy của năm cơ quan tình báo gặp gỡ hội đàm thân mật mà không có dụng chạch nào. Đó là một trong những bộ phận của một quốc gia bị kẻ thù bao vây. Tại những buổi gặp gỡ có cà phê và rượu nhẹ đó, họ gọi tên tất của nhau, trong không khí đó, thoải mái, họ đã làm được nhiều việc hơn là với những báo cáo tường trình lê thê.

Tướng Meir Amid, người điều động Mossad, đầu não của năm cơ quan tình báo Israel, buổi sáng ngày 4 tháng 12 đó đã thân hành đi dự cuộc họp này. Bên ngoài cửa kính của chiếc xe hơi dài sơn đen, có tài xế riêng của ông, là nắng sớm đang rực rỡ trải dài trên đường phố Tel Aviv. Nhưng ông không có tinh thần đầu để ngắm cảnh, ông

đang bản khoãn.

Nguyên nhân là một mẫu tin ông vừa nhận được vào sớm ngày hôm nay. Một mẫu tin tức, thêm vào chồng hồ sơ khổng lồ, nhỏ nhưng quan trọng.. Vì chồng hồ sơ mới nhận thêm mẫu tin nhỏ từ Cairo gửi về, đó là chồng hồ sơ về các hỏa tiễn Helwan.

Khuôn mặt lạnh lùng của viên tướng 42 tuổi đó không lộ ra nét cảm giác nào, khi chiếc xe lượn qua vùng Zina Cireni và hướng về khu ngoại ô phía Tây của thành phố. Ông dựa trên nệm xe và ôn lại câu chuyện dài của những chiếc hỏa tiễn chế tạo ở Bắc Cairo, nó đã làm ông phải hy sinh mấy nhân viên và cả vị tiền nhiệm của ông, tướng Isser Harel, cũng phải bị mất chức.

Trong khoảng năm 1961, khá lâu trước khi hai chiếc hỏa tiễn của Nasser được đưa ra diễn hành trên đường phố Cairo, thì tổ chức Mossad của Israel đã hay được sự có mặt của nó. Ngay từ những báo cáo đầu tiên từ Ai Cập gửi về, thì họ đã cho dò xét thường xuyên nhà máy 333.

Họ cũng biết rất rõ về việc Ai Cập, qua trung gian của Odessa, đã cho chiêu mộ các bác học Đức để chế tạo hỏa tiễn Helwan. Đó là một vấn đề nghiêm trọng, và nó càng trở nên nghiêm trọng hơn vào mùa xuân 1962.

Vào tháng 2 năm đó, Heinz Krug, người lo việc chiêu mộ các khoa học gia Đức, đã đến gặp nhà vật lý Áo, tiến sĩ Otto Yekle, ở Vienna. Thay vì nhận lời, nhà vật lý này lại thông báo cho Israel. Và tin này được điện ngay về Tel Aviv. Một nhân viên Mossad tới gặp ông ta và được cho hay rằng Ai Cập có ý định trang bị các hỏa tiễn bằng các đầu đạn nguyên tử phóng xạ và mầm vi trùng dịch hạch.

Tin tức này quan trọng đến độ chỉ huy Mossad là tướng Isser Harel, người từng dịch thân giải Adolf Eichmann từ Buenos Aires về Tel Aviv, đã phải bay sang Vienna để gặp Yekle. Ông ta tin rằng tiến sĩ đó nói thật, cộng thêm nguồn tin rằng Cairo đã nhờ một nhà máy ở Zurich mua một khối lượng Cobalt phóng xạ gấp 25 lần so với nhu cầu

y tế của họ.

Từ Vienna về, Isser Harel đã tới gặp ngay Thủ Tướng David Ben Gurion và yêu cầu ông cho phép khởi sự ngay một chiến dịch trả đũa các bác học Đức đang làm việc hay định sang làm việc với Ai Cập. Ông Thủ Tướng lâm vào cảnh khó xử. Một mặt ông nhìn ra sự nguy hiểm trầm trọng của các hỏa tiễn mới với đầu đạn diệt chủng của nó đang đe dọa dân tộc mình, mặt khác ông cũng hiểu giá trị của súng ống, xe tăng Đức Quốc lúc đó đang được chở tới Israel. Những hành động trả đũa mà xảy ra ngay trên đường phố Đức có thể thúc đẩy Adenauer ngã theo bộ ngoại giao và đình chỉ vụ cung cấp vũ khí.

Trong nội bộ nội các Tel Aviv cũng có một vết rạn xuất hiện giống như vết rạn ở Bonn về vấn đề vũ khí này. Isser Harel và bộ trưởng ngoại giao, bà Golda Merr ủng hộ một hành động cứng rắn đối với các bác học Đức, Shimon Peres và quân đội thì lo sợ khi nghĩ mình không có những vũ khí quý giá của Đức. Ben Gurion, bị giăng co giữa hai phía.

Ông ta đi tới một sự dung hòa: Ông cho phép Harel tiến hành một chiến dịch kín đáo, thầm lặng để ngăn cản các bác học Đức đừng đi sang Cairo để giúp Nasser chế tạo hỏa tiễn. Nhưng Harel, với bản chất căm ghét Đức và tất cả những gì dính dáng tới Đức nên đã làm hơi quá.

Ngày 10 tháng 9-1962, Heinz Krug biến mất. Đêm trước ông ta còn ăn tối với tiến sĩ Kleinwachter, chuyên gia dàn phóng hỏa tiễn, mà ông ta đang cố chiêu mộ, cùng với một người Ai Cập lạ mặt. Vào sáng hôm sau, ngày 11 người ta thấy chiếc xe của Krug bỏ đậu gần nhà của ông ở ngoại ô Munich. Bà vợ Krug liền hô lên rằng ông ta đã bị bọn Israel bắt cóc, nhưng cảnh sát Munich không tìm ra dấu vết nào về Krug cũng như về dấu vết của bọn bắt cóc. Thực ra, ông ta bị một nhóm do một kẻ bí mật tên Leon chỉ huy, bắt đi và xác của ông bị chìm dưới hồ Starnbeng, có dẫn theo một mớ đá.

Chiến dịch chống người Đức cũng khởi sự ở Ai Cập. Vào

27.11, một gói bưu phẩm, đóng dấu Hambourg và đề gửi cho Giáo sư Wolfgang Pilz, chuyên gia hỏa tiễn, từng làm việc cho Pháp, đã tới Cairo. Người thư ký mở gói, cô Hannelore Wenda. Gói bưu phẩm nổ, cô bị thương tàn tật và mù suốt đời.

Ngày 28.11, một gói khác, cũng đóng dấu Hambourg, được gửi tới nhà máy 333. Lần này, người Ai Cập đã lập một bức bình phong an toàn rồi mới mở gói. Một nhân viên bưu điện Ai Cập cắt dây buộc. Bom nổ làm 5 người chết, và 10 người bị thương. Ngày 29, một gói thứ ba gửi tới nữa nhưng không nổ.

Ngày 20-2-1963, các nhân viên của Harel lại hoạt động mạnh trở lại ở Đức. Tiến sĩ Kleinwachter, vẫn chưa quyết định có sang Cairo hay không, hôm đó ông lái xe từ phòng thí nghiệm ở Loerrach về nhà gần biên giới Thụy sĩ, thì một chiếc Mercedes đậu chắn ngang đường. Ông đã kịp lao mình xuống sàn xe khi một người trong chiếc xe kia bắn xối xả một băng đạn vào cửa xe ông. Cảnh sát sau đó tìm ra chiếc Mercedes đen nọ, nó bị ăn cắp bữa hôm trước. Trong hộc xe còn để lại một thẻ căn cước, đề tên Đại Tá Ali Samir. Cuộc điều tra cho hay đó là tên người chỉ huy Cục mật vụ Ai Cập. Nhân viên của Harel đã ra mặt với ít nhiều óc khôi hài đen.

Đến nay, chiến dịch trả đũa này đã lên tột đỉnh trên báo chí Đức. Nó trở thành một rắc rối với vụ Ben Gal. Vào ngày 2.3, Heidi Goerke, con gái giáo sư Paul Goerke, kẻ đề xướng kế hoạch hỏa tiễn cho Nasser, nhận được một cú điện thoại gọi đến nhà cô ở Freiburg, hẹn gặp cô tại khách sạn Three King ở Basel, Thụy sĩ sát ngay biên giới.

Heiki báo ngay cho cảnh sát Đức, họ liền sang Thụy Sĩ, và đặt máy trong phòng để ghi âm cuộc gặp gỡ. Trong cuộc gặp gỡ, hai người đàn ông đeo kính đen đã cảnh cáo Heidi Goerke và em trai của cô ta, họ bảo cô nên thuyết phục cha mình rời Ai Cập nếu muốn sống còn. Bị theo dõi tới Zurich và bị bắt ngay đêm đó, hai người này bị đưa ra tòa Basel vào 10-6-1963. Đó là một vụ rắc rối quốc tế.

Người chỉ huy hai người đó là Yosef Ben Gal, công dân Israel.

Vụ án diễn ra tốt đẹp. Giáo sư Yoklek đã làm chứng về đầu đạn dịch hạch và phóng xạ, và các quan tòa cũng bị rắc rối luôn. Lợi dụng cơ hội, chính quyền Israel, qua vụ án này, đã tố cáo Ai Cập có ý đồ gây chiến tranh diệt chủng. Xúc động, tòa đã cho tha bổng hai bị can.

Nhưng ở Israel thì có sự tính sổ lại. Mặc dù Adennauer đã hứa với Ben Gurion là sẽ cố gắng ngăn cản các bác học Đức đừng tham gia vào việc chế hỏa tiễn Helwan nhưng Ben Gurion cũng hổ thẹn vì vụ rắc rối, nên ông đã khiến Trách tướng Isser Harel vì đã đi quá lối trong chiến dịch đe dọa của mình. Harel phản ứng bằng việc đệ đơn từ chức. Và ông ngạc nhiên không ngờ khi Ben Gurion chấp nhận đơn như muốn chứng minh rằng ở Israel không có ai là không thể thay thế được, ngay cả Giám đốc cơ quan tình báo.

Đêm đó, 20-6-1963, Harel đã nói chuyện nhiều với người bạn chí thân, Tướng Meir Amit, lúc đó chỉ huy tình báo Quân đội, Tướng Amit vẫn còn nhớ rõ buổi nói chuyện đó, cùng khuôn mặt giận dữ của chiến hữu gốc Nga của mình, có biệt danh "Isser kinh khủng".

- Tôi đã nói với anh rồi, Meir ạ, rằng kể từ nay Israel không còn có chuyện trả oán nữa. Bọn chính khách đã nắm hết rồi. Tôi đã xin từ chức và đã được đồng ý. Tôi đã yêu cầu họ cử anh thay tôi và tôi tin họ cũng bằng lòng.

Hội đồng liên bộ họp ở Israel về các hoạt động tình báo đã đồng ý. Cuối tháng 6, Tướng Amit trở thành Giám đốc tình báo.

Tuy nhiên, hồi chuông dành cho Ben Gurion cũng đã vang lên. Phe điều hậu trong nội các, đứng đầu là Levi Eshkol và Golda Meir đã buộc ông từ chức, và từ 26-6-1963, Levi được đưa lên làm Thủ Tướng. Ben Gurion, lác lư mái tóc bạc giận giữ đã bỏ về Kibbutz (Cộng đồng kinh tế, giống như hợp tác xã, nhưng qui mô hơn) của ông ở Neyev. Nhưng

ông vẫn còn là một thành viên của Knesset (Quốc hội).

Dù chính phủ mới đã loại Ben ra, nhưng cũng không phục hồi Isser Harel. Có lẽ họ nghĩ Meir Amit là một Tướng lĩnh chịu nghe lệnh hơn Harel, vốn đã có cả một huyền thoại trong lòng dân Israel, và đã khoái trá vì điều đó.

Mệnh lệnh của Ben Gurion không bị hủy bỏ. Những chỉ thị cho Meir Amit vẫn như trước, tránh mọi rắc rối ở Đức với các bác học. Không cách nào khác, ông đành tiếp tục khùng bố các bác học đã sang Ai Cập rồi.

Những người Đức này, sống trong khu nhọai ô Meadi, bảy dặm phía Nam Cairo, trên bờ Bắc con sông Nile. Một khu ngoại ô dễ chịu, duy có điều các toán quân phòng vệ Ai Cập ở đây hơi đông, và các kiều dân Đức cứ như bị giam trong chiếc lồng son. Để xâm nhập vào đó, Meir Amit đã dùng đến một nhân viên cao cấp tại Ai Cập, chủ trường dạy lái xe Wolfgang Lutz. Kể đang lao vào cuộc mạo hiểm kể từ tháng 9-1963.

Với các bác học Đức, bị chấn động vì một loạt bưu kiện nổ chậm từ Đức gửi sang, thì mùa thu 1963 đã là một cơn ác mộng. Ở trung tâm Meodi, đây rầy bọn an ninh Ai Cập, họ lại bắt đầu gặp những bức thư đe dọa, được đóng dấu bưu điện Cairo.

Giáo sư Josel Eisig nhận được một lá, mô tả rõ bà vợ, hai đứa con, và công việc ông đang đảm trách, một cách rất là chính xác, rồi có lời khuyên ông rời Ai Cập và về Đức. Nhà bác học nào rồi cũng nhận một lá thư như thế. Ngày 27-9, một bức thư nổ ngay vào mặt Tiến sĩ Dirmayer. Với một số bác học, đây là mức chịu đựng cuối cùng. Cuối tháng 9 đó, tiến sĩ Pilz rời Cairo trở về Đức, mang cả cô thư ký đáng tội Frauloin Wenda theo.

Những người khác nổi gót, và Ai Cập điên dại không cách chi giữ họ lại được, vì đã không bảo vệ nổi cho họ trước những lá thư đe dọa.

Người đàn ông trong chiếc xe đen vào buổi sáng mùa Đông rục rĩ của năm 1963 đó biết rằng nhân viên của

mình, người Đức được coi như có xu hướng Quốc Xã, tên Lutz, chính là kẻ đã viết ra những lá thư và gửi những quả bom đó tới.

Nhưng ông cũng rõ là chương trình hỏa tiễn vẫn không bị đình chỉ. Những tin tức ông nhận được cho biết điều đó. Ông liếc lại bản văn đã giải mã một lần nữa. Nó chỉ khẳng định rõ ràng một khối lượng vi trùng dịch hạch đã được lưu trữ cô lập trong một phòng thí nghiệm bệnh truyền nhiễm ở Trường Y học Cairo, và kinh phí dành cho nó đã được tăng gấp mười lần. Tin tức cho thấy rằng mặc dù dư luận chống đối đã nổi lên từ sau vụ án Ben Gal ở Basel vào mùa hè trước, họ vẫn cứ tiếp tục chương trình diệt chủng.

Nếu Hoffmann hiểu được, hẳn ông phải giúp Miller nhiều hơn. Rồi văn phòng, Miller đi thang máy xuống tầng lầu 5 và ghé vào gặp Max Dorn, đặc phái viên về các vấn đề tư pháp của tòa soạn.

- Tôi vừa mới lên gặp Hoffmann, anh giec mình xuống chiếc ghế đặt trước bàn của Dorn. Bây giờ tôi cần vài chi tiết, anh giúp tôi được không?

- Nói đi... Dorn trả lời, nghĩ thầm chắc Miller đã được giao viết một phóng sự gì đó cho tờ Komet.

- Ai lo điều tra về tội ác chiến tranh ở Đức?

Câu hỏi làm Dorn bật người ra:

- Tội ác chiến tranh?

- Phải. Cơ quan nào chịu trách nhiệm điều tra về những chuyện xảy ra tại bất cứ xứ nào trước đây ta có chiếm đóng, và truy tầm, truy tố những tội nhân giết người hàng loạt?

- A, tôi hiểu anh muốn nói gì, căn bản là do các văn phòng Chương lý của các tiểu bang trong Tây Đức.

- Tức là văn phòng nào cũng lo việc đó sao?

Dorn dựa ra ghế, thoải mái với lãnh vực chuyên môn

của mình:

- Có tất cả 16 tiểu bang tại Tây Đức, mỗi cái có một thủ phủ, và một văn phòng chương lý tiểu bang. Trong mỗi văn phòng đó, có một bộ phận chịu trách nhiệm điều tra cái gọi là "Tội ác cường bạo trong thời Quốc Xã". Mỗi tiểu bang coi sóc một phần của đế tam Reich xưa hay phụ trách điều tra về một phần lãnh thổ nào đó.

- Vậy là sao?

- Tức là, mọi tội ác của bọn Quốc Xã, bọn SS gây ra ở Ý, Hy Lạp và Ba Lan thì do Stuttgart điều tra. Trại tập trung lớn nhất, Auschwitz, thì do Frankfurt. Anh chắc có nghe nói tới một vụ xử lớn ở Frankfurt tháng 5 tới đây, truy tố 22 lính gác của trại Auschwitz. Việc điều tra các trại Treblinka, Chelmno, Sobibor và Maidanek thì do Dusseldorf Cologne. Munich thì chịu trách nhiệm về Belzec, Dachau, Buchenwald và Flossenburg. Hầu hết tội ác ở vùng Ukraine, và vùng Lodz xưa thuộc Ba Lan thì do Hanover coi sóc. Đại khái thế.

Miller ghi lại những chi tiết này và gật gù:

- Còn bang nào thì lo điều tra về ba xứ Baltic?

- Hambourg... Dorn trả lời ngay. Cùng với các vụ trong khu vực Danzig và Warsaw của Ba Lan.

- Hambourg? Ngay đây đó hả?

- Ừ! Có gì vậy?

- À, tôi muốn biết về Riga.

Dorn lẩm nhẩm một lát:

- À, biết rồi. Bọn Đức gốc Do Thái. Đúng rồi, chương lý ở đây lo vụ đó đó.

- Thế nếu có một vụ xử, hay tổng giam bắt giữ bất cứ ai đã phạm tội ở Riga, thì nó sẽ được làm ở Hambourg này à?

- Xử thì ở đây, còn bắt giữ có thể ở chỗ khác, bất cứ đâu.

- Thủ tục bắt giữ ra sao?

- Có một cuốn sách gọi là sách truy tâm, trong đó có tên họ, ngày tháng năm sinh của các tội nhân chiến tranh cần truy tâm. Thường thường, trưởng lý tiểu bang phụ trách vùng nơi tội nhân đã gây tội ác, ông ấy phải bỏ cả nhiều năm để chuẩn bị mọi tài liệu trước khi xin bắt giữ. Sau đó yêu cầu cảnh sát tiểu bang nơi người đó cư ngụ bắt người đó. Một vài thám tử sẽ được phái tới để áp giải hắn về. Nếu có một tên tội phạm cỡ lớn, thì hắn có thể bị bắt giữ ở bất cứ chỗ nào hắn bị khám phá ra, và văn phòng trưởng lý liên hệ sẽ được thông báo về vụ bắt giữ này. Và họ tới để giải hắn về. Cái rắc rối là hầu hết các SS cao cấp thì lại sống với một tên giả.

- Phải rồi... Miller đáp. Ở Hambourg đã từng có vụ nào xử tội phạm ở Riga chưa?

- Theo tôi nhớ là không.

- Nếu có thì chắc thư viện báo cắt là có chứ?

- Đương nhiên. Nếu xử từ sau 1950, khi chúng tôi bắt đầu cắt báo để lưu trữ, thì là phải có thôi.

- Tôi vào xem được không- ? Miller hỏi.

- Cứ vào.

Thư viện ở dưới hầm, có năm nhân viên thư tịch coi sóc, nó lớn độ hơn ngàn mét vuông, chất đầy sách vở và các loại văn bản trên những dãy kệ sơn màu xám. Dọc theo tường, từ sàn tới trần, là các hộc chứa bằng sắt, mỗi hộc có một thẻ ghi rõ các loại tài liệu chứa trong đó.

- Anh cần tìm gì? Dorn hỏi. Trong khi người quản thư chờ đợi.

- Roschmann, Eduard.

- Phần tiểu sử, lối này, người quản thư dẫn họ đi dọc theo tường. Ông ta mở một hộc tủ, dán chữ ROA-ROS, và lục lọi, lát sau ông quay ra:

- Chẳng có tài liệu gì về Roschmann, Eduard cả.

- Thế ông có tài liệu gì về tội ác chiến tranh không?
- Có. Phần tội ác và tòa án chiến tranh. Mời qua đây. Họ lại đi qua vài trăm thước các dây học.
- Xem giùm Riga. Miller nói.

Người quản thư leo lên cái thang và tìm kiếm. Ông ta trở xuống với một tập bìa đỏ. Ngoài có đề chữ "Riga" Vụ xử tội ác chiến tranh. Miller mở ra. Hai mảnh báo lớn bằng bao thơ nằm trong đó. Miller lấy đọc. Cả hai đều từ hồi mùa hè 1950. Một cái tường thuật ba tên lính SS bị đưa ra tòa vì các hành vi man rợ ở Riga hồi 1941-1944. Mảnh kia cho hay cả ba đã bị án khổ sai chung thân. Nhưng không lâu sau, chúng được phóng thích vào cuối 1963.

- Thế này thôi? Miller hỏi.
- Thế thôi. người quản thư trả lời.

Miller quay sang Dorn:

- Anh có nói rằng có một bộ phận trong văn phòng chứng lý tiểu bang, nó đã nuốt hết 15 năm đóng thuế của tôi để làm được có đây hai mẫu báo này?

Dorn như có vẻ muốn mình chứng thêm, hấn trả lời hơi cau kỉnh: - Tôi chắc là họ đã làm hết sức mình.

- Tôi e rằng không chắc lắm. Miller nói.

Họ chia tay nhau khi lên tới mặt phòng đại sảnh, qua hai cầu thang. Và Miller đi ra, ngoài trời đang mưa.

Tòa nhà ở khu ngoại ô phía Bắc Tel Aviv dùng làm trụ sở Mossad không tạo một sự chú ý nào, dù là người láng giềng gần nhất. Lối vào khu hầm đậu xe của văn phòng được đặt bên hông một thương xá rất là bình thường. Ở tầng trệt, là một ngân hàng, và trong phòng đại sảnh, trước cánh cửa kính dẫn vào ngân hàng là một buồng thang máy, một bảng ghi các dịch vụ của các cơ sở ở tầng trên và một bàn chỉ dẫn.

Tám bảng có ghi, trong khu này có văn phòng của nhiều công ty thương mại, hai công ty bảo hiểm, một kiến trúc,

một cỗ vận cơ khí và một công ty xuất nhập cảng trên tầng chót. Khi hỏi thăm về bất cứ cơ sở nào đặt văn phòng ở các tầng dưới đều được trả lời rất kỹ lưỡng, niềm nở. Các câu hỏi về công ty ở tầng chót đều được thoái thác một cách lễ phép. Công ty đó là lớp vỏ của Mossad.

Căn phòng gặp gỡ của các chỉ huy tình báo Israel thì trống trải và mát mẻ, sơn vôi trắng, với một cái bàn dài và ghế được xếp quanh tường. Ở bàn ngồi quanh đó, là năm người chỉ huy các ngành tình báo. Sau lưng họ là các thư ký và tốc ký viên riêng. Có những người không phải trong ngành có thể được dự họp nếu cần, nhưng việc này rất ít xảy ra. Cuộc họp được xếp vào loại tối mật, vì tất cả điều tin cậy đều được phô bày ở đây.

Ở đầu bàn, là chỗ ngồi của chỉ huy Mossad. Thành lập vào 1937, tên gọi của nó là Mossad Aliyah Beth, nghĩa là Tổ chức "Di dân lần hai". Mossad là tổ chức tình báo Israel đầu tiên. Công việc ban đầu của nó là đưa người Do Thái ở Châu Âu cập bến Palestine an toàn.

Sau khi quốc gia Israel được thành lập vào 1948, nó trở thành đàn anh của các tổ chức tình báo khác, và người chỉ huy của nó tự nhiên trở thành đầu não của cả năm.

Ngồi bên phải chỗ đó là chỉ huy của Aman, cơ quan tình báo quân đội, lo việc thu thập tin tức về tình hình chuẩn bị chiến tranh của các kẻ thù. Người chỉ huy lúc đó là Tướng Aharon Yaariv.

Ở bên trái là chỉ huy của Shabak, đôi khi vẫn bị gọi lầm là Shih Beth. Đó là chữ gọi tắt của Sherut Bitachon, tiếng Hebrew nghĩa là An ninh, cơ quan đảm nhận coi sóc an ninh quốc nội của Israel, và chỉ quốc nội thôi. Tên đầy đủ của nó là Sherut Bitchon Klali, và người ta rút ba chữ này lại thành Shabak.

Còn lại một người nữa. Một là Tổng giám đốc cơ quan nghiên cứu của Bộ Ngoại giao, chuyên trách về việc thẩm định tình hình chính trị tại thủ đô các nước Ả Rập, một vấn đề có tầm quan trọng sống chết đối với nền an ninh

Israel. Người kia là ở một sở chuyên môn về số phận của người Do Thái tại những "Quốc gia ngược đãi". Những quốc gia này bao gồm các nước Ả Rập. Do đó, sẽ không có vụ đâm chân nhau trong hoạt động, cuộc gặp gỡ hàng tuần cho phép các chỉ huy biết chuyện mà các cơ quan khác đang tiến hành.

Còn có hai người khác, có mặt với tư cách quan sát viên. Tổng thanh tra cảnh sát và Chỉ huy Sở mật vụ, vốn là cánh tay phải của Shabak trong cuộc đấu tranh chống khủng bố trong nước.

Cuộc họp mật hôm đó hoàn toàn bình thường. Meir Amit ngồi ở chỗ đầu bàn, và cuộc thảo luận bắt đầu. Ông ta dành cái vụ vũ khí tới lúc chót. Khi ông ta đứng lên trình bày, thì mọi người đều im lặng, kể cả các phụ tá ngồi rải rác dọc tường, ai cũng mừng tượng ra quê hương mình gục chết vì phóng xạ hay vi trùng dịch hạch khi quả bom nổ.

- Điểm dứt khoát là... chỉ huy Shabak lên tiếng: Các hỏa tiễn đó không thể để nó được bán đi. Nếu ta không ngăn chặn việc chế các đầu đạn đó, thì ta phải ngăn không cho chúng được sử dụng.

- Đồng ý là thế, Amit nói, làm li như mọi khi... nhưng với cách nào?

- Diệt nó đi. Yaariv lâm bầm: Diệt nó bằng mọi thứ ta có, dàn phản lực cơ Ezer Weizmann có thể tiêu diệt nhà máy 333 trong một cú oanh kích.

- Và khởi sự một cuộc chiến mà ta không có đủ vũ khí, Amit trả lời. Chúng ta cần nhiều máy bay, xe tăng, súng ống hơn, trước khi ta có thể tấn công Ai Cập. Tôi nghĩ các bạn chắc ai cũng rõ rằng cuộc chiến đó không thể tránh được.

Nasser đã quyết định rồi, nhưng hẳn không thể khởi sự khi mọi việc chưa sẵn sàng. Nhưng nếu ta ép quá, thì câu trả lời gián dị là, hẳn đã sẵn sàng hơn chúng ta bây giờ, với vũ khí của Nga trong tay.

Im lặng trở lại. Chỉ huy cơ quan thuộc Bộ Ngoại Giao, Vụ Ả Rập lên tiếng:

- Tin tức của chúng tôi nhận từ Cairo là họ tin rằng họ sẽ sẵn sàng vào đầu năm 1967, hỏa tiễn cùng tất cả các thứ.

- Lúc đó ta cũng đã có xe tăng, súng ống rồi, với cả những phần lực cơ của Pháp nữa. Yaariv trả lời.

- Đúng, và họ sẽ có những hỏa tiễn Helwan. Bốn trăm chiếc các bạn ạ. Chỉ có một câu trả lời. Vào lúc chúng ta sẵn sàng với Nasser, thì các hỏa tiễn đó đã được đặt ở khắp Ai Cập. Chúng sẽ được bảo mật. Nên một khi chúng được lắp xong và sẵn sàng để bắn, thì chúng ta phải diệt toàn bộ chúng chứ không phải chỉ 90% đâu. Mà các phi công Ezer Weizmann không thể làm nổi việc này.

- Thế chúng ta phải diệt nó ngay tại nhà máy ở Helwan. Yaariv kết luận.

- Đồng ý, Amit nói, nhưng không dùng đến tấn công quân sự. Chúng ta chỉ biết cố gắng buộc các bác học Đức ngưng lại trước khi hoàn tất công việc của họ. Nên nhớ rằng cuộc nghiên cứu của họ đã sắp xong rồi. Chúng ta còn có sáu tháng. Sau đó người Đức chả còn là vấn đề gì cả. Bọn Ai Cập có thể tự chế hỏa tiễn, một khi cái đỉnh cái ốc cuối cùng được tính toán xong. Sau đó, chúng ta sẽ bước vào cuộc chiến chống các bác học Ai Cập là phải tỉnh táo.

Trong vài giây, im lặng lại bao trùm khi câu hỏi thăm lặng chạy qua ý nghĩ của mọi người có mặt. Sau cùng, một viên chức thuộc Bộ Ngoại Giao lên tiếng:

- Ta có thể ngăn cản họ ngay ở Đức không?

Tướng Amit lắc đầu:

- Không. Việc đó không được đặt ra trong bầu không khí chính trị hiện nay. Lệnh trên là vẫn như trước, không được có thêm một hoạt động gì trong nội địa Đức. Với chúng ta, từ đó giải pháp cho vấn đề hỏa tiễn Helwan là

nằm ở Ai Cập.

Tướng Meir Amit, chỉ huy Mossad, thường thì ít sai lầm. Nhưng lần đó thì ông đã lầm. Vì giải pháp cho vụ Helwan đó lại nằm trong một nhà máy tại Tây Đức.

CHƯƠNG 6

Miller phải mất cả tuần mới xin gặp được Trưởng phòng Tội ác chiến tranh trong văn phòng Chứng lý Hambourg, anh e Dorn đã hay rằng anh không hề làm việc này theo ý Hoffmann và đã phản ứng một cách thích hợp.

Người anh gặp mặt có vẻ bản gât khó chịu:

- Ông phải hiểu tôi chỉ đồng ý gặp ông vì do ông yêu cầu quá kiên nhẫn.

- Cảm ơn hảo ý của ông. Miller nói vượt ve: Tôi muốn hỏi về một người mà tôi nghĩ bộ phận của ông thường xuyên có điều tra tới, Eduard Roschmann.

- Roschmann?

- Roschmann... Miller lập lại: Đại úy SS, chỉ huy trại Riga từ 1941 đến 1944. Tôi muốn biết hắn còn sống không, nếu chết thì đã chôn ở đâu. Các ông đã tìm thấy hắn chưa, hắn đã bị bắt giam hay đưa ra tòa chưa? Nếu chưa thì bây giờ hắn ở đâu?

Ông luật sư nọ rúng động:

- Chúa ơi, tôi không thể nói với ông điều đó!

- Tại sao không? Đó là vấn đề công chúng rất quan tâm. Rất là quan tâm.

Ông luật sư bình tĩnh trở lại:

- Tôi không nghĩ thế, giọng ông trầm xuống. Mặt khác chúng tôi vẫn thường gặp những thắc mắc về vấn đề này. Nhưng tôi có thể nói đây là lần đầu tiên tôi gặp một thắc mắc từ phía... một công chức.

- Thực ra, tôi là dân báo chí. Miller đáp.

- Phải, có thể. Nhưng tôi e rằng khi chú ý tới vấn đề này có nghĩa là ông cũng có một trách vụ gì như một công chức.

- Thế là thế nào? Miller hỏi.

- Tôi sợ rằng chúng tôi không được phép tiết lộ những tin tức góp phần cho cuộc điều tra của chúng tôi.

- Đó không phải là chỗ để khởi đầu.

- Ô, đây, ông Miller, ông đừng hy vọng cảnh sát cung cấp cho ông tin tức về quá trình điều tra của họ về một vụ phạm pháp.

- Tôi thì có thể làm vậy được. Thực tế tôi đã làm được. Cảnh sát thường thì rất giúp đỡ khi phân phối những bản tin cho hay có thể nào hy vọng bắt được ai không. Chắc hẳn họ sẽ nói với báo chí là kẻ tình nghi của họ được biết là còn sống hay đã chết. Điều đó góp phần vào liên hệ của họ với chính quyền.

Ông luật sư mỉm cười:

- Tôi chắc là anh có một nhiệm vụ gì đó trong chính quyền. Nhưng ở bộ phận này, chúng tôi không cung cấp tin tức về công cuộc điều tra của chúng tôi.

Ông ta có vẻ như muốn chấm dứt buổi nói chuyện.

- Hãy để chúng tôi làm việc, nếu tội nhân hay rằng chúng tôi đang chuẩn bị để bắt hắn, thì hắn sẽ biến mất.

- Có thể là thế, Miller đáp. Nhưng hồ sơ cho thấy bộ phận của ông chỉ đưa ra tòa được ba tên binh nhì làm lính gác ở Riga. Và mãi từ hồi 1950 kia, nên bọn đó có lẽ đã bị bắt rồi khi người Anh giao công việc lại cho các ông.

Như thế, bọn phạm nhân cần truy nã chắc chắn có gì đe dọa phải trốn mất đầu.

- Đó là một ý kiến không có gì xác đáng cả.

- Thôi được. Như thế là cuộc điều tra của các ông vẫn còn tiến hành. Thì cũng chẳng hại gì khi ông chỉ nói cho tôi hay Roschmann còn đang được điều tra hay không và hẳn hiện đang ở đâu, thế thôi.

- Tôi chỉ có một điều nói với ông là mọi vấn đề thuộc trách nhiệm của chúng tôi đều được thường xuyên điều tra. Tôi nhắc lại, điều tra thường xuyên. Và bây giờ tôi nghĩ, ông Miller ạ, là tôi không còn có thể giúp ông gì thêm.

Ông ta đứng dậy, Miller cũng đứng lên theo.

- Đừng tức giận, ông ta nói khi rời phòng.

Lại thêm một tuần trôi qua, Miller chưa làm được gì, anh chỉ ở nhà, đọc hết sáu cuốn sách liên quan tới toàn bộ hay một phần cuộc chiến ở mặt trận phía Đông và các biến cố ở các trại tại vùng lãnh thổ bị chiếm ở miền Đông. Có một quản thư ở phòng đọc sách khu phố của anh đề cập tới một Ủy ban Z.

- Nó ở Ludwigsburg. Tôi đọc thấy vụ này trên một tạp chí. Tên chính thức của nó là cơ quan Liên Bang Trung Ương truy cứu về tội bạo hành trong thời Quốc Xã. Tên đó dài quá, người ta gọi tắt là Zentrale Stelle, rồi ngắn hơn là Ủy ban Z. Đó là cơ quan duy nhất ở xứ này truy tầm bọn Quốc Xã trong cả nước, và thậm chí còn trên quy mô thế giới nữa.

- Cám ơn nhiều, hy vọng tôi có thể được giúp đỡ.

Sáng hôm sau, Miller đến ngân hàng, rút hết tiền gửi ra, trừ lại 10 Mark để giữ tương mục. Trích một số để trả trước tiền thuê nhà ba tháng từ tháng 1 đến tháng 3 cho ông chủ nhà.

Anh hôn sigi trước khi nàng đi tới hộp đêm để làm việc, anh bảo có thể sẽ vắng nhà độ một tuần hay hơn nữa. Rồi

lái chiếc Jaguar ra khỏi hầm đậu và lên đường về phía Nam, vùng Rhineland.

Những trận mưa tuyết đầu tiên đã khởi sự, từ biển Bắc đưa vào, rớt xôn xao trên xa lộ rộng rãi rồi tiến về Nam vùng Bremen cho mãi tới bình nguyên hạ Saxon.

Cứ vài giờ anh lại dừng xe làm một ly cà phê, rồi rong ruổi trên đường Bắc Rhine-Vestphalia. Dù gió nhiều, nhưng anh khoái lái xe trong thời tiết xấu. Bên trong chiếc XK 150s này, anh có cảm tưởng ngồi trong một chiếc máy bay, ánh đèn sáng mờ mờ dưới mặt đồng hồ tốc độ, và bên ngoài, ánh đêm của mùa đông dần phủ xuống, băng giá, mưa tuyết chập chờn trước đèn mũi xe, trượt qua cửa kính chắn gió, và lại là khoảng trống phía trước.

Anh nhấn ga, như mọi lần, đưa chiếc Jaguar lái đi với tốc độ gần trăm dặm một giờ, và liếc mắt sang những chiếc xe hàng nặng nề ở bên phải khi anh vượt qua mặt.

Đến 6 giờ, anh vượt qua Hamm và ánh sáng le lói của thành phố Ruhr đã thấp thoáng ở bên mé phải qua màn đêm. Bao giờ anh cũng thấy hứng thú với Ruhr, từng dặm từng dặm dài các nhà máy, ống khói, thành phố, thị trấn chen chúc nhau thành một vùng cư dân khổng lồ dài cả trăm dặm. Khi xa lộ đi vào một cái cầu chui, anh có thể nhìn xuống mé phải và thấy trong bóng đêm của tháng 12, cả hàng ngàn mẫu đất, đèn đốt sáng rực từ hàng ngàn nhà máy, lò luyện làm nổi rõ vẻ thịnh vượng của những phép lạ kinh tế. Mười bốn năm trước, khi anh ngồi xe lửa qua đây để đi nghỉ hè ở Paris, nó còn là đồng gạch vụn, và con tim kỹ nghệ của nước Đức khó mà đập lại được. Thật không thể không tự hào về những điều mà dân tộc anh đã làm được từ đó đến nay.

- Chỉ có điều là ta không phải sống trong đó. Anh nghĩ thầm khi dấu hiệu khổng lồ của Tổ hợp Cologne hiện ra trước ánh sáng của đèn xe. Từ Cologne, anh chạy về hướng Đông Nam vượt qua Wiebaden và Frankfurt. Mannheim và Heilbronn, và mãi đến tối mịt anh mới dừng xe trong bãi

đậu của một khách sạn ở Stuttgart, thành phố gần Ludwigsburg nhất. Anh nghỉ đêm ở đó.

Ludwigsburg là một thị trấn nhỏ, êm đềm nằm trên vùng đồi tươi mát Wurttemberg, mười lăm dặm phía Bắc thành phố Stuttgart. Nằm trên một con đường nhỏ, qua khỏi khu phố lớn, đông đúc, là trụ sở của Ủy ban Z, một nhóm người nhỏ cần cù, lương thấp làm việc và dành cả đời mình cho việc truy nã bọn phạm nhân Quốc Xã và SS về tội bạo hành giết người hàng loạt. Trước khi có đạo luật về giới hạn cho bỏ qua tất cả tội ác của SS, ngoại trừ bọn tội giết người hàng loạt, thì bọn bị truy tầm có thể bị bắt chỉ vì tội cướp bóc, đánh đập tra tấn và tất cả mọi loại tội làm đau đớn thân thể người khác.

Giết người như thế, là tội ác cần truy tầm duy nhất, thì hồ sơ danh sách của Ủy ban Z cũng có đến 170.000 tên tuổi. Dĩ nhiên, nỗ lực chính đã và đang là truy nã cho ra độ hơn ngàn tội phạm thuộc loại ác ôn nhất.

Không có quyền bắt giữ, chỉ được phép yêu cầu cảnh sát tiểu bang câu lưu khi đã có bằng chứng rõ rệt, không nhận được gì hơn một số ngân sách ít ỏi từ chính quyền Liên Bang ở Bonn, những nhân viên ở Ludwigsburg làm việc chỉ vì họ tận tình với công tác này.

Cơ sở có 80 thám tử và 50 luật sư điều tra thẩm vấn, nhóm thứ nhất toàn là người trẻ tuổi đa số dưới 35, nên không có thể có bất cứ ẩn ý gì trong các vấn đề đang được khảo sát. Các luật sư thì đa số lớn tuổi hơn, nhưng họ cũng vậy không dính líu gì đến các sự kiện vào trước 1945.

Các luật sư đa số đều vốn hành nghề tư, mà một ngày kia họ sẽ trở lại. Các thám tử đã biết sự nghiệp của họ sẽ vĩnh viễn ở đây. Không một cơ quan cảnh sát nào ở Đức muốn nhận một thám tử đã từng làm việc ở Ludwigsburg. Đối với các thám tử đã sẵn sàng săn đuổi bọn SS ở Tây Đức, thì việc tiến thân của họ đã chấm hết trong bất cứ nhiệm sở cảnh sát nào trong nước.

Rất quen thuộc khi thấy yêu cầu hợp tác của mình bị

bỏ lơ tại bất cứ tiểu bang nào, thấy các hồ sơ đệ trình của họ bị bỏ xó vô số kể, thường gặp cảnh con mồi của mình đột nhiên biến mất sau một lời rỉ tai bí mật, nên các nhân viên Ủy ban Z đã làm hết sức mình trong một công tác mà họ cũng thấy là nó không hợp ý với đại đa số dân trong nước.

Ngay cả trên đường phố Ludwigsburg, các nhân viên Z đi qua không ai chào hỏi, sự có mặt của họ mang lại một sự khó chịu cho người khác.

Peter Miller tìm thấy trụ sở Ủy ban Z ở số 58, đường Schorndorfer, một biệt thự tư khá lớn với bức tường cao cỡ 2,5 mét bao quanh. Cánh cửa sắt nặng nề đóng kín, ở cạnh bên là một dây chuông, Miller rung chuông, ô cửa nhỏ mở xoạch và một khuôn mặt lộ ra. Dĩ nhiên đó là người gác cửa.

- Gì?

- Tôi muốn được nói chuyện với một trong các luật sư thẩm tra ở đây.

- Ai mới được cơ chứ?

- Tôi chả biết ai cả. Nhưng ai cũng được. Đây, thẻ của tôi đây. Miller nói và đẩy tấm thẻ báo chí qua ô nhỏ, buộc người nọ phải nhận lấy. Ông nọ đóng ô cửa nhỏ lại và bỏ đi vào. Lát sau trở ra và mở cửa. Miller được đưa qua một bậc thêm năm bậc để vào cửa trước, cửa khép lại ngăn không khí sáng sủa nhưng lạnh lẽo ở ngoài. Bên trong ấm áp hơn nhờ máy sưởi. Một người khác từ sau khung cửa kính bước ra và dẫn Miller vào một phòng khách nhỏ.

- Sẽ có người tới cho ông gặp ngay- ông ta nói và khép cửa.

Ba phút sau, một người trạc năm mươi bước vào, lịch sự và hơi chậm rãi. Ông ta trả lại Miller tấm thẻ và hỏi:

- Tôi có thể giúp ông cái gì?

Miller bắt đầu kể lại, nói sơ qua về Tauber, tập nhật ký, anh yêu cầu cho biết thêm về Eduard Roschmann, ông

luật sư im lặng chăm chú nghe.

- Thật ly kỳ.

- Vấn đề là ông có thể giúp tôi không?

- Hy vọng là tôi có thể, đây là lần đầu tiên từ khi khởi sự điều tra về Roschmann ở Hambourg cả tuần lễ qua, anh mới gặp một câu trả lời thuận lợi, anh tin rằng đã gặp được một viên chức thực sự muốn giúp đỡ. Nhưng còn chỗ này, mặc dù tôi đã chuẩn bị để nghe những yêu cầu của ông, nhưng luật lệ đã gò bó hoạt động của chúng tôi ở đây. Thực tế thì không có một tin tức gì về bất cứ phạm nhân SS nào được phép cung cấp cho người ta ngoại trừ ai đó được một số nhân vật có thẩm quyền đỡ đầu.

- Tức là, ông không thể cho tôi biết được gì cả?

- Xin ông vui lòng hiểu cho, cơ quan này thường xuyên bị công kích. Không phải công khai, chả ai dám thế đâu. Nhưng công kích kín đáo, trong hàng ngũ có thể lực, chúng tôi bị cắt xén không ngừng về quyền hạn, về ngân sách hay quyền góp ý kiến. Chúng tôi không được giao cho những thẩm quyền cần thiết. Riêng tôi, có lúc muốn liên kết với báo chí để nhờ giúp đỡ, nhưng việc đó bị cấm đoán.

- Tôi biết. Thế các ông có một thư viện báo cắt để tham khảo không?

- Không.

- Ở nước Đức này có bất cứ thư viện nào kiểu đó cho phép thường dân tham khảo không?

- Không. Những thư viện báo cắt hiếm hoi ở xứ này đều do các tòa soạn báo chí thu nhật và lưu trữ, thư viện thuộc loại tốt nhất là của báo Der Spiegel, kể đó là của tờ Komet.

- Tôi thấy nó cũng xoàng thôi. Thế ở Đức bây giờ, người ta muốn biết về diễn tiến của việc điều tra tội ác chiến tranh và các tài liệu về các phạm nhân SS, thì có chỗ nào không?

Ông luật sư có vẻ không thoải mái lắm:

Odessa. Hắn có thể đã gặp Eberhard vốn cũng là nhân viên đầu não của Odessa vùng miền Bắc. Đây là bức hình ông chủ lò bánh mì Eberhard. Xem đi, để phòng trường hợp người ta bắt ông tả hình dáng của ông ấy.

Miller xem hình và gật đầu.

- Khi ông đã chuẩn bị xong, thì xin chờ vài ngày cho tới lúc Eberhard đi xa quá tầm vô tuyến liên lạc. Chúng tôi không muốn chúng liên lạc điện thoại được với nhau khi con tàu mới rời bến. Hãy đợi cho nó ra tới giữa Đại Tây Dương. Tôi dự định ông sẽ tới Nuremberg vào sáng thứ năm tới.

Miller gật đầu:

- Đồng ý. Sáng thứ Năm nhé.

Léon dặn:

- Còn hai điều cuối cùng. Ngoài việc truy tầm Roschmann theo ý ông, chúng tôi cũng muốn có một ít tin tức. Chúng tôi muốn biết ai là kẻ hiện đang chiêu mộ các khoa học gia sang Ai Cập chế hỏa tiễn cho Nasser. Việc chiêu mộ này do Odessa lo làm ngay tại Đức đây. Chúng tôi muốn biết rõ ai là nhân viên mới chỉ huy tiến hành việc chiêu mộ này. Thứ nhì, khi đã biết được. Cứ dùng điện thoại công cộng và gọi về số này.

Ông ta đưa một tờ giấy cho Miller.

- Điện thoại này luôn có người trực, dù tôi đi vắng. Báo tin ngay bất cứ lúc nào ông tìm biết được điều gì.

Hai mươi phút sau họ chia tay nhau.



Trên chuyến trở về Munich. Léon và Josef ngồi bên nhau, ông nhân viên Israel thu người trong góc và im lặng. Khi họ rời khỏi Beyreuth, Léon dùng tay thúc nhẹ Josef:

- Sao coi lâm lý vậy? Mọi việc tốt đẹp cả mà.

Josef liếc sang:

- OK. Miller nói và đứng dậy: Có một điều, giữa chúng ta, là các anh có còn muốn truy tầm Eduard Roschmann không?

- Giữa chúng ta, được, muốn lắm chứ.

- Và, nếu hắn đã bị bắt, thì chắc sẽ bị kết án chứ?

- Đã hắn. Án của hắn đã được định rõ. Lao động khổ sai chung thân.

- Cho tôi số điện thoại của ông đi.

Ông luật sư viết và đưa cho Miller một mảnh giấy.

- Đó có tên tôi và hai số điện thoại. Ở nhà và ở văn phòng. Ông có thể gọi tôi bất cứ lúc nào, ngày đêm. Nếu anh biết được cái gì mới, hãy gọi tôi cho tôi bằng hệ thống phon tự động. Tại mỗi lực lượng cảnh sát tiểu bang đều có một người tôi quen biết và tôi có thể hành động nếu cần thiết. Còn những người khác cần tránh. Nên gọi tôi trước hết nhé. Được không?

Miller nhét mảnh giấy vào túi.

- Tôi sẽ nhớ. Anh cáo lui.

- Chúc may mắn. Ông luật sư nói.



Đường Stuttgart tới Berlin rất dài. Miller phải đi cả ngày hôm sau. May mắn trời quang đãng và chiếc Jaguar vượt hàng dặm đường về phía Bắc, vượt qua Frankfurt, Kassel và Gottingen tới Hanover. Tới đây anh theo lối rẽ phải từ xa lộ E4 sang E8 và đường giáp giới Đông Đức.

Anh phải ngưng lại một giờ ở Marienborn, điểm kiểm soát để làm thủ tục khai báo các loại tiền tệ mang theo, đổi giấy thông hành để đi qua 110 dặm của Đông Đức tới Berlin, trong khi đó các nhân viên quan thuế đồng phục xanh, các công an nhân dân áo khoác xanh lá cây, mũ lông chống lạnh, khám xét chung quanh chiếc Jaguar. Gã nhân viên quan thuế có vẻ bị giằng co giữa thái độ lạnh nhạt bắt buộc của một công chức Cộng hòa dân chủ Đức

đôi với một người bên Tây Đức, và ước muốn của một thanh niên thích xem xét một chiếc xe hơi thể thao.

Qua biên giới 20 dặm là một chiếc cầu bắc ngang sông Elbe, nơi mà vào năm 1945, người Anh tuân theo đúng những quy định ở Yalta, đã ngưng thôi không tiến về Berlin nữa. Ở phía bên phải, Miller nhìn xuống thấy Magdeburg và cứ tưởng như người tù già vẫn còn đứng đó. Lại phải dừng xe một lúc tại lối vào Tây Berlin, chiếc xe lại bị xục xạo, chiếc cặp của anh bị trút ra trên bàn quan thuế, ví tiền bị moi ra xem anh có cho ai trong cái thiên đàng này một đồng Mark Tây Đức nào không trên đường lái xe tới đây. Sau cùng anh cũng được cho qua và chiếc Jaguar lại gầm lên, bọc qua bùng binh Avus lao vào đường vòng Kuffurstendamm, rục rỏ ánh đèn Giáng sinh. Đó là đêm 17 tháng 12.

Anh quyết định không xông bừa vào Trung tâm tài liệu Hoa Kỳ như đã làm ở Văn phòng chương lý Hambourg và Ủy ban Z ở Ludwigsburg. Không có giấy tờ chính thức, anh đã hiểu ra, thì chả ai có thể rờ tới bất cứ hồ sơ Quốc Xã nào ở Đức.

Sáng hôm sau, từ bưu điện, anh gọi về cho Karl Brandt. Gã này kinh ngạc vì yêu cầu của Miller.

- Không được... Brandt nói. Tao đâu có biết ai ở Berlin.

- Trời, mày chắc phải có quen ai trong lực lượng cảnh sát Tây Berlin hồi còn học nghề cảnh sát chứ. Tao cần có người giới thiệu tao tới đó. Miller hét âm trong ống nói.

- Tao đã nói với mày là không muốn dính líu mà.

- Mày đã dính líu rồi... Miller ngưng mấy giây và tung luôn một cú chót: Hoặc tao được coi những hồ sơ đó, hoặc tao sẽ tới xông liều vào và nói là mày phải tao tới.

- Mày không làm thế được đâu.

- Tao sẽ làm. Tao đã bị đẩy tới đây lui ở cái xứ quỷ quái này nhiều rồi. Nên phải có ai giúp tao vào đó một cách chính thức. Nghĩ đi, điều yêu cầu này một giờ sau là người

ta quên, mà tao sẽ được coi các hồ sơ đó.

- Để tao nghĩ đã. Brandt nói để trì hoãn.

- Tao cho mày một tiếng, rồi tao gọi lại.

Anh liệng ống nói lên giá. Một giờ sau, Brandt vẫn tức tối như nãy, và còn có chút hoảng sợ. Gã thậm mong ước hỏi đó gã giữ tập nhật ký lại và liệng đi cho rồi.

- Có một người tao biết hỏi đó học ở trường cảnh sát. Tao không quen lắm, nhưng nó hiện đang ở văn phòng I của cảnh sát Berlin. Cùng lo những vụ như thế.

- Tên người đó là gì?

- Schiller, Volkmar Schiller, thẩm sát viên.

- Tao sẽ tới gặp nó.

- Dừng, để tao. Tao sẽ gọi cho nó hôm nay và giới thiệu mày. Rồi mày hãy tới. Nếu nó không chịu đưa mày vào thì đừng có chửi tao. Đó là đứa duy nhất tao biết ở Berlin.

Hai giờ sau, Miller lại gọi cho Brandt. Brandt có vẻ đã bình tĩnh lại.

- Nó đi rồi. Người ta nói nó về ăn Giáng sinh, tức là nó còn đi vắng tới mãi thứ hai.

- Mà hôm nay mới thứ tư. Miller rên. Chờ bốn ngày là chết tao rồi.

- Tao chịu chết. Sáng thứ hai nó tới, tao mới gọi nó được.

Miller lang thang ở Tây Berlin để chờ Schiller trở lại làm việc. Berlin vô cùng rộn rịp vào mùa Giáng sinh 1963 với sự cho phép của chính quyền Đông Đức về việc để dân bên Tây được sang bên Đông Berlin thăm viếng họ hàng, đó là lần đầu tiên kể từ khi bức tường được dựng lên vào tháng 8-1961. Diễn biến của cuộc thảo luận giữa hai bên đã được báo chí tường thuật nhiều ngày. Ngày cuối tuần. Miller đi qua trạm kiểm soát ở Heine để sang Đông Berlin (Chỉ cần một thông hành là dân phía Tây có thể làm thế được) và làm quen sơ sơ được một đặc phái viên của hãng

Reuter ở Đông Berlin. Nhưng gã đó đang bận rộn ngập đầu ngập cổ với hiến cố mở cửa bức tường, nên sau khi uống một ly cà phê, anh bèn về bên Tây Berlin.

Buổi sáng thứ hai, anh đến gặp thẩm sát viên Volkmar Schiller. Anh thấy yên tâm vì gã đó cũng trạc tuổi mình. Và hình như, hơi khác thường so với mọi loại công chức ở Đức. Gã có vẻ coi thường công việc bàn giấy. Dĩ nhiên, Miller nghĩ thầm, gã khó mà tiến thân được, nhưng đó là chuyện của gã. Miller giải thích ngắn gọn điều mà anh muốn.

- Tôi thấy tại sao lại không được, Schiller nói. Người Mỹ rất tận tình với bọn Phòng I tụi tôi. Vì chúng tôi được Willy Brandt ủy thác điều tra về tội ác của bọn Quốc Xã, hầu như ngày nào tụi tôi cũng tới đó.

Họ cùng dùng chiếc Jaguar và lái tới một khu ngoại ô, có rừng, có hồ, và ở bên bờ hồ là số 1, Wasser Kafer Stieg, thuộc ngoại ô Zehlendorf, Berlin 37.

Đó là một tòa nhà dài, thấp, một tầng nằm khuất trong bóng cây.

- Đó sao? Miller nghi hoặc hỏi.

- Đó, Schiller đáp. Không nhiều phải không? Có điều là còn tám tầng nữa ở dưới mặt đất. Hồ sơ được chứa ở đó, trong những hầm chống lửa.

Họ đi qua cửa trước đến một phòng đợi nhỏ và một ngăn của người gác ở phía tay phải. Gã thẩm sát viên tiến lại và đưa thẻ cảnh sát ra, gã nhận một tấm phiếu và cả hai tới một cái bàn và điền các chi tiết vào. Gã thẩm sát viên ghi tên gã và chức vụ, rồi hỏi:

- Tên ông muốn truy cứu là gì nhỉ?

- Roschmann... Eduard Roschmann.

Gã ghi vào và đưa cho một thư ký ở phòng đọc sách.

- Chờ khoảng mười phút- gã bảo, và họ qua một căn phòng lớn kê những dãy bàn ghế. Độ mười lăm phút sau,

một người thư ký khác lặng lẽ mang đến cho họ một tập hồ sơ và đặt trên bàn. Tập dày cỡ ba phân, ngoài bìa ghi "Roschmann, Eduard".

Volkmar Schiller đứng dậy.

- Nếu không còn gì thì cứ ở đây, tôi đi lo việc của tôi. Đừng lưu lại quá lâu sau một tuần được phép. Nếu anh muốn sao lại cái gì thì hỏi ông thư ký kia. Gả chỉ ông ngồi ở bàn đặt cuối phòng, dĩ nhiên là để coi chừng không cho các độc giả rút tài liệu ra khỏi tập. Miller đứng dậy và siết tay gã.

- Cám ơn ông rất nhiều.

- Ồ, không có gì.

Không để ý tới ba bốn người khác đang ngồi ở bàn, Miller lấy hai tay đỡ đầu và khởi sự nghiên cứu hồ sơ SS của Eduard Roschmann.

Trong đó có đủ cả. Số thẻ đảng viên Quốc Xã, số thẻ SS, đơn xin gia nhập, có điền các chi tiết, chữ ký, kết quả khám sức khỏe, lời phê về hấn sau thời gian thụ huấn, bản lý lịch viết tay, giấy chuyển chuyển, quyết định bổ nhiệm, quyết định thăng cấp, cho đến tháng 4-1945. Có hai bức ảnh, chụp để làm hồ sơ SS, một chụp thẳng, một chụp nghiêng. Đó là một người cao khoảng 1m90, tóc cắt sát đầu, râu ngói trái nhìn vào ống kính một cách lăm lỳ, đầu mũi nhọn, môi mỏng sát. Miller bắt đầu đọc...

Roschmann sinh ngày 25-8-1908 ở Graz thuộc Áo, công dân Áo, con của một công nhân hăng rượu bia, già, lương thiện. Hấn học mẫu giáo, và hết bậc trung học ở Graz. Vào đại học để hy vọng thành luật sư nhưng không xong. Năm 1931, hấn 23 tuổi và bắt đầu làm việc ở hăng rượu cùng với cha hấn, đến 1937 được chuyển sang bộ phận hành chánh. Cũng năm đó hấn gia nhập đảng Quốc Xã và SS, cả hai đều là những tổ chức bị cấm ở nước Áo trung lập. Một năm sau Hitler sát nhập Áo và cho các Đảng viên Quốc Xã người Áo được thăng cấp đồng loạt.

Năm 1939 khi chiến tranh sắp bùng nổ, hấn xin gia nhập đội Waffen SS, và được gửi sang Đức, thụ huấn từ mùa đông 1939 tới mùa xuân 1940, phục vụ trong đơn vị Waffen SS tại Pháp, lúc đó đã đầu hàng. Tháng 12-1940 hấn được chuyển từ Pháp về Berlin, chỗ này có ai ghi ở rìa tờ giấy chữ "Đồ chết nhất?" và tới tháng 1-1941 được chuyển sang SD, Phòng 3 của RSHA.

Tháng 7-1941, hấn xây dựng cơ sở đầu tiên của SD ở Riga, và tháng sau trở thành chỉ huy Ghetto Riga. Dùng tàu trở về Đức vào tháng 10-1944, sau khi giao những tù nhân Do Thái Riga còn lại cho SD ở Danzig, hấn trở lại Berlin để báo cáo. Lại giữ chức trong Bộ chỉ huy của SS ở Berlin để chờ đợi phân công tiếp.

Tài liệu SS cuối cùng trong tập hồ sơ hiển nhiên là không kịp hoàn tất, có thể vì viên thư ký cẩn thận tại bộ chỉ huy SS ở Berlin cũng đã vội vàng trốn mất vào tháng 3-1945.

Kèm vào chỗ cuối tập hồ sơ, là một tờ giấy đánh máy, chắc là do người Mỹ bổ sung thêm từ sau thế chiến, tờ giấy ghi là:

- Chính quyền Anh chiếm đóng ở đây, đã tham khảo tập hồ sơ này vào tháng 12-1947.

Dưới cùng là chữ ký của một thư ký Mỹ nào đó và có ghi ngày 21-12-1947.

Miller sắp chồng hồ sơ lại và lấy ra tờ lý lịch chép tay, hai tấm hình và tờ giấy cuối cùng. Anh đem cả tới ông thư ký ở cuối phòng.

- Xin ông vui lòng sao hộ tôi những tài liệu này.

- Vâng- Ông ta mang tập hồ sơ và đặt trên chiếc bàn ở phía trong để chốc nữa trả máy tờ sau khi đưa chụp lại. Một người đàn ông khác cũng đưa trả một tập hồ sơ và hai tờ giấy để xin chụp lại. Ông thư ký cũng đem xếp vào bàn, đưa mấy tờ giấy vào phía trong cho người phụ trách máy Photocopy.

- Vui lòng chờ. Độ mười phút thôi... Ông thư ký nói với Miller và người nọ. Họ trở lại chỗ ngồi và đợi. Miller muốn hút một điếu thuốc, nhưng ở đây cấm, người đàn ông nọ, mặc áo khoác mùa đông màu sẫm, chải chuốt, ông ngồi và đặt hai tay xếp trên đùi.

Vài phút sau, có tiếng động ở phòng phía trong, và hai bao thư lớn được đưa ra qua khe cửa. Ông thư ký nhận lại. Cả Miller và người nọ cùng đứng dậy và bước tới để nhận. Ông thư ký liếc nhanh vào trong bao thư thứ nhất.

- Hồ sơ Eduard Roschmann?

- Của tôi. Miller chìa tay ra.

- Còn cái này của ông- ông ta đưa bao còn lại cho người nọ, ông này đang liếc sang Miller, giơ tay cầm bao thư và cả hai cùng bước ra khỏi phòng. Đến phía ngoài, Miller nhẩy xuống mấy bậc thêm và leo vào chiếc Jaguar, rời khỏi lề đường và lái về trung tâm thành phố. Một giờ sau anh gọi về cho Sigi.

- Anh sẽ về để dự lễ Giáng sinh.

Hai giờ sau, anh rời Tây Berlin. Khi chiếc xe của anh đến trạm gác đầu tiên ở Drei Linden thì người đàn ông mặc áo khoác màu sẫm đang ngồi trong căn phòng sạch sẽ, ngăn nắp của ông ở Savigny Platz, quay một số điện thoại ở Tây Đức, ông ta xưng danh vấn tất với người ở đầu dây bên kia.

- Hôm nay tôi có đến Trung tâm Tài liệu. Để nghiên cứu như mọi khi thôi, ông biết tôi vẫn thường làm thế đấy. Có một tên ở đó. Hắn đã đọc qua hồ sơ của Eduard Roschmann rồi hắn lấy ra ba tờ xin chụp lại. Sau chỉ thị vừa được gửi cho chúng ta, tôi thấy cần báo cáo với ông chuyện này.

Một loạt câu hỏi phát ra ở đầu dây bên kia.

- Không, tôi không biết được tên của hắn. Hắn đi về bằng một chiếc xe thể thao sơn đen. Vâng, vâng, được, tôi có ghi, đó là bảng số xe thuộc Hambourg.

Ông ta đọc lại bảng số đó, chậm rãi, người ở đầu dây kia chắc đang ghi lại.

- Được, tôi cũng nghĩ thế là đúng. Tôi e rằng thằng tò mò này là một kẻ lạ mặt. Vâng, cảm ơn, ông tốt quá... Rất được, tôi sẽ để cả cho ông đấy... Chúc Giáng sinh vui vẻ. Kamerad.

CHƯƠNG 7

Lễ Giáng sinh là vào ngày thứ tư trong tuần, và người đàn ông ở Tây Đức vừa nhận được mẩu tin nọ từ Tây Berlin điện sang, đã không xếp nó lại chờ sau lễ sẽ tỉnh, vì với gã, tin đó thật vô cùng quan trọng.

Gã cảm ơn người báo tin xong, đặt ống nói xuống, ngã lưng trên chiếc ghế nệm êm ái và nhìn qua cửa sổ, những mái nhà của phố cổ đã phủ đầy tuyết.

- Verdammt, verdammt, không lúc nào lại nhè lúc này, tại sao lại lúc này?

Với tất cả cư dân trong thành phố, gã được mô tả như một luật sư thông minh, khéo léo và thành công rực rỡ trong nghề nghiệp. Với mạng lưới các nhân viên cao cấp của hắn rải rác khắp Tây Đức và Tây Berlin, thì gã là chỉ huy của Odessa trong nội địa Đức. Số điện thoại riêng của gã được giữ kín rất kỹ và bí danh của gã là Werwolf (Ma sói).

Không giống như hình ảnh ghê gớm trên màn bạc Hollywood hay các phim kinh dị của Anh và Mỹ, con ma sói của Đức không phải là một người đàn ông bình thường, lúc trăng rằm thì lông tay mọc ra. Trong thần thoại cổ của Đức, Ma Sói là một kẻ ái quốc lưu lại trong nước, khi vị anh hùng Teuton phải lưu vong vì bị bọn ngoại bang xâm lược truy bắt, đó chính là kẻ lãnh đạo cuộc kháng chiến

chống ngoại xâm ở những vùng rừng núi, đánh vào ban đêm và biến mất, chỉ để lại dấu chân sói trên tuyết.

Vào lúc hết chiến tranh, một số sĩ quan SS, tin rằng sự sụp đổ của lực lượng Đồng Minh chiếm đóng chỉ còn là trong vòng vài tháng nên đã tuyển mộ và huấn luyện một nhóm thiếu niên vô cùng cuồng tín gài lại trong nước và phá hoại chống lại kẻ chiếm đóng. Nhóm này được thành lập ở Batavia, lúc đó đang bị người Mỹ chiếm đóng. Đó là nguồn gốc của nhóm Ma Sói, may thay, chúng đã không thể thực hiện được cái gì, vì sau khi khám phá ra Dachau, lính Mỹ chỉ có đợi một ai đó làm một cái gì là hành động ngay.

Khi Odessa, vào cuối thập niên 40, bắt đầu đưa người chỉ huy đầu tiên vào Tây Đức, đó chính là một trong những thiếu niên được huấn luyện trong nhóm Ma Sói vào 1945 nên gã đã lấy bí danh này. Tên đó có lợi thế là vừa ẩn danh, vừa tiêu biểu và đủ vẻ trang trọng để phù hợp với tinh thần thích đóng kịch của người Đức. Nhưng không có gì mang kịch tính trong sự cứng rắn của Odessa dùng để đối phó với những người cản trở hoạt động của nó.

Ma Sói vào cuối năm 1963 là kẻ thứ ba mang danh hiệu và giữ địa vị này. Cuồng tín và giáo hoạt, thường xuyên liên lạc với cấp trên ở Argentina nên gã đã coi sóc chu đáo quyền lợi của tất cả cựu SS tại Tây Đức, nhưng nhất là các tay có chức vụ cao ngày xưa hay đứng ở hàng đầu trong danh sách truy tìm.

Gã nhìn ra cửa sổ và nhớ lại hình ảnh của ông Tướng SS Gluecks đối diện với gã trong một khách sạn ở Madrid hơn một tháng trước đây, và lời cảnh cáo của ông về tầm quan trọng của việc bảo mật, bảo toàn cho Giám đốc xưởng sản xuất radio, với bí danh Vulkan, hiện đang nghiên cứu chế tạo hệ thống điều khiển cho các hỏa tiễn của Ai Cập. Một mình ở nước Đức này, gã cũng biết rằng lúc còn trẻ Vulkan đã được nhiều người biết dưới tên Eduard Roschmann.

Gã liếc nhìn cuốn sổ ghi chép mà hắn vừa biên lại số xe của Miller và nhấn nút chuông trên bàn. Giọng người thư ký từ phòng kế truyền qua.

- Hilda, tên của thằng thám tử tư mà mình muốn hỏi tháng rồi trong vụ ly dị là gì đó nhỉ?

- Chờ chút xíu... Có tiếng lật nhanh những trang giấy khi cô thư ký đang lục lọi... là Memmers, Heinz Memmers.

- Cho tôi số điện thoại của hắn được không? Không, đừng gọi hắn, cho tôi biết cái số thôi.

Gã ghi lại số đó bên dưới hàng số xe của Miller, rồi nhấc tay ra khỏi nút điện thoại nội bộ.

Gã đứng dậy mở một tủ sắt đóng chặt trong một khối bê tông chìm trong bức tường. Lấy ra một cuốn sách dày và nặng rồi trở lại bàn. Gã lật sách tìm mục muốn đọc, chỉ có hai tên Memmers trong danh sách, Heinrich và Walter ngón tay gã dò theo trang của Heinrich, vốn thường được gọi tắt là Heinz. Gã ghi lại năm sinh, tính ra số tuổi hiện nay của người đó và hồi tưởng lại gương mặt của ông thám tử tư. Độ chừng là đúng. Hắn biên lại hai con số nữ tử trong đó, nhấc điện thoại lên và nhờ Hilda cho nối với đường dây bên ngoài.

Nối xong, hắn quay số điện thoại mà cô thư ký vừa cho biết. Chuông reo cả phút, đầu bên kia mới có người đáp, đó là giọng phụ nữ.

- Phòng thám tử tư Memmers đây.

- Làm ơn cho gặp ông Memmers.

- Xin lỗi, ai ở đầu dây đó ạ? Bà thư ký nọ hỏi lại.

- Cứ gọi ông ta tới máy nhanh lên giùm.

Ngừng một lát, rồi có giọng của chính Memmers:

- Memmers đây.

- Ông Memmers đó hả?

- Vâng, ai ở đầu dây?

- Dừng quan tâm đến tên của tôi, chả có gì đáng nói. Nhưng ông xem, con số 245.718 có nghĩa gì với ông không?

Điện thoại chợt im lặng một cách nặng nề, chỉ có tiếng thở dài thoát ra khi Memmers nhận ra đó là số quân SS của hắn. Cuốn sách lật ở trên bàn Werwolf lúc này chính là tập ghi danh sách các cựu SS, giọng Memmers lúc này dướm vẻ nghi ngại:

- Thế là sao?

- Con số của tôi chỉ có 5 số thôi... Ông có thấy gì lạ không? Kamerad.

Câu nói như một luồng điện. Có 5 số nghĩa là của một sĩ quan cao cấp hơn hắn nhiều.

- Vâng, thưa ông.

- Được. Werwolf đáp. Có việc tôi muốn nhờ ông. Có một tên tọc mạch đang dòm ngó một Kamerad của chúng ta. Tôi muốn biết hắn là ai.

- Zu Befehl (sẵn sàng chờ lệnh)! Memmers trả lời.

- Được lắm. Kamerad có thể làm giúp việc này. Vì chúng ta đều là chiến hữu của nhau cả.

Giọng Memmer có vẻ sung sướng vì được tin cậy:

- Vâng, Kamerad.

- Tôi chỉ biết số xe của tên đó thôi. Bảng số Hambourg.

Werwolf đọc lại bảng số của Miller một cách chậm rãi:

- Xong chưa?

- Thưa xong, Kamerad.

- Tôi muốn đích thân ông đi Hambourg. Tôi muốn biết rõ tên tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ, gia đình họ hàng, địa vị xã hội... ông hiểu chứ, như một vụ điều tra bình thường, ông xem có thể hoàn tất trong bao lâu?

- Trong 48 giờ- Memmers đáp.

- Hay lắm. Bốn mươi tám giờ sau tôi sẽ gọi lại ông. Điều

sau cùng, đừng làm ăn lộ liễu quá. Làm sao hoàn tất mà tên đó không biết là mình bị điều tra. Rõ chưa?

- Rõ, không có gì khó.

- Khi xong việc, thì mở trương mục và cho biết con số đó nghe. Tôi sẽ gửi trả thù lao vào đó bằng bưu điện.

Memmers phải đổi:

- Thôi. Khỏi có trương mục gì cả. Kamerad. Chuyện của chiến hữu chúng ta có gì mà phải thù lao.

- Hay lắm. Tôi sẽ gọi lại ông hai ngày nữa.

Werwolf bỏ ống nói xuống.



Cũng chiều hôm đó, Miller rời Hambourg, cũng vẫn trên xa lộ hai tuần trước, anh đã lái qua để tới Bremen, Osnabruck Munster và Cologne tới Rhinland. Lần này anh đi Bonn, thành phố nhỏ bên bờ sông mà Konrad Adenauer đã chọn để làm Thủ Đô của Cộng Hòa Liên Bang Đức, vì đó là quê của ông.

Qua Bremen một chút, chiếc Jaguar gặp chiếc Opel của Memmers lúc đó đang chạy ngược chiều để tới Hambourg. Cả hai vượt qua nhau vội vàng trong công việc của mỗi người.

Đến tối. Anh mới vào đến con phố chính của Bonn và trông thấy chiếc kết trắng trên đầu ông cảnh sát giao thông ở bên đường. Anh dừng xe lại, hỏi ông cảnh sát:

- Làm ơn chỉ giùm đường tới Tòa Đại Sứ Anh.

- Cũng gần đây, đi xe độ 1 giờ. Ông cảnh sát trả lời, giọng dân miền Rhinland: Tôi có thể tới nhanh hơn. Nó ở đâu vậy?

Ông cảnh sát chỉ theo đại lộ.

- Cứ đi thẳng, theo đường xe điện. Đường này chuyển sang đường Frederich Ebert Allee. Vẫn cứ theo xe điện, sắp ra khỏi Bonn, sang Bad Godesberg thì anh thấy nó

bên tay trái. Đèn sáng lắm, có cắm cờ Anh ở phía ngoài.

Miller gạt dầu cắm ơn và lái xe đi. Đến đúng chỗ theo lời chỉ dẫn. Tòa đại sứ Anh nằm cạnh một cao ốc và một sân banh, sương mù tháng 12 từ dưới sông tràn mờ mịt cả vùng này.

Đó là một tòa nhà đúc, dài, sơn xám, nằm thụt vào trong. Các phóng viên báo chí Anh ở Bonn thường gọi nó là "Nhà máy Hoover". Miller rẽ vào và đậu trên bãi dành cho xe của khách.

Anh đi bộ qua khung cửa và đến một căn phòng nhỏ ở phía tay trái, có một bà hướng dẫn đứng tuổi ngồi sau một cái bàn, đằng phía sau phòng còn có hai người đàn ông mặc đồng phục xanh, trông tướng có vẻ như xưa vốn là hạ sĩ quan trong quân đội.

- Tôi muốn gặp ông Tùy viên báo chí. Miller dùng cái vốn tiếng Anh nhà trường để nói, bà hướng dẫn có vẻ bỡ ngỡ.

- Tôi không biết ông ấy có ở đây không. Chiều thứ sáu rồi, ông biết đó.

- Làm ơn hỏi giùm. Miller nói và chìa thẻ báo chí ra.

Bà ta nhìn tấm thẻ và quay số điện thoại trên bàn, Miller gặp may, ông Tùy viên báo chí đang sắp đi về nhà. Ông ta xin khách chờ một chút. Miller được đưa vào một phòng khách nhỏ trang trí bằng một vài thử bản Rouland Hilder về cảnh mùa thu. Trên bàn có vài cuốn tạp chí và một tập ảnh mô tả sự tiến bộ của nền kỹ nghệ Anh. Tuy nhiên, trong vài giây, một cựu hạ sĩ quan nọ đã lên tiếng mời và dẫn anh lên lầu, đi dọc theo hành lang và tới một văn phòng nhỏ.

Ông Tùy viên báo chí, đã hơn ba mươi, có vẻ rất sốt sắng:

- Tôi có thể giúp ông được cái gì? Ông ta hỏi. Miller quyết định đi thẳng vào vấn đề.

- Tôi đang làm một phóng sự cho một tờ báo... anh nói

khoác là thế, về một cựu đại úy SS, hiện đang còn bị chính quyền của nước tôi truy nã. Tôi tin rằng hắn cũng nằm trong danh sách truy tầm của chính quyền Anh, hỏi người Anh còn chiếm đóng ở đây. Ông có thể cho tôi rõ người Anh đã bắt được hắn chưa, và nếu đã bắt được thì đã xử ra sao?

Nhà ngoại giao trẻ kia bối rối:

- Ô, tôi e rằng tôi không rành lắm. Tức là, chúng tôi đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ lại cho chính quyền Đức hồi 1949. Họ đã tiếp thu toàn bộ. Tôi nghĩ là các anh đã có đủ rồi chứ.

Miller cố tránh không nói ra là nhà cầm quyền Đức không muốn giúp đỡ anh.

- Đúng, đúng thế. Tuy nhiên, việc điều tra của tôi thì thấy là hắn chưa bị Cộng Hòa Liên bang Đức đưa ra tòa kể từ 1949, tức là từ 1949 đến nay hắn chưa bị bắt. Tuy nhiên, Trung tâm tài liệu Hoa Kỳ ở Tây Berlin có cho hay chính quyền Anh có tới tham khảo hồ sơ của tên SS này hồi 1947, việc này chắc là phải có nguyên nhân chứ?

- Vâng, ai cũng thấy thế. Ông ta trả lời xuôi, rõ ràng ông ta thấy, Miller đã được người Mỹ ở Tây Berlin hợp tác, ông nhiu mày suy nghĩ.

- Thế thì ai là người có quyền điều tra trong thời chiếm đóng... tức là hồi chính quyền Anh còn quản chế ở đây?

- À, chắc ông biết, đó là bộ phận của Tướng Marshall hồi đó. Ngoài Nuremberg, nơi từng xử các tội nhân chiến tranh đầu sỏ, thì các đồng minh cũng có điều tra riêng, dù là chúng tôi có hợp tác với nhau. Ngoại trừ người Nga. Những cuộc điều tra đó đưa tới cho các tòa án Tội nhân chiến tranh trong mỗi vùng, ông nghe tôi kịp không?

- Vâng.

- Công việc điều tra được giao cho bộ phận của Tướng Provost Marshall, đó là An ninh quân đội, và vụ xử được bên chính quyền tiến hành. Nhưng tất cả hồ sơ nếu có đều

được bàn giao hồi 1949 rồi. Ông thấy chứ?

- À, vâng, nhưng chắc là bên phía Anh quốc cũng có bản sao!

- Tôi chắc là có, nhưng bây giờ chắc được xếp vào hồ sơ lưu trữ của quân đội rồi.

- Nó có thể cho phép ai xem không?

Ông tùy viên có vẻ nghi ngại:

- Tôi e rằng không, tôi không chắc lắm. Tôi nghĩ rằng những nhà nghiên cứu chân chính có thể được phép xem chúng, nhưng việc xin phép ấy chắc mất thì giờ lắm. Và tôi không hiểu một phóng viên có thể được phép không. Tôi không có ý cản ông đâu, ông hiểu chứ?

- Tôi hiểu.

- Vấn đề là, ông tùy viên trẻ nói: thôi được, ông đến đây không được chính thức lắm, phải không? Và ông không muốn phá rối nhà cầm quyền Đức chứ?

- Không có ý đó đâu?

Ông tùy viên đứng dậy:

- Tôi nghĩ rằng thực ra Tòa Đại Sứ này có thể giúp ông đến thế thôi.

- OK. Điều sau cùng. Có viên chức nào có mặt ở đây từ hồi đó mà hiện nay vẫn còn ở đây không?

- Trong số nhân viên Tòa Đại Sứ hả? Ô, không có ai, họ đã đổi nhiều rồi.

Ông ta đưa Miller ra đến cửa.

- À, chờ chút, có Cadbury. Tôi nghĩ rằng ông đã từng ở đây, ông ấy ở lại đây vì đến tuổi hưu rồi. Tôi nhớ thế mà.

- Cadbury? Miller hỏi.

- Anthony Cadbury, phóng viên nước ngoài, ông ta là dân báo chí Anh lê lão thành ở đây. Đã lấy vợ người Đức. Tôi nghĩ rằng ông ấy đã ở đây từ hồi hết chiến tranh, ngay từ hồi đó. Ông có thể tới hỏi ông ấy.

- Hay quá, tôi sẽ đi, ông ấy bây giờ ở đâu?

- À, được, hôm nay thứ sáu, ông ta vẫn thường lui tới Câu lạc bộ Pháp Quốc lắm, hôm nay chắc ông có tới đó. Anh biết chỗ ấy không?

- Không, tôi chưa ở Bonn này bao giờ.

- À được, đó là một nhà hàng, ông chủ người Pháp, đồ ăn cũng ngon lắm. Nó rất đông khách. Nó ở Bad Godesberg, ngay phía dưới đây.

Miller tìm được chỗ đó, độ trăm thước bên bờ sông Rhine trên một con đường tên Am Schwimmbad. Người bồi biết Cadbury khá rõ, nhưng tối hôm đó không thấy ông ta tới. Gã bảo Miller rằng nếu ông già phóng viên đó tối nay không tới thì chắc chắn ông ta sáng mai sẽ tới, lúc gần trưa.

Miller đi đặt phòng ở khách sạn Dressen gần bên, đó là một tòa kiến trúc cũ hàng thế kỷ. Xưa vốn là khách sạn mà Hitler ưa thích, ông ta đã chọn nơi này để gặp Neville-Chamberlain của nước Anh hồi 1938. Anh trở lại Câu lạc bộ Pháp Quốc dùng bữa tối, và uống cà phê, hy vọng có Cadbury tới, nhưng đến 11 giờ, tay phóng viên già đó vẫn không thấy đâu, anh đành về khách sạn ngủ.

Cadbury bước vào nhà hàng câu lạc bộ Pháp vào lúc còn vài phút nữa là 12 giờ trưa, ngày hôm sau. Có mấy người bạn ra dấu chào, ông ta ngồi vào chỗ quen thuộc gần quầy. Khi ông nhấp một ngụm Ricard đầu tiên, thì Miller rời khỏi bàn mình ở gần cửa sổ và tiến lại.

- Ông Cadbury?

Người Anh kia quay lại và nhìn anh. Mái tóc trắng của ông ta chải ngược ra gáy, một khuôn mặt ngày xưa chắc rất là đẹp trai, làn da có vẻ khỏe mạnh với những vết mạch máu mờ mờ ở hai bên má, cặp mắt màu xanh sáng dưới hàng lông mày nâu nhạt. Ông nhìn Miller một cách thận trọng.

- Phải.

- Tên tôi là Miller. Peter Miller. Tôi là phóng viên ở Hambourg. Tôi có thể nói chuyện được với ông vài phút không?

Cadbury chỉ cái ghế cạnh đó:

- Chúng ta có thể cứ nói chuyện bằng tiếng Đức. Cadbury lên tiếng. Miller thấy rằng mình có thể nói bằng tiếng Đức với ông ta được. Cadbury nhếch miệng:

- Tôi có thể giúp gì cho ông?

Miller liếc nhìn vào mắt ông ta, hơi chồm tới và bắt đầu kể lại mọi chuyện, từ lúc gặp cái chết của Tauber. Người đàn ông dân London im lặng nghe, không ngắt lời. Khi nghe Miller kể xong, ông ra hiệu cho người bồi rót thêm một ly Ricard nữa cho ông và thêm bia cho Miller.

- Spatenbrau (tên một loại bia), phải không?

Miller gật đầu và rót bia vào ly của mình.

- Hay lắm, Cadbury. Bây giờ anh đã gặp được vấn đề rồi. Tôi phải nói là anh gan lì lắm.

- Gan lì?

- Với dân Đức của anh hiện nay, đi điều tra chuyện như thế không phải là chuyện thường đâu, như kiểu anh làm hiện nay đó.

- Tôi đã làm.

- M... mm... Tôi cũng nghĩ thế, ông người Anh trả lời, rồi chợt nói: Minh ăn trưa nhé. Hôm nay vợ tôi đi vắng.

Trong bữa trưa, Miller hỏi Cadbury có phải ông đã có mặt ở Đức từ hồi chấm dứt chiến tranh.

- Phải, tôi là phóng viên chiến trường. Hồi còn trẻ kia, độ bằng tuổi ông bây giờ. Tôi tới đây theo cánh quân của Montgomery. Không phải tới Bonn đâu, hồi đó chả có ai nói tới Bonn. Bộ chỉ huy thì ở Luneberg. Rồi tôi cứ ở đó, cho đến lúc hết chiến tranh, ký giấy đầu hàng và các thứ, rồi tòa báo yêu cầu tôi tiếp tục ở lại.

- Ông có tưởng thuật gì về Tòa Án Tội Nhân Chiến Tranh của vùng không? Miller hỏi.

Cadbury gắp một miếng thịt bíp-tếch bự, ông ta nhai và gặt đầu:

- Có, mọi tội nhân đều được giữ trong vùng của Anh Quốc đóng. Tụi tôi có một chuyên gia về tòa án Nuremberg, tòa đó thì nằm trong vùng của người Mỹ. Những tội nhân nổi tiếng nhất trong vùng của người Anh chúng tôi là Josef Kramer và Irma Grese. Ông có nghe tới không?

- Không, chưa có.

- Bọn này được gọi là Ác Thú đực và Ác Thú cái của Belsen. Tôi là thằng chế ra biệt danh đó đây. Chúng bị bắt. Anh có nghe tới Belsen không?

- Chỉ sơ sơ thôi, thế hệ tụi tôi không được nghe nói nhiều về các chuyện đó. Chả ai muốn nói cho chúng tôi bất cứ điều gì?

Cadbury đưa mắt nhìn anh.

- Thế bây giờ anh muốn biết à?

- Sớm muộn gì chúng tôi cũng phải biết. Tôi có thể hỏi ông vài điều không? Ông có ghét người Đức không?

Cadbury nhai nhai trong mấy phút, ngẫm nghĩ về câu hỏi:

- Ngay sau khi khám phá ra Belsen, có nhiều phóng viên theo chân quân Anh để tới xem. Cả đời tôi chưa bao giờ thấy kinh hoàng như vậy, mà anh biết trong chiến tranh cũng có nhiều chuyện khủng khiếp, nhưng không có gì như Belsen. Ngay lúc đó, tôi nghĩ, tôi ghét người Đức.

- Còn bây giờ.

- Hết rồi. Cứ coi đây. Tôi lấy vợ người Đức năm 1948. Tôi vẫn còn ở lại xứ này. Tôi biết mình không còn có thể có cảm giác như hồi 1945. Nếu có thì tôi đã về Anh từ lâu rồi.

- Tại sao có sự thay đổi đó?

✓ - Thời gian. Thời gian trôi qua. Và tôi hiểu ra không phải người Đức nào cũng là Josef Kramers hay như... ai nhỉ? À, Roschmann? Như Roschmann. Ông nghĩ di, tôi vẫn không thể xóa được ý nghĩ ngờ vực cho những người thuộc lứa tuổi tôi trong nước của ông.

- Còn thế hệ của tôi? Miller xoay vòng ly nước và nhìn những tia sáng lấp lánh qua chất lỏng màu đỏ.

- Đó thì khá hơn, nhìn coi, anh phải khá hơn.

- Ông có thể giúp tôi trong vụ điều tra Roschmann không? Chả có ai giúp tôi cả.

- Nếu tôi có khả năng... Anh muốn biết về cái gì?

- Ông nhớ hẳn có từng bị đưa ra tòa trong vùng của Anh hay chưa?

Cadbury lắc đầu:

- Không. Có điều, anh nói hẳn gốc Áo. Áo cũng bị dưới chế độ Tứ Cường chiếm đóng. Nhưng tôi chắc chắn là Roschmann chưa hề bị đưa ra xử trong vùng của người Anh. Nếu có thì tôi đã biết tên hẳn rồi.

- Nhưng tại sao chính quyền Anh lại sao lục hồ sơ của hẳn do người Mỹ giữ ở Berlin?

Cadbury trầm ngâm một lát:

- Roschmann như thế đã bị nhà cầm quyền Anh lưu ý. Hồi đó chả ai biết gì về Riga cả. Vào cuối thập niên 40 thì người Nga rất là dè dặt. Họ chẳng cho tụi tôi chút tin tức gì về miền Đông. Mà đó lại là nơi có nhiều tay tội phạm thuộc loại dữ dằn nhất. Nên chúng tôi nằm trong cái thế còn để lại 80% những tội ác đối với nhân loại đã xảy ra ở phía Đông cái gọi là Bức Màn Sắt, và cả hàng trăm phạm nhân đã thoát khỏi tay chúng tôi vì chúng tôi chả biết gì về hành vi của chúng ở miền Đông mịt mù cả ngàn dặm kia.

- Nhưng vào năm 1947, nếu có điều tra gì về Roschmann tức là chúng tôi đã có lưu ý gì về hẳn đó. Ông ta nói tiếp.

- Tôi cũng nghĩ như vậy, Miller đáp. Bây giờ ta phải tìm ở đâu đây, trong đồng hồ sơ của người Anh?

- Được, chúng ta có thể bắt đầu với hồ sơ của tôi để ở nhà. Giờ mình đi nhé, cũng gần đây thôi.

May thay, Cadbury là một người làm việc có phương pháp và đã lưu trữ mọi bài vở tài liệu của ông từ hồi thế chiến tới nay. Phòng làm việc của ông chất đầy những tập hồ sơ dọc hai bên tường. Ngoài ra còn có hai dãy học đựng hồ sơ sơn xám ở góc phòng.

- Tôi giữ phòng làm việc này cho riêng tôi.

Ông nói với Miller khi họ bước vào.

- Đây là hệ thống lưu trữ của tôi, chỉ có tôi là biết cách sử dụng. Để tôi lấy cho anh xem.

Ông chỉ một dãy học:

- Cái này đựng hồ sơ về các nhân vật, xếp theo thứ tự chữ cái, cái kia xếp theo đề tài, cũng thứ tự chữ cái. Bây giờ ta xem bên dãy nhân vật. Tìm chữ Roschmann.

Tìm trong giấy lát. Không có tấm phiếu mục nào ghi Roschmann cả.

- Được. Cadbury nói. Bây giờ qua bên đề tài. Có bốn đề tài cần tìm. Một ghi chữ Quốc Xã, một ghi chữ SS. Rồi có một mục rất lớn ghi chung là "Tư Pháp" trong đó có một phần bao gồm các bài báo về các vụ xử án. Nhưng hầu hết vụ xử đó đều xảy ra ở Tây Đức từ 1949. Nên một mục nữa có thể tìm là "Tội ác Chiến tranh". Bây giờ ta bắt đầu tìm.

Cadbury đọc nhanh hơn Miller, nhưng mãi đến súp tối, họ mới xem qua hết cả trăm mảnh báo và giấy tờ trong bốn mục này. Sau cùng Cadbury đứng dậy, thở dài và đóng học "Tội ác Chiến tranh" lại, đem cất vào chỗ cũ.

- Chắc mình đi kiếm gì ăn cái đã. Còn một chồng nữa để lục lại thôi. Ông chỉ vào hộp hồ sơ trên kệ xếp dọc tường.

Miller cất học phiếu hẳn vừa lục lọi xong.

- Đó là cái gì vậy?

- Đó là toàn bộ các bài tôi gửi cho các báo suốt 19 năm nay. Nằm cả ở đây trên, bên dưới đó là 19 năm cắt báo về mọi chuyện và tin tức về Đức và Áo. Dĩ nhiên là có nhiều bài ở tầng một được in trong tầng hai. Tức là các bài của tôi được in trên báo. Nhưng cũng có bài ở tầng dưới không phải của tôi, tức là của một đồng nghiệp nào đó đã được in. Và có một số bài của tôi gửi nhưng họ không dùng.

- Có khoảng sáu hộp báo cắt cho mỗi năm. Đọc hết thì cũng nhiều đấy. May là hôm nay thứ bảy, nên chúng ta còn cả một ngày để xem nếu anh thích.

- Thật là làm phiền ông quá- Miller nói.

Cadbury nhún vai:

- Tôi cũng chả có việc gì làm ngày cuối tuần này. Vả lại, cuối tuần trong tháng 12 ở Bonn này cũng khó mà có gì vui. Vợ tôi thì đến tối mai mới về.

Đến buổi chiều chủ nhật thì họ mới tìm thấy. Anthony Cadbury đọc gần hết hộp có đề "Tháng 11-12 năm 1947" trong mở bài do ông gửi đi. Bất chợt ông la lên "Eureka" (1) lôi tuột hộp đó ra và rút lấy một tờ giấy đã phai màu, đánh máy và có ghi "23-12-1947" ở đầu trang.

- Chắc là chả có tòa báo nào dùng rồi. Chả ai lại muốn đọc về một tên SS bị bắt vào ngày giáp lễ Giáng Sinh, vả lại, ấn bản vào mùa Giáng Sinh cũng đã giảm bớt.

Ông đặt tờ giấy lên bàn viết, bật ngọn đèn lên. Miller cúi xuống đọc:

- Chính Phủ Quân Đội Anh, Hanover, ngày 23-12. Một cựu đại úy SS đã bị bắt giữ bởi giới chức ở Graz, Áo. Và đã bị câu lưu để điều tra thêm, một phát ngôn viên của Bộ Chỉ Huy Chính Phủ Quân Đội Anh hôm nay đã cho biết như thế.

Người đó, Eduard Roschmann, đã bị nhận diện trên đường phố Áo, một người vốn ở trong trại tập trung đã

khẳng định Roschmann từng là chỉ huy một trại ở Latvia. Sau khi xác định được căn nhà mà cựu tù nhân nọ theo dõi ông ta đến đó, Roschmann đã bị lực lượng Mật vụ Anh ở Graz bắt giữ.

Người ta đã yêu cầu Bộ Chỉ Huy của Nga Sô Viết ở Postdam cho biết thêm các chi tiết về trại tập trung Riga thuộc Latvia, và một cuộc tìm kiếm thêm các nhân chứng đang được tiến hành theo lời phát ngôn viên. Đồng thời, người bị tạm giam đã được xác định là Roschmann qua hồ sơ cá nhân của ông ta, đang được người Mỹ lưu trữ ở mục SS tại Berlin. Đặc phái viên Cadbury.

Miller đọc bản tin ngắn đó tới bốn năm lần.

- Chúa ơi, anh thở ra. Gặp hãn rồi.

- Bây giờ đi uống cái gì đi. Cadbury bảo.



Khi gọi điện thoại cho Memmmers vào sáng thứ sáu đó, Werwolf cũng biết 48 giờ sau là chủ nhật. Dù vậy gã cũng gọi trở lại đúng hẹn, trong lúc đó hai phóng viên ở Bad Godesberg đã tìm được bài báo nọ. Điện thoại tới văn phòng Memmmers không được trả lời.

Mãi 9 giờ sáng hôm sau, Memmmers mới về tới văn phòng. Và Werwolf gọi lại vào lúc 9 giờ 30.

- Rất mừng khi ông gọi lại, Kamerad. Tôi mới từ Hambourg về khuya hôm qua.

- Có được tin tức gì không?

- Có chứ, ông chuẩn bị ghi nhá...

- Nói đi.

Memmmers đằng hắng và bắt đầu đọc trong sổ tay:

- Chủ chiếc xe đó là một phóng viên tự do, Peter-Miller. Chi tiết: 29 tuổi, cao 1m90, tóc nâu, mắt nâu. Có bà mẹ đang sống ở Osdorf ngoại ô Hambourg. Còn hãn sống ở một căn phòng thuộc khu Steindamm trung tâm Hambourg.

Memmer đọc lại số địa chỉ và điện thoại của Miller.

- Hẳn sống với một cô vũ nữ sexy, tên Sigrid Rahn, làm việc cho các báo ảnh, cũng khá thành công, chuyên về phóng sự điều tra, tức là, như ông nói, đúng là một tên tò mò.

- Có biết ai tài trợ cho hẳn điều tra vụ này không?

- Không, thế mới kỳ, hình như chả ai biết hiện nay hẳn đang làm gì, hay làm cho ai. Tôi cũng có hỏi cô gái, dĩ nhiên là qua điện thoại, giả như là tòa soạn một tờ báo lớn gọi tới. Cô ta trả lời không biết hẳn đi đâu, nhưng có nói hy vọng chiều nay hẳn sẽ gọi về, trước giờ cô ta đi làm.

- Còn gì khác nữa không?

- Còn về cái xe đó rất độc đáo. Một chiếc Jaguar đen, kiểu Anh Quốc, có sọc vàng bên hông, loại xipo, hai chỗ ngồi, gọi là kiểu XK 150s. Tôi hỏi ở gara gần nhà hẳn.

Werwolf ghi lại chi tiết đó, rồi nói:

- Tôi muốn biết ngay hiện hẳn ở đâu.

- Hẳn hiện không có ở Hambourg. Memmers vội vàng nói: Thứ sáu, hẳn đi vào khoảng trưa, ngay khi tôi tới. Hẳn ăn Giáng Sinh ở đó. Trước đó hẳn vừa đi đâu về.

- Tôi biết- Werwolf đáp.

- Tôi có thể tìm ra hẳn điều tra vụ gì. Tôi không dám hỏi kỹ, vì ông có dặn đừng có làm quá, hẳn biết.

- Thôi, tôi biết rồi, hẳn đang điều tra để tố cáo một đồng chí của ta.

Werwolf nghĩ ngợi một lát:

- Anh có thể tìm xem hẳn hiện ở đâu không?

- Tôi nghĩ là được. Tôi có thể gọi lại cho cô bạn hẳn vào chiều nay, làm như tôi ở tòa báo cần gặp Miller gấp lắm, cô ta nói chuyện có vẻ thật thà lắm.

- Ừ, làm thế đi. Tôi sẽ gọi anh lại vào 4 giờ chiều nay.

Cadbury, sáng thứ hai, trở vào Bonn vì có một cuộc họp báo của vị Bộ Trưởng nọ. Ông ta gọi Miller ở khách sạn Dressen vào lúc 10 giờ 30.

- Tôi muốn gặp anh trước khi anh về, tôi có một ý kiến, có thể giúp anh. Gặp tôi ở câu lạc bộ Pháp khoảng 4 giờ chiều nay nghe.

Đến trước bữa trưa, Miller gọi cho Sigi và bảo anh đang ở Dressen.

Khi họ gặp nhau, Cadbury gọi trà.

- Tôi có ý này, tôi không đi dự buổi họp báo quý đó sáng nay nữa. Cadbury nói: Nếu Roschmann đã bị bắt và nhận diện là một tội nhân chiến tranh, thì trường hợp của hắn chắc chắn là giới cầm quyền Anh đóng tại Đức hồi đó biết. Mọi hồ sơ đều được sao chép và trao đổi giữa lực lượng Anh, Pháp, và Mỹ đóng ở Đức và Áo hồi đó. Anh có bao giờ nghe nói tới một người tên là Công Tước Russell ở Liverpool không?

- Chưa bao giờ-

- Ông ta là cố vấn pháp luật cho Chính Phủ Quân Đội Anh trong mọi vụ án tội nhân chiến tranh suốt thời gian chiếm đóng. Sau này ông ta viết cuốn "The scourge of the Swastika". Anh có thể tưởng nó viết về cái gì. Nó không làm ông ta ăn khách ở Đức, nhưng nó rất xác thực. Viết về những bạo hành.

- Ông ấy là luật sư?

- Phải. Rất khôn ngoan. Nên do đó người ta đã lựa ông. Bây giờ thì ông ấy về hưu rồi, sống ở Wimbledon. Tôi không biết ông ta còn nhớ tôi chẳng, nhưng tôi có thể viết cho ông một thư giới thiệu.

- Ông ta có thể nhớ nổi chuyện cũ thế này không?

- Có thể. Ông ta tuy đã già, nhưng nổi tiếng là có trí nhớ không thua gì một tủ đựng hồ sơ. Nếu vụ Roschmann có giao cho ông chuẩn bị để luận tội, thì ông ta sẽ nhớ kỹ từng chi tiết. Tôi dám chắc như thế.

Miller gạt đầu, nhấp một miếng trà.

- Được, tôi sẽ sang London để gặp ông ta.

Cadbury thọc tay vào túi và lấy ra một phong thư.

- Tôi đã viết rồi đây. Ông đưa cho Miller lá thư giới thiệu và đứng dậy.

- Chúc may mắn.

Memmers đã có sẵn tin tức cho Werwolf khi nhận cú điện thoại lúc 4 giờ chiều.

- Cô bạn của hắn vừa nhận điện thoại. Hắn bảo hiện đang ở Bad Godesberg, khách sạn Dressen.

Werwolf cúp máy và dò qua số ghi địa chỉ. Sau cùng gã tìm được một tên người. Gã lại cầm máy lên và gọi một số ở khu vực Bonn - Bad Godesberg.

Miller trở lại khách sạn, điện thoại cho phi trường Cologne và ghi chỗ trước trong một chuyến bay đi London ngày hôm sau. Thứ ba 31 tháng 12. Khi anh tới bàn tiếp khách, cô gái ngồi sau bàn mỉm cười và chỉ ra khu ngồi hóng mát ở phía ngoài nhìn ra con sông Rhine.

- Ông Miller, có người muốn gặp ông.

Anh liếc sang mấy cái ghế bọc nỉ đặt quanh những chiếc bàn gần cửa sổ. Ở đó có một người trung niên, mặc áo khoác mùa đông màu đen, mang một chiếc nón Humbergden và một cái ô, đang ngồi đợi. Anh bước lại, tự hỏi ông này là ai mà biết anh ở đây.

- Ông muốn gặp tôi? Miller hỏi, ông ta đứng dậy.

- Ông là Miller?

- Phải.

- Peter Miller?

- Phải.

Ông ta khẽ nghiêng đầu chào theo kiểu Đức cổ.

- Tôi là Schmidt. Bác sĩ Schmidt.

- Ông cần tôi điều gì?

Ông ta mỉm cười thân thiện và nhìn ra cửa sổ, dòng sông Rhine màu đục đang chảy qua, trên lòng sông sáng sủa.

- Tôi được biết ông là một phóng viên, phải không? Phóng viên tự do. Khá lành nghề, ông ta mỉm cười. Ông nổi tiếng là sắc bén và thông thạo.

Miller im lặng, chờ ông ta nói vào chuyện.

- Một số bạn của tôi nghe nói ông đang điều tra về những chuyện...

à, à, thôi để tôi nói thẳng ra... những chuyện xảy ra đã lâu rồi, rất lâu rồi.

Miller hơi bối rối, anh cố nặn óc ra để đoán "những người bạn" ông ta nói đó là ai, và ai đã cho họ hay. Rồi anh thấy mình đã chạy tứ tung để dò hỏi về Roschmann. Anh bèn nói toạc ra:

- Điều tra về một ông Eduard Roschmann nợ. Rồi sao?

- À, phải. Về đại úy Roschmann. Tôi nghĩ là tôi có thể giúp ông được.

Ông ta rời mắt khỏi dòng sông và nhìn lạng lẽ sang Miller:

- Đại úy Roschmann chết rồi.

- Thật sao? Tôi không biết.

Bác sĩ Schmidt có vẻ hài lòng:

- Dĩ nhiên là ông không biết. Chẳng có lý do gì ông biết được. Nhưng đó là sự thật. Đúng là ông đã phí thì giờ.

Miller nhìn có vẻ phật ý, rồi anh hỏi:

- Ông có thể cho biết ông ấy chết lúc nào không?

- Ông không tìm ra chi tiết gì về cái chết của ông ấy sao? Ông bác sĩ hỏi lại.

- Không. Tôi chỉ tìm được dấu vết của ông ấy cho đến cuối tháng 4-1945. Lúc đó người ta còn thấy ông ấy sống.

- Ô, phải. Đúng đó. Schmidt có vẻ đặc ý: Ông ta bị giết rồi, ít lâu sau đó thôi. Ông ta trở về quê ở Áo và chết trong trận đánh với quân Mỹ hồi 1945. Có nhiều người quen biết với ông ấy đã nhận ra xác.

- Ông ta là một người rất đáng chú ý. Miller nói.

Ông Schmidt gật đầu đồng ý:

- Phải, phải. Nhiều người nghĩ thế. Chúng tôi cũng nghĩ thế.

- Tôi muốn nói, Miller tỉnh bơ nói tiếp: ông ta là một người rất đáng chú ý, vì sau Chúa Jesus, ông ta là người đầu tiên chết, rồi sống lại. Người Anh đã bắt được ông ta vào ngày 20 tháng 12-1947 tại Graz, thuộc Áo.

Ánh mắt của ông bác sĩ phản chiếu màu băng tuyết sáng lạnh lùng ở ngoài cửa sổ.

- Miller, anh liều lĩnh lắm đó. Rất là liều lĩnh. Cho phép tôi có lời khuyên với anh, của một người lớn tuổi với một người nhỏ tuổi. Bỏ vụ này đi.

Miller nhìn lại ông ta:

- Tôi rất là cảm ơn ông- anh trả lời lạnh lẽo.

- Nếu có thể, anh nên theo lời khuyên của tôi đi.

- Ông hiểu lắm tôi nữa rồi. Roschmann đã bị nhận diện hồi giữa tháng 10 vừa qua, ngay tại Hambourg. Lần nhận mặt gần đây chưa có gì khẳng định. Thì giờ đây, chính ông vừa khẳng định chuyện đó giúp tôi rồi.

- Tôi nhắc lại, anh rất là liều mạng khi không dẹp bỏ vụ điều tra này. Cặp mắt bác sĩ lạnh lẽo chưa từng thấy, nhưng trong đó còn có sự lo sợ, bồn chồn. Đã có lần người ta từ chối không theo lệnh ông và ông thì chả bao giờ quên đổi ý.

Miller bắt đầu thấy tức giận, một dòng máu nóng chậm chậm bốc từ cổ lên mặt anh.

- Ông làm tôi mệt quá, ông Bác sĩ, ông và nhóm của ông, cả tập đoàn bè lũ của ông. Các ông có một bộ mặt

trang trọng, nhưng các ông đã làm ô uế cả bộ mặt của đất nước này. Tôi còn nghi tới chuyện này thì tôi còn đi điều tra hoài cho đến lúc tìm ra hấn mới thôi.

Anh quay lưng bỏ đi, nhưng ông trung niên nọ chụp lấy tay anh. Họ nhìn chòng chọc vào mắt nhau trong khoảng cách vài tấc.

- Anh không phải Do Thái, Miller, anh là dân Arian. Anh cùng phía với chúng tôi. Chúng tôi đã làm gì anh, vì danh chúa, chúng tôi đã làm gì anh chưa?

Miller giật tay ra:

- Nếu ông không biết điều đó, Bác sĩ, thì ông sẽ không bao giờ hiểu được.

- À, lớp trẻ các anh, ai cũng thế. Tại sao các anh không bao giờ làm theo điều mình được dạy bảo?

- Vì đó là kiểu của bọn tôi. Hay ít ra đó là kiểu của tôi.

Ông Bác sĩ nheo mắt lại nhìn anh:

- Anh không phải thằng ngu, Miller ạ. Nhưng anh đã cư xử theo kiểu của anh. Anh cứ như thứ sinh vật quái gở điên cuồng sống theo cái mà anh gọi là lương tâm. Nhưng tôi thì bắt đầu nghi ngờ cái đó. Rõ ràng là anh có một ý đồ cá nhân gì đó trong vụ này.

Miller quay đi:

- Có thể lắm. Anh đáp và bước đi thẳng.

CHƯƠNG 8

Miller tìm ra căn nhà trong một khu phố yên tĩnh ở Wimbledon thuộc London không có gì khó khăn. Chính Công Tước Russell ra mở cửa khi nghe chuông, ông độ hơn 60 tuổi, mặc áo gilê len và thắt nơ. Miller tự giới thiệu:

- Tôi ở Bonn ngày hôm qua, dùng bữa trưa với ông Anthony Cadbury. Ông ta cho tôi biết ông và có một lá thư giới thiệu gửi ông. Tôi hy vọng được nói chuyện với ông một lát.

Công Tước Russell đứng trên bậc cửa bối rối nhìn anh:

- Cadbury? Anthony Cadbury? Hình như tôi nhớ không ra...

- Một phóng viên báo chí Anh, Miller tiếp: ông ấy đã ở Đức từ lúc hết chiến tranh. Ông ta tường thuật các vụ xử tội nhân chiến tranh mà trong đó ông làm cố vấn pháp luật. Josef Krammer và đồng bọn ở Belsen... Ông có nhớ những vụ án đó...

- Có, có nhớ, nhớ chứ. Cadbury, phải, báo chí. À, bây giờ tôi nhớ ra rồi. Lâu quá không gặp lại. Phải, ồ, đừng đứng ở đây. Trời lạnh mà tôi không còn trẻ nữa. Mời vào. Mời vào.

Không đợi trả lời, ông ta quay lưng và đi vô phòng tiền

sánh. Miller đi theo, khép cánh cửa ngăn làn gió lạnh của những ngày đầu năm 1964. Anh treo áo khoác vào móc và theo ông ta vào phòng trong, nơi có một ngọn lửa ấm áp cháy trong lò sưởi phòng khách.

Miller đưa lá thư của Cadbury ra. Russell cầm lấy, đọc lướt qua và ngược lên:

- Hừm, giúp đỡ truy tầm một tay Quốc Xã? Phải thế không? Ông ta nhìn Miller, anh chưa kịp trả lời thì ông đã nói tiếp.

- Mời ngồi, mời ngồi. Đứng mãi mệt lắm.

Họ ngồi trên hai chiếc ghế chạm trổ đặt bên ngọn lửa.

- Tại sao lại có một phóng viên Đức trẻ tuổi đi truy tầm một tay Quốc Xã nhỉ? Ông ta buột miệng hỏi. Miller thấy kiểu nói thẳng của ông nó trực trặc thế nào ấy.

- Để tôi trình bày lại từ đầu. Miller trả lời.

- Thề thì hay lắm. Nhà quý tộc nói, ông chồm tới trước để gõ tàn thuốc của ống pip vào lò sưởi. Trong khi Miller nói, ông ta nhồi thuốc, châm lửa, và bình thần nhả khói cho đến lúc gã phóng viên nói xong.

- Hy vọng tiếng Anh của tôi cũng tạm được- Miller nói, khi ông luật sư về hưu cô vẻ không có phản ứng gì cả.

Công Tước Russell hình như vừa tỉnh cơn mơ.

- Ô, ô, còn khá hơn tiếng Đức của tôi sau mấy năm đó. Người ta dễ quên lắm, anh biết đó.

- Còn vụ Roschmann này... Miller mở lời.

- Được, hấp dẫn, hấp dẫn lắm. Và anh định tìm cho ra hấn. Tại sao vậy?

Cây hỏi chìa thẳng vào Miller và anh thấy cặp mắt dưới hàng lông mày của ông ta nhìn anh dò xét.

- À. Tôi có lý do của tôi chứ, anh nói tỉnh bơ. Tôi tin rằng tên này phải bị bắt và đưa ra tòa.

- Hừm. Không phải ai cũng nghĩ thế đâu. Vấn đề là,

hắn còn sống không? Hắn còn không, tới hôm nay?

Miller dựa ngả ra:

- Hắn còn, nếu có thể tìm ra hắn. Tôi dám nói chắc như thế.

Nhà quý tộc Anh có vẻ vẫn bình thản. Một sợi khói tỏa lên trần, kéo thành một chuỗi dài khi ông ta bập bập ông pip. Sự im lặng kéo dài.

- Có điều là, ông còn nhớ được hắn ta không?

Công Tước Russell có vẻ như khởi sự:

- Nhớ hắn? Ô, tôi nhớ hắn chứ, hay ít ra cũng nhớ cái tên. Hy vọng tôi nhớ ra được khuôn mặt. Trí nhớ người già thì nó cứ nhạt dần theo năm tháng, anh hiểu đó. Và hồi đó thì bọn họ có nhiều lắm.

- Quân cảnh của ông bắt được hắn hồi 20-12-1947, ở Graz- Miller nhắc, hắn lấy ra hai tấm ảnh của Roschmann đã sao lại được, cất sẵn trong túi áo và đặt lên bàn. Công Tước Russell nhìn chăm chú, một tấm chụp nghiêng, một chụp thẳng, ông đứng dậy và đi quanh phòng, trầm tư suy nghĩ. Sau cùng ông ta nói:

- Phải rồi. Tôi đã gặp hắn. Nhớ ra hắn rồi. Đúng rồi, hồ sơ từ Sở An Ninh Graz gửi về cho tôi ở Hanover vài bữa sau đó. Chắc Cadbury lấy tin ở đó. Văn phòng của tôi ở Hanover.

Ông dừng lại và đi vòng tới phía Miller:

- Anh nói ông Tauber gì đó thấy hắn lần cuối hồi 3-4-1945, chạy về phía Madgeburg bằng xe hơi với mấy người nữa hả?

- Ông ta ghi trong nhật ký đó.

- M... m... m... Hai năm rưỡi trước khi bắt được hắn. Anh có biết thời gian đó hắn đang ở đâu không?

- Không.

- Trong một trại tù binh của Anh. Thôi được, tôi sẽ kể

cho anh nghe...

Chiếc xe chở Eduard Roschmann và mấy tên SS nữa, sau khi qua khỏi Magdeburg lập tức rẽ sang hướng Nam, tiến về Batavia và Áo. Họ đi mãi tới Munich vào cuối tháng 4, rồi họ giải tán. Roschmann lúc đó mặc đồ hạ sĩ Đức với giấy tờ để tên hấn nhưng chỉ là một người lính.

Phía Nam Munich, quân đội Mỹ đang tiến qua Batavia, họ không chú ý tới thường dân, vì việc quản lý số dân này rất mệt óc, mà họ lo vì có tin rằng bọn đảng viên Quốc Xã đang âm mưu rút lên vùng núi thuộc dãy Alpes, chung quanh quê nhà của Hitler ở Berchtegaden và cố thủ tới tận cuối cùng. Hàng trăm tàn quân Đức không vũ khí, lang thang, chả bị ai chú ý khi cánh quân của Patton tiến qua miền Batavia.

Ngày trốn trong rừng núi, đêm vượt qua những vùng nông thôn. Roschmann thoát qua biên giới Áo-Đức, vốn đã bị xóa bỏ từ khi Áo bị sát nhập năm 1938 và đi mãi về Graz, quê cũ của hấn. Ở đó và vùng phụ cận, hấn biết nhiều người mà hấn có thể tìm chỗ trốn được.

Hấn vòng qua Vienna và sắp thoát thì gặp một nhóm lính Anh đi tuần, ngày 6-3. Hấn lại đâm đầu bỏ chạy. Khi nhào xuống một bụi cây bên đường thì một chùm đạn róc theo, một viên trúng ngực, ghim vào phổi hấn. Bọn lính Anh lùng sục trong rừng một lúc, không tìm ra bèn bỏ đi, để hấn bị thương nằm trong bụi đó. Hấn cố sức bò lê tới một nông trại cách đó nửa dặm.

Vẫn còn tỉnh, hấn nói tên một bác sĩ quen ở Graz và nhờ ông nông dân di mời hộ, ông ta đạp xe trong đêm vào giờ giới nghiêm để giúp hấn. Trong 3 tháng, bạn hấn lo chữa trị, ban đầu ở nhà ông nông dân, sau được đưa về Graz. Khi hấn bình phục thì chiến tranh đã kết thúc, Áo thì bị Tứ Cường chiếm đóng. Graz nằm trong vùng của người Anh.

Tất cả lính Đức đều phải ở hai năm trong một trại tù binh, và Roschmann nghĩ đó là nơi an toàn, nên đã ra

trình diện. Trong hai năm trời, từ tháng 8-1945 đến tháng 8-1947 trong khi cuộc săn lùng các SS đầu sỏ đang diễn ra, Roschmann vẫn bình yên trong trại. Do khi ra trình diện, Roschmann đã dùng một tên khác, đó là tên một người bạn đi lính và đã chết ở Nam Phi.

Hồi đó có cả chục ngàn tàn quân Đức lang thang không có một thứ giấy tờ gì, nên xưng ra tên nào thì đồng minh cũng chấp nhận cả. Họ chả có thi giờ cũng như khả năng để xác minh lý lịch của một tay hạ sĩ. Mùa hè 1947, Roschmann được phóng thích, và cảm thấy an toàn rời khỏi trại giam. Nhưng hấn đã lầm.

Một người tù Riga còn sống sót, quê ở Vienna, đã trở về và cương quyết trả thù, người đó quanh quẩn ở Graz và chờ đợi Roschmann trở về, hấn còn bố mẹ ở lại từ 1939, và có người vợ lấy hồi 1943, tên Hella Roschmann. Người đó dò xét hết nhà bố mẹ tới nhà vợ, chờ đợi tên SS trở về.

Sau khi được thả, Roschmann vẫn ở vùng quê gần Graz làm thuê làm mướn. Rồi ngày 20-12-1947, hấn trở về để dự lễ Giáng Sinh với gia đình. Người kia vẫn chờ đó, nấp sau một cái cột và thấy rõ một kẻ cao, gầy, tóc hung nhạt, mắt xanh lạnh lẽo tiến đến nhà vợ, ngó quanh quẩn mấy lần rồi đưa tay gõ cửa và bước vào.

Một giờ sau, cùng với người tù nhân Riga, hai trung sĩ Anh to con của Sở Mật Vụ đến căn nhà đó và gõ cửa. Sau một lát lục lọi, họ tìm thấy Roschmann trốn dưới gầm giường. Nếu như hấn kêu oan, bảo rằng lầm người, thì gã trung sĩ có thể cho rằng ông già tù kia lầm lẫn. Nhưng trốn xuống gầm giường thì khó nói thật. Hấn bị bắt giải về Sở Mật Vụ và bị thẩm vấn, họ tống hấn vào xà lim đồng thời cho người sang lục lại hồ sơ của hấn trong mục SS do người Mỹ lưu trữ ở Trung tâm tài liệu.

Bốn mươi tám giờ sau, hồ sơ được khẳng định. Người ta còn yêu cầu người Nga ở Postdam cho biết những chi tiết về Riga, thì người Mỹ yêu cầu cho đưa Roschmann về

Munich để mượn hấn làm chứng về trại Dachau trong vụ án xử một bọn SS khác dính liú tới các trại quanh Riga. Người Anh đồng ý.

Sáu giờ sáng ngày 8-1-1948, Roschmann, bị một Trung sĩ Quân Cảnh Hoàng gia và một nhân viên mật vụ giải lên một chuyến xe lửa từ Graz đi Salzburg và Munich.



Công Tước Russell ngừng bước, tiến đến lò sưởi và gõ tàn trong ống pip ra.

- Rồi cái gì xảy ra? Miller hỏi.

- Hấn trốn thoát. Russell đáp.

- Hấn cái gì?

- Hấn trốn thoát. Nhảy từ cửa sổ phòng vệ sinh xuống trong khi xe đang chạy, hấn than thở bữa ăn trong tù làm hấn bị tiêu chảy. Đến lúc hai người áp giải chạy tới phòng vệ sinh thì hấn đã biến mất. Họ không tìm ra hấn. Dĩ nhiên là có tiến hành lục soát, nhưng hấn thoát mất, chắc là vượt mưa tuyết để tiếp xúc được với một tổ chức đã chuẩn bị cho các đảng viên Quốc Xã đào thoát. Mười sáu tháng sau, tháng 3-1949, nền Cộng Hòa của các anh được thành lập và chúng tôi bàn giao tất cả mọi hồ sơ cho Bonn.

Miller ngừng ghi chép, đặt sổ tay xuống.

- Tới đây rồi sao?

Russell phùng má:

- Rồi bây giờ, chính các anh chứ sao, tôi nghĩ thế, anh đã biết Roschmann từ khi ra đời tới 8-1-1948. Phần còn lại dành cho chính quyền Đức.

- Ai mới được cơ chứ? Miller hy vọng sẽ có câu trả lời.

- Ai có quan tâm tới Riga, văn phòng Chương lý Hambourg chẳng hạn, tôi nghĩ thế.

- Tôi đã tới đó rồi.

- Họ không giúp gì cả à?

- Không.

Công Tước nhếch mép:

- Đừng ngạc nhiên, đừng ngạc nhiên. Anh đã tới Ludwiegsburg chưa?

- Có, họ cũng tận tình. Nhưng cũng chả làm gì được. Vì ngoài nguyên tắc.

- Thế là hết giới thẩm quyền rồi. Chỉ còn có một người. Anh có nghe nói tới Simon Wiesenthal không?

- Wiesenthal? Hình như có nghe ở đâu rồi, nhưng không nhớ rõ.

- Ông ấy ở Vienna, người Do Thái, nguyên sống ở Galicia, Ba Lan. Bốn năm lưu lạc qua các trại tập trung. Mười hai trại tất cả. Ông dành quãng đời còn lại để truy cho ra các tội nhân Đức Quốc Xã. Không võ vẩn đâu. Ông ấy thu thập mọi dữ kiện có thể được, rồi khi biết chắc tìm ra một tên, dĩ nhiên là đang sống với tên giả, ông ta báo cảnh sát. Nếu họ không hành động, ông liền họp báo và nêu ra. Không cần nói, thì cũng biết giới chức trách của cả Đức lẫn Áo không ưa gì ông ta. Ông cho rằng họ đã không làm hết sức để đưa bọn Quốc Xã ra ánh sáng, để một mình ông ấy truy lùng. Bọn cựu SS cũng bực bội và đã mưu sát ông mấy lần, bọn công chức thì mong ông đừng chạm tới họ, một số khác thì nghĩ ông ta đúng nên cũng giúp đỡ.

- Đúng rồi, tôi nhớ ra rồi. Có phải ông ta tìm ra Adolf Eichmann không?

Russell gật đầu:

- Ông truy ra hắn là Ricardo Klement, sống ở Buenos Aires. Người Israel liền bắt cóc. Ông ta cũng đã truy ra vài trăm tên Quốc Xã khác. Nếu có tin tức gì khác về Roschmann, thì chắc ông ấy có.

- Ông có quen ông ấy không?

Công Tước gật đầu:

- Tôi sẽ viết cho anh một lá thư. Ông ta có nhiều khách

tôi dò hỏi lắm. Một lời giới thiệu cũng giúp đỡ phần nào.

Ông bước lại bàn viết, ghi vài dòng trên tờ giấy có in sẵn tên tuổi, xong gấp lại cho vào một phong bì, dán kín lại.

- Chúc may mắn, anh cần cái này. Ông ta tiễn Miller ra cửa.



Sáng hôm sau, Miller đáp chuyến bay của hãng BEA trở về Cologne, lấy chiếc xe và khởi đầu cuộc hành trình hai ngày trời đi qua Stuttgart, Munich, Salzburg và Linz để tới Vienna.

Miller nghỉ một đêm ở Munich, đi qua xa lộ rất khó khăn vì bị phủ tuyết, những chiếc xe xúc tuyết chỉ dọn được một lối nhỏ hẹp, tuyết rơi liên tục. Hôm sau anh khởi hành sớm và có thể tới được Vienna vào buổi trưa nếu không bị ngừng lại quá lâu ở Bad Tolz phía Nam Munich.

Xa lộ vượt qua một khoảng rừng thông rậm rạp, có một loạt dấu hiệu "Chậm lại" làm dòng lưu thông giảm xuống. Một chiếc xe cảnh sát, ánh đèn xanh báo hiệu đậu ở góc đường và hai nhân viên mặc áo trắng đứng giữa lộ ngăn dòng xe cộ lại. Ở phía trái, đầu một con đường khác cũng vậy. Từ phải sang trái đường xa lộ có một đường nhỏ cắt ngang khu rừng và hai người lính, quân phục mùa đông với cây gậy gắn đèn pin trên tay, đứng ở đầu đường, hình như đang chờ đợi ra hiệu cho cái gì trong rừng băng qua đường.

Miller nóng ruột, hút thuốc chờ, rồi sau cùng quay kính xuống hỏi một ông cảnh sát:

- Có chuyện gì vậy ông?

Ông ta bước lại gần, nhếch mép:

- Lính, tập trận. Chốc nữa có một đoàn xe tăng chạy ngang qua đây.

Khoảng 15 phút sau, chiếc xe tăng thứ nhất xuất hiện,

một nòng súng dài chìa lên trong rừng thông như một loài thú đang ngửi hơi gió, rồi tiếng âm ì của một khối cơ giới vũ trang nặng nề chui ra khỏi hàng cây và bò chậm chạp xuống lòng đường.

Trung sĩ nhất Ulrich Frank là người rất sung sướng. Ba mươi tuổi hắn đã đạt được ước mơ của mình, tự chỉ huy một chiếc xe tăng. Hắn nhớ tới ngày nẩy sinh ra ước mơ đó. Ngày 10-1-1945 khi còn là một chú nhỏ ở thành phố Mannheim hắn được đi xem xi-nê. Màn ảnh ngày đó đầy hình ảnh đoàn xe tăng King Tiger của Hasso von Manteuffel tiến lên trước giáp mặt với người Mỹ và người Anh.

Hắn nhìn say mê vào khuôn mặt của người chỉ huy, mũ sắt, kính che mặt, ánh mắt nhìn chăm chú qua pháo tháp. Với chú Ulrich Frank, 10 tuổi, đó là giờ phút thay đổi. Khi rời rạp hát hắn có lời ước, là một ngày kia hắn sẽ được lái một chiếc xe tăng.

Phải mất 19 năm, nhưng hắn đã làm được. Trong những ngày tập trận mùa đông đó tại cánh rừng ở Bad Tolz. Trung sĩ nhất Ulrich Frank đã lái chiếc xe tăng đầu tiên của hắn, một xe tăng của Mỹ, chiếc M-48 Patton.

Đó là lần tập trận sau cùng của hắn với tăng Patton. Chờ cho đến lúc trại nhận được loại xe tăng mới của Pháp AMX. 13s, trang bị lại cho đơn vị. Chạy nhanh hơn, hỏa lực mạnh hơn so với Patton, AMX sẽ được hắn học sử dụng trong một tuần.

Hắn liếc xuống hiệu Chữ Thập đen của quân đội Đức vẽ ở hông pháo tháp và tên riêng của chiếc xe tăng ghi bên dưới đó và cảm thấy hơi tiếc rẻ. Dù hắn chỉ mới lái nó được cỡ 6 tháng, thì nó cũng là chiếc xe tăng đầu tiên, cái hắn thích nhất. Hắn đặt tên cho nó là Drachfels, theo sự tích tảng đá ở bờ sông Rhine, là nơi Martin Luther dịch Thánh Kinh sang Đức ngữ, thì gặp một con quỷ và nó đã ném lọ mực vào nó. Sau khi được trang bị lại, hắn đoán những chiếc Patton này sẽ bị phế thải.

Qua đường, đoàn xe Patton leo lên dốc và mất dạng

trong khu rừng.



Sau cùng, Miller tới Vienna vào buổi chiều ngày hôm đó, 4 tháng 1. Không đi tìm khách sạn, anh lái xe thẳng vào trung tâm thành phố và hỏi thăm đường tới Rudolf Square.

Anh tìm thấy nhà số 7 dễ dàng và liếc vào danh sách các cơ sở trong tòa nhà đó. Ở tầng thứ 3, có ghi "Trung Tâm Tài Liệu".

Anh lên tới đó và gõ cánh cửa gỗ sơn màu kem. Ở trong có ai nhìn qua ô cửa nhỏ rồi có tiếng chốt cửa mở ra. Một cô gái tóc vàng xinh xắn đứng ngay khung cửa:

- Ông hỏi gì?

- Tôi là Miller. Peter Miller. Tôi muốn gặp ông Wiesenthal. Tôi có một bức thư giới thiệu đây.

Anh đưa bức thư ra cho cô gái. Cô ta nhìn nó, khẽ mỉm cười và bảo anh đợi một chút.

Mấy phút sau, cô trở ra ở đầu hành lang chỗ cánh cửa và ra hiệu mời anh.

- Đi lối này.

Miller khép cánh cửa lại và bước theo cô ta, vòng qua một khúc quanh tới cuối tòa nhà. Ở phía tay phải có một cánh cửa mở ra. Khi anh bước vào thì một người đàn ông đứng dậy đón.

- Mời vào đây. Đó là Simon Wiesenthal.

Ông ta to lớn hơn Miller tưởng, cao cỡ 1m90, mặc áo khoác vải dày, có vẻ như lúc nào cũng đang tìm một tờ giấy thất lạc đâu đó. Ông ta cầm lá thư của Russell trong tay.

Căn phòng nhỏ chật hẹp. Nguyên một bức tường từ sàn tới trần là dãy kệ, chứa đầy ứ sách vở. Bức tường đối diện trang trí bằng các tặng vật của độ hơn chục các tổ chức nạn nhân của SS. Bức tường cuối phòng bày một bộ salon

dài, cũng có để một chồng sách, và ở phía trái cánh cửa lớn là một cửa sổ nhìn ra sân. Chiếc bàn để cách cửa sổ và Miller ngồi vào chiếc ghế cho khách đặt trước bàn. Người truy lùng Quốc Xã thành Vienna ngồi xuống ghế và đọc lại lá thư của Russell.

- Ông Russell nói là ông đang truy tìm một tên SS... ông ta nói thẳng không rào đón.

- Vâng đúng thế.

- Cho tôi biết tên được không?

- Roschmann. Đại úy Eduard Roschmann.

Wiesenthal nhướng mắt lên và thở thành tiếng.

- Ông có nghe tôi hấn. Miller hỏi.

- Đồ tể Riga? Một trong năm mươi tên truy nã hàng đầu của tôi. Wiesenthal đáp: Tôi có thể được biết tại sao ông chú ý tới hấn không?

Miller bắt đầu giải thích, ngắn gọn.

- Tôi nghĩ ông nên đi lại từ đầu. Nhật ký đó có cái gì?

Với luật sư ở Ludwigsburg, Cadbury rồi Russell, tôi đây là lần thứ tư Miller phải kể lại câu chuyện. Mỗi lần lại ngắn hơn một chút, mỗi lần thì anh lại biết thêm chút ít về Roschmann. Anh bắt đầu kể lại từ đầu đến lúc anh được sự giúp đỡ của Công Tước Russell. Anh kết thúc:

- Bây giờ điều tôi muốn biết là sau khi nhảy khỏi chuyến xe lửa thì hấn ta đi đâu?

Wiesenthal nhìn ra khoảng sân, những bông tuyết rơi lả tả xuống, qua cửa sổ ở tầng thứ ba này. Rồi ông ta hỏi:

- Ông có mang tập nhật ký theo không? Miller cúi xuống, rút trong sắc tay ra tập nhật ký và đặt lên bàn. Wiesenthal đọc sơ qua:

- Ly kỳ lắm. Ông ta ngược lên mỉm cười Được, tôi thừa nhận câu chuyện này.

Miller nhướng mắt lên:

- Bộ nó có gì đáng nghi sao?

Simon Wiesenthal nhìn anh chăm chú:

- Lúc nào cũng có một chút khả nghi. Ông Miller ạ. Chuyện của ông rất là kỳ lạ. Tôi vẫn chưa hiểu ra động cơ nào khiến ông đi săn đuổi tay Roschmann này.

Miller nhún vai:

- Tôi là một phóng viên, mà đây là một câu chuyện hay.

- Nhưng tôi e rằng ông không gửi cho tờ báo nào được. Và nó không đáng để ông bỏ thời giờ, tiền bạc và mạng sống ra. Ông có chắc là không có gì cá nhân trong việc này chứ?

Miller tránh né câu hỏi:

- Ông là người thứ nhì nói với tôi điều này. Người trước là Hoffmann ở tờ Komet. Tại sao lại phải có? Tôi mới có 29 tuổi. Tất cả chuyện này đều xảy ra trước thời tôi lớn.

- Dĩ nhiên. Wiesenthal liếc nhìn đồng hồ và đứng dậy: Năm giờ rồi, tôi muốn về với nhà tôi trong những đêm mùa đông này. Ông cho tôi đọc tập này một đêm nhé.

- Vâng, được, ông cứ đọc.

- Được. Thế thì sáng thứ hai mời ông trở lại, tôi sẽ trình bày những gì tôi biết về Roschmann.

■

Miller trở lại vào sáng thứ hai, lúc 10 giờ và thấy Wiesenthal đang đọc một chồng thư từ. Ông ta ngược lên khi anh chàng phóng viên Đức bước vào và ra dấu mời anh ngồi. Một lát im lặng khi tay săn lùng Quốc Xã cẩn thận cắt rìa của một bao thư và rút lá thư ra:

- Tôi sừ tâm tem, nên không muốn làm hỏng bao thư.

Ông ta rì mọ thêm mấy phút nữa:

- Đêm qua tôi đã đọc tập nhật ký. Tài liệu lạ lắm.

- Ông ngạc nhiên hả?

- Ngạc nhiên? Không, nội dung không có gì. Tôi đã đọc nhiều tài liệu đại loại như thế. Tauber đã quan sát rất hay. Ông ta chú ý mọi chuyện từng chi tiết một và ghi lại vào lúc đó. Điều này rất quan trọng, để tạo sự tin tưởng trước pháp đình Đức và Áo. Bây giờ ông ấy chết rồi.

Miller suy nghĩ một lát, rồi ngược lên:

- Ông Wiesenthal, với tôi, ông là người Do Thái đầu tiên tôi có dịp nói chuyện nhiều, ông đã từng cam khổ. Có một điều Tauber có nói trong nhật ký làm tôi ngạc nhiên. Ông ấy nói không có cái gì là tội ác cho cả tập thể hết. Nhưng thanh niên Đức chúng tôi thì được dạy bảo cả chục năm nay là tất cả chúng tôi đều có tội. Ông có nghĩ như thế không?

- Không. Ông ta trả lời thoải mái: Tauber nói đúng đó.

- Thế ông có thể nói gì nếu chúng tôi đã giết cả triệu người?

- Vĩ anh, cá nhân anh, không có ở đó. Anh đã chả giết ai. Như Tauber đã nói, điều bi đát là chính kẻ giết người lại không bị đưa ra xét xử.

- Thế ai là kẻ thực sự giết người?

Wiesenthal nhìn anh:

- Anh có biết về các bộ phận của SS không? Những bộ phận thực sự chịu trách nhiệm về cái chết của hàng triệu người đó?

- Không.

- Thế thì để tôi nói. Anh có từng nghe Cục Hành Chánh Kinh Tế Trung Ương Đức, chuyên lo khai thác các nạn nhân đến khi họ chết không?

- Tôi có đọc ít nhiều về vụ đó.

- Công việc của nó là bước thứ nhì trong quá trình khai thác. Còn việc xác định ai là nạn nhân trong dân chúng, gom họ lại, chở họ đi và khi khai thác xong thì thủ tiêu, đó lại là việc của Cục An Ninh Trung Ương Đức, tên gọi

tất là RSHA, bộ phận tàn sát hàng triệu người nói trên. Cái chữ "An Ninh" kỳ cục này trong tên gọi của nó trong quan điểm Quốc Xã là với những kẻ đe dọa tới Đại Đức là phải giữ an ninh chống lại họ. RSHA còn có nhiệm vụ nữa là gom lại, tra vấn và tống vào các trại tập trung các kẻ thù khác của Đức như các đảng viên Cộng sản, Dân Chủ Xã Hội, Tự Do, bọn Tân giáo, phóng viên, thầy tu thường ưa nói thẳng, những người kháng chiến trong những nước bị chiếm và những sĩ quan sau này như Thống Tướng Erwin Rommel hay Đô Đốc Wilhelm Canaris, cả hai đã bị giết vì bị nghi là có manh nha tư tưởng chống Hitler.

- RSHA chia làm 6 phòng, được gọi là Amt. Amt 1 lo về hành chánh và nhân sự, Amt 2 trang bị và tài chánh, Amt 3 là công tác an ninh, chỉ huy là Heydrich, Reinhard Heydrich, bị ám sát ở Prague năm 1942. Kế nhiệm là Ernst Kaltenbrunner, sau này bị đồng minh xử. Chúng là bọn chuyên phát minh ra các loại cực hình để kẻ tình nghi phải nói ra, áp dụng ở Đức lẫn nước khác.

- Amt 4 là Gestapo, do Heinrich Muller chỉ huy (hiện nay trốn mất) và trong đó có Do Thái vụ, gọi là B4, do Adolf Eichmann chỉ huy, kẻ sau này bị người Do Thái xử ở Jérusalem, sau khi bị bắt cóc ở Argentina về. Amt 5 là Cảnh sát hình sự và Amt 6 là Sở tình báo nước ngoài.

- Hai chỉ huy kế tục của Amt 3 Heydrich và Kaltenbrunner cũng chính là tổng chỉ huy của cả RSHA, và dưới thời của hai tên đó, thì chỉ huy của Amt 1 là phụ tá chính. Hắn là Tướng 3 sao SS, Bruno Streckenback, tên này hiện có một việc làm lương cao trong một hãng nọ ở Hambourg và sống ở Vogelweide.

- Nếu muốn định tội, thì như thế hầu hết các tội đều ở hai bộ phận này của SS, và con số lên tới cả ngàn, không phải là những triệu người hợp thành nước Đức hiện nay đâu. Lý lẽ cho rằng có một tội chung cho cả 60 triệu người Đức, gồm cả triệu trẻ em, ông già, bà cả, lính tráng, thủy thủ, phi công, những người chả dính dáng gì tới việc tàn sát con người, ban đầu là do đồng minh quan niệm này,

nhưng chính bọn SS cũng theo quan niệm đó. Lý lẽ này rất có lợi cho chúng, vì chúng thấy cho tới khi nào người ta còn đồng ý quan niệm này, thì chả ai lo đi lùng bắt những cá nhân thực sự làm việc diệt chủng đó, hay ít ra, cũng không cho đó là tội nặng lắm. Kể sát nhân thực sự trong SS đó, đến nay vẫn được che chở bằng quan niệm này.

Miller ghi lia lia những điều đó. Tuy nhiên có điều cũng làm anh bối rối sau đó. Khó có thể coi 14 triệu người như từng cá nhân được. Dễ hơn là nghĩ tới một người thôi, kẻ đã chết, nằm trên một băng ca một đêm mưa ở Hambourg.

- Lý do đã khiến Tauber tự sát, Miller hỏi: ông có tin không?

Wiesenthal xem xét hai chiếc tem Phi Châu đẹp đẽ trên một phong bì:

- Tôi tin là ông ta đúng khi nghĩ rằng chả có ai tin mình cả, tin rằng ông ta đã thấy Roschmann tại nhà hát. Nếu đó là điều ông ta nghĩ thì ông ta đúng đấy.

- Nhưng ông ta không hề báo cho cảnh sát mà.

Wiesenthal cắt một bao thư khác và đọc lướt lá thư bên trong. Im lặng một lát ông ta trả lời:

- Không, đúng ra phải tới báo, nhưng tôi nghĩ là việc đó không đi tới đâu. Ở Hambourg thì không đi tới đâu cả.

- Hambourg thì có gì?

- Ông đã tới Phòng Chưởng Lý ở đó rồi phải không? Ông ta hỏi lại.

- Có, tôi có tới. Họ không có vẻ gì muốn giúp đỡ.

Wiesenthal ngược lên:

- Tôi e rằng Phòng Chưởng Lý Hambourg bị tai tiếng về vụ này. Chẳng hạn, người được nhắc tới trong nhật ký Tauber và này tôi có nói tới, chỉ huy Gestapo, Tướng SS Bruno Streckenback. Nhớ tên này chẳng?

- Nhớ chứ, rồi sao?

Để trả lời, Wiesenthal lôi một chồng giấy tên bàn, lục tìm ra một tờ và nhìn vào đó:

- Đây hẳn đây. Bộ tư pháp Đức giữ hồ sơ của hẳn với 141Js 147/61. Muốn nghe đọc không?

- Xin cho nghe- Miller đáp.

- Được, trước chiến tranh, là chỉ huy Gestapo ở Hambourg, thăng chức nhanh chóng tới địa vị cao nhất trong SP và SD tức là Amt 3: Công tác An ninh và Cảnh sát An ninh thuộc RSHA. Năm 1939, hẳn tập hợp thành lập nhóm thủ tiêu tại Ba Lan, vùng đã bị chiếm. Cuối 1940, hẳn là chỉ huy của SD và SP trong SS của toàn Balan, được gọi là toàn quyền đóng ở Cracow. Cả ngàn người đã bị các đơn vị SD, SP thủ tiêu tại Ba Lan thời đó, đa số là qua kế hoạch AB.

- Đầu năm 1941, trở về Berlin, thăng lên tới chỉ huy nhân sự cho SE. Tức là Amt 3 của RSHA. Cấp trên của hẳn là Reinhard Heydrich. Và hẳn thành phụ tá cho tên này. Ngay trước khi tràn sang Nga Xô, hẳn đã tiếp tay tổ chức lực lượng thủ tiêu đi sau lưng quân đội. Dích thân hẳn đi lựa chọn, toàn là những tên trong SD.

- Hẳn lại lên chức, lần này là chỉ huy nhân sự của cả 6 Amt thuộc RSHA và thành phụ tá chính cho Heydrich, ông xếp RSHA (kể sau này bị du kích Tiệp giết ở Prague 1942) cái chết đã đưa tới vụ thẩm sát trả thù ở Lidice. Rồi trở thành phụ tá cho Ernst Kaltenbrunner. Như thế hẳn chịu toàn bộ trách nhiệm của việc chọn lựa nhân viên cho lực lượng thủ tiêu và bố trí mọi đơn vị SD trên toàn lãnh thổ miền Đông đã bị chiếm đóng cho đến lúc hết chiến tranh.

- Thế bây giờ hẳn ở đâu?

- Đi lại khơi khơi ở Hambourg đó, hoàn toàn tự do.

Miller chơi với:

- Người ta không bắt hẳn sao?

- Ai?

- Thi cảnh sát Hambourg.

Để trả lời, Wiesenthal gọi cô thư ký đưa giùm tập hồ sơ có ghi chữ "Tư Pháp Hambourg", ông ta rút ra một tờ giấy, gấp lại ở khoảng giữa theo chiều dọc, đặt trước mặt Miller để chỉ có nửa tờ bên trái lật lên trên.

- Ông nhận ra các tên tuổi này không?

Miller đọc qua danh sách chừng mười tên.

- Biết, tôi là phóng viên ở Hambourg mấy năm rồi. Đa số đây là các sĩ quan trong cảnh sát Hambourg, có gì vậy?

- Mở cả tờ giấy ra.

Miller ngẩng lên:

- Chúa ơi.

- Bây giờ ông hiểu tại sao một ông Tướng SS vẫn di lại thong dong ở Hambourg hiện nay chưa?

Miller nhìn danh sách với vẻ không tin nổi.

- Chính là cái mà Brandt bảo là việc điều tra về một cựu SS thì không hay lắm trong hàng ngũ cảnh sát Hambourg.

- Có thể lắm. Wiesenthal nói: Phòng chống lý cũng thế. Chẳng có phòng nào ở Đức tận tình. Nếu có luật sư nào hung hăng thì nhóm còn lại của chúng sẽ làm cho hắn bị cách chức lấy vài lần.

Cô thư ký xinh xắn lộ đầu qua cửa, cô hỏi:

- Trà hay cà phê?

Sau giờ ăn trưa Miller trở lại văn phòng. Simon Wiesenthal đã đặt trên bàn một số giấy tờ tài liệu, rút ra từ hồ sơ riêng của ông về Roschmann. Miller ngồi xuống, rút sổ tay ra và chờ đợi.

Simon Wiesenthal bắt đầu kể lại chuyện của Roschmann kể từ 8-1-1948.

Giới chức trách Anh và Mỹ đã đồng ý với nhau là sau khi Roschmann đã làm chứng ở Dachau, hắn sẽ được giải

về vùng do Anh chiếm đóng ở Đức, có thể là tới Hanover, để chờ xét xử và chắc là chịu án tử hình. Ngay từ lúc ở nhà giam Graz hắn đã khởi sự đặt kế hoạch tẩu thoát.

Hắn đã liên lạc với tổ chức giải thoát của Đảng viên Quốc Xã ở Áo tên là "Sao sáu cánh", tổ chức này chẳng liên quan gì tới Sao sáu cánh, biểu hiện của người Do Thái, nó được gọi như thế vì tổ chức này có chi nhánh ở sáu tỉnh lớn của Áo.

Vào 6 giờ sáng ngày 8, Roschmann thức dậy và được giải ra ga xe lửa Graz. Trên toa, hai Trung sĩ Quân cảnh và Mật vụ bàn nhau có nên còng tay Roschmann trong suốt chuyến đi hay không.

Roschmann lại nói là hắn bị tiêu chảy vì bữa ăn trong tù và muốn đi cầu. Hắn được dẫn đi, còng mở ra và một Trung sĩ đứng gác ngoài cửa nhà tiêu. Khi chuyến tàu đi qua những vùng tuyết phủ, Roschmann đã ba lần xin đi cầu. Trong những lần đó, hắn đã gỡ được cách cửa sổ mở ra sẵn.

Roschmann biết phải tẩu thoát trước khi bị bàn giao cho người Mỹ ở Salzburg và bị chở bằng xe hơi tới nhà giam Munich, nhưng chuyến xe vẫn còn chạy rất nhanh. Nó dừng lại ở Hallein, và một Trung sĩ lại bỏ xuống ga để mua cái gì ăn. Roschmann lại nói hắn muốn đi tiêu. Gã Trung sĩ Mật vụ đưa hắn đi, cảnh cáo hắn là đừng có xin đi cầu lúc tàu ngừng ở ga. Khi con tàu chậm rãi chuyển bánh rời Hallein, Roschmann trèo qua cửa sổ và nhảy xuống. Mười phút sau, hai ông Trung sĩ mới đập cửa và chuyến xe đã chạy rất nhanh xuống sườn núi về Salzburg.

Cảnh sát sau này điều tra và cho rằng hắn đã nhảy xuống và tới trốn ở một nông trại gần đó. Ngày hôm sau, hắn vượt ranh giới từ vùng Thượng Áo sang Salzburg và tiếp xúc được với tổ chức Sao sáu cánh. Họ mang hắn tới một lò gạch và hắn giả làm công nhân ở đó, trong khi bắt liên lạc với Odessa để tìm đường trốn về miền Nam Ý.

Vào lúc đó, Odessa lại có liên lạc chặt chẽ với ban tuyến

mộ lính lê dương cho Pháp, qua đó, cả chục cựu SS đã trốn đi được. Bốn ngày sau khi bắt được liên lạc, một chiếc xe có bảng số Pháp đậu lại chờ ở ngoài làng Ostermieting, và chở Roschmann cùng năm tên Quốc Xã khác đi. Tài xế là lính lê dương Pháp, có giấy tờ cho phép vượt biên giới mà không bị xét, đem sáu tên SS đó qua biên giới Ý tới Merano, gã tài xế đó được nhân viên Odessa ở đây trả thù lao khá lớn cho mỗi người hắn mang đi được.

Từ Merano, Roschmann được đưa tới một trại giam ở Rimini, trong nhà thương trại giam này, năm ngón của bàn chân phải của hắn bị cưa đi, vì nó đã hư thối do băng giá khi hắn cố gắng đi trốn sau khi nhảy khỏi xe lửa, từ đó hắn phải mang một cái giày chỉnh hình.

Vợ hắn ở Graz nhận được thư của hắn gửi từ trại Rimini tháng 10-1948. Đó là lần đầu tiên hắn dùng cái tên mới của mình Fritz Bernd Wegener.

Sau đó hắn được chuyển sang một tu viện dòng Francisco ở Rome và sau khi giấy tờ được chuẩn bị xong, hắn đáp tàu từ cảng Napoli đi Buenos Aires. Suốt thời gian hắn ở tu viện Via Silicia, cùng với khoảng 20 chiến hữu SS và Quốc Xã khác, người coi sóc hắn là Giám mục Alois Hudal, hắn không thiếu một món gì cả.

Tới thủ đô Argentina, Odessa đón hắn và đưa về ở với một gia đình Đức tên là Vidmar ở vùng Calle Hippolito Irigoyen. Hắn sống trong một căn phòng tiện nghi. Đầu năm 1949, quỹ mật Bormann cung cấp cho hắn 50.000 mỹ kim, và làm việc như một nhà xuất cảng gỗ của Nam Mỹ sang các nước Châu Âu. Hãng xuất cảng đó có tên là Stemmler và Wegener, vì giấy tờ giả của hắn làm ở Rome ghi tên là Fritz Bernd Wegener, sinh ở Nam Tyrol, Ý Đại Lợi.

Hắn mượn một cô gái Đức làm thư ký. Irmtraud Sigrid Muller, đến đầu năm 1955 hắn cưới cô ta luôn, mặc dù đã có vợ là Hella đang sống ở Graz. Nhưng Roschmann trở nên lo lắng, tháng 7-1962 Eva Peron, vợ của nhà độc tài

Argentina và có khá nhiều ảnh hưởng, đã chết vì ung thư. Ba năm sau bắt đầu có những vận động chống đối chế độ Peron, và Roschmann nhận ra: Nếu Peron sụp, thì sự bảo vệ của ông ta đối với các cựu đảng viên SS sẽ bị người kế vị xóa bỏ, nên cùng vợ mới, Roschmann di sang Ai Cập.

Hắn ngụ ở đó hết mùa hè 1955, và mùa thu về Tây Đức. Không ai biết gì cả ngoại trừ người đàn bà bị phản bội. Vợ cả hắn, Hella Roschmann, từ Graz viết thư cho hắn, gia đình Vidmar nhận được thư ở Buenos Aires mùa hè năm đó, nhưng không rõ địa chỉ của người khách lưu trú kia, nên đã bóc thư và trả lời cho bà vợ ông ấy là ông ấy đã trở về Tây Đức, nhưng đã cưới cô thư ký rồi.

Bà vợ liền báo cho cảnh sát lai lịch mới của ông chồng, kết quả là cảnh sát khởi sự truy lùng Roschmann về tội song hôn. Tức thì có lệnh truy tầm một người tên Fritz Bernd Wegener ở Tây Đức.

- Thế có bắt được không? Miller hỏi.

Wiesenthal ngược lên và lắc đầu.

- Không, hắn lại biến mất. Chắc chắn lại có một lô giấy tờ giả nữa và chắc vẫn còn ở Đức. Do đó, tôi tin rằng Tauber đã nhìn thấy hắn. Điều đó phù hợp với các dữ kiện đã biết.

- Còn bà vợ hắn ở đâu, bà Hella Roschmann đó?

- Vẫn còn sống ở Graz.

- Tôi gặp bà ta có nên không?

Wiesenthal lắc đầu:

- Tôi không tin. Dĩ nhiên là sau khi bị lộ, Roschmann không dại gì cho bà ấy biết hắn ở đâu, hay tên mới là gì. Với hắn, khi bị lộ tên Wegener là nguy kịch lắm rồi. Hắn phải vội vàng làm giấy tờ mới.

- Ai làm cho hắn?

- Odessa, chắc chắn là thế.

- Odessa là gì? Ông nhắc tôi tên đó nhiều lần trong

chuyện của Roschmann. Tôi không rõ là gì?

- Anh chưa bao giờ nghe nói tới tên gọi đó sao?

- Chưa. Cho đến ngày hôm nay.

Simon Wiesenthal liếc nhìn đồng hồ.

- Sáng mai anh đến đây đi. Tôi sẽ nói cho anh nghe.

CHƯƠNG 9

Sáng hôm sau, Peter Miller trở lại văn phòng của Simon Wiesenthal:

Ông hứa sẽ nói cho tôi nghe về Odessa. Còn tôi chợt nhớ có một chuyện mà tôi quên kể cho ông nghe hôm qua.

Anh kể lại vụ gặp bác sĩ Schmidt ở khách sạn Dressen và lời khuyến cáo bỏ qua vụ điều tra về Roschmann đi.

Wiesenthal cắn môi và gật gù:

Anh đã chống lại họ rồi đó. Thật là khác thường khi họ làm cái việc cảnh cáo một phóng viên theo kiểu đó, nhất là ngay từ buổi đầu thế này. Tôi e rằng Roschmann đang giữ một vai trò gì đó rất quan trọng.

Rồi trong hai giờ đồng hồ, tay săn đuổi Quốc Xã kể cho Miller về Odessa, từ lúc ban đầu là một tổ chức lo đưa các tội nhân SS tới một nơi an toàn, đến lúc nó phát triển thành một tổ chức quy mô của những kẻ từng đeo huy hiệu đen và bạc, cùng với những kẻ ủng hộ và đồng lõa của nó.

Khi Đồng minh tràn vào nước Đức năm 1945 và khám phá ra các trại tập trung với những hành vi tàn khốc trong đó, dĩ nhiên là họ thăm dò trong dân chúng để biết xem ai đã thi hành những tội ác đó. Câu trả lời là "Bọn SS", nhưng bọn SS thì bây giờ kiếm ở đâu đây?

Chúng đi đâu hết rồi? Chúng đã ẩn náu ngay trong Đức và Áo hoặc đã đào thoát ra nước ngoài. Trong cả hai trường hợp, chúng nó biến đi không thể là chuyện trong nháy mắt được. Điều mà đồng minh phải mãi đến sau này mới nhận ra là chúng đã chuẩn bị cho việc đào thoát rất kỹ lưỡng trước đó.

Trong việc tuyên truyền cho cái gọi là lòng ái quốc của bọn SS, bắt đầu từ hàng ngũ chỉ huy với Heinrich Himmler, mỗi tên đều cố gắng bảo toàn mạng của mình để tránh né sự trừng phạt chắc chắn sẽ đổ xuống đầu dân Đức. Ngay từ tháng 11-1944 Heinrich Himmler đã thử thương lượng để tìm lối thoát qua văn phòng Hồng Thập Tự Thụy Sĩ của Hầu Tước Bernadotte. Đồng minh thì đã không chịu để hắn thoát khỏi giá treo cổ. Trong khi bọn SS và Quốc Xã kêu gào dân Đức chiến đấu và chờ đợi thứ vũ khí kỳ diệu sắp chế tạo xong, thì chúng lại chuẩn bị cho cuộc lưu vong an toàn thoải mái tới một nơi nào đó. Ít ra chúng cũng rõ mình chả có thứ vũ khí kỳ diệu gì cả, sự sụp đổ của Đế tam Reich, và của toàn nước Đức là điều không tránh khỏi, dù Hitler có làm cái gì đi nữa.

Trên mặt trận phía Đông. Quân đội Đức đã bị hãm vào những trận đánh với quân Nga và chịu những thiệt hại không ngờ, không phải để dành chiến thắng, mà để dành thời gian cho bọn SS hoàn tất chương trình đào thoát của chúng. Đằng sau quân đội là SS, chúng bắn xả vào những người lính rút lui sau khi đã bắt họ chịu đựng mọi gian khổ đến mức không đứng nổi nữa. Hàng ngàn sĩ quan và binh lính đã chết về tay SS trong lúc này.

Trước khi hoàn toàn sụp đổ, khoảng sáu tháng trước bọn đầu não đã biết, thì chỉ huy SS biến mất. Trên cả nước, bọn chúng lần lượt bỏ trốn, mặc lấy một bộ đồ dân sự, nhét trong túi các loại giấy tờ giả, nhưng do chính chúng in, và nhập vào đám dân chúng hỗn loạn ở Đức hồi tháng 3-1945 đó. Chúng đã cho bọn lính gác già khom gặp mặt lính Anh lính Mỹ ở cửa các trại tập trung, các binh lính thì bị vào trại tù binh, đàn bà và trẻ con cứ sống

hay chết mặc xác dưới sự chiếm đóng của Đồng minh trong mùa đông năm 1945 đó.

Những kẻ đó biết mình phải tìm ra một nơi ẩn náu ở nước ngoài, chính đây là lúc Odessa ra đời. Được thành lập ngay lúc chiến tranh chấm dứt, công việc của nó là đưa các tay SS an toàn rời khỏi Đức. Nó đã lập được một mối liên hệ mật thiết và thân hữu với Juan Peron ở Argentina, và nhận được 7 ngàn giấy thông hành của Argentina còn để trống nên bọn chúng chỉ việc điền một cái tên giả và dán hình mình lên, được một lãnh sự Argentina đóng dấu là lên tàu đi Bueno Aires hay Trung Đông.

Cả ngàn tên SS khác tràn về phía Nam, qua ngã Áo để tới Nam Tyrol ở Ý, chúng trú ẩn ở các trạm dọc đường, rồi tới cảng Genoa hay xa hơn là Rimini và Rome. Một số các tổ chức, được mệnh danh là cơ quan từ thiện, nhận chúng vào, vì đã biết rõ nhau và đã quyết định thế, vì họ được nói rằng các nước Đồng minh đã ngược đãi lính SS.

Một trong những người đứng đầu các tổ chức này, đã giữ an toàn cho cả ngàn SS là giám mục Alois Hudal, giám mục gốc Đức, ở Rome. Nơi trú ẩn lớn cho bọn họ là tu viện Francisco ở Rome, họ tạm trú ở đó cho đến khi giấy tờ giả làm xong để lên đường đi Nam Mỹ. Đôi lúc bọn SS còn đi bằng giát tờ của hội Hồng Thập Tự, được cấp qua sự can thiệp của giáo hội, và cũng có nhiều dịp tổ chức từ thiện Caritas chi tiền cho họ đi.

Đó là nhiệm vụ thứ nhất của Odessa, và đã thành công lớn. Nên tại sao có cả ngàn tay SS, đã bị Đồng minh bắt, lẽ ra phải bị xử tử, lại thoát đi an toàn chả ai biết được, có đến 80% trong bọn chúng là đáng chịu tử hình.

Qua quá trình giết người hàng loạt, SS trở nên giàu có, tài sản của nó được gửi trong ngân hàng Thụy Sĩ, Odessa ngồi yên và nhìn mối bang giao giữa các Đồng minh rạn nứt vào 1945. Ý nghĩ cho thành lập ngay một Đế tứ Reich hồi đó thì đã bị thủ lãnh Odessa gạt bỏ vì không thực tế,

nhưng tháng 3-1949, nền Cộng Hòa mới được thành lập ở Tây Đức đã khiến bọn chỉ huy Odessa ở Nam Mỹ vạch ngay cho mình năm nhiệm vụ mới.

Thứ nhất là đưa các cựu SS xâm nhập trở lại vào mọi sinh hoạt của nước Đức mới. Suốt cuối thập niên 40 và thập niên 50, các cựu SS từ từ len lỏi vào hàng ngũ công chức ở đủ mọi cấp, rồi cả văn phòng luật sư, ghế quan tòa, lực lượng cảnh sát, chính quyền địa phương, phòng mạch bác sĩ. Từ những địa vị đó, chặm chạp, chúng có thể bảo vệ nhau tránh khỏi sự điều tra và lùng bắt, giúp đỡ nhau và thường có thể bảo đảm mọi cuộc điều tra và truy tố các cựu SS, chúng thường gọi nhau là Kamerad, được tiến hành càng chặm càng tốt.

Nhiệm vụ thứ nhì, là xâm nhập vào các thể lực chính trị. Tránh các chức vụ cao cấp, các cựu SS chui vào cơ cấu hạ tầng của đảng phái cầm quyền ở các địa phương và khu vực tuyển cử. Mà luật pháp cũng không cấm đoán các cựu đảng viên Quốc Xã gia nhập một đảng phái chính trị. Và làm như tình cờ, không một chính khách nào có nhiệt tình trong việc điều tra và truy tố tội nhân Quốc Xã lại từng được đắc cử tại các cuộc bầu cử cấp Liên Bang, hay Hội Đồng Tiểu Bang. Một chính khách đã diễn tả sự vụ đó rất giản dị - Đó là vấn đề tính toán. Sáu triệu người chết Do Thái thì không bỏ phiếu được. Năm triệu người cựu Quốc Xã còn sống thì bỏ phiếu được, trong mọi cuộc bầu cử.

Mục tiêu chính trong các chương trình đó thì cũng giản dị. Nó đã và đang trì hoãn, nếu không ngưng lại được, các cuộc điều tra và truy tố các tay cựu Quốc Xã. Trong việc này Odessa có một đồng minh hữu dụng. Đó là sự hiểu biết ngấm trong tâm tưởng của hàng trăm ngàn người mà chúng đã có giúp đỡ trong công việc làm ăn, mặc dù chỉ chút ít, hoặc đã biết chuyện gì đang xảy ra và giữ kín miệng, vài năm sau, chỗ đứng đã vững vàng trong ngành nghề, những người đó khó có thể thích thú với chuyện điều tra về những chuyện cũ, gạt sang một bên việc nhắc tới tên cũ của họ trong các tòa xử đảng viên Quốc Xã.

Nhiệm vụ thứ ba của Odassa trong thời hậu chiến ở Đức là xâm nhập vào các ngành kinh tế, công thương nghiệp. Một số cựu SS đã được giúp vốn làm ăn ngay đầu thập niên 50, quỹ mật ở Zurich tài trợ cho chúng. Bất cứ công ty nào được thành lập và quản trị tốt vào thập niên 50 đều có thể hưởng lợi rất lớn nhờ các phép lạ kinh tế diễn ra hồi những năm 50 và 60, để trở thành một cơ sở lớn, làm ăn phát đạt. Mục đích của chúng là dùng thế lực tiền bạc để khống chế những cuộc điều tra của báo chí về tội ác Quốc Xã bằng quảng cáo dài hạn, và tài trợ cho các tờ báo thân Quốc Xã xuất hiện sau chiến tranh ở Tây Đức, duy trì các cơ sở báo chí cực hữu và cung cấp công ăn việc làm cho các cựu SS gặp khó khăn.

Nhiệm vụ thứ tư hiện vẫn còn là tạo sự bảo vệ hợp pháp cho bất cứ Kamerad nào bị đưa ra tòa. Nên trong những năm gần đây, ta thấy bất kỳ đảng viên Quốc Xã nào bị kết án đều có một luật sư nổi tiếng biện hộ, luật sư đó sẽ được tòa chỉ định tiếp tục biện hộ dù bị can không đủ tiền trả. Nhưng vào nửa đầu thập niên 50, khi cả trăm ngàn tù binh Đức được Nga trả về, các tội nhân SS trong đó vẫn không được ân xá và bị đưa vào trại Friedland. Ở đây thì tên nào cũng nhận được một tấm thẻ trắng, trên đó có ghi tên luật sư biện hộ cho họ.

Nhiệm vụ thứ năm là tuyên truyền. Dưới nhiều hình thức, từ việc khuyến khích truyền bá các bài vở của phe hữu đòi hỏi sự phê chuẩn Đạo luật giới hạn, theo đó phải chấm dứt việc luận tội của Đảng Quốc Xã. Họ nỗ lực để tuyên truyền trong nước Đức ngày nay rằng con số người chết, Do Thái, Nga, Ba Lan các thứ không tới như con số Đồng minh nói, con số họ thường rêu rao là khoảng 100.000 Do Thái mà thôi. Và còn đi tới chỗ cho rằng cuộc chiến tranh lạnh giữa phương Tây với Liên Xô đã phản nào chứng tỏ Hitler đúng.

Nhưng hoạt động tuyên truyền lớn của Odessa là thuyết phục 60 triệu dân Đức ngày nay, và đã thành công đáng kể, rằng SS cũng chỉ là những chiến sĩ yêu nước như các

binh sĩ khác và khối đoàn kết giữa các chiến hữu trước đây phải được vực dậy. Đó là điểm quái gở nhất của bọn chúng.

Trong chiến tranh, Quân đội rất kỵ SS, họ coi như mâu thuẫn nhau, trong khi SS thì khinh rẻ bên Quân đội. Sau cùng cả triệu thanh niên Quân đội phải chịu chết hay bị người Nga bắt, và chỉ có một số trở về được, để cho bọn SS có thể sống an toàn ở một nơi khác. Cả ngàn người lính khác thì bị SS xử tử, có cả khoảng 5.000 người bị xử vào tháng 7-1944 sau vụ mưu sát Hitler, trong đó thực ra chưa tới 50 người có can dự.

Làm sao cho những người lính lục quân, không quân, hải quân Đức có thể xem những cựu SS xứng đáng là chiến hữu của họ, và chịu bảo vệ chúng khỏi bị truy nã thì quả là một sự kỳ diệu. Đó là cái thành công thực sự của Odessa.

Đã dần dần Odessa thành công trong việc ngăn chặn mọi nỗ lực của Tây Đức trong việc truy tầm và đưa ra tòa các cựu SS. Thành công này là nhờ sự cứng rắn của chúng, nhờ sự sai lầm của Đồng minh trong khoảng 1945-1949, nhờ cuộc chiến tranh lạnh, và nhờ thói quen ngại ngừng trước vấn đề lương tri của người Đức, rất tương phản với thái độ hăng hái khi giáp mặt với vấn đề quân sự hay kỹ thuật như trong cuộc tái thiết hậu chiến hiện nay.



Khi Wiesenthal dứt lời, Miller đặt cây viết xuống, và ngồi dựa vào ghế:

- Tôi chưa hề biết gì cả.

- Rất ít người Đức biết. Thực vậy, rất ít người Đức biết về Odessa. Tên của nó ít khi được nhắc đến ở Đức. Ngay cả một số tay lục lâm của Mỹ còn phủ nhận sự có mặt của Mafia, thì cũng thế, các cựu SS sẽ phủ nhận sự tồn tại của Odessa. Tức là, chữ đó ngày nay ít nghe tới. Chữ mới là "Chiến hữu" thường được dùng hơn, cũng như chữ Cosa Nostra thay cho Mafia ở Mỹ, nhưng dù là tên gì, thì vẫn có Odessa, và vẫn có sự bảo vệ cho các phạm nhân SS.

- Ông nghĩ đó là những người tôi đang phải dương đầu đó hả?

- Tôi chắc là thế. Lời cảnh cáo cho anh ở Bad Godesberg chắc chắn là của họ. Phải cẩn thận, họ nguy hiểm lắm.

Miller lại nghĩ tới một chuyện khác.

- Khi Roschmann biến mất hồi 1955, ông nói là hẳn phải cần một thông hành mới hả?

- Chắc chắn vậy.

- Tại sao lại phải có một thông hành.

Wiesenthal dựa ra ghế, gật gù:

- Tôi hiểu tại sao anh thắc mắc. Để tôi giải thích. Sau khi hết chiến tranh ở Đức và ở Áo đây, thì có cả chục ngàn người lang thang mà không có giấy tờ gì cả. Một số thực sự bị mất, còn một số cố tình liệng bỏ đi.

- Để có giấy tờ mới, thì lẽ ra phải xuất trình được giấy khai sinh. Nhưng cả triệu người trốn từ các vùng đã bị người Nga chiếm đóng thì ai biết được người đó là ai, có thực sinh ở một cái làng nọ bên Đông Phổ tốt bên kia bức màn sắt không? Mặt khác các nơi lưu trữ giấy tờ thì có cái cũng bị bom đạn tàn phá.

- Nên thủ tục rất là giản dị. Người ta chỉ cần có hai nhân chứng chịu đứng tên là có ngay một thẻ căn cước mới. Nếu là tù binh thì họ cũng chả có giấy tờ gì. Khi được phóng thích thì cấp chỉ huy các trại Anh hay Mỹ đó sẽ ký một lệnh phóng thích cho một ông, Hạ sĩ Johann Schumann chẳng hạn, chứng nhận hẳn là tù binh được thả. Giấy này đưa cho nhà chức trách là cũng có một căn cước đó ngay. Nhưng thường người đó chỉ khai tên Johann Schumann, chả ai xét kỹ và hẳn có một thẻ căn cước mới, thường dân chứ không phải tù binh.

Nên ngay sau chiến tranh, đại đa số SS đều có căn cước mới. Nhưng còn một kẻ bị lộ mặt thật vào năm 1955 như Roschmann thì sao? Hẳn không thể tới nói là bị mất giấy tờ hồi chiến tranh. Nên hẳn phải có một giấy thông

hành.

- Nhưng tại sao lại dùng thông hành, sao không dùng một giấy lái xe hay một tờ căn cước.

- Vì ngay sau khi thành lập Cộng Hòa Liên Bang Đức, nhà chức trách thấy rằng có cả trăm, cả ngàn người đi lại với tên giả. Nên cần có một giấy tờ chắc chắn thì mới cấp cho các giấy tờ khác. Họ tin vào giấy thông hành. Trước khi anh được cấp thông hành ở Đức, anh phải xuất trình khai sinh các thứ. Tất cả đã được xác minh trước khi thông hành được cấp phát.

- Ngược lại, nếu anh có một thông hành, thì anh có thể có được mọi loại giấy tờ khác. Công chức là thế. Thông hành làm ông công chức tin rằng, đã có một công chức khác xác minh rồi, thì mình chẳng cần phải điều tra lại làm gì. Với một thứ thông hành mới, Roschmann có thể dễ dàng có được mọi thứ, bằng lái xe, sổ trương mục, thẻ tín dụng. Giấy thông hành là chìa khóa mở mọi loại giấy tờ khác ở Đức ngày nay.

- Thế giấy thông hành lấy từ đâu ra?

- Từ Odessa. Họ phải có một tay sản xuất hay lấy được thứ đó.

Miller suy nghĩ một lát:

- Nếu tìm được tay làm giấy thông hành, thì có thể tìm ra tên giả của Roschmann hiện nay không?

Wiesenthal nhún vai.

- Có thể. Nhưng dài dòng lắm. Và muốn làm thế phải gia nhập được vào Odessa. Chỉ có những cựu SS mới vào được.

- Thế tôi phải bắt đầu từ đâu đây?

- Tôi nghĩ hay nhất là anh gặp được một tay nào đó còn sống sót của trại Riga, tôi không rõ họ có thể giúp gì anh hơn không, nhưng chắc là họ rất muốn giúp. Chúng ta ai cũng muốn tìm Roschmann cả. Coi đây này...

Ông ta lật cuốn nhật ký để trên bàn:

- Trong đây có nói tới một cô Olli Adler ở Munich bị bắt tới Riga, từng sống chung với Roschmann trong chiến tranh. Có thể là cô ta còn sống và đã trở về Munich.

- Nếu cô ta về, cô ta sẽ sống ở đâu?

- Tôi Trung Tâm Cộng Đồng Do Thái. Tổ chức này vẫn còn. Nó lưu trữ mọi giấy tờ về các người Do Thái ở Munich từ sau thế chiến. Mọi thứ khác thì bị phá hủy hết rồi.

- Ông có địa chỉ của nó không?

Simon Wiensenthal xem trong sổ địa chỉ:

- Đường Reichenback, số 27, Munich. Chắc anh muốn lấy lại tập nhật ký Tauber hả?

- Nếu có thể được.

- Thôi đành. Tôi cũng thích giữ nó lắm.

Ông ta đứng dậy, tiễn Miller ra cửa.

- Chúc may mắn. Có gì mới nhớ thông báo cho tôi.

Miller ăn tối ở nhà hàng Golden Dragon, một nhà hàng ở khu Steindelgase từ hồi 1566, và nghĩ về lời chỉ dẫn của Simon. Anh còn một chút hy vọng ở nhóm người sống sót của trại Riga hiện còn sống ở Đức và Áo, và vô cùng ít hy vọng rằng họ có thể giúp anh theo dấu Roschmann sau năm 1955. Nhưng đó cũng là hy vọng, hy vọng cuối cùng.

Sáng hôm sau anh lái xe đi Munich.

CHƯƠNG 10

Miller tới Munich buổi sáng ngày 8-1, và tìm thấy số nhà 27 đường Reichenback nhờ một tấm bản đồ Munich mua ở sạp báo trên đường vào thành phố. Đậu xe bên đường, anh quan sát Trung Tâm Cộng Đồng Do Thái trước khi bước vào. Đó là một tòa nhà năm tầng, mặt tiền cửa dầy dưới xây gạch không quét vôi. Tầng trên cùng có những ô cửa sổ lộ ra trên mái ngói đỏ. Lối vào là hai cánh cửa kính, nằm ở góc trái của tòa nhà.

Trong tòa nhà có một quán ăn món Do Thái, quán duy nhất ở Munich, nằm ngay tầng trệt. Phòng nghỉ ngơi giải trí cho những người già ở tầng kế. Tầng thứ ba gồm các phòng dành cho khách khứa và chỗ ngủ cho các người già. Phía sau là giảng đường nhà nguyện.

Toàn bộ nhà này, ngày 15-2-1970, bị tàn phá hoàn toàn trong một đêm, bằng bom xăng. Bảy người chết ngạt vì khói. Một hình chữ vạn ngược được vẽ lại tại giảng đường.

Anh lên tầng thứ ba và đến trước bàn hướng dẫn. Trong lúc chờ đợi anh nhìn quanh phòng. Những hàng kệ sách da số là mới, vì thư viện cũ đã bị Quốc Xã tiêu hủy. Giữa những hàng kệ có những chân dung của một số lãnh tụ Do Thái, giáo sư, giáo sĩ, từ trong khung ảnh, với bộ râu xồm xoàm, im lặng nhìn ra, giống như hình các nhà tiên

tri anh đã được xem trong những tập kinh thánh hồi còn đi học. Ông nào cũng có đội mũ.

Có một chồng báo, bằng tiếng Đức, một số bằng tiếng Hebrew, chắc là từ Israel đưa qua. Một người đàn ông da ngăm đen đang đọc trang bìa của tờ báo Hebrew.

- Tôi có thể giúp gì ông?

Anh quay lại bàn chỉ dẫn thì thấy đã có một bà, độ 40 tuổi mắt đen lầy, ngồi ở đó, một lọn tóc rũ xuống sát cặp mắt. Thình thoảng bà lại phải lấy tay vuốt nó ra sau.

Miller bèn trình bày: Hỏi thăm về cô Olli Adler sau chiến tranh cô ta còn sống và trở về Munich không?

- Cô ta từ đâu về đây?

- Từ Magdeburg. Trước đó là từ Stutthof, trước nữa là Riga.

- Ô, Riga... bà kêu lên. Chúng tôi chắc không có ai trong danh sách là từ Riga về cả. Họ mất hết rồi, anh biết đó. Nhưng để tôi coi lại xem.

Bà đi vào phòng phía trong và Miller có thể thấy bà đang lục lọi ở một danh sách. Đó không phải là một tập lớn. Bà xem độ năm phút thì trở ra.

- Rất tiếc, không có ai tên như vậy trở về đây từ sau chiến tranh. Đó là một tên thường gặp. Nhưng danh sách ở đây không có.

Miller gật đầu:

- Vâng, thôi được. Xin lỗi đã làm phiền bà.

- Ông có thể tới hỏi ở Sở Truy Tầm Quốc Tế. Công việc chính của họ là tìm những người mất tích. Họ có danh sách trên toàn nước Đức, trong khi chúng tôi chỉ có danh sách những ai đã trở về Munich.

- Cái Sở đó ở đâu?

- Ở Arolsen-in-Waldech. Ngay phía ngoài Hanover, Hạ Saxon. Cơ quan đó của Hồng Thập Tự.

Miller ngẫm nghĩ một phút:

- Có ai ở Munich này mà từ Riga về không? Thực ra tôi muốn gặp họ để hỏi về tên chỉ huy ở đó.

Im lặng. Miller thấy hình như người đàn ông nọ rời tờ báo để liếc nhìn lên anh. Người đàn bà như có vẻ trầm xuống.

- Có thể cũng có nhiều người bị giam ở Riga mà hiện đang sống ở Munich. Trước chiến tranh ở đây chúng tôi có khoảng 25.000 người, chỉ có 1/10 trở lại. Bây giờ chúng tôi có độ 5000, một nửa số đó là trẻ em mới sinh từ sau 1945. Tôi có thể tìm ra một ai đó từng ở Riga. Nhưng phải xem lại toàn bộ danh sách những người sống sót. Trại giam của họ không ghi bên cạnh tên. Ngày mai ông trở lại được không?

Miller suy nghĩ một lát, không biết có nên bỏ dở chuyện này và về nhà cho rồi không. Anh thấy cuộc truy lùng này không còn gì nữa. Sau cùng anh nói:

- Vâng, được rồi, ngày mai tôi trở lại. Cảm ơn bà nhiều.

Anh trở ra ngoài, dừng lại ở lề đường để lục túi lấy chùm chìa khóa, thì nghe tiếng bước chân sau lưng.

- Xin lỗi... Anh quay lại. Đó là người đàn ông lúc nãy ngồi đọc báo trong phòng.

- Ông điều tra về Riga hả? Ông ta hỏi, về tên chỉ huy Riga hả? Đại úy Eduard Roschmann phải không?

- Phải, Miller đáp. Sao vậy?

- Tôi đã ở Riga, tôi biết Roschmann. Có lẽ tôi giúp ông được.

Người đàn ông gầy gò và cứng cáp, khoảng đầu hơn 40, cặp mắt nâu sáng và một vẻ nhanh nhẹn như chim sẻ.

- Tôi tên là Mordechai, nhưng người ta gọi tôi là Motti. Ta đi uống một cốc cà phê rồi nói chuyện đi.

Họ tới quán gần đó. Miller bị thu hút vì nét thoải mái của ông ta nên đã kể lại quá trình của anh đi từ khu phố

Altona lụp xụp tới Trung Tâm Do Thái này ở Munich. Người đàn ông im lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng gật gù:

- Hừm... Quả là một hành trình. Tại sao ông, một người Đức, lại muốn truy tầm Roschmann?

- Bộ chuyện đó lạ lắm sao? Tôi thấy phát mệt vì bị hỏi câu này quá nhiều lần. Chuyện một người Đức tức tối về một sự vụ cũ rích là kỳ lạ lắm sao?

Motti nhúm vai:

- Có gì đâu, thật khác thường khi có người chịu bôn ba như thế, vậy thôi. Việc Roschmann biến mất vào 11-1955, ông nghĩ rằng chính Odessa cung cấp cho hắn một thông hành mới hả?

- Đó là tôi được nghe nói thế, và có lẽ chỉ còn một cách để tìm ra người làm thông hành giả là gia nhập được vào Odessa.

Motti nhìn gã Đức trẻ tuổi ngồi trước mặt một lát rồi hỏi:

- Ông ở khách sạn nào vậy?

Miller bảo anh chưa đặt phòng ở đâu cả, vì hãy còn sớm, mới buổi chiều. Nhưng anh biết một khách sạn trước đây có lần lưu lại. Khi Motti hỏi, anh liền tới điện thoại trong quán và gọi khách sạn xin đặt phòng.

Khi anh trở ra thì Motti đã biến mất, có một mảnh giấy đặt dưới ly cà phê:

- Dù ông có đặt phòng ở khách sạn đó hay không thì cũng cứ có mặt lúc 8 giờ tối nay ở khu dạo chơi trong khách sạn.

Miller trả tiền cà phê và đi ra.

■

Cũng chiều hôm đó, ngồi trong văn phòng, Werwolf đọc lại bản báo cáo của đồng bọn gửi từ Bonn tới, đó là báo cáo của người đàn ông tự xưng với Miller là Bác sĩ Schmidt.

Werwolf nhận được báo cáo này đã năm ngày, sự thận trọng thường lệ khiến gã chờ đợi và đắn đo trước khi hành động.

Những lời dặn của Tướng Gluechs ở Madrid cuối tháng 11 vừa qua đã hạn chế tự do hành động của gã, nhưng cũng như mọi tay chỉ huy khác, gã cũng biết cách làm ăn ra sao. Hay tới chỗ thanh toán luôn? Trong chỉ thị của Gluecks có nói thế và gã hiểu như thế có nghĩa là gì. Còn bản văn của "Bác sĩ Schmidt" cũng không khiến gã phải suy tính gì hơn.

- Một tên trẻ tuổi cũng đầu, táo tợn, có lẽ cũng ngoan cố nữa, và với một sự thù hận nào đó mang tính cá nhân ngấm ngấm đối với Kamerad của ta, Eduard Roschmann, sự thù hận này không biết giải thích ra sao. Không thích nghe những lời khuyên, dù bị đối diện với đe dọa tới cá nhân.

Werwolf đọc lại lần nữa và thở dài. Gã với tay cầm điện thoại và bảo cô thư ký hãy nối cho đường dây bên ngoài: Xong gã gọi một số nọ ở Dusseldorf.

Có vài hồi chuông reo rồi có tiếng trả lời, rất đơn giản:

- Vâng.

- Cho gặp ông Mackensen- Werwolf nói.

Đầu kia chỉ nói:

- Ai ở đầu dây?

Thay vì trả lời, Werwolf nói một mặt khẩu:

- Còn ai to hơn Frederich đại đế?

‘Tiếng trả lời ở đầu kia:

- Barbarossa, im lặng một lát: Đây là Mackensen.

- Werwolf... Tôi e rằng ngày nghỉ đã hết, có chuyện phải làm đây. Tối mai tới nhé.

- Bao giờ?.

- Tối đây 10 giờ, nói với cô thư ký ông tên là Keller. Tôi

sẽ dẫn cô ta trước như vậy.

Gã đặt điện thoại xuống. Ở Dusseldorf, Mackensen đứng dậy và đi vào buồng tắm. Đó là một người to lớn, khỏe mạnh, vốn là Trung sĩ SS, khởi sự biết giết người khi treo cổ các con tin Pháp ở Tulle và Limoges, hồi 1944.

Sau chiến tranh, hắn làm tài xế cho Odessa, chở người đi về Nam, qua Đức và Áo để tới Nam Tyrol ở Ý. Năm 1946 bị một xe tuần tiễu của Mỹ chặn lại, hắn đã giết cả bốn người trên xe đó, có hai người bị hắn giết bằng tay không. Từ đó, hắn trở thành tay chuyên nghiệp.

Sau đó, được dùng làm vệ sĩ cho các nhân vật cao cấp của Odessa, và được tặng biệt danh "Mack Dao Găm" mặc dù ít khi hắn dùng tới dao, hắn thích dùng tay không hơn, xiết tay bẻ gãy cổ đối phương.

Được cất nhắc, tin dùng, vào giữa thập niên 50, hắn trở thành tay dao phủ của Odessa, kẻ có thể thanh toán êm thắm và kín đáo bất cứ ai biết quá rõ về các tay cao cấp của tổ chức, hay những tay có ý chống lại hoặc tố cáo các Kamerad. Đến tháng 1-1964 hắn đã xuống tay cỡ 12 vụ như thế.



Điện thoại gọi đúng hẹn lúc 8 giờ. Người thư ký khách sạn nhận điện thoại, quay đầu nhìn quanh và thấy Miller đang ngồi xem tivi ngay trước phòng.

Anh nhận ra giọng nói ở đầu dây kia:

- Ông Miller? Tôi đây, Motti. Tôi nghĩ tôi có thể giúp ông được. Hơn nữa, còn có một số bạn tôi cũng giúp vào. Ông muốn gặp họ không?

- Tôi muốn gặp bất cứ ai giúp tôi được! Miller nói và nghĩ tới một âm mưu nào đây.

- Được. Motti đáp. Rồi khách sạn và đi rẽ tay trái tới đường Schiler, qua hai dãy phố sẽ thấy một quán cà phê bánh ngọt tên Lindemann. Gặp tôi ở đó.

- Bây giờ hả?

- Phải, bây giờ. Lẽ ra tôi tới khách sạn, nhưng tôi với các bạn đang ở đây. Tôi liền nghe.

Điện thoại cúp, Miller mặc áo khoác và đi ra cửa. Anh rẽ trái và đi dọc lề đường. Được một đoạn thì có tiếng động đằng sau và một vật gì cứng thúc vào sườn anh, rồi một chiếc xe đậu lại sát lề đường.

- Leo vào ghế sau, ông Miller... Tiếng nói sát sau gáy anh.

Cánh cửa sau bật ra, người đằng sau thúc nhẹ vào sườn anh, Miller khom đầu chui vào trong xe. Tài xế ở phía trước, ghế sau còn có một người nữa, người này xích vào trong nhường chỗ cho anh. Miller thấy người thúc sườn hẳn cũng lên xe, cánh cửa sập lại và xe lăn bánh.

Tim Miller đập thình thịch. Anh liếc nhìn ba người cùng xe nhưng không nhận ra ai. Người ngồi bên phải anh, kể đã mở cửa xe cho anh vào lên tiếng:

- Tôi sẽ bịt mắt anh lại, chúng tôi không muốn anh thấy mình được đưa đi đâu.

Miller cảm thấy một giải vải đen trùm lên đầu, phủ tới mũi. Anh nhớ tới cặp mắt xanh lạnh lùng của ông bác sĩ ở khách sạn Dressen và lời dặn của tay săn SS ở Vienna. "Phải cẩn thận, người của Odessa rất nguy hiểm". Rồi anh nhớ tới Motti và bản khoán không hiểu làm sao một kẻ trong Odessa lại đọc một tờ báo Hebrew trong Trung Tâm Cộng Đồng Do Thái.

Chiếc xe chạy khoảng 25 phút, chậm lại rồi ngừng bánh, anh nghe có tiếng cánh cổng mở, xe lại chạy tới rồi ngừng lại. Anh được kéo ra và có người kèm dẫn qua khoảng sân. Anh cảm thấy khí lạnh ban đêm trên mặt, rồi vào trong phòng ấm hơn, cánh cửa đóng lại đằng sau, anh được dẫn qua mấy bậc thang đi xuống, hình như một cái hầm, không khí ấm áp hơn. Cái ghế anh được đặt ngồi xuống khá là êm ái.

Anh nghe có tiếng nói: "Tháo băng ra", và tấm vải trên đầu anh được gỡ ra. Anh che mắt để dần quen với ánh sáng.

Căn phòng này hiển nhiên là dưới mặt đất, vì không có cửa sổ. Nhưng có một máy thông hơi đặt cao trên tường.

Phòng trang trí đẹp và đủ tiện nghi, rõ ràng là phòng để họp, có một chiếc bàn dài và tám cái ghế xếp dọc tường. Phần còn lại là khoảng trống, có đặt năm ghế dựa. Ở giữa là một tấm thảm và một bàn cà phê.

Motti đứng ở đó, im lặng mỉm cười như để xin lỗi, bên cạnh chiếc bàn dài. Hai người đưa anh tới đây đều to lớn, độ trung niên đang ngồi trên tay dựa của chiếc ghế anh đang ngồi. Đối diện với anh, qua bàn cà phê là một người thứ tư. Anh nghĩ là ông tài xế thì vẫn còn ở trên kia để khóa cửa lại.

Người thứ tư đó có vẻ như chỉ huy, ông ngồi ghế thoải mái trong khi ba người kia đứng hoặc tựa vào ghế. Miller đoán ông ta khoảng 60, gầy xương xương, má hóp và mũi khoằm xuống. Cặp mắt làm Miller bối rối, màu nâu và thụt sâu vào hốc mắt, nhưng nó sáng và soi mói. Cặp mắt của kẻ cuồng tin. Ông ta là người lên tiếng đầu tiên.

- Xin chào, ông Miller. Tôi phải cáo lỗi vì cái kiểu mời ông tới đây hơi khó coi. Lý do là nếu ông không đồng ý đề nghị sắp tới của tôi thì ông có thể trở về khách sạn và sẽ không bao giờ gặp lại ai trong chúng tôi nữa.

- Bạn tôi đây, ông ta chỉ về phía Motti: cho hay rằng vì lý do nào đó ông muốn truy tầm một người tên Eduard Roschmann. Và để làm thế ông có lẽ phải toan tính chuyện xâm nhập vào Odessa. Việc này ông cần được giúp đỡ, rất nhiều giúp đỡ. Tuy nhiên, ông vào được Odessa thì cũng có lợi cho chúng tôi nên chúng tôi cũng muốn giúp đỡ ông. Ông nghe kịp không?

Miller ngạc nhiên nhìn ông ta. Mãi rồi anh mới nói:

- Nói thẳng ra đi. Mấy ông không phải là người của

Odessa sao?

Người đàn ông trợn mắt lên:

- Ô, Chúa ơi, ông đã nắm lộn đầu gậy rồi.

Ông ta chồm tới, kéo tay áo bên trái lên. Trên cánh tay, có xăm một con số bằng mực xanh:

- Auschwitz- ông ta chỉ sang hai người ngồi hai bên Miller.

- Buchenwald và Dachau... ông chỉ Motti: Riga và Treblinka. Rồi ông kéo tay áo xuống.

- Ông Miller, ở đây có nhiều người nghĩ rằng bọn tàn sát dân tộc mình phải được mang ra tòa. Chúng tôi không đồng ý, ngay sau chiến tranh tôi có nói chuyện với một viên chức người Anh, và ông ta nói với tôi một điều mà nó đã hướng dẫn cuộc đời tôi đến nay. Ông ta nói: Nếu họ đã giết 6 triệu người dân tộc tôi, thì tôi sẽ xây một tượng đài tưởng niệm với những cái đầu lâu, không phải đầu lâu của người đã chết, mà đầu của những kẻ đã giết họ. Lý lẽ rất đơn giản, ông Miller ạ, nhưng rất thuyết phục. Tôi và nhóm của tôi đã quyết định ở lại Đức sau 1945 với một mục đích và chỉ một mà thôi: Trả thù, trả thù thuần túy và đơn giản. Chúng tôi không bắt giữ họ, ông Miller, chúng tôi giết chúng như những con chó. Tên tôi là Léon.

Léon đã tra vấn Miller suốt bốn giờ, cho đến lúc ông thỏa mãn về sự thành thật của anh. Như những người trước đó, ông ta cũng ngạc nhiên về động cơ thúc đẩy anh, nhưng đành chấp nhận lý do Miller đưa ra, phần nộ vì những việc bạo hành của SS trong chiến tranh. Xong xuôi, Léon ngồi dựa ra trên ghế và nhìn gã phóng viên một lúc lâu:

- Ông có biết xâm nhập vào Odessa nguy hiểm tới đâu không?

- Tôi có thể đoán. Có một điều là tôi còn quá trẻ.

Léon lắc đầu:

- Ông không thể thuyết phục một cựu SS tin rằng ông

cũng là một tay SS như họ. Vì họ có danh sách tất cả các tay SS, mà Peter Miller thì không có tên trong danh sách đó. Mặt khác ít ra ông phải già thêm mười tuổi nữa. Cái này có thể làm được, nhưng cần một lý lịch mới, một lý lịch có thật. Lý lịch của một người thực sự đã từng là SS. Điều này cần nhiều công lao nghiên cứu của chúng tôi, mất nhiều thời gian và gặp nhiều trắc trở.

- Ông nghĩ rằng có thể tìm ra một người như thế sao?

Léon nhún vai:

- Có thể có một người chết mà không điều tra ra. Trước khi Odessa nhận một ai, nó sẽ điều tra. Ông phải qua một số trắc nghiệm. Nghĩa là ông phải cùng sống chung với một cựu SS thứ thiệt để học các thuật ngữ, cách nói chuyện, cách cư xử. May mắn thay, chúng tôi có một người như thế.

Miller sửng sốt:

- Sao hắn ta lại làm chuyện đó.

- Người tôi nói tới đó là một kẻ kỳ dị, hắn nguyên là Đại úy SS, hắn thực sự lấy làm tiếc vì những chuyện đã làm. Hắn hối hận, sau này hắn đã ở trong Odessa và lên báo tin tức về các tay Quốc xã đang bị tầm nã cho chính quyền. Hắn có thể làm thế, nhưng hắn bị lộ và may mắn thoát chết. Bây giờ hắn mang tên mới, sống ở một căn nhà ngoại thành Beyreuth.

- Tôi phải học thêm những cái gì?

- Mọi thứ về lý lịch mới của ông. Sinh ở đâu, ngày nào, làm sao vào SS được, huấn luyện ở đâu, phục vụ chỗ nào, đơn vị gì, chỉ huy là ai, rồi từ sau thế chiến tới nay làm gì. Ông cũng phải có người bảo đảm giới thiệu. Cái này không dễ đâu. Phải mất cho ông rất nhiều thời giờ và rắc rối lắm, ông Miller. Một khi ông đã vào đó thì không có rút ra được đâu.

- Làm thế thì ông được cái gì? Miller hỏi.

- Báo thù, ông ta đáp gọn. Cũng như ông, chúng tôi

truy tầm Roschmann. Mà còn hơn nữa kia. Những tên SS sát nhân vẫn đang sống với tên giả. Chúng tôi muốn biết tên chúng. Chúng tôi sẽ được cái đó trong vụ này. Còn một điều nữa, chúng tôi muốn biết ai là kẻ tuyển mộ các bác học Đức cho Odessa để đưa sang Ai Cập chế hỏa tiễn cho Nasser. Tên tuyển mộ trước đây, Brandner đã rút vào bí mật năm ngoái, khi bọn tôi giết được tên phụ tá của nó, Heinz Krug. Bây giờ chúng lại có một nhân viên mới.

- Nghe giống như tin tức tình báo của Israel quá. Miller nói, Léon nhìn anh một cách lạnh lẽo và đáp:

- Đúng đó. Chúng tôi tình cờ hợp tác với họ, mặc dù chúng tôi không phải người của họ.

- Ông có bao giờ thử gài người vào Odessa chưa?

Léon gật đầu:

- Hai lần.

- Chuyện gì xảy ra?

- Người thứ nhất, người ta thấy xác trôi trên một con kinh, móng tay bị rút hết. Người thứ hai biến mất không một dấu vết. Ông còn muốn tiếp tục đi tới không?

- Nếu phương pháp của ông hoàn hảo, làm sao bị lộ?

- Vì họ đều là người Do Thái, Léon đáp. Chúng tôi đã có xóa dấu xâm của trại tập trung trên tay họ, nhưng nó vẫn còn xẹo. Ngoài ra, họ đều đã chịu phép cắt bì. Do đó tại sao khi Motti báo với tôi là có một tên người Đức Arian muốn chống lại SS, tôi rất quan tâm. Thế ông có cắt bì không?

- Có chuyện gì không?

- Ô. Nếu một người đã cắt bì thì cũng không chắc là Do Thái, vì cũng có nhiều người Đức đã chịu giải phẫu như thế. Nhưng nếu ai không cắt bì, thì có thể chắc chắn hẳn không phải Do Thái.

- Tôi thì không. Miller trả lời.

Léon thở phào:

- Lần này tôi nghĩ mới chắc chắn qua khỏi, ông ta liếc nhìn đồng hồ: quá nửa đêm rồi đó. Ông đã ăn gì chưa?

Miller lắc đầu:

- Motti, kiểm dùm ít đồ ăn cho khách đi.

- Motti cười gật đầu. Ông ta biến sau cánh cửa và lên trên nhà.

- Ông cứ nghỉ đêm ở đây. Léon nói với Miller. Chúng tôi sẽ mang đồ ngủ tới. Đừng cố thoát ra, vui lòng vậy. Cánh cửa có ba khóa và ai tới gần cũng có thể bị bắn. Đưa tôi chìa khóa xe đi, tôi sẽ mang xe ông lại đây. Nên dấu nó đi độ vài tuần. Tiền khách sạn của ông sẽ được thanh toán và hành lý sẽ mang lại đây luôn. Sáng mai, ông sẽ viết một lá thư cho bà mẹ và cô bạn, nói rằng ông có chuyện đi xa vài tuần, hay vài tháng không chừng. Ông hiểu chứ.

Miller gật đầu và đưa ông ta chùm chìa khóa. Léon trao lại cho một trong hai người kia, người đó im lặng rời khỏi hầm.

- Sáng mai ta sẽ đi Beyreuth và ông sẽ gặp tay sĩ quan SS, hã tên là Alfred, ông sẽ sống với hã, tôi sẽ dàn xếp cho. Trong khi đó, xin phép cho tôi được tìm tên tuổi và lý lịch mới giùm ông.

Léon đứng dậy và đi ra. Lát sau, Motti trở lại với một mâm đồ ăn và mấy thứ chần mền. Trong khi ăn con gà nguội với sốt cà chua. Miller không biết rồi mình sẽ đi tới đâu.

Lúc đó, mãi trên miền Bắc, trong Tổng Y viện Bremen, một người y công đi kiểm soát khu bệnh của mình vào giấc quá nửa đêm. Quanh chiếc giường cuối phòng, là một tấm màn vây kín ngăn riêng cho người bệnh.

Gã y công, trung niên, tên Hartstein, vén màn nhìn vào bệnh nhân nằm trên giường. Người đó nằm im. Ở đầu giường có một ngọn đèn mờ thấp suốt đêm, gã y công bước vào, đến bên giường và thăm mạch người bệnh. Mạch

không nháy, lạnh ngắt.

Gã nhìn xuống khuôn mặt đau đớn của một nạn nhân bệnh ung thư, và có cái gì mà người này nói ra vào lúc mê sảng mấy bữa trước khiến gã kéo cánh tay trái của xác chết ra khỏi tấm chăn. Gân nách có xăm một con số. Đó là tên của nhóm máu, dấu hiệu rõ ràng cho biết người chết đã là một tay SS. Lý do xăm là lính SS của Đức Quốc Xã được coi trọng hơn lính thường, nên khi bị thương là luôn luôn được ưu tiên tiếp máu. Nên mới có chuyện xăm nhóm máu ở tay.

Y công Hartstein phủ mặt cho người chết và liếc nhìn ngăn kéo của chiếc bàn bên giường. Hắn kéo ra, và rút lấy một tờ giấy lái xe để chung với các loại vật dụng cá nhân tìm được trong túi người bệnh, khi ông ta té xỉu trên đường và được chở vào đây. Tấm thẻ cho thấy người đó 39 tuổi, sinh ngày 18-6-1925, tên là Rolf Gunther Kolb.

Gã y công nhét tấm thẻ đó vào túi áo choàng trắng và bước ra, đi báo cáo về người chết cho bác sĩ trực đêm.

CHƯƠNG II

Peter Miller viết thư cho mẹ và Sigi có Motti giám sát, viết xong thì đã giữa buổi sáng. Hành lý của anh ở khách sạn đã được mang về đây, tiền mượn phòng đã trả xong, đến quá trưa, anh và Motti, cùng với người tài xế tối qua, khởi hành đi Beyreuth.

Với bản năng của phóng viên, anh liếc nhìn bảng số của chiếc Opel xanh thay cho chiếc Mercedes tối qua. Motti nhận ra cái nhìn đó và cười:

- Đừng lo, đây là xe mượn, bằng tên giả.
- Thật là thích thú khi biết được dân trong nghề. Miller nói, Motti nhún vai.
- Bắt buộc phải thế. Đó là cách sống còn khi đương đầu với Odessa.

Trong gara có hai chỗ đậu, Miller thấy chiếc Jaguar của mình trong đó. Tuyết bám hồi đêm qua đã biến tan thành vũng bùn dưới bánh xe. Thân xe dài đen bóng dưới ánh đèn trong gara.

Lên ngồi trên chiếc Opel xong, vòng băng đen lại trùm lên mắt, và anh bị đẩy nằm xuống sàn khi xe lăn bánh qua sân ra cổng và xuống lòng đường. Motti cứ bịt mắt anh như thế cho đến khi ra khỏi Munich và chạy về phía Bắc trên xa lộ E6 hướng về Nuremberg và Byereuth.

Khi tháo băng, Miller thấy con đường ngập tràn tuyết đông từ tối hôm qua. Vùng rừng cây bên đường trải từ miền Bavaria tới Franconia phủ đầy màu trắng, làm những thân cây trụi lá hai bên đường có dáng tròn như khúc gỗ. Tài xế lái chậm và cẩn thận, cần gạt kính chuyển động đều đều, tống văng những bụi tuyết bị bắn lên khi có những chiếc xe chạy ngược chiều qua.

Họ ăn trưa, tại một quán ở Ingolstadt trên đường đi, bọc qua phía Đông Nuremberg, họ tới Beyreuth một giờ sau.

Nằm ở giữa một vùng thuộc loại xinh đẹp nhất nước Đức có biệt hiệu là Thụy Sĩ của Bavaria, thành phố Beyreuth nhỏ bé chỉ có một thứ làm cho nó nổi tiếng, đó là đại hội nhạc Wagner hàng năm. Mấy năm trước thành phố này còn được vinh quang đón các nhân vật cao cấp của Đảng Quốc Xã khi họ cùng tới đây với Hitler, vốn là kẻ rất hâm mộ bậc nhạc sư đã làm bất tử cho các anh hùng trong huyền thoại miền Bắc.

Nhưng vào tháng 1, đó là một thành phố nhỏ yên lặng, tuyết phủ trắng xóa, những cái chuông ngày hội, từ hồi đó đến nay, thỉnh thoảng mới được đem treo trên cửa của những căn nhà xinh xắn. Họ tìm thấy nhà của Alfred Oster trên một con đường yên tĩnh cách thành phố độ một dặm, không có bóng chiếc xe nào trên đường khi họ bước tới cửa trước.

Người sĩ quan SS đang chờ họ, một người to lớn với cặp mắt xanh, mái tóc đỏ hoe vuốt từ đầu ra sau gáy. Mặc dù trời lạnh, ông ta vẫn có màu da hồng hào của một người sống ở miền núi, với gió nắng và không khí trong lành.

Motti giới thiệu hai bên và đưa cho Oster lá thư của Léon. Tay cựu SS đọc và gạt gù, liếc nhìn sang Miller.

- Được, ta cố thử coi, tôi có thể làm việc với hãn bao lâu?

- Chúng tôi không biết, Motti đáp. Dĩ nhiên là tới lúc xong xuôi. Vả lại chúng tôi còn phải tìm một lý lịch mới

cho hắn. Chúng tôi sẽ cho ông biết sau.

Vài phút sau ông ta kiêu từ.

Oster đưa Miller vào phòng khách, ông kéo rèm và bật đèn.

- Thế là ông muốn đóng vai một cựu SS, phải không?

Miller gật đầu:

- Đúng thế.

Oster quay lại:

- Được, bây giờ chúng ta bắt đầu từ một số điều căn bản. Tôi không biết ông đã thụ huấn quân sự ở đâu, nhưng tôi chắc đó là thứ lính kỷ luật tồi, ăn no, ưa lý sự mà người ta vẫn thường gọi là quân đội Tây Đức hiện nay. Đó là điều thứ nhất. Cái thứ quân đội này chỉ chịu nổi cỡ mười giây tấn công của lính Anh, Mỹ hay Nga trong cuộc chiến rồi. Trong khi lực lượng Waffen SS có thể chống nổi một số quân Đồng minh nhiều hơn gấp năm lần.

- Điều thứ hai, Waffen SS là những người lính can đảm, huấn luyện kỹ, rất kỷ luật và anh dũng nhất so với tất cả mọi loại chiến binh trong lịch sử loài người. Không có gì làm họ thay đổi tính chất đó. Can đảm lên, Miller. Chừng nào ông còn ở trong ngôi nhà này thì phải nhớ giữ tác phong đó.

- Khi tôi bước vào trong phòng, ông phải bật ngay dậy, đứng nghiêm. Tôi nói rõ là bật ngay dậy. Khi tôi đi qua ông chập gót vào nhau và cứ đứng nghiêm đến lúc tôi đi khỏi năm bước. Khi tôi có nói điều gì mà cần ông trả lời, thì ông phải đáp:

- Jawohl, Herr Hauptsturmfuehrer- (Đúng thế, thưa Đại úy)

- Khi tôi đưa ra một mệnh lệnh hay chỉ thị, thì ông đáp:

- Zu Befehl, Harr Hauptsturmfuehrer.

- Hiểu rõ chưa?.

Miller gạt đầu kinh ngạc. Oster nhấn mạnh thêm:

- Chập gộp vào nhau. Tôi muốn nghe rõ tiếng đế da chạm vào nhau. Rồi, chúng ta thì không có nhiều thời gian, ta sẽ bắt đầu ngay tối nay. Trước bữa ăn, ta sẽ học về cấp bậc, từ binh nhì lên tới Thống tướng. Ông sẽ phải nhớ tên gọi, cấp hiệu, quân hàm của mọi cấp SS. Rồi học tới các loại đồng phục và cách sử dụng nó trong các ngành của SS, dịp nào dùng quân phục thường, quân phục đại lễ, quân phục đi dạo, chiến phục và y phục nghỉ ngơi.

- Sau đó, ông sẽ học qua các bài lý thuyết chính trị của Trung tâm huấn luyện Dachau của SS. Coi như ông phải qua trường đó đi. Rồi các bài ca diễn hành, bài ca tiệc rượu và các bài ca cộng đồng khác.

- Tôi cố gắng cho ông biết đủ các quá trình từ trại huấn luyện tới lúc ra đơn vị. Sau khi Léon tìm được lý lịch mới, ông sẽ ở đơn vị nào, thì ông cần biết nơi làm việc, người chỉ huy, hết chiến tranh thì ông ra sao, và từ 1946 đến nay thì làm gì. Tuy nhiên, phần huấn luyện đầu của tôi thì cũng mất khoảng hai, ba tuần, cũng mệt lắm đấy.

- Cần thấy rõ đây không phải trò chơi. Nếu ông vào được Odessa, biết được những đầu não là ai, mà lại hờ hênh tí xiu thôi, thì đời ông chấm dứt dưới lòng kinh đào đó. Tin tôi đi, tôi không phải là tên bơ sữa, mà sau khi rời khỏi Odessa, tôi đã phải chạy trốn bán mạng. Nên tại sao bây giờ tôi phải có lý lịch giả như thế.

Lần đầu tiên, kể từ khi đơn thân độc mã lao vào cuộc truy lùng Eduard Roschmann. Miller phải tự hỏi không hiểu mình đã đi quá xa chưa.



Mackensen tới báo cáo cho Werwolf vào đúng 10 giờ. Khi cánh cửa ngăn cách với phòng làm việc của Hilda đã khép kín, Werwolf ra hiệu cho gã đao phủ ngồi xuống chiếc ghế trước bàn giấy, và tự châm cho mình một điếu xì gà.

- Đó là một tên phóng viên hiện đang điều tra về tung

tích và lai lịch mới của một Kamerad trong chúng ta.

Gã đồ tể gật gù. Đã nhiều lần hắn nghe phần tóm lược nhu cầu công tác như thế này. Werwolf tiếp:

- Thông thường, chúng ta cũng không đặt nặng chuyện này, hoặc tên điều tra sẽ bỏ cuộc vì nản chí, hoặc người bị truy tầm đó không đáng cho chúng ta bỏ công lao hay tiền bạc ra để cứu nguy.

- Nhưng lần này thì khác hả? Mackensen khẽ hỏi. Werwolf gật đầu, với một vẻ gì như rất lấy làm tiếc.

- Phải, chuyện thật xui, mình thì gặp phải thế kẹt, mà tên đó có thể mất mạng như chơi, nó đã vô tình đụng tới một ổ kiến. Vì người mà hắn điều tra đó có tầm quan trọng bức thiết, vô cùng bức thiết cho chúng ta và kế hoạch lâu dài của tổ chức. Còn tên phóng viên đó coi bộ cũng kỳ lạ. Thông minh, sắc sảo, thành thật và tôi rất tiếc nếu đây là một vụ thù oán cá nhân giữa hắn với Kamerad đó của ta.

- Thế động cơ nào thúc đẩy hắn? Werwolff bối rối ra mặt. Gã gạt tàn điếu xì gà, chậm rãi trả lời:

- Chúng ta cũng không biết rõ tại sao, nhưng rõ ràng là người mà hắn điều tra chắc chắn có tạo nên thù oán với bọn Do Thái, ông ta có chỉ huy một Ghetto ở Ostland. Có nhiều người bất mãn với việc đã làm ở đó, và đã không đồng ý với sự biện hộ của ta, nhưng những người đó đa số là người ngoại quốc. Còn đây, hắn ta không phải người ngoại quốc cũng chẳng phải Do Thái, không có vẻ gì là khuynh tả, hay thuộc cái bọn nhãi điếc không sợ súng thường hung hăng tò mò mà không làm được gì cả.

- Còn tên phóng viên này thì có vẻ khác. Hắn là thanh niên Đức giống Arian, con của một chiến sĩ, hoàn cảnh sống của hắn không có gì làm hắn căm thù chúng ta cả, không có gì khiến hắn phải moi móc tới một Kamerad của ta, bất chấp ta đã có lời cảnh cáo trực tiếp. Nên cũng rất tiếc phải giết hắn đi. Tuy nhiên tôi không còn cách nào khác, bắt buộc phải thế thôi.

- Giết luôn? Mack Dao Găm hỏi.

- Giết luôn- Werwolf xác định.

- Ở đâu?

- Chưa biết. Werwolf rút ra hai tờ giấy đánh máy chi chít đặt lên bàn.

- Hẳn đó. Peter Miller. Phóng viên điều tra. Lần gần đây nhất gặp hắn ở khách sạn Dressen ở Bad Godesberg. Hiện giờ hắn biến đi đâu mất rồi. Ta phải khởi sự từ đó. Một chỗ nữa để dò là nhà riêng, hắn ở chung với một cô gái. Ông có thể đóng vai một biên tập viên của tòa soạn một tạp chí lớn mà hắn có cộng tác. Như thế cô ta có thể nói chuyện với ông, nếu cô ta biết hắn ở đâu. Hắn đi một cái xe rất đặc biệt ông có thể biết chi tiết các thứ trong hồ sơ này đây.

- Tôi cần có tiền. Mack nói. Werwolf như đã tiên liệu sẵn, gã đẩy cọc tiền 10.000 Mark ra trên bàn, trước mặt Mack.

- Còn lệnh gì khác không? Gã dao phủ hỏi.

- Tìm ra và thanh toán, thế thôi.



Ngày 13 tháng 1, mẩu tin về cái chết của Rolf Gunther Kolb tại Bremen năm bữa trước, đã tới tay Léon ở Munich. Lá thư báo tin của người y công đó có kèm theo cả bằng lái xe của Kolb.

Léon kiểm chứng lại tên họ, cấp bậc của người này trong danh sách các cựu SS, và xem trong danh sách tằm nã của Tây Đức. Kolb không có trong đó. Léon ngồi ngắm nghía bức hình trong bằng lái xe độ mấy phút và đi tới một quyết định.

Ông gọi Motti, lúc đó đang làm việc ở tổng đài điện thoại và chờ đến lúc Motti tan sở làm trở về. Léon đặt bằng lái của Kolb trước mặt Motti.

- Đây là người chúng ta cần. Hẳn là Trung sĩ hồi năm

19 tuổi, thăng cấp ngay lúc sắp hết chiến tranh. Bọn Odessa chắc là ít tài liệu về tên này lắm. Mặt của Kolb và Miller thì không giống lắm, dù có hóa trang thêm, đó là điều tôi chưa vừa ý. Rất dễ bị khám phá.

- Nhưng chiều cao và vóc dáng thì giống nhau. Nên ta cần có một bức ảnh mới của Miller. Cái này dễ thôi. Có hình xong phải xoay được con dấu của Phòng Cảnh sát Giao thông Bremen. Ông đi lo mấy chuyện đó coi.

Khi Motti đi, Léon gọi một số điện thoại ở Bremen và cho những chỉ thị mới.

■

- Được rồi, Alfred Oster nói với Miller. Bây giờ ta bắt đầu học mấy bài hát. Ông có nghe bài Horst Wessel bao giờ chưa?

- Có, đó là bài diễn hành của Nazi.

Oster hát trước vài nhịp.

- Ô, tôi nhớ ra điệu của nó rồi, nhưng không thuộc lời.

- OK. Tôi sẽ dạy ông chừng mười bài. Để phòng lúc anh bị hỏi. Nhưng điều quan trọng nhất là anh có thể phải tham gia những buổi hát cộng đồng khi đã trở thành một Kamerad trong số đó. Không biết hát tức là chết mất mạng đó. Nào, bây giờ hát theo tôi...

- Cờ tung bay cao... Đoàn ta siết chặt bên nhau...

Hôm đó là ngày 18 tháng 1.

■

Mackensen ngồi nhấm nháp ly cocktail tại quầy hàng khách sạn Schweizer Hof ở Munich và đọc lại bản tài liệu: Miller, gã phóng viên mà hắn đã thuộc lòng khuôn mặt và các chi tiết. Là người kỹ lưỡng, Mackensen đã tới gặp cả văn phòng đại lý hãng Jaguar ở Tây Đức để xin được xấp hình quảng cáo cho kiểu Jaguar XK 150s xipo, nên hắn biết rõ đó là chiếc xe ra sao. Nhưng có điều hắn chịu không tìm được chiếc xe đó.

Điều tra theo dõi Miller từ Bad Godesberg, hẳn đã tới phi trường Cologne và được biết Miller đã sang London và trở về trong vòng 36 giờ kịp vào ngày đầu năm mới. Rồi sau đó gã phóng viên với cái xe biến mất.

Tới nhà riêng, nói chuyện được với cô bạn gái xinh xắn,, lịch thiệp của gã, nhưng cô nàng chỉ đưa ra được lá thư đóng dấu Munich của Miller gửi về, nói là sẽ vắng nhà trong vòng ít lâu.

Cả tuần này, lùng khắp Munich, vô vọng. Mackensen đã điều tra mọi khách sạn, mọi bãi đậu xe công cộng hay tư nhân, các gara, các trạm xăng. Chẳng có gì hết. Không lẽ thằng phóng viên biến khỏi mặt đất này rồi sao.

Uống cạn ly, Mackensen rời ghế, tới máy điện thoại và báo cáo về cho Werwolf. Hẳn ta không hề ngờ rằng mình chỉ đứng cách chiếc Jaguar đen sọc vàng độ ngàn mét, lúc đó đang đậu trong nhà xe của một cửa hàng cũ kỹ, nơi Léon sống và chỉ huy cái tổ chức nhỏ bé nhưng cường tín của ông ta.



Tại Tổng Y viện Bremen, một người áo khoác trắng đi vào phòng hồ sơ bệnh lý. Anh ta đeo ống kính chắn ở trên cổ, trông có vẻ như một sinh viên nội trú.

- Tôi muốn xem hồ sơ bệnh của Rolf Gunther Kolb, anh ta nói với cô thư ký giữ hồ sơ.

Cô không quen mặt anh ta, nhưng có hề gì. Cô cả chục sinh viên đang thực tập ở đây. Cô dò theo mẫu tự trong các học hồ sơ, rút ra tập có ghi tên Kolb ở góc trên và đưa cho anh chàng nội trú kia. Chuông điện thoại chột reo, cô lật bật bước tới.

Anh sinh viên nọ ngòl lật lật tập hồ sơ. Nó ghi rõ Kolb té xỉu trên hè phố, được xe cứu thương chở về đây. Khám thì thấy có vết ung thư ở bao tử vào giai đoạn cuối, trầm trọng lắm rồi. Người ta quyết định chả giải phẫu làm gì nữa. Bệnh nhân được chạy chữa một loạt thuốc. Không hy

vọng gì, và sau đó qua đời. Tờ hồ sơ cuối cùng có ghi rõ:

- Bệnh nhân chết vào đêm mùng 8 rạng ngày 9 tháng 1. Nguyên nhân: Ung thư trong bao tử. Không có thân nhân. Xác được chôn ở nghĩa địa thành phố ngày 10 tháng 1.

Dưới có chữ ký của bác sĩ nhận bệnh.

Anh sinh viên nọ rút tờ đó ra và thay thế vào đó bằng một tờ khác. Tờ này thì ghi là:

- Mặc dù cơn bệnh rất ngặt nghèo, vết ung thư cũng chịu thuốc và thuyên giảm. Bệnh nhân được chuyển viện vào 16-1. Theo yêu cầu của y, nên đã được chuyển bằng xe bệnh viện tới dưỡng đường Aroadia, Delmenhorst.

Chữ ký bên dưới ngoằn ngoèo không đọc được.

Anh sinh viên trả tập hồ sơ lại cho cô thư ký, cười duyên cảm ơn và đi ra. Hôm đó là 22 tháng 1.



Ba ngày sau. Léon nhận được một mẩu tin, đó là mất xích cuối cùng trong cái vòng rắc rối mà ông ta đang lắp ráp. Một thư ký tại một quầy vé nọ ở miền Bắc Đức gửi điện cho hay có một ông chủ lò bánh mì nọ ở Bremerhaven vừa đặt trước vé cho vợ chồng ông ta. Hai người dự định du ngoạn vòng quanh vùng Caribbe trong bốn tuần, khởi hành từ Bremerhaven vào hôm chủ nhật 16 tháng 2 tới. Léon biết ông chủ lò bánh mì đó nguyên là Đại tá SS thời trước, sau đó đã gia nhập Odessa. Ông liền kêu Motti đi và mua ngay một cuốn sách dạy làm bánh mì.



Werwolf rất là bối rối. Trong gần ba tuần gã đã chỉ thị cho các nhân viên tại các thành phố lớn trong nước dò tìm một người tên Miller với một chiếc Jaguar thể thao sơn đen. Nhà riêng và gara của hắn tại Hambourg đã bị canh chừng, đã cho người tới viếng bà mẹ góa ở Osdorf, bà ta nói cũng không biết thằng con đi đâu. Máy cú điện đã gọi tới cho Sigi, giả như một tòa soạn nọ cần gặp Miller

dữ lắm, nhưng cô ta cũng không rõ anh bạn trai mình ở đâu.

Tối điều tra tại Ngân hàng Hambourg, thì hẳn không có dịch vụ gì với dây từ hồi tháng 11. Tóm lại là hẳn đã biến mất. Đến nay đã là 28 tháng 1, vô cùng thất vọng, Werwolf đã phải buộc lòng nhắc điện thoại lên, một cách rất tiếc.



Cách đó rất là xa, cao trên vùng núi, độ nửa giờ sau, một người đàn ông bỏ ống nói xuống và lẩm bẩm điều gì một cách bực bội. Đó là tối thứ sáu, ông mới trở về biệt thự này, định nghỉ hai ngày cuối tuần thoải mái thì cú điện thoại đó gọi tới.

Ông ta bước đến khung cửa sổ của phòng đọc sách trang nhà và nhìn ra ngoài. Ánh sáng từ cửa hắt xuống lớp tuyết dưới sân và soi mãi đến tận hàng thông ở ngoài kia.

Ông vẫn thích sống trong một cảnh như thế này, một căn nhà đẹp trong khu đất riêng trên miền núi. Hồi nhỏ, vào ngày lễ Giáng Sinh ông đã thấy những ngôi nhà của bọn giàu có trên vùng núi quanh Graz. Bây giờ ông cũng có như vậy và ông thích thế lắm.

Nó tốt hơn căn nhà của người thợ hăng rượu bia, nơi ông đã lớn lên, tốt hơn ngôi nhà ở Riga, nơi ông đã sống hết bốn năm, tốt hơn ngôi nhà bây biện đủ thứ ở Buenos Aires hay căn phòng khách sạn ở Cairo. Căn nhà này là thứ ông hằng mơ ước.

Cú điện thoại lúc này làm phiền ông hết sức. Ông đã nói là không ai dòm ngó lảng vảng quanh nhà, không ai quanh quẩn trước cơ xưởng, không ai hỏi han gì về ông ta. Nhưng ông cũng băn khoăn. Miller? Miller là thằng quỷ nào? Đầu dây kia cho hay đó là một phóng viên, thế cũng chỉ làm ông bứt bán khoăn. Người gọi điện và các cộng sự lo ngại Miller đến nỗi đã quyết định gửi tới một vệ sĩ cho ông vào ngày mai, đóng vai tài xế và ở với ông cho đến khi có tin tức gì mới.

Ông kéo màn cửa sổ lại, ngăn bóng đêm mùa đông. Cánh cửa gỗ ngăn cách mọi tiếng động. Chỉ có tiếng nổ lách tách của khúc củi thông cháy trong lò sưởi, ngọn lửa lung linh trong lò sưởi với viên bằng gang đúc hình những lá nho lượn cong, một trong mấy món ông giữ lại khi mua và tân trang cho ngôi nhà này.

Cánh cửa mở ra, bà vợ ló đầu vào:

- Bữa tối xong rồi đó. Bà gọi.
- Vào đây em. Ông ta, Eduard Roschmann, trả lời.



Sáng hôm sau, thứ bảy. Oster và Miller bận rộn với một nhóm người từ Munich tới. Gồm Léon, Motti, ông tài xế và một người lạ, xách một túi đen. Khi vào tới phòng khách, Léon bảo với người lạ: vào phòng tắm và chuẩn bị đồ nghề đi.

Người nọ gạt đầu và lên cầu thang. Ông tài xế vẫn ngồi ở ngoài xe. Léon ngồi vào bàn cùng với Oster và Miller, Motti đứng ngoài cửa, một chiếc máy chụp hình lủng lẳng trên tay ông ta.

Léon đưa tấm thẻ lái xe cho Miller, khung dán ảnh còn bỏ trống:

- Ông sẽ đóng vai người này. Rolf Gunther Kolb, sinh ngày 18-6-1925. Tức là hết chiến tranh ông đã 19 tuổi, tới nay là 38. Ông sinh ra và lớn lên ở Bremen, gia nhập đoàn Thanh thiếu niên Hitler hồi 10 tuổi. Cha mẹ ông đều đã chết hết trong một trận dội bom ở Bremen năm 1944.

Miller cúi nhìn tấm thẻ trên tay. Oster hỏi:

- Ông ấy làm gì trong SS?
- Ông ấy học tới đâu rồi? Léon hỏi lại. Họ làm như Miller không có mặt.

- Khá rồi. Oster đáp: Tôi đã hỏi miệng ông ta hai giờ đồng hồ liền hôm qua, ông đáp trôi chảy. Bây giờ phải biết các chi tiết của nhân vật. Ông ta chưa biết gì cả.

Léon gật gù, xăm soi mấy giấy tờ ông ta mang theo trong cặp:

- Chúng ta không biết nhiều về vai trò của Kolb trong SS. Cũng không nhiều gì. Hắn không có tên trong danh sách truy tầm và cũng chẳng nghe ai nói gì về hắn. Thế cũng tốt, vì Odessa ắt cũng chẳng biết gì về hắn. Nhưng chỗ kẹt là, hắn không có lý do gì phải tới cầu cứu Odessa trừ khi hắn đang bị truy tầm. Đọc trong đây này.

Ông đưa xấp giấy cho Oster. Người cựu sĩ quan SS cầm lấy đọc, xong xuôi ông ta gật gù:

- Được đó. Tất cả đều phù hợp với những dữ kiện đã biết. Cũng đủ để hắn bị bắt một khi phát hiện ra.

Léon cười hài lòng:

- Đó là điều ông phải nói lại với ông ấy. Cũng tình cờ chúng tôi đã tìm ra người bảo đảm. Một người ở Bermerhaven, cựu đại tá SS, sắp đi du lịch vào 16 tháng 2 tới. Hiện đang là chủ lò bánh mì. Khi Miller tới gặp Odessa thì phải sau ngày 16-2, và có mang theo một thư giới thiệu của người đó nói rằng Kolb, công nhân của mình, đích thực là cựu SS và hiện đang gặp rắc rối. Lúc đó thì ông chủ lò bánh mì đã lên đênh trên biển rồi, và không thể tiếp tục kiểm chứng được. Như thế, ông ta quay sang Miller, ông cần học thêm chút ít về bánh vi, vì từ 1945 đến nay ông là công nhân lò bánh đó.

Ông ta không nói ra là người chủ lò bánh mì đó chỉ vắng mặt trong bốn tuần lễ, và sau đó mạng sống của Miller sẽ như chỉ mảnh treo chuông.

- Bây giờ ông bạn tôi sẽ lo hóa trang lại cho ông chút đỉnh. Sau đó ta sẽ chụp hình để dán vào thẻ lái xe.

Trong phòng tắm trên lầu, người nọ hớt tóc Miller ngắn cũn đi. Xong xuôi thì tóc bị hớt trụi tới sát da đầu trắng nhồn, chỉ còn một chút trên chòm. Mái tóc gọn sóng mất đi, nhưng anh có vẻ già hơn. Một đường ngói thẳng rẽ ở bên trái. Hàng lông mày bị xén ngắn tới độ hầu như không

thấy nữa.

- Lòng mày trụi không làm cho già hơn, tay chuyên gia hóa trang nói: Nhưng nó làm số tuổi có thể đoán sai đến sáu bảy năm. Sau này, ông phải để thêm ria mép, cũng mỏng thôi, rộng bằng miệng, nó làm tăng thêm tuổi đó. Độ ba tuần râu ông mọc đủ như vậy không?

Miller độ chừng tốc độ mọc của râu mình:

- Được chứ, anh đáp. Nhìn vào gương, anh thấy mình như trên ba mươi. Bộ râu mép chắc tăng thêm độ bốn tuổi nữa.

Khi họ xuống nhà, Miller đứng ra trước tấm vải trắng do Oster và Léon căng ra. Và Motti chụp lấy vài pô.

- Xong, tôi sẽ mang lại bằng lái nội trong ba ngày nữa.

Họ ra về, Oster quay qua Miller:

- Rồi, Kolb. Ông ta đổi cách xưng hô với anh: Ông đã được huấn luyện ở trung tâm Dachau, được bổ tới trại tập trung Flossenburg vào tháng 7-1944. Đến tháng 4-1945, ông chỉ huy đội hành quyết xử Đô Đốc Canaris, chỉ huy Abwehr. Ông cũng dự phần xử tử một số sĩ quan quân đội khác bị tình nghi là có tham dự vào âm mưu ám sát Hitler hồi tháng 7-1944. Nên không có gì lạ khi chính quyền hiện nay muốn bắt ông. Đô Đốc Canaris và đồng bọn thì không phải Do Thái. Không nên bỏ qua điều đó. OK. Nào tiếp tục làm việc. Trung sĩ.



Buổi họp hàng tuần của Mossad chấm dứt. Khi Tướng Amit giơ tay và nói:

- Còn một vấn đề cuối cùng, tuy nhiên tôi coi nó như không quan trọng cho lắm. Léon từ Munich điện về cho hay ông ta đang huấn luyện một thanh niên Đức, một người Arian, người này vì một lý do nào đó đã muốn chống lại SS và đang được chuẩn bị để xâm nhập vào Odessa.

- Cái gì đã thúc đẩy gã? Một câu hỏi đượm vẻ hồ nghi.

Tướng Amit nhún vai:

- Lý do gì của riêng gã, gã muốn truy tâm một cựu SS, tên là Roschmann, Đại úy.

Chỉ huy sở điều tra về "Các quốc gia ngược đãi" vốn là người Do Thái ở Ba lan, giạt nhóm người dấy:

- Eduard Roschmann? Đồ tể Riga phải không?

- Đúng đó.

- Phải... nếu bắt được hắn, là rửa bớt được một mối hận.

Tướng Amit lắc đầu:

- Tôi đã nói trước rồi, Israel, không còn lo chuyện báo thù nữa. Chỉ thị của tôi rất rõ ràng. Cho dù gã kia có tìm ra Roschmann, thì tuyệt đối không có chuyện ám sát gì cả. Sau cái vụ Ben Gal, đó phải là gánh nặng cuối cùng trên lưng Adenauer. Điều rắc rối là nếu có một cựu SS nào chết ở Đức ngày nay, người ta đều đổ tội cả cho Israel.

- Thế còn gã thanh niên Đức thì sao? Chỉ huy Shabak hỏi.

- Tôi muốn sử dụng gã để truy ra các bác học Quốc Xã có thể được gửi sang Cairo năm nay. Với ta, đó là vấn đề ưu tiên một. Tôi định gửi một nhân viên sang Đức, chỉ để giám hộ cho gã đó thôi. Và chỉ có quan sát, không làm gì khác.

- Ông định cử ai chưa?

- Rồi, người này đáng tin cậy. Ông ta chỉ đi theo và quan sát gã thanh niên Đức và báo cáo về thẳng cho tôi. Ông ấy sẽ mang quốc tịch Đức. Theo phái Yekke. Dân tộc Karlsruhe.

- Còn Léon, bộ ông ấy không tính toán riêng cho ông ấy sao?

Tướng Amit trả lời bực tức:

- Léon sẽ làm như điều ông ta nói. Không có chuyện

tính toán gì cả.



Tại Beyreuth sáng hôm đó, Oster tiếp tục khảo bài Miller.

- OK. Dòng chữ khắc trên cán dao găm của một SS là gì?

- Máu và vinh dự.

- Đúng. Khi nào người ta đưa dao này cho một SS?

- Trong buổi lễ xuất phát khỏi trường huấn luyện.

- Đúng. Lời thề trung thành của chiến sĩ của Adolf Hitler là gì? Miller đọc lại, từng chữ một.

- Còn lời thề máu của SS.

Miller đọc lại.

- Ý nghĩa của dấu hiệu Sọ Người là gì?

Miller nhắm mắt, nhớ lại những điều đã học.

- Dấu hiệu Sọ Người bắt nguồn từ huyền thoại cổ của Đức. Đó là dấu hiệu của các chiến sĩ dưới quyền Teuton, họ đã thề trung thành với lãnh tụ và các chiến hữu, cho đến lúc chết hay vào cõi Âm hồn. Nên dấu hiệu đầu lâu và hai khúc xương bất chéo, biểu tượng cho cõi đời sau khi chết.

- Được đó. Có phải mọi lính SS đều tự động trở thành người trong các đơn vị Đầu Lâu không?

- Không, nhưng lời thề của cả hai thì như nhau.

Oster đứng dậy, vươn vai:

- Tạm được đó. Những điều khái quát tôi nghĩ chỉ có vậy. Bây giờ ta đi vào những chi tiết đặc biệt. Đó là những điều cần biết về trại tập trung Flossenburg, đơn vị đầu tiên và duy nhất của ông.



Người đàn ông, ngồi bên cửa sổ trong chuyến bay của

hãng Olympic từ Athènes đi Munich, có vẻ rất trầm lặng và kín đáo.

Nhà kinh doanh người Đức ngồi bên cạnh ông ta, sau mấy lần thử bắt chuyện không được, bèn quay sang đọc tờ Playboy. Người đàn ông nhìn ra cửa sổ khi bay qua biển Aegean. Chuyến Phi cơ rời khỏi vùng đông Địa Trung Hải rực rỡ nắng xuân để vượt những mồm núi phủ tuyết của xứ Dolomite và dãy Alps thuộc Baravia.

Ông kinh doanh nọ nghi thâm trong bụng người bạn đồng hành này chắc chắn là người Đức, ngôn ngữ ông ta dùng rất quen thuộc và lưu loát, kiến thức về đất nước rất rành rọt. Ông kinh doanh trở về nhà sau một chuyến giao dịch buôn bán ở thủ đô Hy Lạp và tuyệt không ngờ gì về ông đồng hương bên cạnh.

Thực ra người ta cũng dễ lầm lẫn. Người đàn ông ngồi cạnh đó sinh ở Đức 33 năm trước, với tên là Josef Kaplan, con của một thợ may Do Thái ở Karlsruhe. Khi Hitler lên nắm quyền, ông ta mới ba tuổi, tới bảy tuổi thì bố mẹ bị tổng lên xe buýt bùng, ông ta trốn trên rầm thượng ngôi nhà trong suốt ba năm, đến lúc 10 tuổi vào năm 1940, rồi cũng bị khám phá và tổng lên xe. Với sự khéo léo và mềm mỏng, ông sống còn qua một loạt trại tập trung, cho đến 1945, với sự nghi ngờ của loài thú hoang lúc nào cũng lộ ra ánh mắt, chú bé đã từng giật một thanh kẹo Hershey trên tay một người ngoại quốc đang nói xì xỏ với chú, rồi chạy vội vào một góc để ăn trước khi bị cướp lại.

Hai năm sau, nặng thêm được vài ký, mười bảy tuổi, đói và khát như một con chó, với bản chất hoài nghi về bất cứ cái gì và bất cứ ai, chú ta lên một chuyến tàu mang tên President Warfield, còn gọi là Exodus (Một chuyến tàu chở trẻ con Do Thái ở Âu Châu về Israel) về một nơi rất xa khỏi Karlsruhe và Dachau.

Năm tháng qua làm chú dịu lại, chín chắn hơn, biết được nhiều hơn, chú có vợ và hai con, phục vụ trong quân đội, nhưng không bao giờ thôi căm ghét cái xứ sở mà chú

đã phải chạy trốn ngày xưa. Bây giờ ông ta bằng lòng trở lại, kìm hãm tâm tình của mình, và khoác bộ mặt thân thiện và thoả mái cần thiết cho chuyến công tác ở Đức này.

Những món khác cũng do Sở cung cấp, thông hành trong túi áo, các giấy tờ, thẻ, hồ sơ của một công dân Tây Đức, các loại quần áo, giày vớ và hành lý của một tay du lịch người Đức đi chào hàng cho một hãng dệt.

Khi những đám mây nặng nề và lạnh lẽo của Châu Âu chờn vờn quanh thân máy bay, ông ta nhắm lại công tác của mình, chỉ thị được đưa ra từ một ông Tướng ít nói, trong mấy ngày liền tới ngụ ở một Kibbutz sản xuất hoa màu thì ít mà sản xuất các nhân viên cho Israel thì nhiều. Công việc là theo chân một người không rời một phút, một thanh niên Đức trẻ hơn ông bốn tuổi, đang cố làm một việc đã bị thất bại nhiều lần trước đây, đó là xâm nhập vào Odessa. Quan sát và đánh giá sự thành bại của hắn, kiểm chứng những điều hắn thu thập được, và xem coi gã thanh niên Đức đó có tìm ra được tên chiêu mộ các bác học Đức để đưa sang Ai Cập chế hỏa tiễn hay không. Chờ có lộ mặt can thiệp gì cả. Rồi báo cáo lại tất cả mọi chuyện đó cho đến lúc gã Đức nọ bị lộ, bị "xi", một điều rất có thể xảy ra lắm. Ông ta sẽ làm đúng thế, dù trong bụng không hứng thú gì, điều này thì không có trong yêu cầu công tác. Cũng may là chả có ai buộc ông phải thích được trở lại thành người Đức. Chả ai yêu cầu ông phải sống chung với bọn đó, nói cười đùa giỡn với họ. Nếu có ai yêu cầu thế, chắc chắn ông sẽ từ chối. Vì ông ta căm ghét tất cả cái dân tộc ấy, bao gồm cả gã phóng viên mà ông ta phải theo dấu. Ông chắc chắn là không có gì trên đời này làm ông thay đổi tâm tình đó.



Ngày hôm sau, Oster và Miller gặp gỡ lần chót với Léon cùng Motti, trong buổi đó có thêm một người đàn ông lạ, da cháy nắng và trông gọn ghẽ, trẻ hơn hai người kia. Miller độ chừng ông ta trên 30, ông ta chỉ được giới thiệu

sơ sai là Josef. Suốt buổi gặp gỡ, ông không nói một lời.

- Tôi đã đem chiếc xe của ông tới đây, đậu ở một bãi dưới phố gần khu chợ. Motti đưa chùm chìa khóa cho Miller và tiếp - Đừng có đi nó khi tới gặp Odessa. Vì nó quá đặc biệt, hơn nữa ông đang đóng vai một thợ làm bánh mì đang bị đe dọa nhận diện và bắt giữ. Một người như thế thì không có một chiếc Jaguar đâu. Cứ dùng xe lửa mà đi.

Miller gật đầu nhưng trong lòng tiếc thắm là phải rời chiếc xe yêu quý.

- Rồi, bằng lái đây, với bức hình của ông bây giờ. Ông có thể nói nếu có ai hỏi, là ông có một chiếc Volkswagen, nhưng đã phải bỏ lại Bremen vì số xe có thể tố cáo ông với cảnh sát.

Miller xem tấm thẻ. Hình chụp anh tóc ngắn nhưng chưa có ria. Anh chỉ cần biện bạch là vì muốn đề phòng để khỏi bị nhận diện.

- Một người mà ông không biết, đóng vai bảo lãnh cho ông, người đó đã rời Bermerhaven đi du lịch rồi. Đó là một cựu đại tá SS, hiện nay là chủ lò bánh mì nơi ông làm việc, tên ông ta là Joachim Eberhard. Đây là thư giới thiệu của ông ấy để đưa cho người trong Odessa. Giấy viết thư là thật, ăn cắp trong văn phòng ông ta. Chữ ký là giả mạo. Bức thư nói rõ ông là một cựu SS đáng tin cậy, hiện đang bị đe dọa nhận diện và có yêu cầu người nhận giúp đỡ cho ông một số các giấy tờ và lý lịch mới.

Léon đưa lá thư cho Miller. Anh đọc xong và bỏ lại vào phong bì.

- Bây giờ dán lại đi- Miller làm theo như thế, anh hỏi:

- Thế tôi phải tới gặp ai đây?

Léon chìa ra một mẫu giấy có ghi tên và địa chỉ trong đó.

- Người này đây. Ở Nuremberg. Chúng tôi không rõ hồi chiến tranh hắn là gì, vì chắc chắn hắn mang tên mới. Nhưng có điều chắc chắn hắn là một tên cao cấp trong

- Tôi sợ rằng một thường dân thì không được phép.

- Thôi được. Thế còn các văn bản, tài liệu về bọn SS thì nằm ở đâu?

- Có một số ở đây, dưới hầm. Của chúng tôi thì toàn là bản chụp lại. Nguyên bản của toàn bộ phiếu mục về SS thì đã bị người Mỹ lấy được hồi 1945. Vào phút cuối cùng, một nhóm SS ở lạc trong một lâu đài lưu trữ ở Batavia và đang cố gắng thiêu hủy toàn bộ giấy tờ. Chúng đốt được khoảng phần mười thì lính Mỹ tràn vào ngăn lại. Số hồ sơ đó bị quăng lộn xộn rồi tung lên. Người Mỹ và một số người Đức phải mất hai năm để xếp chúng lại.

- Trong hai năm đó, một số tên SS đầu sỏ đã đào thoát sau một thời gian bị đồng minh giam giữ. Hồ sơ của chúng không thể tìm ra trong đống lộn xộn đó. Rồi toàn bộ phiếu mục sắp xếp lại đó vẫn còn để tại Berlin, nằm trong tay người Mỹ. Ngay chúng tôi đây cũng phải nhờ vả tới họ nếu chúng tôi cần biết thêm điều gì. Anh nhớ nhé, họ rất tốt, hợp tác được với họ thì không có gì phải phàn nàn cả.

- Và thế thôi? Miller hỏi. Chỉ có hai chỗ trên cả nước này à?

- Thế thôi. Tôi nhắc lại, tôi mong rằng mình có thể giúp được cho ông. Nếu như tình cờ ông có thu thập được gì về Roschmann, chúng tôi cũng rất hân hạnh cùng có được những thu thập đó.

Miller suy nghĩ:

- Nếu tôi có tìm được cái gì, thì chỉ có hai nơi có thể sử dụng được nó. Phòng chống lý Hambourg và các ông. Được chưa?

- Phải, đúng thế.

- Và các ông thì muốn làm một cái gì đó tích cực hơn là bọn ở Hambourg. Miller nói thẳng điều đó ra. Ông luật sư nhìn dăm dăm lên trần nhà.

- Không có gì giá trị được đưa tới đây mà bị để đóng bụi trên giá sách.

- Ông tin cây cái tên Miller này tới cỡ nào?

- Tin đến cỡ nào? Đây là cơ hội xâm nhập Odessa tốt nhất mà chúng tôi có được. Ông nghe Oster nói đó. Hắn có thể đóng vai một cựu SS trong bất cứ chỗ nào, miễn là hắn tỉnh táo một chút.

Josef vẫn còn hồ nghi.

- Nhiệm vụ của tôi là theo sát nút hắn. Tôi phải bám sát bước hắn đi, không rời mắt, báo cáo về người hắn gặp gỡ và địa vị của kẻ đó trong Odessa. Tôi không được để hắn đi đâu một mình và hắn phải dùng điện thoại báo tin khi thấy thích hợp. Giả sử như hắn không dùng điện thoại thì sao?

Léon nén sự tức tối của mình lại. Rõ ràng là họ đã cãi cọ nhau về chuyện này nhiều lần rồi.

- Bây giờ nghe đây. Tên này là do tôi khám phá. Hắn xâm nhập Odessa là sáng kiến của tôi. Hắn là nhân viên của tôi. Tôi đã phải chờ đợi bao nhiêu năm để có được một người như hắn, một tên Arian. Tôi không muốn hắn bị lộ vì có người cứ tò tò theo đuôi hắn.

- Hắn là tay tài tử, còn tôi dân chuyên nghiệp. Ông kia nhân nhó.

- Hắn cũng không phải tên Do Thái. Đến lúc hắn còn sống sót và hữu dụng, tôi hy vọng sẽ lấy được tên tuổi của mười tay đầu não trong Odessa tại Đức, rồi chúng tôi sẽ xử từng tên một. Trong đó chắc chắn là có tên nhân viên chiêu mộ các bác học. Đừng lo, chúng tôi sẽ tìm ra tên đó, và danh sách các bác học mà chúng dự định đưa sang Cairo.

Ở Beyreuth lúc đó, Miller đứng bên cửa sổ ngắm tuyết rơi. Riêng một mình, anh không muốn báo cáo bằng điện thoại vì anh chẳng quan tâm gì tới việc chiêu mộ bác học hỏa tiễn.

Anh chỉ có một mục tiêu duy nhất trước mắt: Eduard Roschmann.

CHƯƠNG 12

Vào buổi tối ngày thứ Tư 19 tháng 2, Peter Miller già từ Alfred Oster trong ngôi nhà của ông ở Beyreuth để lên đường đi Nuremberg. Người Cựu sĩ quan SS bắt tay anh trên ngưỡng cửa.

- Chúc may mắn, Kolb. Tôi đã truyền lại cho ông mọi điều tôi biết được. Cho phép tôi có lời khuyên sau cùng. Tôi không biết cuộc điều tra của ông kéo dài đến đâu, nhưng chắc không lâu đâu. Nhưng nếu khi ông ghi nhận được một ai mà ông nghĩ đó là kẻ cần điều tra rồi, thì đừng làm gì cả. Hãy rút lui và trở về tên thật của mình ngay đi.

Khi gã phóng viên bước đi, Oster lẩm bẩm:

- Thật là đồ điên rồ.

Ông đóng cửa và trở vào trong nhà.

Miller đi bộ một dặm để tới ga xe lửa, qua chân đồi và bãi đậu xe công cộng. Tại nhà ga nhỏ kiến trúc kiểu Bavaria, anh mua một vé đi Nuremberg. Lúc chia tấm vé cho người gác cổng để bước vào sân ga lộng gió thì ông ta nói:

- Chắc ông phải chờ một chút quá. Chuyến tàu đi Nuremberg đêm nay có lẽ tới trễ.

Miller ngạc nhiên. Xe lửa Đức vốn nổi tiếng là đúng giờ.

- Có chuyện gì vậy?. Người gác cổng hát hàm về phía đường rầy chạy khuất ở một khúc quanh chân đồi phủ đầy tuyết.

- Tuyết rơi trên đường nhiều quá. Ở đây còn nghe tiếng xe cào tuyết chạy đó. Anh em công nhân đang dọn đường.

Những năm dài làm phóng viên đã khiến Miller rất ghét các phòng chờ đợi. Anh đã bỏ bao nhiêu thì giờ ở đó, lạnh, mệt mỏi và khó chịu. Anh đi nhấm nháp một ly cà phê ở quán trong sân ga và nhìn tấm vé; nó đã bị bấm lỗ. Anh nghĩ tới cái xe của mình còn đậu đằng kia.

Nếu như anh đậu xe ở phía bên này Nuremberg, cách địa chỉ định tới độ vài dặm... Nếu sau khi gặp gỡ họ lại gửi anh tới một chỗ khác bằng phương tiện khác thì anh phải bỏ chiếc Jaguar mãi tận Munich. Anh có thể đậu xe trong một gara không ai thấy. Không ai có thể tìm ra nó cho đến khi anh làm xong công chuyện. Ngoài ra, anh nghĩ, nếu có chuyện gì xảy ra mà anh phải chạy cho nhanh thì sao. Chả lẽ nào lại có người ở xứ Bavaria này biết về anh và chiếc xe của anh.

Anh nhớ tới lời cảnh cáo của Motti về cái xe quá đặc biệt, nhưng còn lời dặn của Oster mới đây bảo nên rút lui cho thật lẹ. Sử dụng nó quả là mạo hiểm, mà không dùng, bị bó cổ lúc có chuyện thì cũng nguy không kém. Anh suy đi nghĩ lại độ năm phút, rời bàn cà phê, ra khỏi nhà ga và đi ngược lại phía lúc nãy. Mười phút sau, anh đã ngồi sau tay lái chiếc Jaguar và vọt ra khỏi thành phố.

Tới Nuremberg cũng nhanh. Tới nơi, Miller mượn một khách sạn nhỏ gần nhà ga, đậu xe cách đó hai dãy phố, đi bộ qua cửa Quốc Vương vào trong khu thành thời Trung Cổ của Albrecht Durer.

Trời đã tối, ánh đèn đường và cửa sổ hai bên còn soi rõ những mái nhà nhọn và những đầu hồi chạm trổ của khu phố. Thật dễ có cảm giác trở lui lại thời Trung Cổ, hồi Hoàng Đế Franconia còn cai trị xứ Nuremberg, một thành phố thương mại giàu có nhất trong các tiểu quốc Đức. Thật

khó mà nói những kiến trúc trước mắt anh đây lại mới được xây dựng từ 1945, do các kiến trúc sư tỉ mỉ phục hồi theo đúng thành phố cổ ban đầu, dựng lại những con đường lát đá và nhà cửa bằng gỗ từ tro tàn sau những trận dội bom của Đồng minh hồi 1943.

Anh tìm ra địa chỉ đó cách khu chợ khoảng hai con phố, nằm dưới bóng hai ngọn tháp của nhà thờ St. Sebald. Bảng đồng gắn ngoài cửa đúng với tên ghi trong giấy của hắn và trên lá thư giới thiệu mạo của cựu đại tá SS Joachim Ebergard ở Bremen. Anh chưa hề gặp mặt Eberhard nên thầm cầu mong những người ở Nuremberg này cũng đừng biết mặt thẳng cha đó.

Anh đi trở lại khu chợ, kiếm một quán ăn. Đi qua mấy tiệm ăn kiểu Franconia, anh chú ý tới một làn khói tỏa lên nền trời mù sương từ một tiệm xúc xích nhỏ, có mái ngói đỏ ở góc đường, trước mặt nhà thờ St. Sebald. Đó là một nơi nho nhỏ xinh xắn, phía ngoài có treo những chậu hoa thạch thảo đỏ tía mà ông chủ đã cẩn thận quét sạch tuyết.

Vào trong, cái ấm áp và vui vẻ trùm lấy người anh. Các bàn ăn gỗ đã có người ngồi gần hết, nhưng cũng còn một cái trong góc, anh tới đó, một cặp trai gái đi ra vui nhộn và mỉm cười với anh như muốn chúc một bữa ngon miệng. Anh gọi thức ăn đặc biệt của quán, xúc xích Nuremberg nhỏ, nhồi tiêu, một đĩa mười hai cái, lấy thêm một chai rượu nho địa phương cho dễ tiêu.

Ăn xong, anh còn ngồi ở đó nhâm nhi ly cà phê, và nhớ lại những lần uống ở nhà. Anh không thích đi nghỉ và muốn ngồi nhìn những thanh củi cháy trong đám lửa ngoài trời, nghe đám đông đang kia gào lên những bài hát nhậu nhẹt của xứ Franconia, quàng tay nhau nhảy nhót theo điệu nhạc, âm thanh và ly rượu cùng vươn lên cao khi họ tới đoạn kết của một bài Stanza.

Anh tự hỏi sao mình lại rày rà mạo hiểm truy lùng một người vì những chuyện cách nay cả 20 năm. Anh gần như

muốn dẹp việc này đi, cạo râu, để tóc dài lại, trở về Hambourg với cái giường ấm áp hơi thở của Sigi. Người hầu bàn bước tới cúi chào và đặt giấy tính tiền trên bàn.

Anh thò tay vào túi lấy ví tiền, ngón tay chạm phải bức hình, anh móc ra nhìn một lát. Cặp mắt màu nhạt và cái miệng mỏng trên cái cổ áo có găng huy hiệu ánh chớp màu đen và bạc, nhìn chăm chăm vào anh. Được một lúc, anh lẩm bẩm “Đồ thối tha” và cầm bức ảnh châm vào ngọn đèn trên bàn. Bức ảnh cháy hết, anh liệng nó vào trong cái gạt tàn. Anh chả cần tới nó nữa. Anh sẽ nhận ra ngay nếu có dịp gặp.

Peter Miller trả tiền, gài nút áo khoác cho kín và đi bộ trở lại khách sạn.



Cùng lúc đó, Mackensen đang đối diện với một Werwolf tức tối và giận dữ. Gã chỉ huy Odessa gất âm lên:

- Tên đó biến đi mất là thế quái quỷ nào? Nó không thể chui xuống đất hay tan vào không khí, cái xe của nó là thứ độc đáo nhất nước này, đứng xa cả dặm còn nhận ra. Mất sáu tuần truy lùng rồi ông chỉ nói được với tôi là không thấy gì cả sao...

- Phải tìm cho ra nó. Đừng để nó tới gần được Kamerad nọ, tai hại lắm.

- Nó sẽ phải lộ diện thôi, Mackensen tin tưởng nói: Sớm hay muộn gì nó cũng phải lộ ra. Lúc đó là mình thấy liền chứ gì.

Werwolf ngấm nghi lời của tay đao phủ chuyên nghiệp nọ và gật gù chằm chằm:

- Thôi được. Bây giờ tôi muốn ông ở gần tôi. Đi mượn một khách sạn đâu đó tại đây đi. Để có gì tôi gọi liền được.

- Vâng. Tôi sẽ ngụ ở một khách sạn dưới phố, sẽ gọi về cho ông biết ngay. Ông có thể gọi bất cứ lúc nào.

Mack đứng dậy chào và ra về.



Đúng lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau, Miller tới căn nhà đó và bấm chuông. Anh muốn gặp người đó trước khi ông ta đi làm. Một bà mở cửa, dẫn anh vào phòng khách và đi thông báo cho chủ.

Mười phút sau, người đàn ông bước vào, độ trên 50, tóc màu nâu nhạt, hai bên thái dương đã bạc trắng, dáng trầm tĩnh và nhã nhặn. Đồ đạc bài trí trong phòng cũng trang nhã và chứng tỏ một lợi tức đầy đủ.

Ông ta nhìn vào mặt người khách không hẹn trước, không có gì lạ, chiếc quần dài rủ tiền, chiếc áo khoác của công nhân:

- Tôi giúp gì được cho ông đây?

Người khách có vẻ bối rối và ngượng nghịu giữa các thứ đồ đạc sang trọng chung quanh:

- Ồ, ông Tiến sĩ, tôi mong ông giúp giùm tôi.

- Thế này, tay Odessa đáp. Chắc ông biết văn phòng làm việc của tôi gần đây. Ông có thể tới đó và nói cô thư ký thu xếp cho một chỗ làm.

- Không, không, tôi không cần giúp đỡ việc làm. Anh dùng thứ ngôn ngữ của vùng Hambourg và Bremen, thứ ngôn ngữ của người dân lao động. Anh có vẻ bối rối. Chẳng biết nói sao, anh móc lá thư trong túi và chia ra.

- Tôi có lá thư của một người giới thiệu tôi đến gặp ông.

Tay trùm Odessa im lặng đón lấy lá thư, bóc ra và liếc mắt qua rất nhanh. Ông hít hơi nhẹ nhẹ và liếc từ tờ giấy sang Miller:

- Được rồi, ông Kolb. Cứ ngồi xuống đi.

Ông ta hướng về một chiếc ghế dựa, ông cũng ngồi xuống. Ông ngắm nghía người khách vài phút, hơi nhúm mày. Đột nhiên ông lên tiếng:

- Ông nói tên ông là gì?

- Kolb, thưa ông.
- Họ?
- Rolf Gunther, thưa ông.
- Ông có mang giấy tờ gì theo không?

Miller có vẻ lúng túng:

- Chỉ có thể lái xe thôi.

Ông luật sư, đó là nghề của người chủ nhà, giơ tay ra, buộc Miller phải nhổm dậy và đưa tấm thẻ tới tay ông. Ông ta cầm, mở ra, đọc các chi tiết trong đó. Liếc nhìn lên so sánh Miller và bức hình chụp: "Giống nhau đây."

- Sinh nhật của ông ngày mấy? Ông hỏi bất ngờ.
- Ngày sinh hả? Ô... Ồ... 18 tháng 6.
- Còn năm, Kolb.
- Thưa, một chín hai mươi lăm.

Ông luật sư xem tấm thẻ trong vài phút nữa.

- Chờ đây nghe. Ông ta chợt nói và đứng dậy đi vào trong.

Ông đi vào căn phòng tuyệt đàng sau, đó là phòng luật sư và tiếp khách hàng, mở ra mặt đường phía bên kia. Ông đi thẳng vào văn phòng và mở hộc sắt trong tường, lấy ra một cuốn sách dày và lật ra dò.

Ông có biết tên Joachim Eberhard, nhưng chưa gặp mặt bao giờ. Ông không nhớ rõ cấp bậc sau cùng trong SS của Eberhard. Cuốn sách có ghi rõ Eberhard thăng Đại tá SS 10-1-1945. Lật thêm mấy cái tìm tên Kolb. Có bảy tên giống thế, nhưng chỉ có một Kolb Gunther. Trung sĩ từ tháng 4-1945. ngày sinh 18-6-1925. Đóng sách lại, cất vào chỗ cũ và khóa cửa. Ông trở ra phòng khách. Người khách vẫn còn ngồi nhấp nhồm trên ghế. Ông ta ngồi vào chỗ cũ.

- Tôi có lẽ cũng chẳng giúp gì được ông, ông thấy thế chứ?

Miller cần môi:

- Tôi chả biết chạy tới chỗ nào. Tôi vào gặp ông Eberhard khi tụi nó bắt đầu lùng tôi, ông ấy đưa tôi một bức thư và bảo tôi gặp ông. Ông ấy nói nếu ông không giúp thì chả còn ai giúp được.

Ông luật sư ngả lưng ra và nhìn lên trần:

- Không hiểu sao ông ấy không gọi điện cho tôi, nếu có gì cần nói. Ông ngưng lại, rõ ràng là chờ câu trả lời.

- Có thể ông ta không muốn dùng điện thoại... với một chuyện như thế này. Miller đáp câu âu.

Ông luật sư liếc mắt nhìn anh:

- Có thể lắm. Bây giờ ông nên kể cho tôi đầu đuôi vụ rắc rối này đi.

- Ô, vâng, được, thưa ông. Tôi nghi là thằng đó nhận ra tôi, rồi người ta nói sắp bắt tôi. Thế là tôi trốn. Tôi nghĩ phải làm vậy.

Ông luật sư thở ra:

- Bắt đầu từ đâu kìa, ông bực bội nói: Ai nhận ra ông rồi gì nữa?

Miller hít hơi vào:

- Vâng, thưa ông. Tôi ở Bremen, sống ở đó, làm ăn... tôi, à.. làm ăn thì tới lúc đó... làm cho ông Eberhard, ở lò bánh mì. Rồi tôi đang đi trên phố, bữa hôm cách nay bốn tháng, thì thấy khó chịu. Đau kinh khủng, đau bao tử. Tôi ráng đi, thì té trên lề đường. Nên người ta chở tôi vào nhà thương.

- Nhà thương nào?.

- Tổng y viện Bremen, người ta khám, nói là ung thư. Trong bao tử. Tôi nghĩ đó là phần số của mình, vậy đó?

- Thì đó là số mỗi người. Ông luật sư đáp khô khan.

- Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Có điều nó mới phát. Người ta cho thuốc uống, chứ không mổ, rồi thấy cũng bớt.

- Thế thì ông may mắn lắm. Rồi làm sao mà bị nhận

ra?

- Vâng, thưa ông, đó là cái thằng y công, ông biết không? Nó người Do Thái, nó nhìn tôi hoài. Mỗi lúc nó vô phòng là cứ nhìn tôi. Nhìn coi bộ sướng lắm. Vậy đó? Nó làm tôi lo quá. Kiểu nó nhìn tôi. Kiểu như là, tao biết mày rồi. Cái mặt nó nói thế. Tôi không biết nó, nhưng tôi sợ là nó biết tôi.

- Kể tiếp đi. Ông luật sư có vẻ chú ý.

- Cỡ tháng sau người ta nói tôi chuyển viện được. Sang một dưỡng đường. Quý bảo hiểm công nhân ở lò bánh trả tiền giường. Khi rời nhà thường Bremen tôi mới nhớ ra cái thằng Do Thái. Cả tuần lễ vậy đó, tôi mới nhớ ra. Thằng đó bị giam ở Flossenbug.

Ông luật sư nhồm dậy:

- Ông có ở Flossenbug hả?

- Vâng, tôi được cử tới đó, có gì không? Rồi tôi nhớ ra thằng y công. Tôi hỏi thăm tên của nó. Hồi ở Flossenbug nó ở trong nhóm tù phụ với tội tôi để đốt xác Đô Đốc Canaris với mấy sĩ quan âm mưu ám sát Fuehrer hồi đó.

Ông luật sư chăm chú nhìn anh:

- Ông có mặt trong nhóm hành quyết Canaris và đồng bọn hả?

Miller nhún vai:

- Tôi chỉ huy đội hành quyết. Tội này là bọn làm phản mà? Chúng định giết Fuehrer.

Ông luật sư mỉm cười:

- Ông bạn. Tôi không có ý gì đâu. Dĩ nhiên đó là lũ phản bội. Canaris còn bán tin tức cho Đồng minh nữa kia. Tất cả bọn chúng là phản loạn hết. Lũ quân đội đó, từ thằng Tướng trở xuống. Tôi không ngờ là đang gặp một người đã xử bọn chúng.

Miller cười xuôi:

- Có điều kẹt là, bây giờ có nhiều đứa muốn bắt tôi vì vụ đó. Tức là, ngoài cái thằng Do Thái là một chuyện, nhưng bây giờ tôi nghe tụi nó nói Canarias gì đó là những anh hùng.

Luật sư gật đầu:

- Đúng rồi, ông có thể bị rắc rối với chính quyền Đức hiện nay vì chuyện đó. Bây giờ kể tiếp đi.

- Tôi được chuyển tới dưỡng đường, không thấy thằng y công đó nữa. Thứ Sáu rồi thì tôi nhận được một cú điện thoại. Mỗi đầu tôi tưởng bên lò bánh mì gọi tới, nhưng người gọi không xưng tên, chỉ nói là ông ta ở một địa vị biết được những chuyện đang xảy ra, và chắc là có tên nào đó liên hệ và báo cho những thằng chó ở Ludwigsburg biết tôi là ai và đang tổ chức để bắt tôi. Tôi không biết người gọi điện tới nhưng hình như ông ta biết rành chuyện. Kiểu ăn nói giống như công chức. Ông có nghe tôi kịp không?

Ông luật sư gật gù:

- Chắc đó là một ông bạn trong Cục Cảnh sát Bremen. Thế rồi ông làm sao?

Millerl có vẻ ngạc nhiên:

- Tôi hả? Trốn chứ làm sao? Mỗi đầu tôi không biết tính sao. Không dám về nhà, sợ tụi nó rình sẵn ở đó. Tôi cũng không dám đi lấy cái Volkswagen nữa, lúc đó còn đậu trong gara. Tôi ngủ hết ngày thứ Sáu, sáng thứ Bảy tôi nghĩ ra. Tôi tới gặp ông chủ, ông Eberhard đó. Tôi lục danh bạ điện thoại. Ông tử tế lắm. Ông nói ông sắp đi du lịch mùa đông với bà chủ, nhưng ông cũng ráng giúp tôi. Rồi ông ấy đưa tôi lá thư và bảo tôi gặp ông.

- Sao ông nghĩ Eberhard sẽ giúp ông được?

- À, à... cái này... Để tôi kể cho ông nghe. Tôi đâu biết hồi chiến tranh ông ấy là gì. Nhưng ở lò ông tử tế với tôi lắm. Hồi 2 năm trước, tụi tôi có nhậu một bữa. Ai cũng say hết. Tôi vô phòng tắm. Thì ông Eberhard đang ở trong

đó, rửa tay và hát nữa. Ông hát bài Horst Wessel. Tôi liền hát theo. Vậy đó, tụi tôi hát trong buồng tắm. Rồi ông vỗ lưng tôi nói: Đừng nói gì hết, Kolb à, rồi đi ra. Tôi cũng không để ý nữa, cho tới lúc gặp vụ này, tôi liền nghĩ: À, chắc ông cũng là SS như mình, nên tôi tới kiểm ông ấy.

- Rồi ông ta gửi ông tới đây?.

Miller gật đầu:

- Thằng y công đó tên là gì?

- Thưa, Hartstein.

- Còn cái dưỡng đường ông nằm?

- Arcadia, ở Delmenhorst, ngay ngoại ô Bremen.

Ông luật sư gật đầu, ghi vài dòng trên một mảnh giấy rồi đứng dậy:

- Ở đây nha.

Ông vào trong, tới phòng làm việc, lục danh bạ điện thoại tìm số của Joachim Eberhard, Tổng y viện Bremen, và dưỡng đường Arcadia ở Delmenhorst. Đầu tiên, ông gọi tới lò bánh.

Cô thư ký của Eberhard rất sốt sắng:

- Ông Eberhard chắc đã đi nghỉ ở xa rồi, thưa ông. Không, liên lạc hết được rồi, ông đi chuyến du ngoạn hàng năm với bà Eberhard. Bốn tuần nữa mới về. Tôi còn có thể giúp gì ông không?

Ông luật sư cảm ơn và gác máy. Sau đó, quay số của Tổng y viện Bremen, xin gặp Phòng điều hành nhân viên.

- Đây là văn phòng Bảo hiểm xã hội. Ban trợ cấp. Tôi muốn biết chắc quý viện có một y công tên là Hartstein không?

Ngưng một lát trong lúc cô thư ký ở đầu dây bên kia coi lại hồ sơ.

- Có, chúng tôi có, cô trả lời: David Hartstein.

- Cảm ơn. Luật sư ở Nuremberg gác máy. Ông lại quay

số đó, lần này thì xin gặp Phòng Hồ sơ bệnh lý.

- Đây là thư ký của Hãng bánh mì Eberhard. Tôi muốn biết về bệnh tình của một nhân viên trong hãng chúng tôi đã tới quý viện vì đau bao tử. Quý vị có thể cho biết không? Tên: Rolf Gunther Kolb.

Lại ngưng một chút, cô thư ký moi chồng hồ sơ ghi tên Rolf Gunther Kolb ra, liếc đọc trang cuối cùng:

- Ông ấy đã được chuyển đi rồi. Bệnh tình có thuyên giảm khả quan và đã chuyển về dưỡng đường.

- Hay quá, luật sư đáp: Tại tôi đi nghỉ thường niên nên không biết tin. Cô có thể cho biết dưỡng đường nào không?

- Dưỡng đường Arcadia ở Delmenhorst.

Ông luật sư bèn gác máy, quay số của dưỡng đường Arcadia. Một giọng thiếu nữ trả lời. Sau khi nghe câu hỏi, cô ta quay sang một bác sĩ ngồi bên. Bịt tay lên ông nói, cô bảo:

- Đây, có người hỏi tên mà ông đã dặn. Kolb đó. Ông bác sĩ đón lấy ống nói:

- Alô. Đây bác sĩ trưởng dưỡng đường. Bác sĩ Braur đây. Quý vị cần gì?

Cô thư ký ngạc nhiên nhìn ông ta. Không chớp mắt, ông chăm chú nghe tiếng nói từ Nuremberg tới và trả lời nhẹ nhàng:

- Ông Kolb không hiểu sao đã biến mất hồi chiều thứ sáu vừa qua. Thật kỳ lạ, nhưng tôi không biết làm sao đây. Vâng, đúng đây ông ạ, ông ta được chuyển từ Tổng y viện Bremen về đây. Bệnh bao tử, đã bình phục.

Ông ta lắng nghe thêm một lát:

- Ô, không có chi. Rất vui khi giúp gì được cho ông.

Bác sĩ nọ, thực ra tên Resemayer, gác máy, rồi lại cầm lên, quay số thuộc Munich. Không cần hỏi han, ông ta nói ngay:

- Có người vừa phôn tôi hỏi về Kolb. Bắt đầu kiểm chứng rồi đó.

ở Nuremberg, ông luật sư gác máy và trở lại phòng khách.

- Được rồi, Kolb. Tôi tin lời anh.

Miller bối rối nhìn ông ta:

- Tuy nhiên, tôi muốn hỏi thêm chút vài chuyện nữa. Không có gì phiền chứ?

Vẫn còn bối rối, người khách lắc đầu:

- Dạ, không.

- Được, chú có cắt bì không?

Miller trợn mắt nhìn lại:

- Tôi hả? Đâu có.

- Cho tôi coi nào, ông luật sư nói bình thản. Miller vẫn ngồi sững trên ghế, dương mắt nhìn ông ta.

- Cho tôi coi. Trung sĩ. Ông gần mạnh.

Miller vụt bật dậy, đứng nghiêm:

- Zu Befehl- Anh hô lên, hơi run.

Anh vẫn đứng nghiêm, ngón tay cái chạm đúng vào đường may dọc ống quần, trong ba giây, rồi kéo phéc-mơ-tuya xuống, ông luật sư nhìn lướt qua, rồi gạt đầu ra hiệu cho anh mặc vào như cũ.

- Được, ít ra cũng để chắc chắn không phải Do Thái.

Ngồi xuống ghế, Miller há hốc mồm:

- Dĩ nhiên, tôi đâu thể nào là Do Thái.

Luật sư mỉm cười:

- Tuy vậy, đã có trường hợp bọn Do Thái len lỏi vào giả như một Kamerad của ta. Chúng không dấu nổi dấu. Bây giờ chú kể cho ta nghe chuyện của chú, hay thôi. Để ta hỏi, chú trả lời, hiểu không? Chú sinh ở đâu?

- Thưa Bremen.

- Được, cái này có ghi trong hồ sơ SS tôi vừa mới xem. Chú có vào đoàn Thanh Thiếu Niên Hitler không?

- Thưa có. Vào lúc 10 tuổi, năm 1935.

- Ba má chú cũng là đảng viên Quốc Xã hả?

- Thưa vâng, cả hai người.

- Bây giờ họ ra sao?

- Đã bị chết trong một trận dội bom ở Bremen?

- Chú vào SS lúc nào?

- Hồi mùa xuân 1944, lúc 18 tuổi.

- Được huấn luyện ở đâu?

- Thưa, ở trại huấn luyện SS Dachau-

- Chú đã xăm nhóm máu vào cánh tay phải chưa?

- Thưa, chưa.

- Tại sao chưa?

- Thưa, tôi mãn khóa huấn luyện hồi tháng 8-1944 rồi được cử tới một đơn vị Waffen SS. Tháng 7, một nhóm sĩ quan quân đội liên can trong vụ ám sát Fuehrer được chở tới Flossenburg. Trại này đã yêu cầu Trung tâm huấn luyện tăng cường nhân sự ngay nên tôi với một tiểu đội nữa được coi như có khả năng được gửi tới và trú đóng ở đó luôn. Chúng tôi không được dự việc xăm nhóm máu và lễ xuất phát mãn khóa. Ông chỉ huy của tôi bảo việc xăm không cần thiết, vì nơi trú đóng không phải là tiền tuyến.

Ông luật sư gật gù. Dĩ nhiên tay chỉ huy đó cũng rõ là tháng 7-1944 Đồng minh đã đổ bộ vào Pháp, chiến tranh đang đến hồi kết thúc.

- Chú có được phát dao găm chưa?

- Thưa có, chỉ huy trưởng phát cho tôi.

- Trên dao có khắc chữ gì?

- Máu và Vinh dự.
 - Ở Trại Dachau chú được học về cái gì?
 - Thưa, toàn là huấn luyện quân sự, và khóa lý thuyết chính trị bổ túc cho khóa của Đoàn Thanh Thiếu Niên.
 - Chú có học mấy bài hát không?
 - Thưa có.
 - Bài Horst Wessel lấy từ tập nào?
 - Tập Thế hệ chiến đấu cho Tổ Quốc.
 - Trại Dachau ở đâu?
 - Cách Munich 10 dặm về phía Bắc, cách 3 dặm với trại tập trung cùng tên.
 - Đồng phục của chú thế nào?
 - Quần áo xanh xám, giày ủng, cổ áo đen, có quân hàm một bên, dây lưng da màu đen, khóa nịt kim loại.
 - Huy hiệu trên khóa nịt?
 - Ở giữa có chữ vạn ngược, dòng chữ "Vinh dự của tôi là Trung thành" bọc quanh.
- Ông luật sư đứng dậy, vươn vai. Ông đốt một điếu xì gà và đến bên cửa sổ:
- Bây giờ chú nói cho tôi nghe về trại Flossenburg. Nó ở đâu vậy. Trung sĩ Kolb?
 - Tại biên giới của miền Bavaria và Thuringa.
 - Nó được lập lúc nào?
 - Thưa, vào 1934. Một trong những trại đầu tiên giam bọn phần loạn.
 - Nó lớn cỡ nào?
 - Khi tôi ở đó, mỗi chiều chừng 300 mét. Chung quanh có 19 tháp canh bố trí súng máy. Có một sân điếm danh, chiều 120 mét, chiều 140 mét. Ô, hồi ở đó có chuyện vui lắm, bữa đó...

- Thôi đừng dông dài, luật sư ngắt lời: Chỗ ăn ở trong đó thế nào?
- Có 24 dãy nhà, một nhà bếp, một dãy phòng tắm, một bệnh xá và nhiều xưởng làm việc.
- Còn chỗ ở cho lính SS?
- Hai dãy nhà, một câu lạc bộ và một kho chứa.
- Những xác chết thì đem đi đâu?
- Có một lò thiêu xác nhỏ bên ngoài vòng kẽm gai. Có đường hầm từ trong trại ra đó-
- Công việc lao động chính ở đó là gì?
- Đập đá ở mỏ đá. Khu mỏ nằm ngoài vòng rào, nhưng nó có rào và trạm gác riêng.
- Tù nhân ở đó cuối 1944 có bao nhiêu?
- Ô, đâu cỡ 16 ngàn.
- Văn phòng chỉ huy ở đâu?
- Ngoài vòng rào. Trên lưng chừng một sườn dốc nhìn xuống trại.
- Các chỉ huy kế tiếp nhau là những ai?
- Thưa, trước khi tôi tới, có hai người. Thứ nhất, thiếu tá SS Karl Kunstler, kế đó đại úy SS Karl Fritsch. Sau cùng là Trung Tá SS Max Koegel.
- Phòng chính trị số mấy?
- Thưa, phòng số hai.
- Ở đâu?
- Trong khu chỉ huy.
- Công việc của nó là gì?.
- Bảo đảm thi hành lệnh của Berlin, về việc đối xử đặc biệt với một số tù nhân nào đó.
- Bọn Canaris được xếp vào loại đó hả?
- Thưa, vâng. Tất cả bọn chúng đều được đối xử đặc

biệt.

- Thi hành vào lúc nào?

- Thưa, 20-4-1945. Bọn Mỹ đang tiến tới Bavaria, nên có lệnh thanh toán ngay. Một nhóm chúng tôi được cử làm việc này. Tôi lúc đó vừa được thăng Trung sĩ, dù lúc mới tới chỉ là binh nhì. Tôi hành quyết Canarias và năm tên nữa. Rồi cho một nhóm Do Thái đem chôn. Thằng Hartstein là trong đám đó, thằng quỷ vật. Sau đó, chúng tôi đốt hồ sơ trại. Hai ngày sau, chúng tôi được lệnh đưa bọn tù về hướng Bắc. Dọc đường thì nghe Fuehrer đã tự sát. Lúc đó các sĩ quan bỏ đi mất. Bọn tù bỏ trốn trong rừng, tụi tôi có bắn mấy đứa, nhưng không thể nào giải bọn chúng đi nữa. Lúc đó bọn Mỹ tiến tới sát bên rồi.

- Câu hỏi cuối về trại, Trung sĩ. Khi đứng bất cứ đâu trong trại mà nhìn lên chú thấy cái gì?

- Bầu trời. Miller đáp.

- Đồ ngu, tôi muốn nói có cái gì che khuất nền trời kia?

- A. Ông muốn nói dây dỗi với những lâu đài cổ trên đó hả?

Ông luật sư gật đầu, mỉm cười:

- Từ thế kỷ 14 đó. Thôi được, Kolb. Quả thực là chú có ở Flossenburg. Rồi, sau đó chú làm sao?

- Ô, thưa, lúc đó, tụi tôi rã đám. Tôi thấy một thằng binh nhì lang thang, tôi liền đập bể đầu nó, lấy bộ quần áo. Hai bữa sau bọn Yankee bắt được tôi. Bị giam trong trại tù binh hai năm, tôi chỉ khai là binh nhì thường. Trời, hồi đó người ta đồn Mỹ bắt được SS là bắn liền nên tôi khai là lính thường.

Ông luật sư nhả ra một làn khói:

- Lúc đó. Không riêng chú làm thế đâu. Rồi chú không đổi tên?

- Thưa không. Tôi liệng giấy tờ đi. Nhưng tôi nghĩ không cần đổi tên vì chắc chả ai đi truy tầm một trung sĩ làm gì.

Vào lúc có vụ Canaris cũng không có vẻ quan trọng lắm. Sau này người ta mới làm nhặng xị lên đó chứ, rồi còn xây cả đài tưởng niệm cho bọn quỷ đó ở Berlin. Nhưng lúc đó tôi đã được cấp giấy tờ tên Kolb rồi. Mọi chuyện sẽ êm hết nếu thằng y công đó không trông thấy tôi, nên bây giờ tôi không dám mang tên cũ nữa.

- Phải. Rồi bây giờ ta ôn lại chút về những điều chú đã học. Đầu tiên, lặp lại cho tôi nghe lời thề trung thành với Fuehere coi.

Trong khoảng ba giờ đồng hồ sau. Cứ thế. Miller đổ mồ hôi, anh than là đã trốn khỏi nhà thương và cả ngày chưa ăn gì. Lúc đó đã quá bữa trưa, ông luật sư cảm thấy hài lòng.

- Thế bây giờ chú muốn gì?

- Thưa, thì do bọn chúng đang lùng bắt, tôi chỉ cần ít giấy tờ mới, không phải Rolf Gunther Kolb nữa. Tôi sẽ đổi dạng, để tóc dài, ria mép, rồi ráng kiếm một việc làm ở Bavaria hay đâu đó. Tôi làm bánh mì được, mà ai ở đâu cũng cần bánh mì hết phải không?

Ông luật sư ngời dựa ra và cười to tiếng, đây là cái cười đầu tiên suốt buổi sáng nay.

- Phải, phải, chú Kolb. Ai cũng cần bánh mì cả. Được lắm. Nghe nè, một người như chú thực ra chả đáng để tôi tốn thì giờ và công sức. Nhưng vì chú thực sự bị rắc rối mà không phải do chú gây ra, và còn là một người Đức trung tín, tốt bụng nữa, nên tôi sẽ làm cho chú. Không phải chú chỉ có thể lái xe mới. Cái đó không bảo đảm cho chú xin được một căn cước vì thiếu giấy khai sinh. Mà chú sẽ có một thông hành mới sẽ giúp chú có đủ mọi thứ. Bây giờ chú còn tiền không?

- Thưa, hết sạch rồi. Tôi trốn chui trốn nhủi xuống miền Nam này suốt ba bữa nay.

Ông luật sư đưa cho hắn tờ 100 Mark.

- Chú không ở đây được, mà ít ra phải cả tuần mới có

giấy thông hành cho chú. Bây giờ tôi gửi chú cho một người bạn lo giúp. Ông ấy sống ở Stuttgart. Chú nên mượn một khách sạn xoàng xoàng rồi tôi gặp ông ấy. Tôi sẽ điện trước cho ông ấy biết.

Ông luật sư viết vào một mẫu giấy:

- Địa chỉ đây. Tên ông ta là Franz Bayer. Chú nên lấy xe lửa đi Stuttgart. Kiểm khách sạn rồi tới ông ta ngay. Nếu cần thêm tiền, cứ hỏi ông ấy. Nhưng đừng tiêu phí nghe. Ở yên một chỗ chờ tới lúc Bayer lấy được thông hành. Tôi sẽ lo cho chú một việc làm ở miền Nam, Không ai tìm ra đâu.

Miller cầm 100 mark, tấm giấy, liu riu cảm ơn:

- Ô, cảm ơn... ông, ông thật tốt quá...

Bà gia nhân đưa anh ra cửa. Anh đi bộ trở lại nhà ga. Trở lại khách sạn và nơi đậu xe của anh. Một giờ sau, anh đã lao xe về Stuttgart, trong lúc ông luật sư gọi điện thoại cho Bayer nói về vụ Rolf Gunther Kolb, một kẻ đang bị truy tầm. Hối đó chưa có xa lộ nối Nuremberg với Stuttgart. Con đường sáng sủa qua vùng đồng bằng Franconia tới vùng đồi cây, thung lũng Wurttemberg trông rất là hấp dẫn. Vào buổi chiều tháng hai đó, tuyết bắt đầu đóng trên mặt lộ, mù sương phủ kín thung lũng, con đường trắng nhựa vòng giữa Ansbach và Crailsheim thật là dễ chết người. Hai lần chiếc Jaguar suýt trượt xuống hố, hai lần Miller hú vía nhủ thầm: "Đừng có vội vàng chi. Bayer, kẻ biết lấy thông hành giả ở đâu, vẫn còn nguyên đó mà."

Trời tối sụp, anh mới tìm được một khách sạn nhỏ ở ngoại ô còn làm việc và mở cửa tới khuya, lại có cả gara ở phía sau nữa. Trong phòng tiếp khách, anh xin được bản đồ thành phố và thấy địa chỉ Bayer nằm ở khu ngoại ô Ostheim, một khu trù phú không xa lâu đài Berg nơi ông hoàng Wurttemberg và các mệnh phụ từng tới vui chơi trong những đêm mùa hè.

Theo bản đồ, anh lái xe qua vùng đồi bọc quanh trung tâm Stuttgart, quanh thành phố là những vườn nho xanh

tốt. Anh đậu xe cách nhà Bayer độ nửa dặm. Khi đứng khóa cửa xe, anh đã không chú ý nhìn thấy một người đàn bà trung niên, bà vừa đi dự buổi họp của Ủy ban kiểm tra Bệnh viện thành phố gần đó, lúc ấy bà đang trên đường về nhà.

Vào lúc 8 giờ tối hôm đó, ông luật sư ở Nuremberg gọi điện cho Bayer để nhắc chú em Kolb đã tới nơi bình yên chưa. Ông ta được bà vợ Bayer trả lời.

- Ô. Vâng, có. Chú đó đã tới. Chú ấy với nhà tôi vừa đi ăn ở đâu đó.

- Tôi chỉ hỏi để biết chắc hẳn đã tới an toàn chưa, vậy thôi.

- Chú ấy thật dễ mến. Bà Bayer bắt chuyện vui vẻ: Tôi gặp chú ấy khi vừa đậu xe. Tôi đi dự buổi họp Ủy ban kiểm tra bệnh viện về. Thì gặp chú ấy đang khóa xe, cách nhà cả nửa dặm. Chắc là không nhớ đường. Ở Stuttgart vậy đó, thật dễ lộn... Có quá nhiều đường một chiều hay đường nhỏ các thứ...

- Ô... Bà Bayer, xin lỗi... Ông luật sư ngắt lời. Chú ta đâu có đi cái Volkswagen. Tôi dặn chú ấy đi xe lửa mà.

- Ô, không, không đâu. Bà Bayer khoái trá khi chúng tôi được sự hiểu biết lảm chuyện của mình: Chú tới bằng xe hơi mà. Chú thật trẻ trung. Cái xe cũng dễ thương nữa. Tôi chắc là chú ấy đã tán được khối thiếu nữ với chiếc xe ấy...

- Bà Bayer. Nghe tôi đây. Cần thận. Cái xe đó ra sao?

- Ô. Tôi không biết hiệu, tiếc thế. Nhưng đó là một chiếc xe thể thao. Dài, sơn đen, có một sọc vàng dọc bên sườn...

Ông luật sư đập ngay ống nói xuống giá, rồi vội vàng nhắc lên, quay số. Ông đổ mồ hôi trán. Ông gọi tới một khách sạn và yêu cầu nối với một phòng trong đó. Có tiếng ống nói nhắc lên, và giọng chào quen thuộc: "Hello."

- Mackensen, Werwolf rít lên: Tới đây tức khắc. Tìm thấy thẳng Miller rồi.

CHƯƠNG 13

Franz Bayer cũng mập mạp, tròn trịa và vui tính như bà vợ. Đã được Werwolf báo trước về một tay đang trốn tránh, nên ông ta chào đón Miller hoan hỉ trước cửa nhà khi anh tới. Lúc đó là tám giờ tối.

Miller được giới thiệu sơ với bà vợ trong phòng khách đang khi bà xuống bếp.

- Được rồi, chú Kolb, có bao giờ chú sống ở Wurttemberg này chưa? Bayer hỏi.

- Thú thực là chưa.

- Ha, được lắm, tụi tôi hân hạnh làm những người rất hiếu khách ở đây. Chắc chú chưa ăn gì cả ngày nay?

Miller nói láo là chưa điểm tâm, chưa ăn trưa gì cả. Ngồi xe lửa suốt buổi chiều. Bayer có vẻ ái ngại lắm.

- Ô trời. Thế phải ăn thôi. Thế này, ta đi chơi một vòng dưới phố, rồi kiếm chỗ nào ăn một bữa đầu ra đó. Chú em đừng ngại, tôi sẽ hết sức lo cho chú mà.

Ông ta vào sau nhà cho bà vợ hay ông và người khách sẽ xuống phố chơi và ăn tiệm. Mười phút sau, họ cùng ngồi trên chiếc xe của Bayer hướng về trung tâm Stuttgart.



Từ Nuremberg đến Stuttgart theo đường E12, thì đi xe

hơi nhanh lắm cũng mất ít nhất hai tiếng. Đêm đó, Mackensen phóng xe hơi nhanh lắm. Nửa giờ sau khi Werwolf gọi tới, nhận lệnh, ghi địa chỉ Bayer, gã bèn vọt đi liền. Mười giờ ba mươi, gã dừng xe ngay cửa nhà Bayer.

Bà Bayer, đã được Werwolf gọi điện thoại cho hay, tên tự xưng là Kolb đó là giả mạo, có thể là mật thám của cảnh sát. Bà ta run rẩy lo sợ thì Mackensen tới. Cái kiểu nóng nảy của gã này lại càng khiến bà hoảng hơn.

- Họ đi hồi nào vậy?

- Cỡ tám giờ mấy... bà lắp bắp.

- Họ có nói đi đâu không?

- Không, Franz chỉ nói người khách chưa ăn gì cả ngày nay nên ông ta đưa hấn đi chơi và đi ăn luôn. Tôi nói là đã nấu vài món rồi, nhưng Franz khoái đi ăn tiệm. Thế mới là...

- Thằng Kolb này. Bà nói gặp hấn đang khóa xe, ở đâu vậy?

Bà ta chỉ đường lại chỗ chiếc Jaguar đậu. Mackensen suy nghĩ một lát:

- Bà có đoán ra là ông ưa tới quán ăn nào không?

Bà Bayer ngẩn ra một lúc:

- À, ông thích ăn ở Nhà hàng Three Moors, đường Friedrich. Ông thường ghé đó lắm.

Mackensen rời nhà, lái xe vòng tới chiếc Jaguar đậu. Gã xem xét chiếc xe cẩn thận để chắc rằng có thể nhận ra nó ngay khi gặp lại lần nữa. Gã lưỡng lự không biết có nên ngồi đây chờ cho đến lúc Miller trở lại chăng. Nhưng mệnh lệnh của Werwolf là tìm cho ra Bayer và Miller, báo động cho Bayer hay và thanh toán Miller. Do đó, hấn thấy không nên gọi điện thoại tới Three Moors. Gọi cho Bayer có thể làm Miller cảnh giác, e rằng hấn biết đã lộ và biến đi nữa thì phiền.

Mackensen liếc nhìn đồng hồ. Mười một giờ thiếu mười.

Gã trở lại chiếc Mercedes và lao về trung tâm thành phố.

Tại một khách sạn nhỏ và khuất nẻo trên một con đường ở Munich, Josef đang nằm lơ mơ trên giường thì có điện thoại từ phòng quản lý thông báo là có một bức điện gửi tới cho ông, ông ta bèn xuống nhà và mang bức điện lên phòng.

Ngồi ở chiếc bàn, ông gỡ phong bì và liếc qua nội dung trong đó. Bức điện ghi:

- Đây là giá biểu mà ta có thể thỏa thuận với các khách hàng: Cần tây: 481 mark 53 pfennigs; Chanh: 362 mark 47 pfennigs; Cam: 627 mark 24 pfennigs; Nho: 313 mark 88 pfennigs...

Danh sách các hoa quả, rau cải dài thượt, đó toàn là thứ mà Israel vẫn thường xuất cảng, bức điện có vẻ như một bản thông báo giá cả cho một đại diện Công ty xuất cảng của Israel làm việc ở Đức. Dùng hệ thống điện báo quốc tế như vậy là không bảo mật được, nhưng hàng ngày có vô số bức điện thương mại như thế gửi sang Tây Âu, nên ai muốn đọc hết thì phải huy động cả một đội quân.

Không cần xem các chữ, Josef viết lại các con số thành một chuỗi dài, bỏ các chữ mark, pfennigs đi. Sau đó, ông tách ra từng nhóm sáu số. Ngày ghi trong bức điện là 20-2-1964 ông viết lại là 20264. Lấy từng nhóm sáu số trên trừ đi con số này, sẽ được các con số gồm sáu chữ số.

Đó là một mật mã đơn giản, dựa trên cuốn tự điển Websters' New World Dictionary, ấn bản bìa giấy do nhà Popular Library xuất bản. Ba con số đầu là số trang. Con số thứ tư có thể là một đến chín, thì số lẻ chỉ cột một trên trang tự điển đó, còn số chẵn là cột hai. Hai con số sau cùng là thứ tự của chữ đếm từ đầu cột xuống. Ông làm việc liên tục trong nửa giờ, xong xuôi, đọc bản văn và chậm rãi đưa tay ôm lấy đầu.

Ba mươi phút sau ông ta đến nhà Léon. Tay lãnh đạo nhóm công tin này đọc qua bức điện.

- Rất tiếc, tôi không biết...

Cả hai đều không hay rằng sáu bữa trước Mossad đã nhận được ba mẫu tin. Một từ nhân viên trú đóng ở Buenos Aires, cho hay có một người đã chuyển giao một số bạc tương đương một triệu đồng Mark cho một kẻ có tên Vulkan, để cho phép ông ta hoàn tất bước kế tiếp trong công trình nghiên cứu.

Mẫu tin thứ nhì từ một nhân viên Do Thái làm việc trong Ngân hàng Thụy Sĩ đã biết được thường xuyên có một sự chuyển giao tiền bạc từ một quỹ đen của Nazi ở đâu đó để chi cho các nhân viên Odessa tại Tây Âu, số tiền một triệu Mark đã được gửi đi từ Beirut, tiền mặt này được một người tên là Fritz Wegener nhận, ông ta đã mở một trương mục ở Ngân hàng Thụy Sĩ từ chục năm trước.

Mẫu tin thứ ba từ một Đại tá Ai Cập, giữ địa vị khá cao trong Cục an ninh phụ trách nhà máy 333, ông này vì muốn có tiền để chuẩn bị về hưu, nên đã đồng ý gặp một nhân viên Mossad tại khách sạn ở Rome. Ông Đại tá cho hay dự án hỏa tiễn chỉ còn thiếu thiết bị điều khiển rada, cái đó hiện đang được nghiên cứu và chế tạo tại một cơ xưởng ở Tây Đức, công việc này đã khiến Odessa tốn hàng triệu Mark.

Ba mẫu tin trên, cùng hàng ngàn mẫu khác, đã được đưa vào máy tính điện tử của giáo sư Youvel Neeman, một thiên tài Do Thái, người đầu tiên đã đưa được kỹ thuật máy tính này vào hoạt động điệp báo, ông cũng là người sau này trở thành cha đẻ bom nguyên tử của Do Thái. Trí nhớ con người không làm gì được, nhưng các mạch vi điện tử đã nối các dữ kiện lại, và moi ra được vụ Roschmann bị bà vợ tố ra hồi 1955, lúc đó Roschmann mang tên Fritz Wegener, và máy đã báo cáo chi tiết này tức thời.

Josef đi vòng quanh Léon dưới căn hầm chỉ huy:

- Kể từ bây giờ tôi ở đây luôn. Tôi không rời máy điện thoại đó đâu. Ông lo giùm tôi một chiếc mô tô thật tốt và một chiếc áo giáp. Ráng có giùm trong vòng một giờ nghe.

Nếu bất cứ lúc nào, gã Miller quý báu của ông gọi về, tôi đi sẽ gặp hắn ngay.

- Nếu hắn đã bị lộ, thì anh chẳng thể tới kịp. Léon đáp. Đừng ngạc nhiên sao người ta khuyến cáo tôi đừng mạo hiểm. Chúng sẽ giết hắn ta khi hắn vừa mon men tới cách nhân vật này một dặm.

Khi Léon rời hầm, Josef liếc đọc lại bức điện từ Tel Aviv một lần nữa.

BÁO ĐỘNG ĐỎ, TIN TỨC MỚI CHO HAY KỸ NGHỆ GIA HỎA TIỀN ĐỨC (ĐANG) ÂM MƯU TẤN CÔNG TỔ QUỐC TA. STOP: BÍ DANH VULCAN. STOP. CÓ LẼ CHÍNH LÀ ROSCHMANN. STOP. DỪNG MILLER NGAY. STOP. THEO DÕI VÀ LOẠI TRỪ. STOP. CHIM CỐC.

Josef ngồi ở bàn và cẩn thận lau chùi, nạp đạn cho khẩu Walther PPK tự động của ông ta. Chốc chốc, ông lại liếc nhìn máy điện thoại đang nằm im lặng ở đó.



Trong bữa tối, Bayer quả là người chủ hiếu khách. Ông cười nói thoải mái khi kể những chuyện khôi hài mà ông cho là lý thú nhất. Miller đôi lần có lái câu chuyện về tổ thông hành mới, thì Bayer lại vỗ bôm bốp vào lưng anh bảo chớ lo và còn thêm:

- Cứ để cho tôi, chú em, để cho già Franz Bayer này lo cho mà.

Ông gãi gãi cánh mũi bên phải, mắt nhấp nháy và cười lên khoái trá.

Tám năm làm phóng viên, Miller biết được một điều là cách uống rượu và giữ cho đừng say. Nhưng anh không uống được rượu vang trắng vốn có thể giúp tiêu hóa rất tốt. Tuy nhiên vang trắng rất là hữu ích khi muốn làm cho ai say. Rượu được đưa ra nguyên chai ngâm trong sô đá hay nước lạnh để rượu được mát, và đã ba lần Miller trút được cả ly rượu của mình vào sô đá khi Bayer mãi nhìn đi chỗ khác.

Cho đến lúc ăn tráng miệng, họ đã làm hết hai chai vang lạnh loại hảo hạng, và Bayer, trong bộ áo khá ôm sát người, mồ hôi đã đổ ròng ròng. Ông ta lại càng thấy khát tợn, nên bèn lớn tiếng gọi thêm một chai nữa.

Miller thì làm như sợ rằng không kiếm được thông hành mới và có thể bị bắt vì chuyện làm lính gác ở Flossenburg hồi 1945. Anh bèn nói:

- Thế ông có cần mấy tấm hình của tôi không?

Bayer cười to tiếng:

- Có chứ, độ ba tấm. Đừng lo. Chú cứ ra tiệm ảnh tự động ở chỗ nhà ga là có ngay tức thì. Cứ chờ tới lúc tóc dài hơn, râu rậm hơn là chả có thằng nào nhìn ra chú cả.

- Rồi sao nữa? Miller sốt ruột hỏi.

Bayer chồm người tới, quàng cánh tay mập mập lên vai anh. Miller nghe hơi vang phủ lên da mặt khi tên mập nọ chúi sát vào lỗ tai anh:

- Rồi tôi gửi chú cho một người bạn, tuần sau là có passport ngay. Có passport thì tôi lấy cho chú một thể lái xe, dĩ nhiên cũng có thi lấy bằng cẩn thận, với một thể căn cước. Thế là chính quyền thừa nhận chú là một công dân trở về nước sau 19 năm xa quê hương. Đừng có lo, chú em, dẹp nó đi.

Dù đã ngấm rượu, Bayer vẫn kiểm soát được miệng lưỡi, ông ta thôi nói, và Miller lại e rằng hỏi tới quá sẽ khiến ông có thể nảy nghi ngờ rằng có cái gì không ổn trong chú khách trẻ tuổi và ông lại nín luôn thì mệt.

Mặc dù mê cà phê tới chết, Miller cũng không dám kêu, sợ cà phê có thể làm Franz Bayer tỉnh táo hơn. Ông chủ nhà trả tiền bữa ăn, ví tiền dày cộm, và họ đi nhau tới ngăn giữ áo khoác. Lúc đó là mười giờ rưỡi.

- Một buổi tối đã hết sức. Ông Bayer. Cảm ơn ông nhiều lắm.

- Franz, gọi ta là Franz. Ông mập nọ lè nhè trong khi

ràng mặc chiếc áo vào.

- Vậy chắc là hết món ăn chơi đêm của Stuttgart rồi...
Miller lên tiếng khi mặc áo.

- Ha, chú em. Chú nghĩ thế sao. Thành phố này nhỏ mà lớn lắm nghe. Có cỡ nửa tá hộp đêm đờ-luých đó. Chú có mê đi coi không?

- Ông anh nói, có hộp đêm hả, có vũ sexy các thứ hả?
Miller hỏi, mắt chớp lia.

Bayer cười khục khặc:

- Chú muốn hả? Tôi thì cũng không chống đối chuyện ngồi coi mấy con nhỏ cời tròng ra đâu.

Bayer giúi cho cô bé giữ áo rất là hậu hĩ và tà tà ra ngoài.

- Stuttgart có hộp đêm nào? Miller cứ như là ngây thơ.

- Để coi, nào. À, Moulin Rouge. Balzac nè, Imperial nè, rồi Sayonara nữa. Còn Madeleine thì ở đường Eberhard...

- Eberhard sao? Ô, thật là tình cờ. Đó là ông chủ của tôi ở Bremen, ông đã giúp tôi khỏi vụ này rồi gửi tới ông luật sư ở Nuremberg đó.

- Hay, hay, được lắm, thế mình đi tới đó chơi. Bayer bước ra xe.



Mackensen tới Three Moors thì đã 11 giờ 15. Gã hỏi thăm tay bồi giữ cửa, xem mấy người khách cuối là những ai.

- Ông Bayer? Ờ, có, ông có ở đây tối nay, đã đi độ một tiếng mấy rồi.

- Ông có đi với người bạn nào không? Một người cao, tóc nâu, cắt ngắn, có râu.

- Có, đúng rồi. Tôi nhớ ra rồi. Họ ngồi ở cái bàn ở góc kia.

Mackensen đẩy tờ 20 Mark vào tay bồi một cách thoải

mái:

- Tôi cần gặp ông ấy rất gấp. Gấp lắm. À, vì bà Bayer ở nhà đó, ngã bệnh bất ngờ...

Bộ mặt tay bồi liên chuyển sang vẻ rất ái ngại:

- Ô, vậy sao!

- Anh có biết rời khỏi đây họ đi đâu không?

- Quả thực là tôi không biết. Anh bồi gọi một anh chạy bàn lại:

- Ê Hans. Anh chạy bàn của ông Bayer ở góc kia. Họ có nói chuyện tình di chơi ở đâu không?

- Không, Hans đáp. Tôi không nghe họ nói chuyện đi đâu cả.

Tay bồi giữ cửa gọi ý:

- Ông thử hỏi cô giữ áo xem. Biết đâu...

Mackensen tới hỏi cô gái. Rồi gã hỏi mượn một tập sách hướng dẫn du lịch. Ở chỗ nào đây? Trong khu hộp đêm có cả chục tên. Ở giữa tập là bản đồ thành phố. Gã trở ra xe và bắt đầu tới hộp đêm thứ nhất trong danh sách.



Miller và Bayer ngồi ở chiếc bàn đôi trong hộp đêm Madeleine. Bayer với ly Whisky thử nếm, giương mắt nhìn một vũ nữ trẻ đẹp, cân đối nảy nở, đang ngoáy móng diên loạn giữa sân khấu trong lúc ngón tay nàng chạm rai gỡ móc của chiếc nịt vú. Sau cùng chiếc nịt rớt xuống. Bayer thúc mạnh khuỷu tay vào Miller, mồm xiết xoa:

- Ô, ô, chà, rung rinh, rung rinh.

Tên mập có vẻ hứng tợn. Đến hơn nửa đêm, Bayer đã say lắm rồi. Miller thì thảo:

- Nè, ông Bayer. Tôi lo quá. Chẳng nào ông mới lo xong dùm cái thông hành đây?

Bayer quàng tay qua vai Miller:

- Nghe đây, Rolf. Tôi nói rồi, chú đừng có lo, hiểu chưa? Để cho già Franz này mà, ông ta cười lớn. Thực ra, tôi đâu có làm thông hành. Tôi chỉ gửi hình cho thằng làm giấy, một tuần sau là có ngay. Thôi bây giờ làm thêm một ly nữa đi.

Ông ta quơ tay loạn xạ lên:

- Bôi, một cặp nữa coi.

Miller ngồi dựa ra ghế, suy nghĩ. Nếu phải chờ đến lúc tóc mọc dài rồi chụp hình thì chắc phải cả mấy tuần. Nếu không anh phải lừa cách để biết tên và địa chỉ của tay làm giấy cho Odessa. Bayer có thể đã say, nhưng chưa đủ say đến độ chịu hở môi về vụ này. Không thể kéo Bayer ra khỏi hộp đêm trước khi hết tiết mục này. Sau cùng, lúc họ ra tới ngoài phố đây hơi lạnh ban đêm thì đã hơn 1 giờ khuya. Bayer bước xiêu vẹo. Một tay quàng qua vai Miller, hơi lạnh tràn tới bất ngờ càng làm ông ta tê hơn nữa. "Để tôi lái xe cho". Anh nói khi họ bước tới chiếc xe đậu ở lề đường. Anh móc chùm chìa khóa trong túi Bayer và đẩy tên mập này vào ghế. Đập mạnh cửa lại, anh đi vòng sang ghế tài xế và chui vào. Ngay lúc đó, chiếc Merccedès xám trở tới khúc quanh ngay đằng sau và thắng kết lại độ ba chục thước cách xe của hai người. Ngồi sau tay lái, Mackensen, vừa đi lũng hết năm hộp đêm, trợn mắt nhìn vào bảng số của chiếc xe từ từ rời đi trước cửa nhà hàng Madeleine. Đó là số xe bà Bayer đã ghi cho gã. Số xe của chồng bà. Nhả cần đạp thắng, gã cho xe chạy theo xe trên.

Miller lái xe cẩn thận, cố chế ngự cơn say. Điều cuối cùng anh mong mỏi là bị một chiếc xe tuần cảnh chặn lại. Anh không lái về nhà Bayer mà trở lại khách sạn của mình. Bayer nằm ngáy khò khò, đầu rũ tới trước, cầm gục vào lớp mỡ đùn xếp lớp trên cổ áo. Đến trước khách sạn, Miller gọi ông ta dậy:

- Nè, vô đây Franz, vô làm thêm một chập nữa.

Tên mập lơ đờ nhìn anh, lằm bằm:

- Về, về nhà bà xã chờ.

- Vô làm một ly nữa rồi nghỉ, tôi còn nửa chai trên phòng, mình uống nói chuyện xửa chơi.

Bayer lè nhè:

- Nói chuyện xửa. Thời vinh quang của mình ha, Rolf.

Miller leo ra ngoài, vòng sang bên cửa kia, diu Bayer lên:

- Ủ, thời vinh quang, hấn đỡ Bayer qua lè đường và vô cửa: Vô đây nói chuyện xửa chơi.

Ở đằng sau, chiếc Mercedes tắt đèn và chui vào một khoảng tối trên đường. Miller móc chùm chìa khóa cửa ra. Gã bồi giữ cửa ngủ gà ngủ gật trên bàn. Bayer bắt đầu nói lảm nhảm:

- Sssuyt... Miller nói. Im đi nào.

- Ủ im đi. Bayer nhắc lại, ông ta lão đảo tám thân voi lên cầu thang. Cũng may phòng Miller nằm ngay tầng một. Anh mở cửa phòng, bật đèn và diu Bayer vào chiếc ghế dựa duy nhất trong phòng, chiếc ghế có lưng cao, tay dựa bằng gỗ.



Ở ngoài Mackensen đứng bên kia đường quan sát khách sạn và bóng tối phía mặt sau. Hai giờ sáng rồi, chả còn phòng nào còn để đèn. Khi Miller bật công tắc, gã nhận ngay ra căn phòng ở tầng một, nằm ở mé phải. Gã nghĩ không biết có nên vào và gõ cửa phòng Miller rồi nã cho hấn mấy viên ngay khi cửa vừa mở không. Có hai điều khiến gã không làm như thế. Qua cửa kính, gã thấy tay bồi giữ cửa lúc đó đã thức dậy, vì Bayer gây ồn ào lúc đi vào, đang đi lòng vòng ở trong. Đương nhiên tên đó phải thấy có một người lạ mặt lên lầu lúc 2 giờ sáng và nếu có gì thì cảnh sát có thể hỏi ra ngay. Mặt khác gã còn lo cho Bayer. Gã thấy tên mập đó quá say phải diu đi và như thế không dễ gì mang Bayer đi mau lẹ sau khi thịt xong Miller. Nếu cảnh sát mà tóm được Bayer thì gã gặp rắc rối với

Werwolf lắm. Dù gì, Bayer cũng là một tay xếp hàng cao trong danh sách truy tầm và giữ địa vị quan trọng trong Odessa. Có một điều khác khiến Mack chọn giải pháp bắn qua cửa sổ. Bên kia khách sạn có một tòa nhà đang xây dở dang. Khung và các nền lầu đã xây xong, có một cầu thang bê-tông dẫn lên tầng một và tầng hai. Gã có thể chờ, Miller chắc không còn đi đâu nữa. Gã trở lại xe, trong đó có một khẩu súng trường.

Bayer hoàn toàn ngạc nhiên khi lãnh một cú đánh vào cằm. Phản ứng của ông ta bị trì lại vì cơn say, nên không thể làm gì kịp thời. Miller lúc đi tìm chai rượu, đã moi trong phòng thay đồ ra một sợi cravate. Sợi thứ nhì là sợi anh đeo trên cổ, anh tháo ra luôn. Anh cũng chả có dịp dùng nắm đấm của mình, từ khi cùng các bạn tân binh thao dượt trong phòng thể dục hồi còn trong quân trường mười năm trước, và anh cũng không chắc cú đánh mình hiệu quả tới đâu. Cái cần cổ tổ bố của Bayer trông cứ như khối thịt khi nhìn từ phía sau, trong lúc tên mập này đang lằm bằm: "Thời vinh quang, thời huy hoàng xưa kia..." Cái đó cũng khiến anh khó mà đánh trúng. Đó cũng chả phải là một cú Knock-out, vì cạnh bàn tay của anh không sần sỏi và đủ cứng, rồi cái cổ của Bayer thì đầy mỡ. Nhưng nó cũng tạm đủ để tên mập Odessa nọ bớt say và nhận ra hai tay của mình bị cột chặt cứng vào tay ghế.

- Làm cái trò thổ tả...? Ông ta gừ lên, lắc mạnh đầu để tỉnh táo hơn, sợi cravate của ông đã bị tháo ra để xiết chặt cổ chân trái của ông vào chân ghế. Và một đoạn dây điện thoại thì buộc cổ chân mặt. Ông hằm hè nhìn lên Miller và ánh mắt dần có vẻ hiểu ra. Giống như mọi tay SS khác, Bayer có một cơn ác mộng không bao giờ xóa đi được:

- Mày không mang tao ra khỏi đây được đâu. Mày không mang tao về Tel Aviv được đâu. Không có gì chứng minh được hết. Tao đâu có làm gì dân tụi bay...

Tiếng nói của ông được chặn lại vì một cặp vợ đen được tống vào miệng, và chiếc khăn quàng, quà tặng của bà mẹ rất chu đáo của Miller được quàng thêm qua mặt ông. Chỉ

còn hai con mắt ló ra trợn trắng như muốn lòi tròng.

Miller kéo một chiếc ghế khác lại và ngồi xuống, mặt anh cách mặt tên mập tù nhân kia một thước:

- Nghe đây, đồ con heo. Thứ nhất tôi không phải là gián điệp Israel. Thứ nhì, ông không phải đi đâu hết. Cứ ở đây và nói. Hiểu không? Ngay tại đây.

Ludwig Bayer lơ mắt nhìn lại. Đôi mắt không còn sáng lên nét vui vẻ nữa, mà nó vẫn đỏ lên, như một con lợn rừng.

- Điều tôi muốn trong nội đêm nay, đó là tên và địa chỉ của người làm thông hành giả cho Odessa.

Anh nhìn quanh, và đi gỡ cái đèn gắn trên đầu giường ngủ:

- Rồi. Bayer, hay ông tên quái gì cũng được. Tôi sẽ lấy đồ bịt miệng ra và ông nói. Nếu ông có ý đồ la lên thì sẽ lảnh cái đèn này vào đầu. Tôi không dám chắc cái đầu ông có bị vỡ hay không, hiểu chưa?

Miller nói vậy thôi. Anh chưa từng giết một người nào và bây giờ cũng chẳng muốn thử giết ai. Anh cẩn thận gỡ chiếc khăn và rút chiếc võ ra khỏi mồm Bayer, tay kia lăm lăm cái đèn dơ trên đầu tên mập nọ.

- Đồ chó đẻ, Bayer rít lên: Đồ gián điệp. Mà không khai thác được cái gì ở tao đâu.

Ông ta chưa kịp nói gì thêm thì cặp võ đã được tống vào miệng trở lại:

- Được rồi, không nói phải không? Tôi sẽ bắt đầu từ ngón tay của ông xem sao?

Anh túm lấy ngón út và ngón vô danh trên bàn tay phải của Bayer và bẻ ngược lên đến độ nó muốn chạm vào cổ tay. Bayer bật ngửa người ra làm cái ghế như muốn bỏ ngửa luôn. Miller giảm sức dè một chút. Anh lại gỡ cặp võ ra và thì thào:

- Tôi sẽ bẻ gãy từng ngón của ông. Sau đó tôi sẽ gỡ dây

đèn ra, và gài dương vật của ông vào đó.

Bayer nhắm mắt lại, mồ hôi chảy như xuôi trên mặt ông ta:

- Dừng, đừng xài điện. Dừng xài điện... ông ta rên rĩ.

Miller kê miệng sát tai ông ta:

- Ông biết nó thế nào rồi chứ?

Bayer rên rĩ, ông ta biết nó đau khổ tới cỡ nào. Hai mươi năm trước, ông từng là một trong những người đã biến trung úy không quân Yeo Thomas thành một đồng thịt tàn phế trong căn hầm thuộc nhà giam Fresnes, Paris. Ông biết rõ cực hình đó thế nào, nhưng chưa từng là kẻ chịu đựng.

- Nói đi... Tên và địa chỉ của tay làm giấy.

Bayer chậm rãi lắc đầu, thâm thì:

- Tôi không dám... Người ta giết tôi mất.

Miller nhét miệng Bayer lại. Cầm ngón út của ông ta, nhắm mắt, anh ấn mạnh. Tiếng xương gãy rụp ở khớp ngón tay. Bayer lật ngang người trên ghế, ói mửa đầy miệng. Miller chùi cho ông ta trước khi kéo chiếc võ ra. Tên mập rũ tới trước và xỏ ra cả bữa ăn thịnh soạn hồi tối, cùng với hai chai rượu vang, mấy ly Scotch, các thứ đồ nhầy nhựa trên ngực áo.

- Nói! Ông còn chín ngón nữa.

Bayer nuốt nước bọt, mắt nhắm nghiền:

- Winzer.

- Ai?

- Winzer. Klaus Winzer. Hắn ta chế thông hành giả.

- Chuyên gia giấy giả hả?

- Hắn là nhà in.

- Ở đâu?

- Người ta giết tôi mất.

- Thế tôi giết ông vậy. Ở đâu?

- Osnabruck.

Miller lại nhét cặp võ vào miệng Bayer. Anh nhủ thầm: "Klaus-Winzer, nhà in ở Osnabruck." Anh bước lại lấy chiếc cặp da, trong đó có nhật ký của Salomon Tauber và nhiều bản đồ, anh rút ra bản đồ giao thông Đức. Xa lộ đi Osnabruck, tuốt lên phía Bắc miền Bắc Rhine-Wesphalia, đi qua Mannheim, Frankfurt, Dortmund và Munster. Độ chừng 4 hay 5 giờ ngồi xe tùy theo đường tốt xấu. Lúc đó là 3 giờ sáng ngày 21 tháng 2. Bên kia đường Mackensen đang lạnh run trong hốc tường trên tầng hai tòa nhà xây dang dở. Ánh đèn bên phòng vẫn sáng. Gã dán mắt vào khung cửa sổ sáng ánh đèn và phía cửa ra vào. Nếu chỉ có Bayer đi ra thì gã có thể thịt Miller lạng lẹ. Còn như Miller đi ra gã sẽ làm ở dưới đường, cách xa một tý, xui lắm thì có ai đó mở cửa sổ sớm đón gió mát. Gã rùng mình và siết chặt khẩu Remington 300. Trong vòng vài chục thước thì với khẩu súng này không có chuyện trật được. Mackensen có thể chờ, gã vốn là người kiên nhẫn.

Trong phòng, Miller im lặng thu xếp. Anh muốn Bayer ở yên trong khoảng 6 tiếng nữa. Có lẽ tay mập này cũng sợ hãi không dám thú thực với cấp trên là mình đã tiết lộ tên tuổi của tay làm giấy. Nhưng ai biết đâu chừng.

Miller dành vài phút cuối để thắt thêm dây trói và tấm khăn bịt miệng, rồi lật ngửa ghế ra để Bayer không thể tạo tiếng động đáng chú ý bằng cách ngã bật ghế được. Dây điện thoại cũng bị cắt luôn. Anh nhìn quanh lần chót và rời phòng khóa cửa lại. Ra tới đầu cầu thang, anh chột suy nghĩ. Tên gác cửa đã thấy anh với Bayer lên phòng, nếu bây giờ mình anh xuống thì tên đó sẽ nghĩ sao? Rồi còn tính tiền, trả khóa nữa. Miller trở lui đi về phía sau khách sạn, cuối hành lang có một cửa sổ mở ra lối thoát hỏa hoạn. Anh rút chốt và bước ra cầu thang cấp cứu. Vài giây kể anh ra tới sân sau, khu gara cũng ngay đó. Có một lối nhỏ dẫn ra con đường đằng sau khách sạn. Hai phút nữa, anh đã vượt ra tới đường, chuồn đi, ba dặm đường là

tới nơi đậu chiếc Jaguar, cách nhà Bayer một đoạn. Rượu và những việc làm liên tục cả đêm làm anh thấy vô cùng mệt mỏi, và thêm ngủ dễ sợ, nhưng buộc lòng phải tới gặp được Winzer trước khi đối phương báo động.

Ngồi lên xe là đã bốn giờ sáng. Nửa tiếng sau, chiếc Jaguar đã lao trên xa lộ dẫn về Heilbronne và Mannheim. Ngay sau khi anh rời phòng, Bayer lúc này đã tỉnh táo và bắt đầu cố gỡ dây trói. Ông ta thử chồm đầu tới, dùng răng, dù bị cặp vợ chèn miệng, để cắn mỗi dây buộc cổ tay. Nhưng vì quá mập nên đầu cúi không nổi, rồi còn kẹt cặp vợ nữa. Chốc chốc, ông ta phải ngừng lại để thở. Lại thử lúc lắc cổ chân, nó bị cột cứng quá. Sau cùng dùng ngón tay gãy rúm, ông cũng liều cửa quạy để rút tay ra. Cũng không được. Bayer nhìn thấy cái đèn bàn Miller còn vấp trên sàn. Bóng đèn còn, nhưng một mảnh vỡ là đủ để cắt dây được rồi. Cả một giờ sau, Bayer mới lết ghé tới nơi, và đập vỡ được cái đèn. Coi thì tưởng dễ, thế mà lại rất khó, phải mất cả giờ nữa mới dùng mảnh vỡ đó cắt được lớp vải cột, cổ tay Bayer mồ hôi đầm đìa, làm khúc vải cột ướt và trở nên siết cứng hơn. Đến 7 giờ sáng, những mái nhà dưới phố đã hiện rõ nét, Bayer mới cửa dứt được lớp dây cột cổ tay. Gần 8 giờ, cổ tay mới được tự do. Lúc đó, chiếc Jaguar của Miller đang vòng qua khúc cua Cologne ở phía Đông và hướng tới mấy trăm dặm cuối cùng để tới Osnabruck. Trời bắt đầu đổ tuyết, bông tuyết rơi kéo màn trên xa lộ trơn trượt, cần gạt kính chuyển động đều đặn làm Miller buồn ngủ riu mắt. Anh giảm tốc độ xuống 80 dặm/giờ. Thà thế còn hơn lao xe xuống cánh đồng sinh lầy bên đường.



Gỡ được tay trái, Bayer tháo được khăn bịt miệng rồi ngồi thở dốc. Mùi trong phòng thật là kinh khủng, lẫn lộn giữa mồ hôi, sợ hãi, nôn mửa và rượu mạnh. Ông ta tháo dây buộc tay phải. Run rẩy với ngón út bị gãy rồi tháo dây buộc chân. Đầu tiên Bayer nghĩ tới cánh cửa, nó đã bị khóa. Thử tới điện thoại, ông bước khập khiễng vì bị trói

quá lâu. Sau cùng ông ta tiến tới cửa sổ, kéo tấm màn sang một bên và giạt cánh cửa mở vào trong. Trên hộc tường lầu hai bên kia đường, Mackensen đang ngủ lơ mơ, dù trời lạnh, thì gã thấy màn cửa phòng Miller kéo ra. Nâng khẩu Remington lên vị trí ngắm bắn, gã chờ đến lúc cánh cửa mở hẳn, thì liền nổ súng vào đầu bóng người trong đó. Viên đạn ghim ngay cổ họng Bayer, ông ta chết tức thời trước khi tấm thân nặng nề đổ phịch xuống sàn. Tiếng súng có thể coi như tiếng nổ nghẹt bô xe hơi, nhưng người ta sẽ nhận ra. Trong giây lát, Mackensen hiểu người ta sẽ đi coi dù mới sáng sớm.

Không kịp nhìn lại mục tiêu đã bắn, Mack vọt xuống lầu, luôn ra ngõ sau, băng qua giàn máy trộn hồ và máy đồng gạch đá, gã tới bên xe hơi trong vòng 50 giây kể từ lúc siết cò, chuôi khẩu súng vào sàn xe và nổ máy. Khi ngồi ôm tay lái và vận công tắc, gã thấy ngay có cái gì không ổn. Gã e rằng đã lộn. Người mà Werwolf ra lệnh thanh toán được tả là cao, gầy. Còn lúc này, gã nhớ, cái bóng mở cửa sổ thì mập, to. Nhớ lại hai người rời xe hồi tối để vào khách sạn, gã đoán chắc mình đã bắn phải Bayer rồi. Vấn đề như thế cũng chưa đến nỗi gay lắm. Thấy Bayer bị bắn, Miller chắc phải chạy vọt giò lên cổ. Như thế tất hẳn phải tới chỗ đậu chiếc Jaguar, cách đây độ ba dặm. Mackensen liền chạy tới chỗ gặp chiếc xe tối qua. Gã thật sự hoảng vía khi thấy chỗ chiếc xe Jaguar đậu tối qua trống rỗng, giữa chiếc Opel và chiếc xe tải Benz trên một con phố vắng vẻ. Mackensen không thể trở thành một tay đao phủ của Odessa nếu gã là một tay dễ hoang mang. Gã từng chạm mặt nhiều rắc rối trước đây. Gã ngồi sau vô lăng vài phút và đoán ra chắc Miller bây giờ đã vọt xa cả trăm dặm.

Nếu Miller để Bayer còn sống ở lại, thì có thể là hẳn không khai thác được gì, hoặc là đã biết được cái gì. Trường hợp thứ nhất thì không đáng ngại, gã có thể tóm được Miller sau. Còn nếu Bayer đã cho Miller biết cái gì, thì chỉ có Werwolf là khả dĩ biết được Miller muốn gì ở Bayer. Nên cho dù có sợ Werwolf khiển trách, gã cũng đành gọi

điện thoại về. Mất đến 20 phút gã mới tìm ra trạm điện thoại công cộng. Gã luôn luôn có sẵn một mớ đồng các một Mark cho những cú điện thoại đường xa. Khi nhận điện và nghe được các tin tức, Werwolf ở Nuremberg liền tuôn một tràng chửi rủa, la lối vào đường dây cho gã đao phủ. Mất vài giây, ông ta mới bình tĩnh lại:

- Chú phải tìm ra nó, đồ tồi, mà phải nhanh lên. Có trời biết bây giờ nó ở đâu.

Mackensen bình tĩnh nói với ông xếp là cần biết Miller muốn khai thác ở Bayer cái gì. Đầu dây kia Werwolf suy nghĩ một lát:

- Trời ơi! ông ta thở ra: Tay làm giấy. Nó biết được tay làm giấy rồi.

- Làm giấy nào?

Werwolf trấn tĩnh lại:

- Tôi sẽ gọi điện báo trước cho người đó. Chính là nơi Miller đang tới.

Ông đọc cho Mackensen một địa chỉ và nói thêm:

- Chú phải vọt ngay tới Osnabruck, sẽ thấy Miller ở đó hay quanh quần đâu đó thôi. Cứ đi lưng chiếc Jaguar, đừng rời nó ra. Dù đi đâu, nó cũng trở lại đó.

Ông dẫn ống nói xuống giá, rồi lại nhắc lên dò bảng danh bạ điện thoại. Xong xuôi, ông quay một số thuộc Osnabruck.

Ở Stuttgart, Mackensen cũng rời ống nói. Nhún vai, gã đặt trở lại giá và quay ra xe, trước mặt là đoạn đường hàng trăm dặm phải vượt qua và một "công vụ" nữa. Gã cũng mệt mỏi như Miller lúc đó chỉ còn cách Osnabruck độ 20 dặm. Cả hai đều không chợp mắt một chút nào suốt 24 giờ qua. Riêng Mackensen thì chưa ăn gì từ trưa hôm trước. Lạnh buốt tới xương tủy, sau một đêm dài thức trắng, chỉ có một ly cà phê và một ly bia trong ruột, gã ngồi vào chiếc Mercedes và chạy về hướng Bắc, trên con đường đi Westphalia.

CHƯƠNG 14

Nhìn Klaus Winzer thì chả có nét gì khiến người ta nghĩ ông là một SS. Vì một điều là ông thấp hơn độ cao 1m70 đòi hỏi, thứ nhì, ông ta cận thị. Ở tuổi 40, ông hơi mập và xanh, với mái tóc xoắn hung nhạt và một phong thái rụt rè. Thực ra ông ta có một sự nghiệp kỳ lạ nhất trong số những kẻ từng khoác đồng phục SS. Sinh năm 1924, là con trai của một người tên Johann Winzer, chủ hàng thịt heo ở Wiesbaden, dáng to lớn, ôn ào.. Là kẻ thành tín vào Adolf Hitler và đảng Quốc Xã ngay từ tuổi 20. Thuở nhỏ Klaus còn nhớ những ngày ông bố trở về sau trận xô sát với các đảng viên Cộng sản và Hã Hội trên đường phố.

Klaus lớn lên giống mẹ, trong sự ghét bỏ của ông bố, trở thành một thanh niên nhỏ con, yếu ớt, cận thị và hiếu hòa. Anh ta ghét bạo động, thể thao và tất cả cái gì trong đoàn Thanh Thiếu Niên Hitler. Chỉ có một cái làm anh say mê: Ngay từ những năm 10 tuổi, anh ta thấy vô cùng ham thích nghệ thuật viết tay và việc tra chuốt các bản viết, những việc làm mà ông bố của anh cho là một sở thích yếu đuối. Khi đảng Quốc Xã nắm quyền, ông chủ hàng thịt lên hương. Như để tưởng thưởng các đóng góp cho Đảng trước đây, ông được nhận hợp đồng cung cấp thịt cho trại SS ở địa phương. Ông rất thân phục các binh sĩ SS trẻ tuổi, và có một niềm mơ ước vô cùng, là có ngày được thấy

chính con trai của ông đeo huy hiệu màu đen và bạc của SS, của binh sĩ Schute Staffel. Klaus thì lại không có xu hướng đó, anh thích để thi giờ ở bên các bản viết, mày mò với các mực màu và các chữ viết đẹp đẽ.

Rồi chiến tranh bùng nổ, Klaus đã 18 tuổi, tuổi động viên. Trái ngược hẳn với ông bố ôn ào, vụng về, ghét Do Thái, thì anh lại nhỏ thó, rụt rè và xanh xao. Không hội đủ điều kiện sức khỏe cho một công việc bàn giấy trong quân đội, Klaus bị ban tuyển quân cho về. Với ông bố đây là một điều chịu hết nổi. Johann Winzer bèn đáp xe lửa lên Berlin, gặp một người bạn cũ của những ngày còn tung hoành trên đường phố, ông bạn lúc này đã leo tới chức vụ cao trong SS. Ông bố hy vọng người bạn có thể chiêu cố đến cậu con trai và tìm cho nó một chỗ làm nào phục vụ cho Đại Đức. Người bạn rất sẵn lòng, ông ta hỏi chú con trai đó có thể làm được cái gì. Ông bố phải xấu hổ thú thực rằng cậu con mình có thể kể chữ được. Ông bạn cũ hứa sẽ thu xếp, nhưng để làm thế, ông có yêu cầu chú con kể cho một bảng số nhà trên da, làm quà tặng cho một Thiếu Tá SS họ tên Fritz Suhren.

Ở Wiesbaden, anh chàng Klaus làm theo điều yêu cầu, và trong một buổi lễ ở Berlin tuần sau, bảng chữ số đó được trao cho Thiếu Tá Suhren. Suhren lúc đó là Chỉ Huy trại tập trung Sachsenhausen, và đang được đề cử giữ một trại quan trọng hơn là Ravenbruck. Về sau Suhren bị người Pháp xử tử hồi 1945.

Trong buổi lễ tại bộ Chỉ Huy RSHA đó ở Berlin, ai cũng trầm trồ tấm bảng viết tuyệt đẹp đó, trong đó có Thiếu úy SS Alfred Naujocks. Đây chính là người bày ra trận tấn công giả vào Trạm Truyền Thanh Gleiwitz ở biên giới Đức-Balan vào tháng 8-1939, để lại những xác tù nhân trại tập trung mặc quân phục Đức như để làm "chứng cứ" cho sự gây hấn của Balan với Đức, và đó là cớ để Hitler ra lệnh xâm lăng Balan vào tuần sau.

Naujocks bèn hỏi tới tác giả bảng viết, và sau đó cho mời Klaus Winzer tới Berlin. Trước khi kịp hiểu ra chuyện

gi, Klaus Winzer đã được đưa vào SS, không qua bất kỳ giai đoạn huấn luyện chính thức nào cả. Anh phải thề lời thề trung thành, lời thề bảo mật và được cho biết sẽ phục vụ cho một kế hoạch tối mật của Đức. Còn ông bố bán thịt ở Wiesbaden, sưng sờ, và như muốn bay tới chín tầng mây.

Kế hoạch đó được tiến hành dưới sự phụ trách của RSHA, Amt 6, bộ phận F, trong một cơ xưởng ở đường Delbrück, Berlin. Thực ra công tác cũng rất giản dị. SS đang thử làm giả hàng trăm ngàn tờ giấy bạc 5 bảng Anh và 100 dollar Mỹ. Giấy được chế tại nhà máy giấy bạc Reich ở Spechthausen, ngoại ô Berlin và công việc ở cơ xưởng đường Delbrück là làm ra hình mờ in trên giấy bạc của Anh Mỹ. Nên họ đã dùng đến sự hiểu biết về giấy và mực của Klaus Winzer. Ý đồ là tung tràn ngập giấy bạc giả vào Anh, Mỹ làm sụp đổ nền kinh tế của các nước này. Đầu năm 1943, khi hình mờ trên đồng 5 bảng Anh đã làm được, thì kế hoạch chế bản in được chuyển tới khu 19, thuộc trại tập trung Sachsenhausen, nơi các tay kể chữ, thợ vẽ Do Thái và các nước khác đang lao động dưới sự chỉ huy của SS. Công việc của Winzer là kiểm tra chất lượng sản phẩm, vì SS không tin vào các tù nhân, và sợ có sai lầm gì đó trong công việc.

Trong vòng hai năm, Klaus Winzer đã học hỏi được mọi điều trong nghề nghiệp, đủ để trở thành một tay làm giấy giả lão luyện. Cho đến cuối 1944, kế hoạch cho khu 19 là chuẩn bị chế thể căn cước cho các sĩ quan SS sử dụng sau khi Đức thua trận. Sau đầu mùa Xuân 1945, cái thế giới nhỏ bé an lành này, trong lòng cả nước Đức đang bị tàn phá, cũng bước tới lúc chấm dứt. Toàn bộ kế hoạch, dưới sự chỉ huy của Đại úy SS Bernhard Krueger, được lệnh rời Sachsenhausen và chuyển tới vùng rừng núi xa xôi thuộc Áo để tiếp tục công việc. Họ di chuyển về phương Nam và dựng lại cơ xưởng trong một nhà máy rượu bia bỏ hoang ở Redt - Zipf, trong vùng Thượng Áo. Vài ngày trước lúc chiến tranh chấm dứt, Klaus Winzer nghẹn ngào đứng nhìn mặt hồ, nơi hàng triệu bảng Anh, Hàng tỉ dollar Mỹ do

hắn lao nhọc làm ra bị nhận chìm dưới đáy.

Hắn trở về quê nhà Wiesbaden. Khi còn là SS hắn không bao giờ bị thiếu ăn, bây giờ vô cùng ngạc nhiên khi hắn thấy người dân Đức gần như là chết đói vào mùa hè 1945. Wiesbaden bây giờ bị Mỹ chiếm đóng, họ thì có dư ăn, nhưng người Đức thì đành gặm xương. Ông bố bây giờ trong không khí chống Quốc Xã, thì đang rất là sa sút. Trong cửa tiệm, nơi xưa kia chứa đầy thịt, giờ chỉ có mấy khúc xúc xích treo trên dàn móc sáng loáng.

Bà mẹ Klaus than thở rằng bây giờ thực phẩm được phân phối theo tem phiếu do người Mỹ cấp phát. Klaus xem qua tờ tem phiếu, nó được in ở địa phương với loại giấy khá tồi, cầm mấy tờ giấy và rút vào phòng riêng vài bữa. Sau đó, hắn bước ra và đưa cho bà mẹ một chồng tem phiếu đủ cho họ ăn dư giả trong 6 tháng.

- Mà đây là giấy giả. Bà mẹ sững sờ bảo.

Klaus kiên nhẫn nói cho bà hay điều hắn hằng tin tưởng, đó không phải giả, nó chỉ được in bằng một cái máy khác thôi. Còn ông bố thì khoái lắm:

- Nè bà, sao bà lại nói phiếu của con mình tồi hơn phiếu của tụi Mỹ?

Câu hỏi này chẳng trả lời được, hơn nữa tối hôm đó họ ngồi ăn một bữa tiệc có tới bốn món. Một tháng sau Klaus gặp Otto Klops, láu lỉnh, khôn khéo, vốn là ông thổ địa chợ đen tại Wesbaden và họ cùng hợp tác, Winzer sản xuất vô số các loại tem phiếu, thẻ nhiên liệu, giấy đi lại ngoài vùng Mỹ chiếm, bằng lái xe, giấy phép lính Mỹ, thẻ P.X, Klops dùng các giấy đó mua thực phẩm, áo quần, nhiên liệu, xà bông, mỹ phẩm, một mớ để xài, còn một mớ bán giá chợ đen lấy tiền. Trong vòng vài chục tháng, đến mùa hè 1948, Klaus Winzer trở nên giàu to. Trương mục Ngân Hàng của hắn lên tới năm triệu đồng Reichmark. Hắn giải thích với bà mẹ nhát gan bằng một triết lý đơn giản:

- Không có giấy thật, giấy giả, chỉ có xài được hay

không xài được. Nếu một tờ giấy giúp anh qua chỗ kiểm tra trót lọt thì đó là tờ giấy xài được.

Tháng 10-1948, Klaus bị một vết đau nữa. Nhà nước cải cách tiền tệ, phát hành đồng Deutchmark thay cho đồng Reichmark. Nhưng thay vì đổi tiền này lấy tiền kia, họ lại ra lệnh hủy bỏ đồng Reichs và phát đồng đều mỗi người là một ngàn đồng Deutchmark. Klaus phá sản. Mớ bạc của hắn thành giấy lộn. Dân chúng lúc này không còn cảm thấy cần những tay chợ đen nữa, vì hàng hóa trên thị trường tăng nhiều, nên họ đã tố cáo Klops, và Winzer phải đào tẩu. Với một trong những tờ thông hành giả, hắn chạy xe tới bộ chỉ huy của quân Anh trấn đóng ở Hanover và xin việc trong Sở Thông Hành của Chính Phủ quân đội Anh. Giấy chứng nhận của hắn do người Mỹ cấp ở Wiesbaden, do một Đại Tá USAF ký, rất là toàn hảo: Thực ra do chính hắn viết. Ông Thiếu tá Anh nói chuyện với hắn về công việc, bảo hắn:

- Tôi hy vọng chú hiểu được tầm quan trọng của việc làm, dân chúng phải có những giấy tờ đầy đủ cho họ suốt đời.

Hoàn toàn thành thật, Winzer nói với Thiếu Tá rằng hắn sẽ làm thế. Hai tháng sau vận may đến với hắn. Bữa đó hắn đang uống bia nhâm nhi một mình, thì một người tới cùng ngồi nói chuyện. Tên ông ta là Herbert Molders. Ông thú thực đang bị Chính Phủ Anh truy nã vì tội ác chiến tranh nên ông muốn trốn khỏi Đức. Nhưng chỉ có người Anh là có quyền cấp thông hành cho dân Đức, nên ông ta không dám xin. Klaus nói có thể thu xếp được nhưng phải tốn tiền. Hắn vô cùng sung sướng khi Molders chia ra một chuỗi vòng kim cương. Ông bảo là lấy ở trại tập trung, một người Do Thái đã hối lộ cho ông để trốn thoát. Molders lấy chuỗi vòng, cho tên Do Thái vào nhóm được dẫn tới phòng hơi ngạt, và ông lên dấu lại chuỗi vòng. Một tuần sau mang theo tấm ảnh của Molders, Winzer lo chạy một tờ thông hành. Hắn chẳng cần làm giả. Chẳng cần làm thế. Hệ thống làm việc của Sở Thông Hành cũng giản dị. Ở Ban

I, người xin giấy xuất trình các giấy tờ và điền vào một mẫu đơn. Hồ sơ của họ sẽ được nghiên cứu. Ban II cứu xét các giấy khai sinh, bằng lái, thẻ căn cước... xem có phải giả không, đối chiếu với danh sách tội nhân chiến tranh, nếu giấy tờ hợp lệ trưởng Ban II sẽ ký tên đồng ý cấp và cho chuyển tới Ban III. Ban III nhận hồ sơ, lấy các thông hành trong túi sắt điền các chi tiết vào, dán hình, đóng dấu và phát giấy thông hành cho người xin vào tuần sau.

Winzer xoay sở để chuyển sang Ban III. Rất đơn giản, hắn viết đơn cho Molders bằng một tên giả rồi mạo chữ ký của Trưởng Ban II đồng ý cấp. Hắn nhận của Ban II mười chín hồ sơ đã cứu xét xong, gài hồ sơ của Molders vào đó và đưa cả cho Thiếu Tá Johnstone, ông này thấy cả hai mươi hồ sơ đều có chữ ký, bèn lấy ra hai mươi tờ thông hành và đưa cho Winzer, hắn lo việc điền các chi tiết vào, đưa cho nhân viên đóng dấu và phát cho người ta 19 tờ. Còn tờ thứ hai mươi cất lại trong túi. Trong hồ sơ lưu của Sở cũng có đủ danh sách 20 người được cấp giấy ngày đó. Đến tối hắn giao cho Molders tờ thông hành và nhận xâu chuỗi kim cương. Hắn đã tìm ra cách làm ăn mới. Tháng 3-1949, Cộng Hòa Liên Bang Đức thành lập, Sở Thông Hành được bàn giao cho Chính Phủ Tiểu Bang Hạ Saxony, Thủ Phủ đóng tại Hanover. Winzer vẫn ở đó. Hắn không kiếm được mối hàng nào. Hắn cũng chả cần họ. Mỗi tuần mang theo một bức hình của ai đó không biết, mua ở hiệu chụp ảnh, Winzer điền vào một đơn xin thông hành, giả mạo chữ ký đồng ý của Trưởng Ban II (Lúc này là người Đức) và đưa sang Ban III cùng với một chồng hồ sơ khác. Nhận xấp thông hành mới, ghi các chi tiết vào. Đóng dấu, phát cho người xin. Mỗi lần hắn lại có một thông hành. Cái hắn cần ở đây là con dấu. Ăn cắp có thể tạo nghi ngờ, rắc rối. Hắn bèn lấy trong một đêm, sáng hôm sau hắn đã có một con dấu y hệt như Sở Thông Hành, Chính Phủ Tiểu Bang Hạ Saxony. Trong 60 tuần, hắn có 60 thông hành. Hắn bèn xin nghỉ việc, và đổ mặt khi nghe thượng cấp khen hắn làm việc cẩn thận chu đáo. Rời Hanover, bán vòng chuỗi kim cương ở Antwerp và lao vào

nghe ấn loát ở Osnabruck với một nhà in nhỏ. Vào lúc đó vàng và Dollar có thể mua được bất cứ cái gì với giá thấp hơn giá thị trường.

Hắn có lẽ chả có gì dính dáng tới Odessa nếu Molders chịu giữ kín miệng. Nhưng ngay khi tới Madrid gặp gỡ các bạn bè, ông ta khoe um lên là biết một người có thể cung cấp một thông hành thật của Tây Đức cho bất cứ ai cần tới. Vào cuối năm 1950, một "ông bạn" tới gặp Winzer lúc đó đang làm chủ nhà in ở Osnabruck. Winzer không cách nào hơn là đồng ý. Kể từ đó, bất cứ lúc nào Odessa gặp rắc rối thì Winzer liền cung cấp cho họ một thông hành mới. Hệ thống rất là an toàn. Winzer chỉ cần một tấm hình và tuổi của người đó. Ông có giữ một bản sao ghi chép các chi tiết cá nhân của mỗi người viết vào tờ đơn xin đã gài trước đó trong văn khố lưu của Sở Thông Hành ở Hanover. Ông lấy tờ thông hành, ghi các chi tiết đó lại. Tên là một tên họ rất thông thường, nơi sinh thường là một nơi hiện ở bên kia bức màn sắt, chả ai kiểm tra được, ngày sinh thì gần gần với số tuổi người muốn có giấy trong SS, và rồi lấy dấu giả đóng vào. Người nhận giấy có thể ký vào thông hành bằng tên mới của mình.

Xin bản mới rất là dễ. Sau 5 năm tay SS đó có thể xin bản mới ở bất cứ Tiểu Bang nào ngoài Hạ Saxony. Người thư ký công chức ở Bavaria chẳng hạn, có thể xin Hanover xác nhận: Quý ông có cấp phát thông hành số đó năm 1950 cho Walter Schumann, nơi sinh đó, ngày sinh đó... không? ở Hanover. Một công chức khác sẽ coi lại hồ sơ lưu, và trả lời: Có. Bavaria sau khi được Hanover xác nhận, có thể yên tâm cấp bản thông hành mới, đóng dấu Bavaria. Nếu như bức hình trong hồ sơ ở Hanover không giống với bản thông hành xin bản mới ở Munich chẳng hạn thì cũng chả hề gì. Chả ai đi kiểm tra được bức hình. Các thư ký tin vào bản xin đơn đúng, được chấp thuận đúng và con số của thông hành đúng chứ đâu cần hình. Chỉ sau năm 1955, quá năm năm kể từ ngày Hanover cấp phát thông hành, thì các tay dùng thông hành của Winzer có thể xin bản mới nếu cần. Một khi đã nhận được thông hành, tay

SS đó có thể nhờ giấy này để xin bằng lái xe, thẻ bảo hiểm xã hội, mở chương mục, tín dụng, tức là một đồng giấy tờ cá nhân mới.

Vào mùa xuân 1964, Winzer đã cung cấp hết 42 tờ giấy thông hành trong số 60 tờ ông ta có. Nhưng con người nhỏ thó, khéo léo này cũng biết giữ miệng. Có thể một ngày nào đó Odessa lại muốn dẹp công việc này đi, và dẹp luôn ông, nên ông đã giữ một bản lưu. Ông ta không biết được tên thật của các khách hàng, truy ra một thông hành giả với tên mới là điều không cần tiết. Điều đó có vụn vặt. Ông ta cho chụp lại các bức hình họ gửi tới cho mình, dán bức hình gốc vào thông hành để gửi cho họ, và giữ lại bức hình sao. Mỗi bức đó dán trên một tờ giấy dày, bên cạnh có đánh máy lại địa chỉ (địa chỉ có ghi trên thông hành) tên tuổi, và số của giấy thông thành. Những tờ giấy đó được hợp thành một hồ sơ, đó là cái bảo đảm mạng sống của ông. Nó có hai bản, một để ở nhà, một để ở văn phòng luật sư nọ tại Zurich. Nếu Odessa có đe dọa ông, thì ông sẽ cho họ biết về hồ sơ này, và nói rõ nếu ông có mệnh hệ gì thì luật sư ở Zurich sẽ gửi bản sao đó cho Chính Phủ Đức. Nhà cầm quyền Đức, với hình chụp, có thể so sánh đối chiếu với hồ sơ của các tay Quốc Xã đang bị tầm nã. Với số thẻ thông hành, kiểm chứng với Thủ Phủ 16 Tiểu Bang có thể mau chóng tìm ra địa chỉ. Chỉ trong vòng một tuần họ sẽ truy ra. Đó là mảnh khóc để đảm bảo cho Klaus Winzer sống khỏe. Lúc này ông ta đang ngồi nhai nhóp nhép bánh mì với mứt, nhấm nháp ly cà phê và đọc qua tờ nhật báo Osnabruck trong bữa điểm tâm vào 8 giờ 30 sáng thứ sáu đó, thì điện thoại reo. Giọng nói ở đầu dây kia ban đầu có vẻ khẩn cấp, rồi có giọng trấn an trở lại:

- Không có chuyện gì ông gặp trực trực với chúng tôi cả, Werwolf nhấn mạnh: Chỉ là một thằng nhãi phóng viên. Chúng tôi dò ra là hắn đang tới chỗ ông. Cũng không sao. Tôi đã phái một nhân viên đuổi theo hắn và mọi chuyện chắc là được thu xếp trong ngày nay. Nhưng trong mười phút ông phải rời đi ngay. Bây giờ tôi muốn ông làm thế này... Ba mươi phút sau, Klaus Winzer vô cùng bối rối,

cầm một túi sách nhỏ, liếc mắt tình cờ về hướng tủ sắt nơi chứa tập hồ sơ, ông quyết định cũng chẳng cần nó, ông giải thích cho cô giúp việc Barbara, rằng sáng nay ông không tới nhà in, ngược lại, ông muốn đi nghỉ vài bữa ở vùng Alps. Một luồng gió tươi mát, không có gì làm cơ thể dễ chịu hơn nó. Barbara ngạc nhiên há hốc mồm khi đứng ở ngưỡng cửa nhìn chiếc Kadett của Winzer nổ máy, lăn bánh trên con phố. Chín giờ mười phút, ông ta tới đường xa lộ móng bò cách thành phố bốn dặm, về phía Tây để chạy lên đường siêu xa lộ. Khi chiếc Kadett bò lên bờ dốc ở phía này, thì bên kia, chiếc Jaguar đen lại đang rẽ xuống đường dưới để vào Osnabruck.

Miller gặp một trạm xăng ở Saar Platz mé Tây thành phố. Anh đậu xe và mệt mỏi bước ra ngoài. Bắp thịt đau tê, cần cổ như muốn cứng chết lại. Số rượu uống tới qua làm miệng anh đắng ngắt:

- Đổ đầy dùm, anh nói với người bán xăng: Ở đây có điện thoại không?

- Trong góc đó...

Miller tới chỗ để điện thoại. Miller thấy cây xăng có bình cà phê tự động kế bên liền bỏ một đồng các rồi lấy một ly đen nóng. Miller lật cuốn danh bạ điện thoại Osnabruck. Có tới mấy tên Winzer, nhưng chỉ có một họ Klaus. Tên được ghi ở hai chỗ: thứ nhất có ghi "Nhà in" với số của nó. Thứ nhì, sau tên có ghi chữ "Res", tức nhà riêng. Đã 9 giờ 20. Anh bèn gọi số nhà in. Người trả lời điện chắc là viên quản đốc:

- Rất tiếc ông chủ không có ở đây. Thường thì đúng 9 giờ ông tới. Chắc ông đang trên đường đến đây. Độ nửa giờ nữa ông gọi lại nhé.

Miller cảm ơn và anh nghĩ không biết có nên gọi tới nhà riêng hay không. Chắc thôi, khỏi... Nếu ông ta có ở nhà, Miller muốn đến thẳng gặp riêng ông ta. Anh ghi lại địa chỉ.

- Westerberg ở đâu vậy. Anh hỏi người bán xăng khi

trả tiền. Anh thấy mình chỉ còn vốn vẹn 50 Mark. Người bán xăng hất hàm về phía Bắc:

- Phía bên kia, khu ngoại ô quý tộc, nơi toàn bọn giàu sống không à.

Miller mua một tấm bản đồ thành phố và dò tìm. Nó chỉ cách mười phút xe chạy. Ngôi nhà có vẻ rất sung túc, tất cả lộ rõ nét là nơi cư trú của những người làm ăn khá giả. Anh đậu xe phía trước và bước tới cửa. Cô giúp việc mở cửa cho anh độ xấp xỉ hai mươi, khá xinh. Cô cười với anh rất tươi.

- Ô. Chào cô. Tôi tới gặp ông Winzer. Anh nói.

- Ô, ông đi rồi. Ông tới trễ độ hai mươi phút thôi.

Miller ngẫm nghĩ. Rõ ràng Winzer tới nhà in.

- Thật tiếc. Tôi định gặp ông ấy trước khi đi làm.

- Ấy, ông đâu có đi làm sáng nay. Ông ấy đi nghỉ mát. Cô giúp việc trả lời thật sốt sắng.

Miller cố đè nén sự hoang mang:

- Nghỉ mát? Tháng này mà đi chơi sao? Anh liền bịa ra: Tôi có hẹn với ông ấy. Ông có yêu cầu riêng tôi tới đây.

- Ô, kỳ vậy, cô gái tổ vẽ ấy náy: Bất tình linh ông chủ bỏ đi. Ông nghe điện thoại trong phòng đọc sách, rồi lên lầu bảo tôi. Barbara, tên tôi ấy mà... Tôi đi nghỉ mát ở Áo. Chắc cỡ một tuần. Tôi chưa hề nghe ông tính chuyện nghỉ bao giờ. Ông bảo tôi gọi tới nhà in cho hay ông vắng mặt một tuần, thế rồi ông ấy đi. Chả như Winzer mọi ngày tí nào. Cứ như một nhà quý tộc vậy đó.

Hy vọng trong lòng Miller tắt dần:

- Ông ấy có nói đi đâu không?

- Không chỉ bảo vùng Alps ở Áo thôi.

- Không có địa chỉ gì hả? Không cách chi gặp ông ấy sao?

- Không. Thiệt là lạ vậy đó. Còn việc nhà in thì sao

không biết nữa. tôi vừa gọi báo cho họ. Họ ngạc nhiên lắm.

Miller tính toán rất nhanh. Winzer vừa đi độ nửa giờ, lái xe 80 dặm/giờ thì mới đi được 40 dặm. Miller có thể đi 100 dặm/giờ, rút ngắn được 20 dặm mỗi giờ. Tức là hai giờ sau là có thể đuổi kịp Winzer. Nhưng chả có gì chắc ông đi Áo:

- Thế tôi xin gặp bà Winzer được không?

Barbara cười rúc rích, nhìn anh hóm hỉnh:

- Đâu có bà Winzer nào. Bộ ông chưa gặp ông Winzer lần nào sao?

- Chưa, chưa gặp bao giờ.

- Ồ, ông ấy không có vợ. Ông ấy coi cũng khá lắm mà sao không thích đàn bà, ông hiểu chứ.

- Vậy ông ấy sống một mình ở đây sao?

- Ờ. Ngoài tôi ra. Tức là tôi cũng ở đây. Mà ông hiểu? Coi vậy chứ an toàn. Trong cái chuyện đó... Cô gái cười rúc rích.

- Vâng tôi hiểu. Cảm ơn nghe... Miller quay ra.

- Chào nhé. Cô gái đứng nhìn theo anh leo vào chiếc Jaguar, chiếc xe làm cô chú ý. Ông Winzer đi rồi, cô lưỡng lự, không biết có nên mời chàng trai kia ở chơi một tối trước khi ông chủ trở về không. Cô nhìn theo chiếc Jaguar rồ máy lao vụt đi, thở dài tiếc rẻ và khép cửa lại.

Miller cảm thấy mệt mỏi, cộng thêm một nỗi nản chí vô cùng. Anh đoán mò là Bayer đã gỡ được dây trời và lão điện thoại từ Stuttgart báo động cho Winzer. Anh đã gần sát bên, chỉ xê xích độ 15 phút và gần như bắt được mục tiêu rồi. Bây giờ anh chỉ thêm ngủ. Anh lái xe qua những khu phố cổ của thành phố, theo bản đồ để tới khu Theodor Heuss plats, đậu xe ngoài nhà ga và vào mượn phòng trong khách sạn Hohenzollern ở trước quảng trường. May cho anh, khách sạn chỉ còn một phòng, anh liền lên lầu cởi

dồ và lăn xuống giường. Có cái gì còn trực trực trong ý nghĩ, có điều anh chưa rõ, có một chi tiết rất nhỏ nào, anh chưa hỏi ra. Cho đến lúc anh thiếp đi, điều đó vẫn chưa giải quyết.



Mackensen vào tới trung tâm Osnabruck vào một giờ rưỡi. Trên đường xuống phố, gã đã gọi tới căn nhà ở Westerberg, nhưng không có dấu hiệu gì của chiếc Jaguar. Gã muốn gọi về Werwolf trước khi gã tới đó trong trường hợp không có tin gì thêm. Tình cờ bưu điện Osnabruck nằm ngay bên Theodor Heusse Platz. Cả một góc của quảng trường là nhà ga xe lửa, phía bên kia là khách sạn Hohenzollern. Khi Mack đậu xe trước bưu điện, gã nở nụ cười. Chiếc Jaguar đang tìm kiếm nằm ngay trước khách sạn. Werwolf hài lòng tợn:

- Hay lắm. Đừng vội vàng, ông ta nói với tay dao phủ: Tôi đã gọi tới nhà in và ông ta đã rời thành phố rồi. Tôi vừa gọi tới nhà riêng, con nhỏ giúp việc trả lời. Nó bảo ông chủ đi độ 20 phút thì có một anh chàng đi xe si-po đen tới hỏi.

- Tôi cũng có vài tin mới. Mack nói: Chiếc Jaguar đó hiện đang đậu ngay trước mặt tôi. Chắc là hấn đang ngủ ở khách sạn bên kia. Tôi có thể làm nó ngay trong phòng. Tôi sẽ dùng hăm thanh.

- Đừng, đừng hấp tấp, Werwolf nhắc chừng: Tôi đã nghĩ rồi. Có một điều là con nhỏ giúp việc đã thấy hấn với cái xe, nó có thể khai với cảnh sát. Cái đó khiến tay làm giấy của mình bị chú ý, mà tay này ưa hoảng lắm. Tôi không muốn ông ta bị dây dưa. Lời khai của con nhỏ có thể làm cảnh sát nghi ngờ ông ta. Đầu tiên ông ấy nhận điện thoại, rồi vội vàng ra đi, lại có một thanh niên tới kiểm, rồi bị bắn chết trong khách sạn. Vậy là rắc rối lắm.

Mackensen nhiu mày lại, sau cùng gã đáp:

- Thôi được. Tôi sẽ làm khi hấn rời thành phố.

- Chắc nó còn quanh quẩn vài giờ để dò tìm tay làm giấy. Nó sẽ không gặp gì đâu. Có điều chú xem nó có mang cái cặp theo không?

- Có. Nó mang theo khi rời hộp đêm tối qua, ôm kè kè cho tới lúc trở lại khách sạn.

- Đó. Tại sao nó không bỏ trong thùng xe hay để trong phòng, vậy là nó rất quan trọng cái đó. Chú hiểu kịp không?

- Kịp. Mack đáp.

- Vấn đề là, nó đã gặp tôi, biết tên tuổi, địa chỉ. Biết quan hệ tôi với Bayer và tay làm giấy. Tội phóng viên là nó ghi lại hết. Nên cái cặp bây giờ quan trọng lắm. Cho dù Miller chết, thì cũng không thể để cái cặp lọt vào tay cảnh sát được.

- Tôi hiểu. Ông cần cái cặp phải không?

- Lấy được hay là tiêu hủy nó đi cũng được.

Mack ngẫm nghĩ một lát:

- Cách hay nhất tôi nghĩ là gắn một quả bom vào cái xe. Gài với dàn nhún, nó sẽ nổ khi xe bị dãn một cái lúc đang chạy nhanh trên xa lộ.

- Hay lắm. Liệu cái cặp có tiêu không?

- Với trái bom tôi tính gài thì cả Miller với cái cặp tấp đó đều cháy ra tro hết. Với cái xe chạy tốc độ lớn thì có vẻ là tai nạn lắm. Thùng xăng nổ, người ta sẽ nói thế.

- Chú làm được không?

Mackensen nhếch mép cười. Đồ nghề trong xe của gã là cả một giấc mơ của các đao phủ. Gồm có cả mấy trăm gram chất nổ Plastic với hai ngòi nổ điện.

- Dư sức. Nhưng phải chờ tới khuya tôi mới mò vô xe của nó được.

Gã ngừng nói nhìn ra cửa nhà bưu điện, rồi lên tiếng:

- Tôi sẽ gọi lại.

Năm phút sau, gã gọi lại:

- Thiệt xui, tôi vừa thấy Miller ôm cặp lên xe đi rồi. Tôi hỏi khách sạn, nó muốn phòng ở đó. Nó bỏ đồ đạc lại. Vậy là thế nào nó cũng trở về đây. Đừng lo. Tôi sẽ đi sửa soạn bom và gài vào tối nay.

Lúc một giờ Miller thức giấc, thấy khỏe khoắn và tỉnh táo hơn. Trong giấc ngủ anh còn nhớ có gì trục trặc. Anh bèn lái xe trở lại nhà Winzer. Cô gái giúp việc có vẻ vui tợn khi gặp lại anh:

- A, vẫn lại ông.

- Tôi đang tính về nhà thì tôi tự hỏi. Không biết cô đã làm việc cho ông Winzer bao lâu rồi?

- Ô! Độ 10 tháng thôi. Sao vậy?

- Vậy, ông Winzer không lấy vợ được, cô còn trẻ quá, thế thì ai coi sóc cho ông ta trước khi cô tới?

- À, tôi hiểu rồi. Bà quản gia của ông ấy. Bà Wandel.

- Bây giờ bà ấy đâu?

- Ô, nằm nhà thương rồi. Chắc chết quá. Ung thư vú, dễ sợ. Cái chuyện đó làm ông Winzer lạt đật lắm. Ông đi thăm bà ta hàng ngày. Ông ấy tận tình với bà ta lắm. Không phải họ có gì với nhau, ông hiểu... nhưng bà đã ở với ông từ lâu lắm rồi, đâu từ hồi 1950 lận, và chắc ông cũng lo cho bà. Lúc nào ông cũng nói với tôi: Bà Wandel thì làm thế này... thế kia..

- Bà ấy nằm nhà thương nào vậy?

- Tôi quên mất rồi. Chờ lát nghe, để tôi vô nhà coi.

Hai phút sau cô ta trở ra, đưa cho Miller địa chỉ của dưỡng đường nọ, thuộc hạng sang ở ngoại ô. Nhờ bản đồ, Miller tới dưỡng đường đó lúc ba giờ chiều.

Mackensen dành buổi chiều để mua sắm các phụ tùng cho quả bom. Ông thầy của gã đã nói: "Bí quyết của nghề phá hoại là giữ cho đồ nghề rất đơn giản, có thể đi mua ở cửa tiệm nào cũng có". Ở một cửa tiệm đồ kim loại, gã

mua một mỏ hàn và hai que hàn, một cuộn băng keo cách điện đen, một thước dây và một cái kim, một lưỡi cưa sắt, một hộp keo tổng hợp. Ở tiệm điện, hắn mua bình điện 9 volt, một bóng đèn nhỏ, hai khúc dây điện loại tốt, 5 ampère, bọc nhựa, thứ dây đơn, một sợi đỏ một sợi xanh, mỗi sợi dài cỡ năm thước. Gã vốn cẩn thận, muốn cực âm cực dương đầu ra dó. Mua thêm mấy cục gôm của học trò, thứ dài cỡ một tấc. Trong cửa hàng bách hóa, gã mua hai dây bao cao su ngừa thai cho đàn ông, mỗi dây có ba cái. Lại ghé tạp hóa lấy một hộp trà ngon 250 gram, có nắp đậy chắc chắn. Là tay thợ kỹ lưỡng, gã ghét để mỡ chất nổ bị ẩm, hộp trà thì có nắp rất tốt, chống ẩm được. Mua sắm các thứ xong, gã muốn một phòng ở Hohenzollern quay ra quảng trường, có thể nhìn thấy bãi đậu xe để biết rõ miller về lúc nào. Trước khi lên phòng, gã cũng ôm trong xe ra một cục 200 gram Plastic, nén lại như cục nhựa dẻo cho con nít chơi, và một ngòi nổ điện.

Ngồi tại cái bàn bên cửa sổ, dòm chừng xuống quảng trường, với một bình cà phê đậm chống mệt, gã bắt tay vào việc. Đó là quả bom giản dị. Đầu tiên, gã đổ trà vào thùng rác, lấy cái hộp. Trên nắp hộp, gã đục một lỗ, cắt một đoạn dây điện đỏ độ hai tấc, một đầu hàn vào cực dương của bình điện, đầu cực âm hàn sợi dây xanh. Để chắc các dây không chạm vào nhau, gã tách ra hai bên, cột lại, bọc cả lại bằng băng keo cách điện. Đầu sợi đỏ cuốn quanh một đầu mối của ngòi nổ, đầu mối kia của ngòi nổ lại nối một khúc dây đỏ nữa, dài độ 2 thước 50. Gã đặt bình điện, dây nhợ đó vào hộp trà, nhét ngòi nổ chìm vào khối Plastic và nhét khối nổ vào hộp trên bình điện đến lúc cái hộp đầy nhóc.

Một mạch điện đã được sắp xếp. Một dây từ bình điện tới ngòi nổ, một dây từ ngòi nổ dẫn ra ngoài chả gắn vào đầu cả. Từ bình điện lại có một sợi cũng không gài vào đầu. Nhưng khi hai đầu này nối vào nhau, một sợi đỏ, một sợi xanh thì mạch điện đóng lại. Điện trong bình sẽ kích ngòi nổ, nó sẽ nổ, tiếng nổ sẽ lẫn lộn vào tiếng máy xe, và cả khối Plastic nổ theo, đủ để phá banh hai ba phòng

của khách sạn. Bộ phận cuối cùng là con cò nối hai đầu dây. Gã bọc khăn, bẻ gãy lưỡi cửa sắt làm hai khúc, mỗi khúc độ hơn tấc, có một lỗ ở đầu, vốn dùng để rập vào dàn cửa. Gã cột năm cục gôm lại thành một khối. Dùng nó để ngăn cách hai thanh lưỡi cửa, khối gôm nằm giữa hai thanh, cột cả lại hai thanh nằm song song, cách nhau độ một phân. Coi thì nó giống như hàm răng cá sấu. Khối gôm chỉ ngăn cách một đầu, còn đầu kia của hai thanh cửa có thể chạm nhau được. Để chắc ăn hơn, Mack còn dán cả cái bóng đèn nhỏ xíu vào đầu hai lưỡi cửa để nó dùng chạm nhau. Thủy tinh không dẫn điện, nhưng bóng đèn nhỏ dẫn mạnh là võ. Xong xuôi. Gã buộc hai đầu dây xanh đỏ vào hai lưỡi cửa hàn lại cẩn thận. Đậy nắp hộp trà cho kỹ, thế là quả bom hoàn tất, có thể nổ được.

Nếu đập lên con cò, hay bị dẫn xốc, bóng đèn sẽ vỡ ra, hai lưỡi cửa chạm nhau, nối kín mạch điện. Còn điều thận trọng sau cùng: E rằng hai thanh cửa bị chạm cùng một lúc vào miếng kim loại nào đó bất ngờ, có thể nối kín dòng điện, gã bèn dùng sáu bao cao su giữa thai bọc cả bộ phận cò lại thế là có sáu lớp cao su cách điện. Bảo đảm không nổ bất ngờ. Xong xuôi, gã xếp mọi đồ nghề vào tủ quần áo, cả dây nhợ, băng keo, mỏ hàn, để dùng tiếp khi gắn bom vào xe Miller. Rồi gã kêu thêm cả phê uống cho tỉnh, ngồi trụ ở cửa sổ, chờ cho Miller trở lại đậu xe dưới quảng trường.

Gã không biết Miller đi đâu, nhưng không lo, Werwolf đã nói là Miller không cách chi tìm ra tay làm giấy cả. Như một tay thợ giỏi, Mackensen đã chuẩn bị để làm việc của mình, còn phần việc kế tiếp là của người khác. Gã cũng là người kiên nhẫn. Gã biết sớm muộn, Miller cũng sẽ trở về.

CHƯƠNG 15

Vị bác sĩ nhìn người khách với con mắt không thiện cảm lắm. Còn Miller, vốn ghét cổ cồn cà vạt và hết sức né tránh chuyện mặc quần áo kiểu đó, nên lúc này chỉ mặc chiếc áo sơ mi trắng cổ mềm. Một chiếc Pull cổ tròn màu đen. Mà ở một bệnh viện, thái độ của ông bác sĩ đã tỏ rõ, thì một bộ cổ cồn cà vạt là thích hợp hơn.

- Cháu của bà? Ông ta có vẻ ngạc nhiên: Lạ thật, tôi không dè bà Wendel có một cháu trai.

- Tôi là người bà con duy nhất còn sót lại của bà. Tôi có thể còn trẻ hơn, vì không biết bệnh tình của di tôi ra sao, nhưng ông Winzer đến sáng nay mới gọi cho tôi hay bảo tôi nên tới thăm.

- Ông Winzer thì mọi hôm cỡ giờ này là ông đã ghé đây rồi. Ông bác sĩ nói.

- Tôi nghe chừng ông ta không tới, Miller nói tỉnh bơ. Ông có nói với tôi thế qua điện thoại sáng nay. Ông bảo chắc bận công việc đi xa mấy ngày và bảo tôi tới chăm sóc bà thay cho ông.

- Đi xa hả, lạ nhỉ. Kỳ thật đó. Ông bác sĩ ngưng lại một lát, hơi bối rối, rồi nói: Xin lỗi anh một lát nhé.

Miller thấy ông ta rời phòng khách nơi anh đang ngồi,

đi sang phòng nhỏ kế bên. Cửa mở, anh có thể nghe tiếng nói chuyện qua điện thoại, ông ta gọi tới nhà Winzer:

- Ông ấy đi rồi hả? Sáng nay? Máy ngày sao? Ô không, cảm ơn cô nhé. Tôi chỉ muốn chắc ông có tới đây chiều nay không?

Ông bác sĩ gác máy trở ra, miệng lầm bầm:

- Lạ thật! Ông Winzer tới đây rất đều đặn đúng giờ, từ khi bà Wendel vào nằm viện. Thật là tận tình. Ông mà muốn gặp bà lần chót thì phải về gấp. Bà đi anh suy lắm rồi đó.

Miller buồn ra mặt:

- Ông cũng nói với tôi như thế. Thật tội.

- Là bà con, dĩ nhiên anh có thể vào thăm một lát, nhưng tôi nói trước bà ấy không được tỉnh lắm, nên nói ngắn gọn thôi. Mời anh qua lối này.

Ông bác sĩ dẫn Miller qua mấy hành lang có vẻ xưa kia là một tư gia đồ sộ, bây giờ được sửa làm đường đường, và dừng bước trước một phòng ngủ.

- Bà nằm trong đó... Ông ta chờ Miller bước vào và khép cửa lại. Miller nghe tiếng bước chân xa dần.

Căn phòng sáng mờ mờ, cho đến lúc quen mắt với bóng tối nhờ ánh sáng nhợt nhạt mùa Đông hắt vào qua màn cửa sổ, anh mới nhìn ra một dáng đàn bà nằm run run trên giường. Bà dựa trên một chồng gối cao sau lưng, khuôn mặt và bộ đồ màu xanh xao gần như lẫn với màu nệm giường. Đôi mắt nhắm lại. Miller chỉ có một tí tí hy vọng dò hỏi được ở bà chút manh mối về tay làm giấy giả. Anh thì thào: "Bà Wendel"... Mí mắt người bệnh động dậy và mở ra. Bà nhìn anh, cặp mắt thất thần, Miller không chắc là bà ta có thấy được anh không. Bà lại nhắm mắt và bắt đầu lầm bầm rời rạc. Anh chồm sát tới lắng nghe những tiếng xì xào yếu ớt phát ra từ bờ môi xám ngắt. Chúng chẳng có ý nghĩa gì. Đại khái có nhắc tới Rosenheim, anh ta nhớ đó là tên một làng nhỏ ở Bavaria, có lẽ là quê của

bà, rồi cái gì "Mặc toàn trắng, đẹp, đẹp vô cùng." Rồi một mở âm thanh vô nghĩa nữa.

Miller cúi xuống sát hơn:

- Bà Wendel, nghe tôi không?

Người bệnh vẫn ú ớ, Miller nghe ra: "mỗi đứa cầm một cuốn sách kinh với một bó hoa, mặc toàn trắng, thật là thánh thiện làm sao." Miller nhú mày rồi hiểu ra. Trong cơn mê sáng, bà nhớ lại ngày nước lễ lần đầu của mình. Cũng như anh, bà ta là người Thiên Chúa giáo.

- Nghe tôi không, bà Wendel? Anh nhắc lại, lòng không hy vọng gì. Bà mở mắt ra nhìn anh, cổ áo trắng mờ mờ nổi rõ trên chiếc áo pull đen. Tấm thân mỏng mảnh chột nổi cơn ho rũ rượi. Miller dăm lo anh nghĩ phải đi gọi bác sĩ tới, thì thấy hai hàng nước mắt trào ra trên đôi mắt nhăn nheo. Bà ta khóc.

Bàn tay bà lần qua tấm chăn nắm lấy cổ tay anh, lúc đó đang chống xuống giường vì anh khom tới. Bằng sức mạnh không ngờ, mà cũng rất tuyệt vọng, bà nắm chặt cổ tay anh. Anh đang tỉnh gờ ra và rời phòng, vì nghĩ rằng chả hy vọng hỏi thăm gì được về Klaus Winzer, thì bà ta lên tiếng, rất rõ ràng: "Lạy cha, tha tội cho con, vì con là kẻ có tội!"

Miller ngạc nhiên trong giây lát, rồi liếc mắt xuống, anh nhận ra rằng bà đã ngỡ lầm anh vì ánh sáng mờ quá. Trong hai phút anh lưỡng lự xem có nên bỏ mặc bà và trở về Hambourg hay ráng nấn ná lần chót hy vọng có manh mối gì không. Anh lại khom xuống:

- Được, cha sẵn sàng nghe con xưng tội.

Bà ta bắt đầu nói, giọng rề rề, mỗi mệ, bà kể lại cuộc đời mình, từ hồi còn là một cô bé, sinh ra và lớn lên tại vùng rừng cao, đồng lúa Bavaria. Chào đời năm 1910. Ông bố nhập ngũ hồi thế chiến I, đến 1918 thì trở về, rất giận dữ và căm hờn vì chính phủ ở Berlin đã đầu hàng. Bà nhớ lại không khí chính trị rối loạn hồi 20 tuổi và những âm

mưu đảo chánh ở Munich của một đám đông dẫn đầu là tay xách động mang tên Adolf Hitler. Bố của bà sau này ra nhập đảng của người đó. Năm bà 23 tuổi, người đó và đảng của ông đã nắm được chính quyền. Rồi những buổi hội hè vui chơi của Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Đức, công việc thư ký trong chi hội Bavaria và những buổi khiêu vũ với các chàng trai trẻ đẹp, tóc hung, mặc đồng phục đen.

Nhưng cô Wendel hồi đó không đẹp lắm, cao, gầy gò, mặt dài như ngựa, trên mép lông mọc dài như ria. Mái tóc bù xù, quần áo nặng nề, giày dép thô cứng, đến gần 30, bà hiểu rõ mình chẳng thể kiếm được một tấm chồng như các cô gái khác trong làng. Năm 1939, bà được bổ đi làm cai tù, một người đàn bà hận đời, cạy đặng ở trại Ravensbruck. Bà kể lại về những người bị bà đánh đập, dày dọ, những ngày sống tàn bạo trong trại Brandeburg, bà chảy nước mắt, móng tay bà bấu chặt cổ tay Miller khi bà tỏ ra ăn năn.

- Rồi sau chiến tranh, con ra sao?

Đó là những năm sống lang thang, SS bỏ rơi bà. Đồng minh thì truy lùng. Bà xin một chân phụ bếp, rửa chén bát và ngủ trong một trại lính. Năm 1950, gặp Winzer sống tại một khách sạn ở Osnabruck trong lúc tìm mua nhà. Bà trở thành hầu bàn lúc đó, ông ta mua được một căn nhà và con người nhỏ thó lạnh lùng đó đã đề nghị bà tới ở và làm quản gia cho ông ta.

- Thế thôi sao?

- Thưa cha, vâng.

- Này con. Cha sẽ không giải tội nếu con chưa xưng hết mọi điều con đã phạm.

- Con đã xưng hết rồi cha ơi.

Miller thở dài:

- Còn việc làm giấy giả thì sao? Máy cái giấy thông hành làm cho SS đó.

Bà im lặng một lát, Miller lo thầm bà ta sắp mê sảng

trở lại.

- Cha biết việc đó hả?
- Phải cha biết.
- Con đâu có làm đó.
- Nhưng con biết việc đó, việc của Klaus Winzer làm.
- Vâng. Bà ta đáp rất khẽ.
- Ông ta bây giờ đã bỏ trốn mất rồi. Miller nói.
- Không. Không có đâu. Ông ta không bỏ con đâu. Ông sẽ trở lại.
- Con có biết ông ấy đi đâu không?
- Không thưa cha.
- Con chắc không? Nghĩ lại đi. Ông ta buộc lòng phải trốn đi. Ông ta đi đâu?

Cái đầu nhỏ thó chậm rãi lắc trên gối:

- Con không biết. Nếu họ đe dọa, thì ông ấy sẽ dùng đến tập hồ sơ. Ông có bảo với con như thế.

Miller giật mình. Anh nhìn bà chăm chăm, đôi mắt bà ta khép lại như đang ngủ.

- Hồ sơ nào, con?

Họ nói chuyện thêm độ năm phút nữa, thì có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa. Miller gỡ tay bà ta ra và đứng thẳng dậy.

- Cha ơi...

Tiếng kêu thống thiết, cầu khẩn. Hấn quay lại. Bà ta giương mắt nhìn anh:

- Giải tội cho con. Cha ơi!

Giọng nói van nài. Miller thở ra. Đó là một tội trọng nhưng anh mong Chúa ở trên trời hiểu cho anh. Miller giơ bàn tay lên và làm dấu thánh giá: "In nomine Patris, et Spiritus Sancti, Ego te absolvo a peccatis tuis" (Lời giải tội của Linh mục sau khi nghe tin đồ xưng tội).

Người đàn bà thở mạnh ra, nhắm mắt lại và thiếp đi.

Ngoài cửa ông bác sĩ đứng chờ:

- Thế chắc cũng đủ giờ chứ?

Miller gật đầu:

- Vâng. Di ấy đã ngủ. Liếc mắt vào trong phòng, ông bác sĩ đưa anh ra phòng ngoài. Miller hỏi:

- Bác sĩ độ di tôi còn bao lâu nữa?

- Khó nói lắm. Hai ngày, có thể là ba. Không hơn được, tôi rất tiếc.

- Thôi, cảm ơn bác sĩ đã giúp tôi vào thăm. Ông bác sĩ mở cửa cho anh.

- À, còn một điều nữa, thưa bác sĩ. Họ nhà tôi đều theo đạo công giáo. Di tôi muốn được gặp linh mục chịu phép xức dầu thánh. Bác sĩ vui lòng chứ?

- Vâng, dĩ nhiên!

- Bác sĩ có thể mời họ không?

- Được chứ. Tại tôi không biết đó thôi. Chiều nay tôi sẽ cho mời linh mục tới. Thôi chào anh nhé.

Trời đã về chiều, ánh sáng sắp tắt khi Miller lái xe về đến Theodor Heuss Platz và đậu cách khách sạn độ 20 mét. Anh băng qua đường và lên phòng. Hai tầng trên, Mackensen nhìn theo từng bước. Xách cái bị đựng bom, gã xuống quầy quản lý, trả tiền phòng cho tới ngày mai, gã bảo sáng sẽ dậy đi sớm, rồi bước ra xe. Gã lái vòng vo rồi đậu vào một chỗ có thể coi chừng cửa ra vào khách sạn và chiếc Jaguar rồi lại tiếp tục chờ đợi. Còn đông người quá không thể làm ăn gì được, mà Miller có thể trở ra bất cứ lúc nào. Nếu hắn lái đi trước khi bom gài xong, Mack sẽ đuổi theo trên xa lộ, ra khỏi Osnabruck vài dặm, tìm cách dứt điểm và thu lại chiếc cặp. Nếu Miller ngủ trong khách sạn, Mackensen sẽ có thể gài bom vào lúc khuya khi đường phố không còn ai.

Trong phòng. Miller đang cố nhớ lại tên một người. Anh

có thể nhớ được khuôn mặt, nhưng cái tên thì chìm đầu mất. Hồi đó là những ngày giáp lễ Giáng Sinh 1961. Anh đang quanh quẩn trong Phòng Báo Chí của Pháp Đình Hambourg, chờ đợi một vụ xử đang theo dõi. Anh ngồi nghe tòa sắp xử xong một vụ nợ trước vụ anh muốn coi. Một người đàn ông nhỏ thó đứng trước vành móng ngựa, luật sư thì đang xoay xở xin tòa khoan hồng, nêu ra nào là sắp Giáng Sinh, nào là bị can còn vợ, năm con nhỏ phải nuôi.

Miller còn nhớ hình ảnh người vợ mệt mỏi, bồn chồn ngồi ở góc pháp đình. Hai bàn tay ôm lấy mặt, tuyệt vọng khi nghe tòa phán quyết là do lời xin của luật sư, tòa tuyên án giảm xuống cho bị can là 18 tháng tù ở. Lời buộc tội đã mô tả can phạm như một gian phi vô địch trong nghề mở tủ sắt ở Hambourg. Độ nửa tháng sau, Miller đang uống rượu với mấy tay bợm trong một quán cách Reeperbahn vài trăm mét, anh cũng rùng rỉnh tiền vì mới bán được mấy bộ ảnh thời sự cho báo, Giáng Sinh vui vẻ. Lúc đó anh thấy một người đàn bà đang cạo sàn ở đầu kia. Anh nhận ra khuôn mặt đau khổ trong phiên tòa bữa đó. Nổi máu hào sĩ, sau này anh cũng tiếc thẳm trong bụng, anh đã giúi vào túi áo bà ta tờ 100 Mark và bỏ đi ngay.

Tháng 1-1962, anh nhận được một bức thư từ nhà tù Hambourg gửi ra. Chữ nghĩa thì ngô nghê lắm. Bà nợ đã hỏi thăm tên tuổi anh. Và kể lại cho chồng. Bức thư được gửi tới một tạp chí mà anh cộng tác, và tòa soạn đã chuyển lại cho anh.

- Ông Miller kính mến, vợ tôi có kể cho tôi nghe cử chỉ của ông trong đêm Giáng Sinh. Tôi chưa được gặp ông và không hiểu sao ông làm thế, nhưng tôi rất cảm ơn. Ông thực là tử tế. Số tiền ông đã giúp cho Doris và mấy đứa nhỏ sống thoải mái mấy ngày lễ. Nếu tôi có thể làm gì giúp được ông, mong ông cứ cho tôi hay. Trân trọng kính chào...

Nhưng cuối lá thư, cái tên ghi là gì? Koppel. Đúng rồi. Viktor Koppel. Cầu trời cho thằng cha này đừng để bị tổng

giám lần nữa. Miller lục lại sổ tay ghi tên, số điện thoại của các tay lục lâm quen biết. Kéo dài điện thoại để lên đui, anh gọi về cho các tay chơi ở Hambourg. Đến 7 giờ 30 anh tìm được Koppel. Bữa nay thứ sáu, cha này đang la cà ở quán rượu với một số bạn. Qua ống nghe Miller còn loáng thoáng nhận ra tiếng nhạc trong quán. Nó đang chơi bài: "I want to hold you" của Beatles, vốn dễ làm cho anh muốn khùng luôn, mà hồi đó lại thịnh hành gồm. Sựng lại một lát thì Koppel nhớ ra anh, và món tiền anh tặng cho Doris hai năm trước. Koppel lúc đó rõ ràng hơi xin rỗi:

- Chơi đẹp lắm đó, ha Miller. Chơi hết sức điệu đó nghe.

- Nè cha, cha ở tù có viết thư cho tôi là nếu có thể làm được gì là làm giúp tôi liền, nhớ không?

Giọng Koppel có vẻ hơi tỉnh táo lại:

- Ấy... nhớ chứ.

- Được. Tôi cần giúp sức chút, chút thôi. Làm được không?

Tay điệu thủ ở Hambourg vẫn còn e dè:

- Tôi không có nhiều à. Miller!

- Tôi đâu có mượn tiền. Tôi muốn mượn ông làm một vụ nhỏ thôi!

Giọng Koppel có vẻ tỉnh trở lại:

- Ô. Hiểu rồi, xong ngay. Ở đâu vậy?

Miller chỉ đường cho gã đi:

- Tới ga Hambourg, bắt liền chuyến tàu đi Osnabuck. Tôi sẽ đón ở ga. Lưu ý. Nhớ mang theo đồ nghề đầy đủ!

- Nè, ông Miller. Tôi chưa bao giờ làm ăn ngoài khu vực. Tôi không rành Osnabruck.

Miller xô luôn một tràng lông Hamburger:

- Củ này ngon ơ. Koppel à. Trống trơn. Khứa đi vắng, khá "khảm địa" đó. Tôi dò ròi, không có gì đáng kể. Cha có thể dứt gọn ròi rờ-tua về Ham uống phê sáng. Không

có gì đáng lo hết. Thằng khựa đi vắng một tuần. Có gì là côm nghi mấy thằng quý ở đây thôi chứ gì.

- Còn vụ tàu xe?

- Tôi chi cho. Chuyến xe rời Hambourrg 9 giờ. Đi hết chừng một tiếng, dọt liền nghe.

Koppel thở ra:

- O.K.! Tôi đi ra ga liền!

Miller gác máy, rồi gọi cho bồi phòng dặn gọi anh dậy cỡ 11 giờ và lăn ra ngủ.

Ở bên ngoài, Mackensen vẫn kiên trì ngồi đó. Gã quyết định sẽ hành sự vào lúc nửa đêm nếu Miller không đi đâu. Nhưng 11 giờ 15, Miller đi bộ rời khách sạn, anh băng qua quảng trường và đi về nhà ga. Mackensen chối với, gã chui ra khỏi chiếc Mercedès và đi theo. Miller đứng ở sân ga, như đang chờ một chuyến xe lửa.

- Chuyến xe sắp rời ga này là đi đâu đó? Mack hỏi thăm tay bán vé.

- Chuyến 11:33 giờ đi Munster.

Mackensen bối rối tại sao Miller lại đi xe lửa khi nó có xe hơi. Vẫn hoang mang, gã trở lại chiếc Mercedès và quyết định chờ. Đến 11 giờ 35, tắc mắc của gã được giải đáp. Miller cùng một người nhỏ thó, ăn mặc lôi thôi, xách túi da, từ nhà ga đi ra. Họ nói chuyện thắm. Mackensen văng tục. Điều gã ghét nhất là Miller cùng một đồng bọn nào đó cùng đi trên chiếc Jaguar. Cái đó làm rắc rối chuyện thêm. Nhưng gã tỉnh lại khi thấy hai người kia vẫy taxi và đi mất. Gã chờ thêm 20 phút nữa, và cất bước lại chiếc Jaguar, đậu cách đó độ hai mươi mét. Nửa đêm, quảng trường vắng tanh, Mackensen chui khỏi xe mình, xách theo mấy cái đồ nghề, đến bên chiếc Jaguar, nhìn quanh quẩn rồi chui xuống gầm xe.

Do tuyết rơi trên quảng trường, gã biết, sẽ ẩm ướt và dơ chút xíu. Đó là điều duy nhất gã ưu tư. Dùng cái vít, nằm dưới gầm đầu xe, gã mò ra cần khóa nắp capô. Khoảng

hai mươi phút, gã gỡ ra được. Nấp capô bật nhẹ lên. Chỉ cần nhấn mạnh từ trên, nắp sẽ khóa lại như cũ. Như thế gã chĩa cần chui vào trong xe kiểm nút mở nắp capô. Gã trở lại chiếc Mercedes, lấy quả bom ra. Một người chui đầu vào capô cũng chẳng có gì phải chú ý. Người qua đường sẽ nghĩ gã đang sửa xe của gã. Dùng cọng thép và cái kim, gã gài khối chất nổ vào đầu máy, bố trí nó vào thành xe ngay trước chỗ ngồi của tài xế. Nó chỉ cách ngực Miller hơn một thước. Bộ cò nổ, nối với khối nổ bằng hai sợi dây điện, gã luồn nó thông xuống dưới gầm xe. Chui xuống đất, gã nghiên cứu dàn nhún bằng chiếc đèn bấm. Trong năm phút, gã tìm ra chỗ vừa ý, và cuộn chặt đoạn dây cuối ngòi nổ vào dàn treo sàn xe. Hai thanh lưỡi cửa dầu bộ phận cò, cuộn trong bọc cao su, được ngăn cách mong manh bằng một bóng thủy tinh nhỏ xíu, gã đem nhét vào giữa hai lá thép của dàn nhún.

Khi đã gắn chắc chắn, khó thể bị xóc nhẹ mà rơi ra, gã bèn chui khỏi gầm xe. Gã đánh giá khi chạy nhanh, xe gặp một ổ gà hay gờ đường thì dàn nhún dần xuống khiến hai thanh cửa bộ cò chạm vào nhau, bóng đèn nhỏ bị bể, dòng điện được nối lại. Và lúc đó Miller và cái cặp của hắn sẽ nát ra từng mảnh. Sau cùng, Mackensen thu xếp các đoạn dây điện cho gọn ghẽ, dán chúng vào thành xe để chúng đừng bị lỏng thông và bị hở hay đứt vì ma sát với mặt đường. Xong xuôi, gã đẩy nắp capô lại. Trở về chiếc Mercedes, gã chui vào băng sau, lăn ra ngủ. Gã hài lòng vì đã qua một đêm làm việc tốt đẹp.

Miller bảo tài xế đưa họ tới Sear Platz, trả tiền và chờ xe đi khỏi. Koppel thật hay khi ngậm miệng như hến suốt đoạn đường, đến lúc chiếc taxi khuất dạng gã mới mở mồm:

- Tôi muốn được biết ông đang làm gì. Ông Miller. Tức là ông làm vụ này thật kỳ cục, ông vốn là phóng viên cơ mà...

- Koppel, đừng thắc mắc. Cái tôi muốn lấy là một tập hồ sơ, nằm trong tủ sắt ngòi nhà đó. Tôi lấy cái đó, còn

cha cứ lấy các thứ khác. O.K?

- Rồi, vậy há. Bây giờ mình bắt đầu.
- Một chi tiết cuối. Trong nhà có một đứa trẻ gái.
- Trời, ông nói là trống trơn mà. Nếu nó thức dậy thì sao. Tôi không khoái xài võ lực đâu.
- Chúng ta sẽ chờ tới hai giờ sáng là nó ngủ quách.

Họ đi bộ tới nhà Winzer, liếc mắt trông trước trông sau rồi trèo qua cửa. Tránh lối đi trái sỏi, họ bước trên bờ cỏ dọc theo đường xe chạy, băng qua sân, nép người vào bụi cây đỗ quyên trước khung cửa sổ của một căn phòng có vẻ là phòng đọc sách.

Koppel, để Miller ngồi lại coi chừng đồ nghề, gã chuồn đi như thú ăn đêm vòng quanh ngôi nhà xem xét. Khi vòng trở lại, gã thì thào: "Con nhỏ còn để đèn. Cửa sổ ở phía sau dưới mái hiên."

Không dám hút thuốc họ ngồi yên cả giờ, lạnh run dưới tàn lá xanh của bụi cây. Đến 1 giờ sáng, Koppel lại đi một vòng, và ghi nhận đèn trong phòng cô tớ đã tắt. Họ ngồi yên độ mấy chục phút nữa, rồi Koppel nắm tay Miller, cầm cái bị và đi qua sân le lói ánh trăng đến dưới khung cửa sổ phòng sách. Đầu đó dưới đường có tiếng chó sủa, và xa xa có tiếng động cơ xe máy dầu rú lên khi tay anh hùng mô tô nào đó vội vã trở về nhà.

May cho họ, khu bên dưới cửa sổ tràn ngập bóng tối. Mặt trăng còn ở mé kia ngôi nhà. Koppel móc ra cái bút thử điện dò khắp khung cửa sổ. Đó là một cánh cửa có khóa rập nhưng không gắn hệ thống báo động. Gã mở bị, lục lọi trong 30 giây, lấy ra một cuộn băng keo, một cái phễu cao su có thể hút chặt vào kính cửa khi ép mạnh vào, một con dao đầu gắn kim cương để cắt kính, trông giống như cái bút máy, và một cái búa cao su. Vô cùng khéo léo, hắn cắt một vòng tròn trên khung kính, ngay dưới nắm đấm vặn khóa cửa. Cẩn thận hơn, gã dùng băng keo dán chéo lên hình tròn. Gã để cái phễu hút lên tấm

kính tròn. Dùng cái búa cao su, tay trái cầm cán phễu, tay phải lấy búa gõ vào kính. Một tiếng kích. Lại gõ kích cái nữa, nghe rắc một tiếng, vòng kính tròn tách ra hơi thụt vào trong nhưng vẫn còn dính trên khung kính vì hai sợi băng keo. Họ đứng im lặng nghe động tĩnh trong nhà. Im lặng.

Koppel gỡ hai sợi băng keo, đưa cả phễu hút dính với vòng kính đó vào trong, con mắt nhà nghề của gã nhìn ngay thấy tấm thảm dưới sàn, gã khéo léo thả phễu hút và tấm kính êm ái xuống đó. Luồn tay qua lỗ, gã vặn nắm đấm và mở cửa ra. Gã vọt qua cửa nhanh như một con ruồi, Miller theo sau một cách thận trọng. Căn phòng tối hù, mờ mờ ánh sáng bên ngoài, nhưng có lẽ Koppel thấy hết hay sao đấy. "Đứng im nghe", gã thì thào, rồi khép cửa, kéo màn lại. Gã di chuyển qua gian phòng, tránh né đồ đạc một cách tài tình, tới cánh cửa lớn dẫn ra hành lang, ở đó, gã rọi đèn pin. Ánh đèn đi quanh phòng, cho thấy bàn giấy, điện thoại, ghế dựa, dây kệ sát tường, sau cùng dừng lại ở bệ lò sưởi đẹp đẽ bao bọc bằng gạch đỏ. Gã mò lại bên Miller:

- Đây đúng là phòng làm việc. Không thể có hai phòng như thế này, với hai bệ lò sưởi, trong cùng một căn nhà. Căn bầy mở bệ lò ở đâu?

- Tôi không biết, Miller thì thào trả lời, bắt chước cái kiểu thì thào của tay đao chích, anh thấy kiểu nói đó khó mà bị khám phá. Anh phải tìm ra chỗ.

- Đ.M.! Mất thì giờ lắm.

Gã để Miller ngồi vào ghế im một chỗ. Mang theo cái túi, Koppel lần tới bệ lò sưởi, buộc sợi dây quanh đầu và gài cái đèn pin vào đó. Từng phân một, ngón tay nghề nghiệp của gã rờ rẫm thăm dò nghe ngóng. Qua một vòng, gã lại dùng tới hai con dao lá liễu. Đến 3 giờ 30 gã tìm ra đúng chỗ. Mũi dao lách vào giữa hai viên gạch và nghe "kích" một tiếng rất khê, một khối gạch mỗi chiều độ nửa thước bật ra ngoài độ hơn phân. Cơ quan được chế tạo vô

cùng khéo léo, mắt phàm không thể phân biệt được khối gạch đỏ với bệ lò chung quanh. Koppel gỡ cửa ra, mở sang phía trái bằng bản lề. Một khối gạch vuông nửa thước gắn trên sườn thép làm thành cánh cửa. Sau cánh cửa, tia sáng trên đầu Koppel soi rõ một tủ sắt nhỏ chìm trong đó. Gã dao chích móc ra một ống thính chắn, quàng vào cổ, sau năm phút mò mẫm bên ổ khóa số "4 đĩa". Gã lắng nghe qua ống để xác định lấy khóa ở đâu, và bắt đầu xoay. Miller ngồi cách đó độ mười thước chăm chú theo dõi và càng lúc càng căng thẳng. Ngược lại Koppel bình tĩnh, công việc thu hút gã hoàn toàn. Mặt khác, gã biết chả ai khoái người khác lục lọi phòng làm việc của mình khi nó đã bố trí ngăn nắp. Lúc vào, di chuyển và lúc ra đều là những lúc nguy hiểm. Phải 40 phút, vòng khóa cuối cùng mới chịu mở ra. Nhẹ nhàng, gã mở cánh cửa và quay lại Miller, ánh đèn pin rọi qua bàn với một cặp chân nến và một hộp thuốc lá hít trên đó. Im lặng, Miller đứng dậy, tới bên Koppel, anh cầm ngọn đèn pin rọi vào trong. Có mấy cọc giấy bạc, anh móc ra, giúi vào tay Koppel.

Tầng trên tủ sắt chỉ có một thứ, một tập sơ mi bìa cứng. Miller lấy ra, lật vài trang và liếc nhanh. Có khoảng 40 tờ giấy, mỗi tờ có một bức hình và vài dòng chữ đánh máy. Đến tờ thứ 18, hấn ngừng lại và thốt ra: "Cám ơn Chúa." "Im", Koppel hoảng hốt thì thào. Miller gấp tập giấy lại, trả đèn bấm cho Koppel và nói: "Đóng lại đi". Koppel gài cửa, vặn ổ khóa, không phải chỉ để khóa mà gã còn trả lại đúng mặt số mà gã thấy từ đầu. Xong gã trả khối gạch vào chỗ cũ, ấn nhẹ. Chỉ có tiếng kịch rất khẽ phát ra. Gã nhét mở giấy bạc vào túi, tiền trả cho bốn tờ thông hành mà Winzer mới nhận được, gã còn nhét thêm cặp chân đèn và hộp thuốc hít vào bị.

Tắt đèn, gã cầm tay Miller dẫn đi tới cửa sổ, kéo màn ra, ghé mắt nhìn qua cửa kính. Khoảng sân vắng lặng, trắng thì khuất sau mây. Koppel mở cửa nhẩy ra, mang theo cả cái bị chõ Miller leo ra. Gã đóng cửa lại, lần theo bụi cây, Miller theo sau, với tập hồ sơ nhét vào trong ngực áo. Họ mò tới cửa, rồi leo ra đường. Miller nhấp nhộm tính

chạy cho lẹ.

- Đi tà tà, Koppel nói với giọng bình thường. Cứ đi và nói chuyện làm như mình đi chơi về khuya.

Hết ba dặm, trở lại tới sân ga thì đã gần năm giờ sáng. Đường phố bắt đầu lác đác người, dù hôm nay là thứ bảy, vì dân lao động Đức khoái dậy sớm để đi công việc. Họ tới nhà ga mà không bị ai chặn hay hỏi gì. Chả có chuyến xe lửa nào đi Hambourg trước bảy giờ, nhưng Koppel nói sẵn lòng chờ và làm một ly cà phê hay ly rượu cho ấm bụng.

- Cú làm ăn êm xuôi quá. Ông Miller. Hy vọng ông lấy được cái ông cần.

- Rồi, tôi lấy được rồi.

- Thế bây giờ vọt nghe, bye.

Tay đao chích gạt đầu và đi vào nhà ga. Miller quay ra, băng qua quảng trường trở về khách sạn, anh không biết có một cặp mắt đỏ quạch ở băng sau xe Mercedes đang nhìn theo. Vẫn còn sớm chưa vội điều nghiên gì. Miller cho phép mình được ngủ ba tiếng và nhờ bồi phòng gọi dậy lúc 9 giờ rưỡi. Chuông reo đúng vào giờ đó, anh thức dậy kêu cà phê và bánh mì lên phòng rồi đi tắm. Anh ngồi bên ly cà phê và nghiên cứu chồng hồ sơ, nhận ra năm sáu khuôn mặt, nhưng tên thì lạ hoắc. Anh cũng biết, cái tên thì chả có nghĩa gì. Anh lật lại tờ thứ 18. Người đàn ông trong hình có già hơn, tóc dài hơn, một bộ ria mọc trên mép. Nhưng vành tai vẫn thế, đây là chi tiết nhận dạng mà ít người chú ý, nhưng rất khác biệt ở mỗi khuôn mặt. Hai lỗ mũi nhỏ thì vẫn vậy, cái đầu nghiêng nghiêng, cặp mắt màu nhạt. Tên họ là một tên rất phổ thông, cái anh chú ý là địa chỉ. Nó chắc chắn nằm ở trung tâm thành phố và có lẽ là một khu thương xá. Mười giờ, hắn gọi số điện thoại có ghi trên tờ 18 đó. Anh gọi người quản lý thương xá. Đây là một trò liều mạng. Đó là một khu thương xá cho mượn phòng, thuộc loại sang. Anh gọi ông quản lý, thực ra đó chỉ là người gác cửa khu nhà, được xưng tụng lên là quản lý do thói quen trang trọng hóa của người Đức,

anh phân trần là vừa mới gọi tới một phòng trong khu đó mà không được trả lời, có lẽ anh gọi vào giấc lơ cỡ này. Ông quản lý có thể giúp được gì không? Hay điện thoại bị trục trặc. Người ở đầu dây kia rất là sốt sắng. Ông Giám Đốc đó chắc tới xưởng rồi, hay có thể ông đã về nghỉ cuối tuần ở tư gia vùng quê. Xưởng nào đó nhỉ? Sao, xưởng của ông ấy đó, dĩ nhiên. Xưởng radio ấy mà. A, phải rồi, thật tôi lú lẫn quá. Miller bảo chữa thế. Anh lật danh bạ điện thoại tìm ra số của xưởng máy đó. Cô thư ký trả lời điện thoại chuyển ống nói cho ông trưởng phòng, ông này cho Miller hay ông Giám Đốc đã đi nghỉ cuối tuần ở tư gia và chắc sáng thứ hai mới trở về. Số điện thoại của tư gia đó thì xưởng không biết. Miller cảm ơn và gác máy.

Sau cùng anh gọi một đồng nghiệp phòng viên ở Hambourg chuyên về kỹ nghệ doanh nghiệp, và hỏi được số nhà, số điện thoại tư của ông Giám Đốc đó, anh ghi ngay các con số đó vào sổ tay.

Miller ngồi xuống và nhìn vào khuôn mặt của Roschmann, tên mới và địa chỉ của ông ta cũng được ghi vào sổ tay của anh. Bây giờ anh nhớ ra đã từng nghe đến tên này rồi, một kỹ nghệ gia ở vùng Ruhr tới, anh cũng từng trông thấy hiệu radio này trong cửa hàng. Anh lật bản đồ nước Đức ra và xác định được tư gia đó, hay ít ra là khu vực cái làng mà nó nằm trong đó. Hơn 12 giờ, anh thu xếp xong, xuống dưới nhà và thanh toán tiền phòng. Đói kinh khủng, nên anh bước sang phòng nhà hàng trong khách sạn, chỉ mang theo chiếc cặp và gọi một đĩa bíp-tết lớn. Trong lúc ăn, anh quyết định đi luôn quăng đường cuối cùng của cuộc truy tìm và đối diện với mục tiêu vào sáng hôm sau. Anh vẫn còn giữ tờ giấy ghi số điện thoại riêng của ông luật sư Ủy Ban Z-Ludwigsburg. Anh có thể gọi cho ông ấy, nhưng nghĩ lại, anh muốn gặp mặt Roschmann cái đã. Anh cũng e rằng tối nay ông luật sư cũng không ở nhà và anh cũng chẳng trông cậy ông gọi dùm một đội cảnh sát trong 30 phút được. Sáng chủ nhật chắc đẹp hơn.

Đến gần 2 giờ, anh mới rời khách sạn, liệng vali quần

áo vào thùng xe, đặt chiếc cặp vào cạnh ghế và ngồi vào tay lái. Anh không nhận ra có chiếc Mercedes theo sau anh cho đến lúc ra tới xa lộ, Mackensen dừng lại nhìn theo chiếc Jaguar tăng tốc độ vọt đi về phía Nam, gã quành xe trở lại Osnabruck. Dừng lại ở một cột điện thoại bên đường, Mack gọi cho Werwolf ở Nuremberg.

- Nó đã lên đường rồi. Tôi vừa thấy nó vọt về phía Nam như điên-

- Đồ nghề của chú đã gửi theo nó chưa?

Mackensen cười gằn:

- Xong rồi. Ngay giàn nhún phía trước. Trong vòng 50 dặm nó sẽ nát như cám, ông không thể nhận ra nổi đâu.

- Tuyệt. Chú chắc là mệt lắm. Kamerad thân mến. Hãy kiểm chỗ nào dưới phố và nghỉ ngơi đi.

Mackensen khởi chờ cho phép. Gã chưa ngủ được trọn đêm nào từ hôm thứ tư tới nay.

Miller lái xe qua 50 dặm, rồi thêm trăm dặm nữa. Mackensen đã không thấy một điều. Bộ cò nổ của gã có thể chạm nhau dễ dàng nếu gắn vào giàn nhún của các kiểu xe hơi của lục địa Châu Âu. Nhưng cái Jaguar này lại là xe thể thao Anh Quốc với giàn treo rất vững chắc, giàn nhún lại được Miller hàn cứng thêm, khi chiếc xe chạy trên xa lộ hướng về Frankfurt, những ổ gà xóc mạnh vào hai bánh trước được giảm xuống còn rất nhẹ, nó cũng đủ làm vỡ vụn chiếc bóng đèn giữa hai thanh cò nổ. Nhưng chúng chẳng chạm vào nhau được. Một lần dằn rất mạnh nữa, chúng tiến sát vào nhau còn cách độ 1mm thì lại tách ra xa. Không hề hay tử thần kề bên. Miller vẫn lái xe qua Munster, Dortmund, Wetzlar và Bad Hambourg rồi tới Frankfurt trong ba giờ đồng hồ, rồi lại vòng qua con lộ đi Königstein và khu rừng rậm, phủ đầy tuyết của vùng núi Taunus.

CHƯƠNG 16

Trời đã sụp tối khi chiếc Jaguar ghé vào một thị trấn nhỏ trên sườn phía Đông của dãy núi. Nhìn qua bản đồ, Miller biết mình chỉ còn cách điên trang tư gia muốn tìm đó khoảng 20 dặm. Anh muốn đi luôn trong đêm nay, nhưng thôi, tìm một khách sạn nghỉ và đợi tới sáng mai.

Rặng núi bao ở phía Bắc, có con đường xuyên qua đó đi Limburg, nằm im lặng dưới lớp tuyết phủ kín bờ đá và bạt ngàn rừng thông. Ánh đèn nhấp nháy trên con phố chính của thị trấn, soi mờ mờ cho thấy những sườn trơ trụi của mấy tòa lâu đài đứng hiu quạnh trên đồi, xưa kia vốn là lãnh địa của Công Tước Falkenstein. Bầu trời thì còn sáng, nhưng hơi gió ẩm đục hứa hẹn một đêm tuyết rơi nhiều. Ở góc đường Haupt và đường Frankfurt, anh tìm được một khách sạn, khách sạn Park, và mượn phòng. Ở thị trấn miền núi, việc tắm nước suối lạnh chữa bệnh vào tháng 2 này khó mà hấp dẫn như hồi mùa hè. Nên phòng trống còn ê hề. Người bồi chỉ cho anh đưa xe vào đậu ở bãi phía sau, dưới bóng cây bao quanh. Anh để xe ở đó và đi ăn bữa tối ở nhà hàng Grune Baume trên đường Haupt, vốn là một trong độ chục nhà hàng lâu đời của thị trấn này. Thần kinh anh dần ra, dịu lại trong bữa ăn. Anh còn thấy tay mình run run khi cầm ly rượu. Một phần vì kiệt sức, thiếu ngủ suốt bốn ngày qua, ngoài việc chợp mắt

được một hai giờ mỗi bữa.

Một phần vì sự căng thẳng trong cú ăn trộm với Koppel, và cảm giác kinh ngạc trước dịp may dành cho anh khi quyết định trở lại nhà Winzer lần thứ nhì, dò hỏi cô hầu gái về người săn sóc cho Winzer mấy năm trước.

Nhưng hơn hết, anh biết, đó là cảm xúc khi bước tới gần điểm kết thúc cuộc truy tầm, chạm trán với người đàn ông anh đã tìm kiếm sau bao cuộc điều tra, cộng với nỗi lo sợ rằng sẽ có chuyện gì không ổn xảy ra. Anh nhớ lại ông bác sĩ lạ mặt tại khách sạn Bad Godesberg, người đã cảnh cáo anh chớ có tới gần tay Kamerad đó, và tay Do Thái săn Quốc Xã ở Vienna: "Phải cẩn thận, họ rất là nguy hiểm đó". Suy đi nghĩ lại, anh vẫn hoang mang tự hỏi sao họ vẫn chưa làm gì mình. Họ biết tên anh là Miller, cú gặp mặt ở khách sạn Dressen chứng tỏ điều đó, còn cái lót Kolb, thi vụ Bayer ở Stuttgart chắc cũng lộ rõ rồi. Vậy mà anh chưa thấy gì. Có điều họ không ngờ, anh biết chắc thế, là anh đã đi xa tới cỡ gần sát mục tiêu này rồi. Có lẽ họ đã lạc mất dấu của anh, hay đã quyết định để mặc anh làm gì thì làm, vì tin rằng khi tay làm giấy giả đi mất, thì anh chả tìm được manh mối gì thêm.

Và bây giờ anh đã có tập hồ sơ, điều bí mật và bằng chứng kinh khủng của Winzer, với tài liệu này, đây sẽ là câu chuyện phóng sự vĩ đại nhất trong thập niên này ở Tây Đức. Anh mỉm cười với mình, nhưng cô hầu bàn nghĩ anh cười với nàng. Cô ta lắc lư cặp mông đi qua bàn của anh, làm anh nhớ tới Sigi. Anh đã không gọi cho nàng từ khi rời Vienna, nàng chỉ nhận được lá thư của anh viết hồi đầu tháng 1, đã sáu tuần rồi. Anh cảm thấy cần có nàng hơn bao giờ hết. Vui thật, sao đàn ông luôn luôn cần có đàn bà một cách dữ dội khi họ có gì sợ hãi. Anh phải thừa nhận là anh đã sợ hãi, một phần vì việc đã làm, một phần vì tay đồ tể kia đang ở đâu đó, sau vùng núi, mà anh sắp đến gặp.

Anh lắc đầu mạnh để tỉnh táo lại và gọi tiếp nửa chai rượu nữa. Bây giờ không phải lúc ưu tư. Anh đã làm được

một vụ lớn chưa từng thấy trong nghề báo chí và đang sắp sửa kết thúc nó. Uống ly rượu, anh phác họa kế hoạch sắp tới. Một cuộc chạm trán đơn giản, một cú điện thoại cho ông luật sư ở Ludwigsburg, 30 phút sau là một chiếc xe cảnh sát tới bắt giam người đó, ra tòa và bản án chung thân. Nếu ông ta cứng đầu, anh có thể xuống tay giết luôn ông đại úy SS đó lắm. Anh nghĩ tới nghĩ lui, rồi thấy mình chả có vũ khí gì cả. Nếu Roschmann có một vệ sĩ thì sao? Liệu ông ta dám ở một mình, tin tưởng lý lịch mới của ông ta có thể bảo đảm không bị khám phá chăng? Hay còn giữ một tay cận vệ dững mảnh để phòng lúc có biến.

Trong thời gian thụ huấn quân sự, Miller có người bạn một đêm tới chơi phòng của bọn lính gác tới khuya mới về, bạn đó đã ăn cắp một cặp còng, rồi sau này sợ bị khám phá ra, người bạn đó đã đem cho Miller. Anh giữ lấy coi như vật kỷ niệm của thời còn trong quân đội. Bây giờ nó được nhét dưới đáy rương để trong nhà anh ở Hambourg. Anh cũng có một khẩu súng, hiệu Sauer tự động mua hợp pháp, hồi anh đang điều tra theo dõi các tay đao tặc Hambourg năm 1960, anh bị tên đao phủ Pauli nhóc tí đe dọa. Khẩu súng đó cũng để ở Hambourg trong hộp bàn giấy.

Cảm thấy hơi lơ mơ vì mấy ly rượu và sự mệt mỏi, anh đứng dậy trả tiền và trở lại khách sạn. Anh định lên phòng gọi điện thoại thì thấy hai phòng điện thoại công cộng ngay cửa khách sạn. Dùng cái này thì an toàn hơn. Lúc đó đã gần 10 giờ, anh gọi được Sigi ngay tại hộp đêm của nàng. Trong tiếng nhạc âm ì, anh phải la lên để nàng có thể nghe thấy. Miller ngắt ngang chuỗi câu hỏi của nàng, nào là anh ở đâu, sao không liên lạc, bây giờ làm gì... anh nói ngay với nàng anh đang cần gì. Nàng phản đối là nàng không thể đi được nhưng giọng nói của anh làm nàng sững lại.

- Anh có khỏe không? Nàng la lên trong máy.

- Khỏe. Nhưng anh cần em giúp. Vui lòng, em yêu, đừng bỏ anh, đừng bỏ anh tối nay.

Ngưng lại một lát, nàng đáp:

- Em sẽ tới, em sẽ nói là có chuyện khẩn cấp. Chuyện gia đình gì đó.

- Em còn tiền để mượn xe không?

- Chắc đủ. Em có thể mượn bạn.

Anh cho nàng địa chỉ của nhà cho mượn xe vốn có quen, anh dặn nàng có thể nói tên anh ra.

- Anh ở xa không?

- Cách Hambourg 500 Km. Em đi xe chắc độ 5 tiếng, tính từ bây giờ là 6 tiếng. Em sẽ tới đây vào lúc 5 giờ sáng. Mà nhớ mang theo mấy thứ đó nghe.

- Được rồi, anh ráng chờ, ngưng một lát, rồi: Peter anh yêu...

- Gì?

- Anh đang có gì sợ hãi phải không?

Đèn máy bắt đầu nháy, anh lại không còn đồng Mark nào.

- Phải. Anh đáp và gác máy ngay lúc đường dây bị cúp. Ở quầy khách sạn, anh hỏi người gác cửa có cái bao thư cỡ lớn nào không, sau khi lục lọi một lát, ông ta đưa ra một bao thư giấy dày, có thể nhét cả cuốn sách vào đó. Miller cũng mua luôn một số tem đủ để gửi bao thư đi bằng bảo đảm dù khá nặng, anh hết hết số tem của người gác cửa, vốn chỉ dùng để tặng khách trọ lúc họ muốn gửi đi một tấm bưu ảnh.

Trở lại phòng, anh lấy chiếc cặp ra, anh ôm kê kê suốt đêm qua, đặt lên giường và móc tập nhật ký Salomon Tauber, xấp hồ sơ của Winzer và hai tấm ảnh. Anh đọc lại hai trang mà ban đầu đã thúc đẩy anh lao vào cuộc săn đuổi người lạ mặt này và so sánh hai tấm ảnh với nhau. Cuối cùng anh lấy ra một tờ giấy trắng và viết một đoạn văn ngắn nhưng rõ ràng, giải thích tập hồ sơ chứa trong bao thư là cái gì. Lá thư tập hồ sơ Winzer và một bức ảnh,

anh bỏ cả vào bì thư, ghi địa chỉ và dán hết số tem kiểm được vào. Tấm ảnh kia, anh nhét vào túi áo trên ngực. Bao thư và tập nhật ký được nhét vào cặp và anh đem dấu dưới giường. Anh còn một chai rượu nhỏ trong vali, rót một ít vào ly để đánh răng trong phòng tắm. Anh thấy tay mình vẫn còn run, nhưng men rượu làm anh khá hơn. Anh nằm xuống giường, đầu hơi ngả sang bên, và thiếp đi.



Dưới căn hầm ở Munich, Josef bước quanh quán, bức bối và nóng nẩy. Ở bàn, Léon và Motti cúi đầu trầm tư. Đã 48 giờ kể từ khi nhận được bức điện của Tel Aviv. Mọi nỗ lực tìm theo dấu Miller đều không kết quả. Họ đã gọi điện. Alfred Oster đã đi coi chỗ đậu xe ở Beyreuth và cho hay chiếc xe đã biến mất. Josef nghe tin này liền rít lên:

- Nếu chúng thấy cái xe, thì sẽ biết ngay hẳn không phải thợ bánh mì ở Bremen, dù cho bọn chúng không biết chủ xe là Peter Miller đi nữa.

Rồi một người bạn ở Stuttgart cho Léon hay cảnh sát ở đây đang truy tìm một thanh niên có dính đến cái chết của một người tên Bayer trong một khách sạn nọ. Lời mô tả đúng như Miller dưới dạng Kolb chứ không phải là ai khác, may là ghi tên trong sổ khách sạn thì chẳng phải Kolb hay Miller, còn cái xe thể thao đen cũng không nghe nói tới.

- Ít ra hẳn cũng còn biết mượn phòng với cái tên giả. Léon bảo.

- Đó là đặc điểm của vai Kolb, Motti nói. Kolb được coi như đang bị cảnh sát truy nã.

Nhưng đó chỉ là điều hài lòng thoáng qua. Nếu cảnh sát Stuttgart không tìm ra Miller, thì nhóm Léon cũng đành chịu, và họ chỉ lo sợ rằng Odessa lúc này đã gần truy ra Miller rồi. Hẳn tất phải biết rõ sau khi giết Bayer là đã bị lộ rồi, và như thế ắt phải trở lại tên Miller, Léon suy luận, như thế hẳn phải dẹp vụ truy tìm Roschmann, trừ khi hẳn moi được cái gì ở Bayer có thể giúp hẳn tìm ra

Roschmann.

- Thế tại sao hấn không chịu gọi điện về. Josef cau có. Thằng khờ đó bộ nghĩ là mình hấn có thể vớ được Roschmann đấy hấn.

Motti ho khục khặc:

- Hấn không rõ Roschmann có tầm quan trọng cỡ nào trong Odessa cả.

- Rồi, nếu hấn truy tới gần, hấn sẽ rõ.

- Và lúc đó, hấn chỉ còn là cái xác chết, và chúng ta lại trở lại từ đầu, Josef cau nhàu: Sao thằng khờ đó không điện thoại về nhỉ?

■

Nhưng đường dây điện thoại ở nơi khác, đêm đó rất bận rộn, vì Klaus Winzer đã gọi cho Werwolf từ một căn nhà nhỏ trên miền núi Regeusburg. Ông nhận được tin rất đáng khích lệ. -

- Phải, tôi nghĩ ông có thể an tâm trở về nhà, ông chỉ huy Odessa trả lời: Tên âm mưu tìm gặp ông bây giờ chắc chắn đã được thu xếp rồi.

Tay làm giấy cảm ơn, ông định thanh toán tiền phòng và khởi hành ngay trong đêm để trở về cái giường rộng rãi, tiện nghi trong nhà ở Westerberg, Osnabruck. Ông hy vọng về kịp vào bữa điểm tâm, tắm một phát và ngủ bù một giấc dài. Sáng thứ hai, ông có thể trở lại nhà in, tiếp tục coi sóc công việc làm ăn.

■

Miller bị đánh thức vì tiếng gõ cửa. Anh nheo mắt, đèn còn sáng, và ra mở cửa. Người gác cổng khách sạn đứng ở đó, sau lưng ông là Sigi. Miller vội vàng giải thích rằng cô đó là vợ anh đem tới cho anh mấy thứ giấy tờ quan trọng cho công việc làm ăn sáng mai. Người giữ cửa, một dân địa phương với giọng nói vùng Hesse khó nghe, nhận mấy đồng tiền thưởng và quay gót. Sigi lao tới ôm chầm

lấy Miller trong khi anh đá cái cửa đóng lại.

- Sao ở đây? Anh làm cái gì vậy?

Anh cắt ngang những câu hỏi bằng một cách vô cùng giản dị, đến lúc họ buông nhau ra thì đôi má giá lạnh của Sigi đã đỏ hồng lên, nồng cháy, còn Miller cảm thấy mình như con gà chọi. Anh cởi áo khoác của nàng treo trên móc sau cửa. Nàng bắt đầu hỏi đủ thứ chuyện.

- Chuyện gì trước làm trước. Anh đáp và kéo nàng ngã xuống giường, lớp vải nệm dày vẫn còn ấm hơi anh vừa nằm ngủ. Sigi cười rúc rích:

- Anh chẳng thay đổi gì cả.

Nàng vẫn còn mặc nguyên bộ đồ vũ nữ hộp đêm, áo xẻ sâu trước ngực, với chiếc nịt vú rất hà tiện vải. Anh kéo phéc-mơ-tuya sau lưng nàng xuống và lộ bờ vai tròn trịa của nàng ra:

- Còn em thì sao? Anh thì thăm.

Nàng hít sâu vào và nằm ngửa xuống khi anh khom người theo, nàng kéo mặt anh đối diện với mình mỉm cười:

- Không, không thay đổi gì cả. Anh biết em là thế nào đây!

- Và em cũng biết anh thế đấy.

Nàng ré lên:

- Em trước. Em thiếu anh nhiều hơn anh thiếu em.

Không có tiếng trả lời, chỉ im lặng, thỉnh thoảng có tiếng rên rĩ và tiếng thở gấp rút của Sigi. Khoảng một giờ sau họ ngưng lại, thở hổn hển và sung sướng. Miller rót một ly rượu pha với nước, Sigi nhấp sơ sơ, nàng không phải tay uống rượu trừ khi vì nghề nghiệp, Miller bèn uống hết. Sigi nói với vẻ điệu cợt:

- Rồi chuyện thứ nhất làm xong rồi..

- Mới một chút. Miller ngắt lời, Sigi cười rúc rích.

- Mới một chút, bây giờ anh nói cho em nghe về cái lá thư kỳ cục, rồi sáu tuần nay biến đi đâu, sao mà hớt tóc trụi lủi thế kia, còn cái phòng trong khách sạn Hesse này là thế nào?

Miller nghiêm mặt lại. Một lát anh đứng dậy, vẫn còn trần truồng, anh đi qua phòng đem lại cái cặp và ngồi xuống mé giường.

- Em sẽ hiểu rõ việc anh làm bấy lâu nay, bây giờ anh nói cho em nghe. Anh kể lại trong gần một giờ đồng hồ, bắt đầu từ việc vợ được tập nhật ký, anh đưa cho nàng coi, và kết thúc bằng việc đột nhập vào nhà Winzer.

Càng nghe Sigi càng kinh ngạc:

- Anh điên rồi, nàng nói khi anh dứt lời: Anh mê muội rồi. Anh để người ta giết anh mất, hay bị bắt hoặc cả ngàn chuyện trời đất nào khác.

- Anh phải làm thế... Anh trả lời, không biết giải thích ra sao cho những chuyện mà bây giờ anh thấy có vẻ cũng điên thế nào ấy.

- Tất cả là vì cái tên Quốc Xã đó hả? Anh thật khùng. Hết rồi Peter, thế là xong hết rồi đó. Anh muốn gì khi phi thì giờ trong chuyện này?

Nàng nhìn anh chăm chăm, kinh ngạc.

- Anh phải làm thế. Anh đáp một cách ương ngạnh.

Nàng thở dài và lắc đầu như chẳng thể hiểu nổi anh nữa.

- Thôi được. Bây giờ là xong. Anh đã biết người đó là ai, ở đâu rồi. Thì bây giờ về Hambourg, nhắc điện thoại và gọi cho cảnh sát. Họ sẽ lo các chuyện còn lại. Đó là nghề nghiệp của họ mà.

Miller chẳng biết trả lời nàng ra sao:

- Nó không đơn giản thế đâu. Anh sẽ tới đó sáng nay.

- Sẽ tới đâu?

Anh chỉ ngón tay qua cửa sổ, hướng về dãy núi còn mờ mờ tối đằng xa:

- Tới nhà của người đó.

- Nhà người đó? Để làm gì? Mắt nàng trợn tròn kinh ngạc: Anh tới gặp hắn hả?

- Phải. Đừng hỏi tại sao, vì anh không thể nói với em được. Đó là chuyện anh phải làm.

Phản ứng của nàng làm anh chời vờ. Nàng ngồi bật dậy tựa trên đầu gối và nhìn vào anh lúc đó đang nằm hút thuốc, đầu anh hơi nhô lên khỏi gối.

- Vậy là lý do anh cần khẩu súng đó hả, nàng chồm tới bên anh, bộ ngực phồng lên nhấp nhô theo nỗi tức giận của nàng: Anh sẽ đi giết hắn..

- Anh sẽ không giết hắn...

- Được, thế thì hắn giết anh. Còn anh đơn độc đi tới đó với một khẩu súng, đối diện hắn và đồng bọn. Thật là đồ khùng, anh điên quá rồi...

Miller nhìn nàng sửng sốt:

- Làm cái giống gì mà em hăng thế? Với cái tên Roschmann đó?

- Em chả có hăng gì với tên Quốc Xã đó cả. Em chỉ nói về em. Về anh và em, anh chàng khờ khạo ngốc nghếch này thôi. Anh sắp để mình bỏ mạng ở đó, để mà chúng tổ một cái quỷ ma gì đó, làm thành một cái phóng sự cho cái bọn độc giả ngu dốt của anh. Anh chả có lấy một phút nghĩ tới em.

Nàng bắt đầu khóc rức lên, nước mắt làm trôi lớp phấn trên gương mặt như những đường rầy xe lửa:

- Nhìn em đây nè, nhìn vào em đây nè. Anh nghĩ em là cái gì, là thứ người nào? Bộ anh nghĩ em mỗi đêm nằm với một thằng phóng viên thổ tả nào đó, để hắn thấy hài lòng rồi đi theo đuổi một chuyện trời ơi nào, rồi bỏ mạng sao? Bộ anh nghĩ vậy đó hả? Nghe đây, anh khờ. Em muốn

kết hôn. Em muốn trở thành bà Miller. Muốn có con. Còn anh thì để mình bị giết... Ô... Trời..

Nàng vùng nhảy khỏi giường và chạy vào phòng tắm, sập cửa và khóa nghiêng lại. Miller nằm trên giường há hốc mồm, điều thuốc cháy sát tới ngón tay. Miller chưa từng thấy nàng nổi giận như thế, và cái đó làm anh ngỡ ngẩn. Anh nghĩ lại những điều nàng nói trong khi tai nghe tiếng vòi nước chảy trong phòng tắm. Liệt mẩu thuốc đi, anh bước tới phòng tắm:

- Sigi.

Không có tiếng trả lời:

- Sigi.

Tiếng vòi nước ngưng chảy:

- Anh đi đi.

- Sigi. Mở cửa ra. Anh muốn nói chuyện với em.

Im lặng một lát, rồi chốt cửa được mở ra. Nàng đứng ở đó, trần truồng, vẻ cau có. Nàng đã rửa trôi đi lớp phấn sáp trên mặt.

- Anh muốn gì.

- Lại giường đi. Anh muốn nói chuyện với em. Đứng ở đây mình lạnh chết.

- Không, anh chỉ muốn làm tình nữa.

- Không đâu, thật đó. Anh hứa là không đâu. Anh chỉ muốn nói chuyện thôi.

Anh cầm tay nàng dẫn tới giường và hơi ấm hai người còn ở đó. Gương mặt nàng vẫn còn vẻ cau có:

- Anh muốn nói cái gì?

Anh leo lên giường ghé sát miệng vào tai nàng:

- Sigrid Rahn, em chịu lấy anh chăng?

Nàng quay mặt sang nhìn anh:

- Anh muốn nói thế hả?

- Phải. Trước đây anh chưa từng nghĩ đến chuyện đó. Mà em cũng chưa hề nổi giận như vậy bao giờ.

- Ô... Ô.. Nàng thở ra như không dám tin vào lỗ tai mình:

- Thế thì em sẽ nổi giận thường xuyên hơn.

- Anh muốn em trả lời.

- Ôi. Peter. Vâng em muốn. Chúng ta sẽ hạnh phúc với nhau.

Anh khởi sự vuốt ve nàng, và cảm thấy mình hưng lên.

- Anh nói là không muốn làm thế mà! Nàng kết tội anh.

- Ô chỉ lần này nữa thôi. Rồi anh hứa sẽ để em một mình an ổn hoàn toàn mà.

Nàng giơ chân cặp ngang người anh, chồm lên áp hông nàng trên bụng anh. Nằm trên nhìn xuống, nàng nói:

- Peter Miller, đồ anh dám...

Miller, dướn người lên, kéo chốt tắt ánh sáng trong khi nàng bắt đầu làm tình với anh. Bên ngoài, trời đầy tuyết, ở chân trời phía Đông le lói ánh sáng mờ mờ. Nếu Miller nhìn vào đồng hồ, thì sẽ thấy lúc đó là 7 giờ thiếu 10, sáng chủ nhật 23 tháng 2. Nhưng anh đã ngủ mất rồi.



Nửa giờ sau đó, Klaus Winzer lái xe về tới nhà, dừng lại trước cửa gara đóng kín. Ông leo ra mở cửa, ông rất mỏi mệt, nhưng sung sướng vì đã về tới nhà. Barbara vẫn chưa dậy, thừa cơ ông chủ đi vắng, cô nàng đã nằm nướng lâu hơn. Đến lúc Winzer vào tới nhà và cất tiếng gọi từ phòng ngoài, cô mới bước ra, vẫn còn mặc bộ đồ ngủ làm cho mạch máu của những người đàn ông căng nóng lên. Vậy mà Winzer chỉ đòi trứng tráng, bánh mì, bơ và một bình cà phê, nước tắm. Nhưng ông ta không có gì hết. Vì Barbara thừa lại với ông là sáng thứ bảy, cô thấy phòng đọc sách bị đột nhập, cửa kính bị cắt, mà mấy đồ dùng bằng bạc bị lấy mất. Cô đã gọi cảnh sát, và họ đã xác

định một lỗ kính bị cắt đều như thế này phải là tác phẩm của một tay đao chích chuyên nghiệp. Cô nói với họ là ông chủ đi vắng, họ yêu cầu khi ông về tới thì cho họ hay, để hỏi thêm về một số chi tiết chưa được rõ.

Winzer im lặng nghe cô tớ gái nói, mặt ông tái dần đi, mạch máu trên thái dương phập phồng. Ông bảo cô vào bếp pha giùm cà phê, và đi vào phòng đọc sách, đóng kín cửa lại. Trong vòng 30 giây, tay quơ điên cuồng trong tủ sắt trống rỗng, ông tin thật rằng tập hồ sơ về 40 tay Odessa đã biến mất. Khi ông đóng tủ lại, chuông điện thoại reo. Bác sĩ ở dưỡng đường báo về là bà Wendel đã qua đời đêm qua. Trong suốt hai giờ, Winzer ngồi thừ trên ghế, trước lò sưởi không lửa, mặc dù không khí lạnh tràn vào qua lỗ kính cửa sổ đã được dán lại bằng giấy báo, ông chỉ nghe như có cái gì ngọ nguậy trong người ông khi đang cố nghĩ ra phải làm gì bây giờ. Tiếng gọi của Barbara ngoài cửa thông báo bữa ăn sáng đã dọn xong, nhắc đi nhắc lại mấy lần mà ông cũng chẳng nghe. Qua lỗ khóa, cô nàng thấy ông ngồi lăm bằm:

- Không phải lỗi tại tôi, không phải lỗi tại tôi gì cả.



Miller đã quên không dặn bồi phòng khởi đánh thức theo lời yêu cầu của anh tối hôm trước, nên chuông đầu giường reo lên đúng 9 giờ. Anh cảm ơn người bồi và leo xuống giường. Anh biết nếu không ra khỏi giường thì anh sẽ lại ngủ như chết. Sigi vẫn còn mê man, có lẽ vì mệt sau chuyến hành trình từ Hambourg tới đây, vì cuộc ân ái và nhất là hài lòng vì lời hứa hôn. Miller tắm rửa, ngâm mình vài phút dưới làn nước lạnh, lau người kỹ càng bằng chiếc khăn đã được đặt trên lò sưởi điện suốt đêm qua, và cảm thấy như mới vỡ được bạc triệu. Sự nản lòng và bồn chồn tối qua đã biến mất. Anh cảm thấy phấn chấn và tự tin. Anh đi giầy thấp, quần rộng, một chiếc Pull over cổ tròn, một cái áo khoác vải len thô, kiểu áo mặc mùa Đông mà người Đức gọi là Joppe, nửa như áo khoác, nửa như áo choàng. Nó có túi lớn ở cả hai bên, đủ sức chứa

khẩu súng và cái còng, một túi áo ngực trong để đựng tấm ảnh. Anh lấy chiếc còng trong túi xách của Sigi ra xem xét. Nó không có khóa, ngàm còng sẽ tự động khớp lại chờ cảnh sát tới mở hay dùng lưỡi cửa sắt cửa ra. Anh cũng mở ra sãm soi khẩu súng. Anh chưa bắn bao giờ và vẫn còn lớp mỡ bôi phía trong. Ổ đạn vẫn còn đầy nhóc, như hồi xưa anh đã nạp vào. Anh bật nút khóa nòng vài lần để chắc là mình nhớ rõ vị thế nào "On" hay "Fire", đẩy ổ đạn vào báng súng, kéo chốt để đẩy một viên đạn lên nòng, và bật khóa nòng sang nút "On". Anh nhét mảnh giấy ghi số điện thoại của ông luật sư ở Ludwigsburg vào túi quần.

Anh lôi chiếc cặp dưới giường ra, lấy một tờ giấy ghi vài dòng cho Sigi: "Em yêu, anh sắp đi gặp kẻ mà anh săn đuổi, anh có lý do để nhìn tận mặt người đó, và có mặt khi cảnh sát tới còng tay dẫn nó đi. Đó là một sự kiện hay, anh sẽ kể lại cho em nghe chiều nay. Nhưng nếu có gì, thì đây anh muốn em làm hộ những chuyện này..." Lời dặn rất rõ ràng, ngắn gọn. Anh ghi số điện thoại ở Munich mà nàng sẽ gọi và bức thư nàng sẽ đọc cho người ở đầu dây đó nghe.

Anh kết luận:

- Trong bất kỳ trường hợp nào, cũng đừng theo anh lên núi. Dù gì, em cũng chỉ làm chuyện thêm rồi thôi. Nên, nếu chiều anh không trở về, hay không gọi điện về cho em, thì hãy gọi điện thoại số trên, nói cho họ những điều anh dặn, thanh toán tiền phòng, bỏ bì thư lớn này vào bất kỳ thùng thư nào ở Frankfurt, rồi lái xe về Hambourg. Đừng dính dáng với bất kỳ ai trong suốt thời gian đó. Yêu em vô cùng. Peter.

Anh dần lá thư bên dưới điện thoại ở đầu giường ngủ, cạnh đó là phong bì lớn đựng tập hồ sơ Odessa và ba tờ giấy 50 Mark. Cặp tập nhật ký Salomon Tauber dưới nách, anh im lặng ra khỏi phòng và xuống cầu thang. Ở bàn quản lý anh dặn người bồi gọi lên phòng anh lúc 11 giờ 30. Khi anh bước ra cửa khách sạn thì đã 9 giờ 30 và ngạc

nhiên khi thấy tuyết đêm qua xuống nhiều quá. Miller đi vòng ra sau, leo lên chiếc Jaguar, mở cần gió và nhấn nút đê-ma-rơ. Phải mấy phút máy mới chịu nổ. Trong khi chờ máy nóng, anh lấy cái chổi và quét tuyết bám trên mui, kính và đầu xe.

Ngồi vào tay lái, anh gài số và cho xe chạy ra đường cái. Lớp tuyết bám đầy mọi nơi, anh nghe tuyết khối vỡ ra khi bị bánh xe nghiền lên. Liếc nhìn qua bản đồ chi tiết địa phương, anh lái xe vòng qua con đường đi Limburg.

CHƯƠNG 17

Buổi sáng trở lại u ám, xám xịt sau một lát sáng sửa lúc bình minh. Dưới bóng mây, tuyết lấp lóa dưới tàn cây và con đường vòng bên núi. Con đường dốc, ngoằn ngoèo, rời khỏi thị trấn rồi chìm ngay vào rừng cây Romberg. Ra khỏi thị trấn, lớp tuyết trên đường hầu như còn nguyên vẹn, chưa được dọn dẹp, chỉ có một lần xe chạy của ai đó tới giếng giáo đường Königsteine trong buổi sớm còn để lại. Miller rẽ qua Glashutten, vòng theo đường trên ngọn núi Peldberg và chạy xuống con đường dẫn vào làng Schmitten. Trên ngọn núi, gió rít qua hàng thông làm xao xác mấy cành cây phủ đầy tuyết.

Mặc dù Miller không hề có ý định, nhưng qua từng rừng thông anh lại nhớ tới những bộ lạc Đức cổ xưa đã bị tập hợp thành đám để César kiểm soát vùng Rhine. Sau này cải sang đạo Thiên Chúa, họ mỗi ngày phải xưng tụng vị Hoàng Đế Thái Bình, nhưng hằng đêm vẫn mơ về những thần tượng cổ của sức mạnh, vinh quang và quyền lực. Đó là lòng hoài niệm của người xưa, hằng đêm tế tự những vị thần cổ của rừng cây bạt ngàn, mà sau này Hitler đã khởi dậy bằng kỹ thuật quái ác của ông ta. Sau khoảng 20 phút lái xe thận trọng, Miller xem lại bản đồ và dò tìm con đường dẫn vào điền trang tư gia đó. Khi tìm thấy, thì nó là một cổng rào sắt, có một bảng được gắn bên cạnh, đề

là "Diên Trang tự nhân, miễn vào." Để xe nổ máy, anh bước xuống và đẩy cánh cửa ra. Miller cho xe chạy vào theo lối đi. Tuyết còn phủ đầy, anh cho xe chạy bằng số nhỏ, bên dưới tuyết chỉ có lớp cát lạnh cứng. Đi độ 200 thước, thì có một nhánh sồi khá lớn bị gãy trong đêm qua rơi xuống, mang theo cả một khối tuyết bụi, cành cây làm gãy luôn những cây sồi nhỏ bên cạnh, vài nhánh nhỏ nằm bật trên đường, xô đổ cả một cây cọc ai cắm ở đó, và như thế nó chặn đường xe chạy.

Không muốn ra dọn dẹp, anh lái cẩn thận và cảm thấy hai bánh trước, rồi hai bánh sau từ từ trèo qua cây cọc nằm ngang đường. Anh tiếp tục cho xe chạy tới trước tòa nhà và rẽ vào lối đi trải đá sạch sẽ bao quanh tòa nhà. Anh dừng xe trước cửa chính, leo xuống và rung chuông. Trong lúc Miller leo khỏi xe, thì Klaus Winzer đã quyết định và gọi cho Werwolf. Tay chỉ huy Odessa tức điên lên và đổ mồ hôi hột, vì đã chờ mãi mà không nghe nói gì tới tin một chiếc xe thể thao bị nổ tung trên đường xa lộ phía Nam Osnaburck. Nhưng rồi lại nghe tin báo của Winzer, khòe miệng của ông ta bậm chặt lại thành một đường mỏng sắc nét.

- Ông làm cái trò gì vậy? Đồ ngu, không tin nổi ông nữa, đồ ngu dân hết sức mà. Ông biết sẽ gặp chuyện gì nếu không thu hồi tập hồ sơ đó lại được hay không?..



Còn lại một mình trong phòng ở Osnabruck, Klaus Winzer đặt ống nghe xuống giá sau câu nói của Werwolf qua đường dây, ông trở lại bàn giấy. Cảm thấy vô cùng bình thản. Đời ông đã hai lần bị chơi trác, lần thứ nhất khi toàn bộ tác phẩm của ông bị quăng xuống hồ nước hồi kết thúc thế chiến, lần thứ nhì là việc hủy bỏ tất cả tiền bạc của ông có hồi 1948, và bây giờ lại một cú nữa. Lấy ra một khẩu Luger đã cũ nhưng còn xài được, từ học tử dưới cùng, ông để nòng súng vào miệng và xiết cò, viên đạn chỉ phá tung cái đầu, không phải là đồ giả mạo.



Werwolf ngồi nhìn đăm đăm vào máy điện thoại câm lặng nằm đó. Ông nghĩ tới những người vì cấp bách đã phải dùng thông hành của Klaus Winzer, họ đều là những người có trong danh sách tâm nã, sẽ bị bắt giam và xét xử nếu bị lộ. Việc phơi bày tập hồ sơ sẽ gây ra một cuộc điều tra qui mô có thể làm đảo lộn tư tưởng đang trên đà thuận lợi cho việc tâm nã các cựu SS mà lâu nay ông đã ra sức tuyên truyền cho dân chúng, tái kích động các cơ quan điều tra... Viễn tượng thật bi thảm.

Nhưng việc ưu tiên một là bảo vệ Roschmann, một trong những người có trong tập hồ sơ Winzer. Đã ba lần ông gọi cho một số ở Frankfurt, và cả ba lần đều thấy dấu hiệu "Không liên lạc được" nhấp nháy lên. Sau cùng ông hỏi thẳng Tổng Đài và được cho hay đường dây như vậy chắc chắn là hư rồi. Ông bèn gọi ngay tới khách sạn Hohenzollern ở Osnabruck, Mackensen lúc đó đang chuẩn bị đi. Vắn tắt, ông nói cho tay đao phủ biết tai họa mới hay được, và nói rõ luôn địa chỉ Roschmann.

- Hình như quả bom chú không nổ. Bây giờ hãy chạy hết tốc lực tới đó, cất xe đi và ở gần bên Roschmann. Ông ta đã có một vệ sĩ là Oskar rồi. Nếu Miller đi thẳng tới cảnh sát với tập hồ sơ, thì ta hy vọng thu hồi lại được. Nhưng nếu hắn tới gặp thẳng Roschmann, thì hãy bắt sống nó và buộc nó khai. Chúng ta phải biết nó đã làm gì với hồ sơ đó trước khi cho nó chết. Mackensen liếc nhìn bản đồ trong phòng điện thoại và ước lượng khoảng đường. Gã nói:

- Tôi sẽ tới đó vào lúc 1 giờ.



Cánh cửa bật mở sau hồi chuông thứ nhì, và một làn hơi ấm trong nhà tỏa ra. người đàn ông mở cửa có vẻ như vừa từ phòng đọc sách ra, Miller có thể thấy cánh cửa phòng sách đó còn mở dẫn ra hành lang tiền đình.

Những năm sống sung túc đã làm tăng trọng lượng cho tay sĩ quan SS gây gò nọ. Da mặt ông ta đỏ hồng, một

phần vì có mùi rượu và cũng vì không khí đông què trong lành, mái tóc đã ngả màu ở hai bên thái dương, Miller nhìn kỹ gương mặt trung niên, thượng lưu, sung túc và trắng kiện. Nhưng dù có những chi tiết khác, đó vẫn là khuôn mặt mà Tauber đã thấy và miêu tả. Ông ta nhìn lại Miller không thiện cảm lắm:

- Sao? Ông ta hỏi.

Phải mất độ chục giây, Miller mới lên tiếng được. Mọi điều sắp xếp trong óc chợt như biến hết dấu vết.

- Tôi là Miller, còn ông, là Eduard Roschmann?

Tên hai người được nói ra, có một cái gì chớp qua đôi mắt người đàn ông, nhưng sự kiềm chế sắt thép đã giữ các cơ mặt ông danh lại. Một lát sau, ông lên tiếng:

- Thật là quái đản. Tôi chưa hề nghe tới tên tuổi anh vừa đề cập!

Đằng sau bề mặt phẳng lặng, thị trí não của tay cựu sĩ quan SS đang hoạt động dữ dội. Đã mấy lần trong đời, từ 1945, ông vẫn đứng vững qua nhiều cơn khủng hoảng. Ông nhận ra tên Miller ngay và nhớ lại cuộc nói chuyện với Werwolf mấy tuần trước. Phản xạ đầu tiên ông muốn là đóng cái cửa vào mặt Miller, nhưng ông nén lại.

- Ông ở một mình trong nhà sao?

- Phải. Roschmann đáp, thành thực lắm.

- Ta vào phòng làm việc của ông đi. Miller nói tỉnh bơ.

Roschmann không phản đối, vì ông biết lúc này phải giữ Miller tại chỗ này cho đến khi...

Ông trở gót và đi qua gian tiền sảnh. Miller sập cánh cửa lại và theo sát bước. Đó là một căn phòng tiện nghi, với một cánh cửa gỗ dày mà Miller khép lại sau lưng, và một khúc củi đang cháy trong lò sưởi. Roschmann dừng lại giữa phòng và quay lại đối diện Miller.

- Vợ ông có ở đây không? Miler hỏi.

Roschmann lắc đầu:

- Bà ấy đi chơi cuối tuần ở nhà bà con. Điều này đúng. Bà được mời đi vào đêm trước và dùng một trong hai chiếc xe của họ. Chiếc thứ nhất là của chung thì đã bỏ vào gara để sửa. Đúng hẹn thì tối nay bà về. Điều Roschmann không nói tới, nhưng nó cứ quanh quẩn trong trí óc của ông, đó là gã tài xế vệ sĩ bị con dẫu hốt nhẵn, tên Oskar của ông, vừa đạp xe xuống làng nửa giờ trước để báo cho thợ tới sửa điện thoại. Ông biết mình phải giữ Miller lại cho đến lúc nó trở về.

Khi ông quay mặt lại, thì trên tay gã phóng viên trẻ đã có sẵn một khẩu súng tự động đang chìa vào bụng ông. Roschmann kinh hoàng, nhưng trấn tĩnh bằng cách lên giọng:

- Anh dùng súng uy hiếp tôi ngay trong nhà riêng sao?

- Gọi cảnh sát đi. Miller hát hàm về phía điện thoại trên bàn viết. Roschmann vẫn đứng yên.

- Trông ông vẫn còn hơi khập khiễng đó, Miller nói: Chiếc giày chỉnh hình có che dấu được nhưng không hết. Ngón chân cụt, mất trong trận hành quân ở trại Rimini chuyển chạy trốn qua lãnh thổ Áo đầy băng tuyết đã làm ông mất nó, phải không?

Mắt Roschmann nheo lại, nhưng ông chẳng nói gì.

- Ông xem đây, nếu cảnh sát tới họ sẽ nhận ra ông, ngài Giám Đốc ạ. Khuôn mặt thì vẫn như xưa, vết thương bị đạn nơi ngực, vết sẹo ở đùi trái vì ông muốn xóa số nhóm máu xâm ở đó, rõ ràng chưa. Có thực ông muốn gọi cảnh sát không?

Roschmann thở ra một hơi dài:

- Thế thì anh muốn gì, Miller?

- Ngồi xuống đi, không phải xuống bàn dẫu, ngồi trên ghế dựa kia để tôi thấy rõ ông. Và nhớ đặt hai tay trên thành ghế. Đừng buộc tôi phải nổ súng, vì thật ra tôi không khoái làm thế chút nào.

Roschmann ngồi xuống ghế, mắt nhìn vào khẩu súng.

Miller tựa trên cạnh bàn đối diện ông ta.

- Rồi bây giờ ta nói chuyện!

- Về cái gì đây.

- Về Riga. Về tám mươi ngàn, đàn ông, đàn bà, trẻ con mà ông đã tàn sát ở đó. Xét thấy Miller không có ý dùng súng. Roschmann bắt đầu yên tâm trở lại. Sắc mặt ông bớt nhợt nhạt hơn. Ông nhìn thẳng vào mắt gã phóng viên trẻ tuổi:

- Thật lão khoét. Chả bao giờ có tới 80 ngàn người ở Riga!

- Thế bảy chục ngàn? Sáu chục? Thực sự ông có bao giờ quan tâm tới con số người bị mình giết là bao nhiêu không?

- Đó là điều cần nói, Roschmann trả lời: Nó không là vấn đề gì cả bây giờ hay sau này cũng thế. Nhưng này, tôi không hiểu tại sao anh điều tra tôi? Nhưng tôi có thể đoán. Có ai đó đã nhồi vào đầu anh một mớ ác cảm về cái gọi là tội ác chiến tranh hay đại loại như thế. Thật vô nghĩa, hoàn toàn vô nghĩa. Anh bao nhiêu tuổi rồi?

- Hai mươi chín.

- Anh đã được thụ huấn quân sự phải không?

- Phải. Một trong những tân binh quân dịch đầu tiên trong quân đội hậu chiến. Hai năm mặc áo lính.

- Được đó, anh đã biết quân đội là gì. Một người ra lệnh, họ tuân lệnh. Họ chẳng cần biết lệnh đó đúng hay sai, anh biết rõ điều đó mà. Những việc tôi làm, vì thế cũng là tuân theo lệnh.

- Điều thứ nhất, Miller đáp: Ông không phải là một binh sĩ. Ông là người dao phủ. Nói rõ hơn, là một kẻ sát nhân, một đồ tể. Nên đừng tự coi mình như một binh sĩ.

- Vô lý! Thậm chí vô lý. Chúng tôi cũng là binh sĩ như mọi người. Cũng chấp hành lệnh như mọi người. Người Đức trẻ các anh cũng thế. Anh không muốn hiểu nó là cái gì sao?

- Thế thì nói cho tôi nghe đi. Nó là cái gì?

Roschmann, chồm tới trước, tựa vào ghế, rất thoải mái, ông ta biết phút nguy hiểm đã qua.

- Nó là cái gì? Nó là việc chỉ huy thế giới. Vì chúng ta, người Đức phải chỉ huy thế giới, chúng ta phải đánh gục mọi đội quân chống lại chúng ta. Bao năm chúng đã dày xéo chúng ta, dân tộc Đức nghèo nàn này, và ta phải cho chúng thấy, phải, tất cả bọn chúng phải thấy rằng ta là một dân tộc vĩ đại. Lớp trẻ các anh thì chả thấy đáng tự hào biết bao khi là một người Đức.

- Điều đó nhóm ngọn lửa trong ta. Khi trống nổi lên, ban nhạc trời lên, ngọn cờ bay phất phới và cả nước hợp nhất lại sau lưng một người, chúng ta thấy sẽ có thể đi tới tận cùng thế giới. Đó là điều vĩ đại Miller ạ. Điều vĩ đại mà thế hệ các anh không biết và sẽ chẳng bao giờ biết tới. Còn SS chúng tôi, là thành phần ưu tú, và vẫn còn như thế cho đến nay. Dĩ nhiên chúng tôi bị săn đuổi, đầu tiên là bọn đồng minh, thứ đến các mục giã lăm chuyện ở Bonn. Dĩ nhiên họ muốn bóp chết chúng tôi. Vì họ muốn bóp chết sự vĩ đại của dân Đức, mà trong đó chúng tôi đã và đang là tầng lớp tiêu biểu.

- Họ nói vô số điều ngu xuẩn về những chuyện đã xảy ra ở vài cái trại mà thế giới hầu như đã quên lãng rồi. Họ kêu la vì chúng đã tẩy sạch cho Châu Âu cái mầm Do Thái ô uế đã ngấm vào mọi mặt trong đời sống và dim người Đức chúng ta xuống tận bùn đen. Chúng tôi phải làm thế. Đó chỉ là một mặt nào đó trong sự vĩ đại của nước Đức và dân tộc Đức. Với dòng máu và tư tưởng thuần khiết, họ phải thống trị thế giới, đó là quyền của họ, quyền của chúng ta. Miller, đó là quyền và số mệnh của CHÚNG TA. Nếu như bọn Anh hèn mọn và bọn Mỹ ngu ngốc không chia mũi chúng vào. Đừng nghi ngại gì về điều đó, anh có thể đâm mọi thứ vào người tôi, nhưng chúng ta vẫn cùng một chiến tuyến, vì chúng ta là người Đức, dân tộc vĩ đại, dù thế hệ anh đi sau chúng tôi. Và anh sẽ phân xét mọi chuyện này, về sự vĩ đại của nước Đức trước đây, nhưng

nó sẽ trở lại, về tính đồng nhất của chúng ta, tất cả người Đức, anh lại để sự nhận định về các chuyện này bị ảnh hưởng vì số phận của bọn Do Thái sao? Anh không thấy sao, anh bạn trẻ tuổi đáng tội, rằng chúng ta, tôi và anh, đều ở cùng một phía, cùng dân tộc và cùng một số phận.

Bất chấp mũi súng, ông ta đứng dậy và đi đi lại lại giữa bàn giấy và cửa sổ:

- Anh muốn chúng tỏ sự vĩ đại này hả? Hãy nhìn vào nước Đức ngày nay. Bị tàn phá hồi 1945, hoàn toàn bị huỷ hoại vì bọn mọi rợ ở Phía Đông và bọn ngu xuẩn ở Phương Tây. Thế còn bây giờ? Nước Đức đang lớn dậy, chậm rãi nhưng vững chắc, tuy vẫn còn thiếu cái kỷ luật căn bản mà chúng ta có thể tạo được cho nó, nhưng mỗi năm nó lại tăng hơn sức mạnh về kinh tế và kỹ nghệ. Phải, cả sức mạnh quân sự nữa, một ngày kia, khi dấu vết ảnh hưởng cuối cùng của bọn Đồng Minh từ 1945 bị xóa bỏ hết, thì chúng ta sẽ lại hùng cường như ngày xưa. Còn phải đợi thời gian, và một lãnh tụ mới, nhưng lý tưởng thì vẫn như cũ, và, phải, niềm vinh quang thì cũng sẽ như cũ. Và anh có biết cái gì sẽ đem lại điều này? Để tôi nói cho anh nghe, bạn trẻ. Để tôi nói. Chính là kỷ luật và sự quản trị. Kỷ luật cứng rắn, càng cứng càng tốt, và sự quản trị của CHÚNG TA, thứ có phẩm chất tốt nhất theo tinh can đảm của chúng ta. Vì chúng ta có thể quản lý mọi thứ, ta đã chứng minh được thế rồi. Nghĩ đi, anh có thấy vậy không? Căn nhà này, điện trang này, khu công nghiệp Ruhr, hầm mỏ và hàng ngàn thứ, hàng chục, hàng trăm hàng ngàn thứ như thế, từng ngày dậy tung lên thành sức mạnh và quyền lực của chúng ta, làm quay cái bánh xe dây chuyền để tăng mãi sự hùng cường của nước Đức.

- Và anh nghĩ ai đã làm những chuyện đó? Anh nghĩ là dân chúng đã chuẩn bị để há hốc mồm chờ người nào đó làm hả? Anh nghĩ cái bọn dĩ bợm, phản bội chuyện ngược đãi những chiến sĩ yêu nước đã làm mọi chuyện này hả? Chính chúng ta đã làm mọi chuyện đó, chúng ta đã mang sự thịnh vượng này lại cho nước Đức, như chúng ta

có được hồi hai ba chục năm về trước.

Từ cửa sổ, ông ta quay lại đối diện Miller, mắt ông ta rực sáng. Nhưng ông cũng ước lượng khoảng cách từ đường bước đi của ông tới thanh sắt cời lửa ở lò sưởi. Miller nhận thấy ngay cái liếc mắt đó.

- Rồi bây giờ anh tôi đây, người đại diện cho thế hệ trẻ, với lý tưởng và suy nghĩ riêng, và một mũi súng chĩa vào tôi. Tại sao không lý tưởng cho nước Đức, xứ sở của anh, dân tộc của anh? Anh nghĩ anh thay mặt dân chúng đến để săn bắt tôi. Anh nghĩ đó là chuyện họ muốn sao, dân tộc Đức này đó?.

Miller lắc đầu:

- Không đâu.

- Được, thế anh ở đó.. Nếu anh gọi cảnh sát và giao tôi cho họ, họ có thể đem tôi ra xử, tôi chỉ nói "có thể" thôi, vì chuyện đó không có gì chắc chắn, rồi còn về sau, với các nhân chứng đã tàn tật hoặc đã chết. Hãy cất súng và đi về nhà, đọc lại câu chuyện thật về những ngày đó, để thấy rõ sự vĩ đại của nước Đức ngày xưa và sự thịnh vượng của nó hôm nay là nhờ những người Đức yêu nước, như tôi đây.

Miller ngồi im trước tràng lý luận, đả kích đó, hoang mang và càng lúc càng ghê tởm người đàn ông đang dạo bước trước mặt, kể đang cố thuyết phục anh về hệ tư tưởng cũ. Anh muốn nói cả trăm, cả ngàn chuyện về những người anh đã biết và hàng triệu người khác không muốn thấy dân tộc này nhất thiết phải phục hồi sự vinh quang với giá mạng sống của cả triệu triệu người. Nhưng anh không nói ra lời được. Chữ nghĩa lúc cần thì chúng biến đâu mất, nên anh ngồi và nhìn, cho đến lúc Roschmann nói xong.

Sau vài giây im lặng Miller hỏi:

- Ông có bao giờ nghe nói tới Salomon Tauber?

- Ai?

- Salomon Tauber, cũng là người Đức. Gốc Do Thái. Ông

ta đã ở Riga từ đầu tới cuối.

Roschmann nhún vai:

- Tôi chả nhớ nổi hẳn. Đã lâu quá rồi. Hẳn là ai vậy?

- Ngồi xuống đi. Và lần này thì ngồi yên nhé.

Roschmann nhún vai một cách bực bội và trở lại ghế. Ông ta tin chắc Miller không nổ súng, ông lại nghĩ tới việc làm sao gài Miller ở lại, hơn là quan tâm tới thằng Do Thái ấm ở chết rũ ở đâu đó.

- Tauber chết ở Hambourg vào 22 tháng 11 năm rồi. Ông ta tự tử bằng hơi đốt. Ông có nghe tôi không?

- Có, nếu bị bắt buộc.

- Ông ấy để lại một tập nhật ký. Kể lại đời mình, mọi chuyện xảy ra cho ông ta ở Riga và các nơi khác. Nhưng chủ yếu là chuyện ở Riga. Ông ta còn sống sót, trở về Hambourg và sống thêm 18 năm nữa, vì ông ta tin rằng ông còn sống và chưa bị đưa ra tòa. Tôi bắt gặp tập nhật ký. Đó là điểm khởi đầu trên đường truy tầm ông cho đến hôm nay, ở đây, với cái tên mới của ông.

- Nhật ký của người chết không phải là chứng cứ.

- Với tòa thì không đủ, nhưng với tôi thì đủ.

- Và anh tới đây gặp tôi vì tập nhật ký đó?

- Không đâu. Có một trang trong đó tôi muốn nghe ông đọc.

Miller lật tìm một trang và đẩy sang cho Roschmann.

- Cầm lấy, và đọc to lên.

Roschmann lật trang và bắt đầu đọc. Đó là trang Tauber kể về cái chết của người sĩ quan Quân Đội Đức có mang huy chương Thập Tự sắt với nhánh sồi, dưới mũi súng của Roschmann. Roschmann đọc hết đoạn và ngẩng lên.

- Thế nào đây? Ông ta bối rối. Người đó đánh tôi. Nó không tuân lệnh. Tôi có quyền điều động chiếc tàu đó để chở bọn tù về.

Miller đẩy một tấm ảnh ra trước mặt Roschmann.

- Có phải ông bắn người này không?

- Sao tôi biết được? Hai mươi mấy năm rồi-

Có tiếng kim loại bật lên khô khan, khi Miller giật khóa nòng ra sau và chia súng vào mặt Roschmann.

- Phải người đó không?

Roschmann cúi nhìn lại tấm ảnh lần nữa:

- Được rồi. Thế thì đúng người đó rồi sao?

- Đó là cha tôi. Miller đáp.

Màu máu trên mặt Roschmann biến mất như nó đã rò chảy đi đâu hết. Miệng há hốc ra, mắt nhìn chòng chọc vào họng súng cách mặt ông độ hơn thước và ngón tay sẵn sàng trong vòng cò.

- Ôi, trời ơi, ông ta rên lên. Anh chả phải đến đây vì bọn Do Thái.

- Không. Tôi rất tiếc cho họ, nhưng không phải thế.

- Nhưng sao anh biết được, sao anh có thể chắc qua tập nhật ký rằng người đó là cha anh? Tôi chưa từng biết tên đó, tên Do Thái cũng không biết, thì làm sao anh biết?

Cha tôi bị giết ngày 11 tháng 10, 1944 ở Ostland. Suốt 20 năm tôi chỉ biết có thế. Rồi tôi đọc được tập nhật ký. Nó trùng ngày trùng khu vực, hai người cùng cấp bậc. Và nhất là, cả hai đều có huy chương Thập Tự sắt với nhánh sồi, loại huy chương chiến đấu cao quý nhất. Không phải ai cũng được thưởng huy chương đó, và nhất là vừa ở cấp đại úy. Trong triệu lần chưa có lấy một sự trùng hợp cho hai đại úy, chết cùng ngày, cùng nơi như vậy.

Roschmann biết mình đang đối đầu với một người mà chẳng có lý lẽ nào thuyết phục nổi. Ông ta nhìn như muốn thôi miên nòng súng:

- Anh sắp giết tôi. Anh không được làm thế, đừng lạnh lùng như vậy. Đứng! Miller, đừng giết tôi. Tôi chưa muốn

chết.

Miller tựa tới dằng trước và bắt đầu nói:

- Nghe đây đồ chết nhất. Tôi đã nghe ông nói, nghe ông khua môi múa mép đến phát mửa. Bây giờ ông sẽ nghe tôi nói cho đến lúc tôi suy nghĩ xong là sẽ cho ông chết ở đây hay thối rữa trong một nhà tù nào đó suốt quãng đời còn lại của ông. Ông có tính trơ tráo, trơ tráo đến đáng tởm, khi ông nói rằng, ông và cái bọn như ông, là người Đức yêu nước. Nay tôi nói thật. Bọn ông đã và đang là cái thứ bẩn thỉu nhất, ngoi từ cận bã của xứ này lên nắm lấy quyền hành. Và trong vòng 12 năm bọn ông đã làm ô uế xứ sở của chúng tôi theo cái kiểu chưa từng thấy trong lịch sử. Điều bọn ông làm khiến loài người văn minh ghê tởm và phẫn nộ, còn thế hệ chúng tôi lãnh một di sản tồi tệ mà chúng tôi phải chịu đựng suốt đời. Ông đã khắc nhố vào nước Đức suốt đời ông. Lũ các ông đã khai thác nước Đức và dân Đức cho đến lúc cạn kiệt không dùng được nữa rồi bỏ đi khi đã no đủ. Ông đẩy chúng tôi xuống đất đen chưa từng tưởng tượng được, cho đến lúc bọn ông đi mất, đó là tôi chưa nói đến thiệt hại vì bom đạn.

- Các ông cũng chẳng can đảm gì. Bọn ông là cái thứ tồi tệ hèn nhất nhất của nước Đức và nước Áo. Ông giết hàng triệu người vì lợi ích riêng và vì lòng say mê quyền lực. Rồi các ông bỏ đi, để chúng tôi lại trong đống rác đó. Các ông bỏ chạy trước người Nga, treo cổ, xử bắn các binh sĩ để buộc họ chiến đấu. Rồi ông trốn mất, để chúng tôi chịu mọi trách nhiệm. Cho dù có thể lãng quên về cách cư xử với người Do Thái và các dân tộc khác, thì người ta cũng không thể quên rằng bọn ông đã bỏ chạy và trốn như chó ghẻ. Ông nói tới lòng yêu nước mà chẳng hiểu nghĩa của nó là gì cả. Và còn dám gọi những chiến sĩ và những người chiến đấu, thực sự có chiến đấu là Kamerad, điều đó thật vô cùng tục tĩu. Tôi muốn nói với ông một điều khác, với tư cách một người Đức trẻ, thế hệ mà ông đã coi thường. Sự thịnh vượng chúng tôi có ngày nay, nó chẳng có dính dáng gì tới các ông cả. Cái đó là của hàng triệu người lao

động cực khổ hàng ngày và suốt đời không giết một ai. Còn đối với bọn sát nhân như các ông, bọn có thể làm lẫn lộn trong chúng tôi, thì cùng lắm thế hệ chúng tôi cũng chỉ bị giảm một tí tí sự thịnh vượng nếu chúng tôi có thể tẩy sạch hết bóng dáng bọn ông. Mà điều đó, các ông sẽ gặp phải không lâu lắm đâu.

- Thế anh sẽ giết tôi.

- Thực ra thì tôi chả giết làm gì.

Miller với tay ra sau, kéo giá điện thoại lại. Anh dòm chừng Roschmann và giữ mũi súng chĩa về phía đó. Anh nhắc ống nói và quay số:

- Có một người ở Ludwigsburg muốn nói chuyện với ông.

Anh áp điện thoại vào tai. Không có tín hiệu gì. Anh lại đặt xuống và quay số lại, tai nghe ngóng, chả có tín hiệu gì cả:

- Ông cắt giây rồi hả? Roschmann lắc đầu.

- Nghe đây, nếu ông đã kéo dây đứt, tôi sẽ giết ông ngay bây giờ, và ngay tại đây đó.

- Không. Cả sáng nay, nói thực là tôi chưa đụng đến điện thoại.

Miller nhớ lại nhánh cây sồi bị gãy và cột điện thoại nằm ngang đường vào điện trang. Anh thảm chửi tục. Roschmann khẽ nhếch môi cười:

- Đường dây chắc đứt rồi. Anh phải xuống làng kêu người ta sửa. Thế giờ anh định làm gì?

- Tôi sẽ bắn vào đầu ông, nếu ông không làm theo lời tôi.

Miller nhắc lại, anh móc chiếc còng ra, anh tưởng sẽ chỉ dùng nó còng tên vệ sĩ, nếu có. Anh liệng chiếc còng về phía Roschmann:

- Bước lại chỗ lò sưởi... Anh đi theo sau lưng ông ta.

- Anh định làm gì?

- Tôi sẽ công ông vào lò sưởi, rồi đi xuống làng gọi điện thoại.

Anh đang ngắm nghía dàn khung sắt tròn bao bọc miệng lò sưởi thì Roschmann đánh rơi cái công, tay sĩ quan SS cúi xuống nhặt, Miller không kịp để ý thì Roschmann vớ ngay lấy thanh sắt cời lửa và quật hết sức vào đầu gối Miller. Anh bước lùi lại, thanh sắt vụt qua và Roschmann lão đảo mắt đà. Miller đứng vững lại, bước tới quật báng súng vào đầu ông ta. Anh lùi lại:

- Làm thế nữa tôi sẽ bắn.

Roschmann đứng thẳng lên, choáng váng vì cú đập vào đầu:

- Khớp một bên công vào cổ tay phải.

Roschmann làm theo lệnh của Miller, ông thấy vòng sắt uốn thành hình cánh nhò trước mặt ông không? Ngay từ đó. Có một nhánh cong ra. Khớp bên công kia vào đó.

Khi Roschmann đã khóa công xong, Miller bước lại đá thanh sắt cời lửa ra xa. Lăm lăm khẩu súng, anh dẹp rộng mọi thứ chung quanh không cho Roschmann với được cái gì để liệng qua cửa sổ cả. Bên ngoài ngôi nhà, trên đường vào, một người tên Oskar đang đạp xe tới trước cửa, công việc đi báo về đường dây điện thoại dứt đã xong. Gã dừng lại ngạc nhiên khi thấy chiếc xe Jaguar, vì ông chủ có nói lúc gã đi là sáng nay không có khách nào hẹn cả. Gã dựa chiếc xe đạp bên cạnh nhà và lặng lẽ đi tới cửa chính. Trên lối tiền sảnh, gã dừng lại phân vân, không nghe thấy tiếng gì sau cánh cửa phòng khách, bên trong cũng chả ai nghe tiếng chân của gã.

Miller đảo mắt nhìn quanh hài lòng:

- Nay, nếu ông có ý định chống tôi, cũng chả tốt gì hơn đâu. Bây giờ là gần 11 giờ, tôi đã đưa cho bạn tôi toàn bộ hồ sơ bằng cố về các ông, và nó đã được gửi cho giới thẩm quyền bằng đường bưu điện, nếu tôi không trở về. Bây giờ tôi sẽ xuống làng gọi điện thoại. Tôi sẽ trở lại trong hai

mười phút. Thời gian đó dù có cửa sắt ông cũng không thoát ra được. Khi tôi trở về, thì ba mươi phút sau, cảnh sát sẽ tới.

Trong lúc anh nói, niềm hy vọng của Roschmann hãy còn mong manh. Ông biết mình chỉ còn dịp duy nhất là Oskar sẽ trở lại, tóm được Miller, và ông có thể buộc anh xuống làng gọi điện về, ngăn đồng bọn đừng gửi hồ sơ đi. Ông liếc nhìn lên đồng hồ đặt trên bệ lò sưởi ngay trên đầu. Đã mười giờ bốn mươi. Miller bước tới mở cửa phòng và bước ra. Mắt anh chạm ngay phải cái cổ áo Pull over tròn, bọc quanh cổ của một người cao hơn anh cả một cái đầu. Từ bên lò sưởi, Roschmann nhận ngay ra Oskar, ông gào lên: "TÓM LẤY NÓ". Miller lui ngay vào phòng và móc khẩu súng trong túi ra. Quá chậm rồi. Một cú đánh rờ ve bằng tay trái của Oskar đã làm văng khẩu súng khỏi tay anh, bay xuống sàn phòng. Đồng thời Oskar nghe ông chủ la: "ĐẬP NÓ ĐI". Năm đấm phải của gã tung vào hàm Miller. Chàng phóng viên nặng tới 170 pound, nhưng cú đấm cũng tốc anh khỏi mặt đất và bay ra sau. Anh vấp phải cái giá để nhật báo té bổ ngửa, đầu va vào góc cạnh kệ sách bằng gỗ gụ. Bèò nhều như con chó dại, tám thân của anh quy xuống thảm và lật sang một bên.

Trong vài giây im lặng, Oskar nhận ra ông chủ đã bị khóa cứng vào lò sưởi, còn Roschmann nhìn vào khuôn mặt bất động của Miller, sau gáy anh có một vết máu rỉ ra, chảy xuống sàn. "Đồ ngu", Roschmann găm lên khi thấy tình cảnh gã phóng viên như thế. Oskar nhìn trở lại ngỡ ngác. "Lại đây coi". Gã khỉ đột bước qua phòng và chờ lệnh. Roschmann suy nghĩ rất nhanh:

- Thử gỡ tao ra khỏi cái còng coi, lấy cây sắt kia kia.

Nhưng bệ lò sưởi được chế tạo từ thời xưa, khi người thợ thủ công còn mơ ước tác phẩm mình tồn tại với thời gian. Kết quả của Oskar sau một hồi gắng sức là thanh sắt cong queo, hai cái gắp than cũng vụn vẹo nốt:

- Dem nó lại đây, ông ta bảo Oskar.

Khi gã nọ vực Miller dậy. Roschmann nhìn mí mắt Miller và sờ mạch thử:

- Nó còn sống đó. Nó cần có bác sĩ ngay trong vòng một giờ. Đưa cho tôi tờ giấy với cây bút!

Bằng tay trái, ông ghi hai con số điện thoại, trong khi Oskar moi ra được chiếc chìa sắt trong thùng đồ nghề dưới gầm cầu thang. Khi gã trở lại, Roschmann đưa cho gã tờ giấy:

- Chạy nhanh hết sức xuống làng. Gọi số này ở Nuremberg và kể lại cho ông đó mọi chuyện. Rồi gọi số này mời bác sĩ tới ngay. Hiểu chưa. nói là gấp lắm nghe, ẹ lên.

Oskar chạy ra ngay. Roschmann lại liếc nhìn đồng hồ. Mười giờ năm mươi. Nếu Oskar đến làng vào lúc 11 giờ, thì gã bác sĩ có thể tới đây lúc 11 giờ 15, họ có thể đưa Miller đi kịp giờ và chặn tên đồng bọn lại, cho dù phải buộc ông bác sĩ làm việc. Vội vội, vàng vàng, Roschmann bắt đầu cưa cái còng.

Ở trước nhà, Oskar chộp lấy chiếc xe đạp, gã ngưng lại và liếc nhìn vào chiếc Jaguar đậu ở đó. Qua cửa kính, gã thấy chìa khóa công tắc còn cắm ở ổ. Ông chủ có nói là ẹ lên, gã bèn liệng chiếc xe đạp và leo lên ngồi sau tay lái, bật chìa khóa công tắc và đưa xe đảo một vòng, băng qua khoảng sân trước nhà, chạy xuống lối đi. Khi gã gạt cần sang số ba và chạy vội theo con đường dốc thì gặp phải cột điện thoại gậy nằm ngang đường, phủ đầy tuyết.

Roschmann còn đang cưa vòng xích nối hai lớp còng thì nghe có tiếng nổ âm vang phía rừng thông. Ngưng lại, nghiêng người hết sức nhìn qua khung cửa sổ kiểu Pháp Quốc (Loại cửa sổ gắn sát nền phòng) và dù chiếc xe không lọt trong tầm nhìn, thì cột khói bốc qua cũng cho ông hay chiếc xe đã bị gài chất nổ và đã nổ tung. Ông nhớ lại lời trấn an là Miller đã bị thu xếp ổn rồi. Nhưng Miller thì còn nằm trên tấm thảm cách mấy bước đây, còn tên vệ sĩ vậy là chết rồi, và thời gian trôi qua không cách chi

dừng lại. Ông gục đầu vào thanh kim loại giá lạnh và nhắm mắt lại. “Thế là hết”, ông ta thì thào. Vài phút sau lại tiếp tục cưa. Cỗ một tiếng đồng hồ sau cái vòng thép thổ tả của cái công nhà binh mới chịu đứt rời ra. Khi đã tự do, với vòng khớp công còn lại trên tay, thì đồng hồ đã chỉ đúng giữa trưa.

Nếu còn giờ chắc ông đã tống mấy cái đá vào cái xác bất tỉnh dưới nền nhà, nhưng ông phải gấp lên. Móc trong tủ sắt tờ thông hành và mấy tập giấy bạc lớn mới tinh, quơ thêm mấy bộ quần áo, hai mươi phút sau, ông đạp xe ra khỏi điền trang, dọc đường, chiếc Jaguar còn bốc khói, cầm dầu xuống tuyết, mảnh vụn văng tứ tung bên mấy cây thông gãy gập, ông đạp xe xuống làng. Tới đó, gọi chiếc taxi bảo chạy về phi trường quốc tế Frankfurt. Ông bước tới bàn hướng dẫn chuyến bay và hỏi:

- Chúng nào có chuyến gần nhất đi Argentina, độ một giờ nữa chẳng? Nếu không...

CHƯƠNG 18

Một giờ mười phút, chiếc Mercedès của Mackensen rẽ khỏi con đường lộ, đi vào khu điền trang. Chạy độ nửa đoạn thì gã thấy: Chiếc Jaguar rõ ràng từ giữa đường bị tông văng sang một bên, nhưng bánh xe vẫn còn trên lòng đường, lật nghiêng nghiêng. Phần đầu và đuôi thì vẫn còn có thể nhìn ra, chúng được nối kết bằng những thanh thép cong queo của sườn xe. Nhưng phần ở giữa, gồm thùng mui, băng ghế, từ sàn xe trở lên thì bay đâu mất. Những mảnh vụn còn văng rải rác quanh đó. Mackensen nhếch mép quan sát những thanh sắt trở trời và bước tới nhìn một đồng lù xù quần áo nhầy nhựa văng cách đó độ mười thước. Vóc dáng của xác chết có gì khiến gã sững lại mấy phút. Rồi đứng bật dậy, gã chạy bộ qua quãng đường còn lại tới tòa nhà. Gã không bấm chuông mà khẽ vịn nắm cửa. Cửa mở ra và gã đi vào gian tiền sảnh. Gã nghe ngóng mấy giây, im lặng như con mãnh thú bên vũng nước, đánh hơi xem có nguy hiểm gì chung quanh không. Chẳng có một tiếng động. Gã luôn tay vào nách, móc khẩu Luger tự động nòng dài ra, gạt nút an toàn và mở lần lượt các cánh cửa đi ra khỏi tiền sảnh. Cánh cửa thứ nhất mở vào nhà bếp, cánh thứ nhì vào phòng đọc sách. Mặc dù gã thấy ngay có xác người nằm dưới thảm, gã cũng không mở rộng cửa bước vào, cho đến khi đã quan sát hết gian phòng. Gã biết có hai cách

của trò này, hoặc giả chết hoặc có thằng núp ở đâu đó. Trước khi vào, gã ghé mắt dòm qua khe để chắc không có ai đứng sau cửa, rồi bước vào.

Miller nằm ngửa đầu lật sang một bên, Mackensen nhìn sững vào khuôn mặt trắng bệch trong vài giây, rồi ngồi ghé xuống nghe, hơi thở còn mong manh. Vững máu đọng dưới đầu Miller giúp gã đoán ra chuyện gì. Gã bỏ mười phút lục soát ngôi nhà thấy những ngăn kéo mở ngổ trong phòng ngủ người chủ, bộ dao cạo râu trong phòng tắm không có. Trở lại phòng sách, gã liếc qua cái tủ sắt mở cửa, trống rỗng, rồi ngồi xuống bàn nhắc điện thoại lên..Ngồi nghe mấy giây, khẽ chửi thảm và đặt xuống. Gã dễ dàng tìm ra thùng đồ nghề ở gầm cầu thang. Lấy ra vài món và đi ra ngoài, qua chỗ phòng sách mở khung cửa sổ kiểu Pháp để dòm chừng Miller. Độ một tiếng gã tìm ra chỗ dây bị đứt, gã lôi lên khỏi mặt đất, nối chúng lại. Hài lòng, gã trở lại ngôi nhà, ngồi vào bàn và nhắc ống nói lên. Gã nghe tiếng số quay và tiếng chuông ở đầu dây kia, bàn giấy ông xếp ở Nuremberg.

Gã tưởng sẽ nghe thấy Werwolf nóng ruột hỏi thăm, nhưng giọng ông ta sao có vẻ mệt mỏi và kém quan tâm quá. Như một trung sĩ mẫn cán, gã báo cáo lại mọi chuyện, chiếc xe, xác chết anh vệ sĩ, một vòng công còn dính trên bệ lò sưởi, một thanh cửa sắt dưới sàn, Miller nằm bất tỉnh trên thảm. Rồi sau cùng là ông chủ nhà đã biến đâu mất. Ông ấy không mang gì nhiều. Quần áo thay đổi, chắc có ít tiền trong tủ sắt. Tôi có thể dọn dẹp các thứ, nếu muốn, ông ấy có thể trở lại.

- Không ông ta không trở lại đâu. Tôi vừa nhận điện của ông ấy đây. Ông gọi từ phi cảng Frankfurt. Ông đã mua vé trong chuyến bay đi Madrid, 10 phút nữa là đi. Đêm nay là đã sang tới Buenès Aires.

- Nhưng đâu cần làm thế, Mack nói. Tôi có thể bắt Miller nói, chúng ta sẽ tìm ra tập hồ sơ. Trong xác chiếc xe của nó chả có cặp táp gì cả. Chanh nó ở đây cũng chả có, chỉ có một tập như tập nhật ký trên sàn phòng sách.

Nhưng đồ đạc, đồng bọn của nó không ở xa đâu.

- Xa rồi, Werwolf đáp. Nó đã bỏ vào thùng thư rồi!

Một mỗi, ông ta nói cho Mackensen về tập hồ sơ Miller lấy cắp được của Winzer, và những gì Roschmann vừa báo lại:

- Tập hồ sơ đó sáng mai là tới tay chánh quyền, hay chậm nhất là thứ ba. Sau đó, mọi người trong danh sách chỉ còn một thời gian ngắn ngủi. Kể cả Roschmann, chủ cái nhà đó, và tôi. Tôi sẽ cố gắng báo cho mọi Kamerad biết để rời nước trong vòng 24 giờ.

- Thế bây giờ ta làm sao?

- Chú thì không sao, chú không có trong danh sách, còn tôi, tôi phải đi. Trở về nhà và chờ tới khi người kế nhiệm tôi tìm gặp chú. Còn mọi chuyện khác, thì hết rồi. Vulkan đã đi và chắc không trở lại. Thế là toàn bộ hoạt động cũng bị đình chỉ trừ khi có ai khác tới và nắm lại toàn kế hoạch.

- Vulkan nào? Kế hoạch gì?

- Tới bây giờ thì chú có thể biết. Vulkan là bí danh của Roschmann, người mà chú phải bảo vệ đừng cho Miller tìm ra...

Vấn tắt, Werwolf nói sơ qua cho Mack hay về vai trò của Roschmann, tại sao vị trí và kế hoạch của ông ấy không thay thế được. Nghe xong, Mack thở ra một hơi và nhìn qua phòng tới xác của Miller.

- Thằng quỷ này làm đảo lộn mọi chuyện.

Werwolf hình như đã trấn tĩnh lại và giọng nói ra vẻ chỉ huy hơn:

- Kamerad, chú phải thu dọn chỗ đó lại. Chú còn nhớ bọn anh em trong vùng mà chú đã từng điều động không?

- Nhớ, bọn đó cũng gần đây thôi.

- Gọi họ tới. Dọn dẹp sạch mọi dấu vết. Vợ ông ta chắc sẽ trở về đêm nay, đừng cho bà ta phát giác ra gì cả. Hiểu

chưa?

- Được rồi!

- Xong xuôi thì rút đi. Điều sau cùng, trước khi rút nhớ thanh toán thẳng chó Miller đi nghe.

Mackensen nheo mắt nhìn sang gã phóng viên:

- Yên trí, thật là sướng khi làm việc đó.

- Thôi chào, chúc may mắn.

Điện thoại gác. Mackensen đặt ống nói xuống, móc số ra tìm một địa chỉ, quay số điện thoại đó. Gã xưng tên mình, nhắc cho người đầu dây về chuyện cũ giữa các Kamerad. Gã chỉ cho ông ta biết đi đâu, mang theo gì:

- Cái xe và xác chết phải được tống vào hẻm núi hẻo lánh. Tống xăng vào cho cháy tiêu đi. Đừng cho ai có thể nhận ra, nhớ móc mọi thứ giấy tờ ra, kể cả cái đồng hồ.

- Được, tôi sẽ cho mang tới xe kéo và cần trục.

- Còn điều chót, trong phòng khách ông sẽ gặp một xác nữa. Thanh toán luôn dùm. Không phải với cái xe đâu. Kiểm hồ nào liệng nó xuống đó, dẫn cho kỹ nghe. đừng để lại dấu vết nào. O.K?

- Yên trí. Năm giờ tụi tôi tới, bảy giờ là xong. Tôi không muốn chờ mấy thứ đó đi lúc ban ngày.

- Hay lắm, tôi sẽ đi trước khi các ông tới. Nhưng anh sẽ gặp đủ mấy thứ đó thôi.

Gã gác máy chuỗi khỏi bàn và bước tới bên Miller. Gã móc khẩu Luger, theo thói quen xem lại băng đạn, dù gã biết là nó còn đầy nhóc. "Đồ thổ tả". Gã rửa cái xác nằm đó và giơ thẳng cánh tay, chìa ngay súng xuống sọ Miller.

Những năm tháng sống như loài thú hoang, và sống sót trong khi bao kẻ khác, thù cũng như bạn, đều đã chết, tất cả đã tạo cho Mackensen một giác quan như của loài báo. Gã không trông thấy cái bóng đứng bên cửa sổ kiểu Pháp rọi dài trên thảm, nhưng gã cảm thấy nó, và bật xoay lại, sẵn sàng nổ súng. Nhưng người nọ không có vũ khí.

- Ông là ai? Mackensen gầm gừ, mắt soi mói.

Người đàn ông đứng ở khung cửa sổ Pháp Quốc, mặc bộ đồ da đen và chiếc áo khoác của dân di xe máy dầu. Tay trái cầm một cái mũ lái xe an toàn, lưỡi trai ngắn, và giữ ở trước bụng. Ông ta liếc nhìn xác nằm dưới đất và khẩu súng trong tay Mackensen.

- Tôi được gửi tới. Ông ta nói tình bơ.

- Ai gửi?

- Vulkan, người đó đáp. Kamerad Roschmann.

Mackensen nhe răng, âm ừ hạ khẩu súng xuống:

- Thế à, ông đi rồi!

- Đi rồi?

- Dọt rồi. Về Nam Mỹ. Cả kế hoạch cũng tiêu luôn. Và trăm chuyện cũng tại thằng quỷ phóng viên này. Gã chia mũ súng về phía Miller.

- Ông tính làm nó hả? Người kia hỏi.

- Ờ. Nó làm hư chuyện hết. Điều tra nhận diện Roschmann rồi báo cho cảnh sát, cả một chồng hồ sơ về anh em mình. Nếu ông có tên trong hồ sơ đó, thì tốt nhất là dọt đi.

- Hồ sơ nào?

- Hồ sơ Odessa!

- Tôi không có trong đó!

- Tôi cũng vậy, Mack đáp. Nhưng Werwolf thì có, và ông bảo thanh toán thằng này rồi rút.

- Werwolf nào?.

Có cái gì nhá lên báo động trong óc Mackensen. Gã được biết là ở Đức, ai không liên hệ mật thiết với Werwolf thì không thể biết được kế hoạch Vulkan. Chỉ có ngoại trừ là mấy người ở Nam Mỹ, chắc ông này ở đó sang. Nhưng một người như thế là phải biết Werwolf chứ. Gã nheo mắt lại:

- Ông từ Buennos Aires tới hả?
- Không.
- Thế từ đâu tới?
- Jérusalem.

Phải mất tới nửa dây, tên gọi đó mới làm Mackensen hiểu ra. Gã liền vẫy tay khai hỏa khẩu Luger. Nửa giây thì cũng lâu, lâu đủ để bỏ mạng rồi. Ánh lửa bật lên xuyên thủng chiếc nón an toàn khi viên đạn của khẩu Walther bay ra. Đầu đạn 9 ly găm ngay xương ức của Mackensen như một cú trí mạng. Cái nón rớt xuống, lộ ra khẩu PPK tiếp tục khạc lửa. Mackensen là một gã to con, khỏe mạnh. Dù đã có một viên trong ngực, gã vẫn có thể nổ súng, nhưng viên đạn thứ hai đục một lỗ trên chân mày của gã làm ý định đó không thực hiện nổi. Viên đạn đó cũng làm gã chết tốt.



Miller tỉnh dậy vào chiều thứ hai trong một khu nằm bệnh của Tổng Y Viện Frankfurt. Anh nằm im độ nửa giờ, và dần dần nhận ra đầu mình cuốn một lớp băng và lưng bùng trong đó như có hai pháo đội đang bắn phá. Anh nhận ra nút chuông và ấn mạnh. Cô y tá vào và bảo anh nằm im vì bị chấn thương nặng. Nên anh nằm đó, dần dần nhớ lại các sự việc của bữa trước cho đến buổi sáng. Sau đó thì hết, chả nhớ gì cả. anh thiếp đi, lúc thức dậy thì trời đã sụp tối, có một người ngồi ngay bên giường. Ông ta mỉm cười, Miller nhìn chăm chú.

- Tôi không biết ông.
- Nhưng tôi lại biết ông. Người khách nói.

Miller ngẫm nghĩ, rồi nói:

- Tôi đã gặp ông rồi. Gặp ở nhà Oster. Đi cùng với Léon và Motti!
- Đúng đó. Ông còn nhớ gì nữa không?
- Gần như nhớ hết. Từ từ nó trở lại!

- Còn Roschmann?

- À, có. Tôi đã nói chuyện với hắn. Tôi đang định báo cho cảnh sát.

- Roschmann đi rồi. Chạy trốn về Nam Mỹ. Mọi chuyện xong hết rồi. Hoàn tất. Chấm dứt. Hiểu không?

Miller chậm chạp lắc đầu:

- Không hẳn. Tôi đã biết một câu chuyện dễ sợ. Tôi sẽ viết nó lại!

Nụ cười người khách tắt đi. Ông dựa tới trước:

- Nghe nè Miller. Ông chỉ là tên tay mơ, và ông rất may mắn là còn sống. Ông sẽ không viết gì cả. Vì ông chả có gì để viết hết. Tôi đã lấy tập nhật ký Tauber và nó sẽ theo tôi về nhà, về xứ sở của nó. Tôi đã đọc nó tối qua. Có bức ảnh của một Đại Úy quân đội trong túi áo ông. Bố của ông hả?

Miller gật đầu.

- Như thế nó là nguồn cội mọi sự?

- Phải.

- Được, dù sao tôi cũng rất tiếc, về việc bố ông ấy mà. Tôi chưa từng nghĩ sẽ chia buồn như thế với một người Đức. Bây giờ còn về tập hồ sơ. Nó thế nào?

Miller kể lại cho ông ta.

- Thế sao ông không để nó cho chúng tôi? Ông đúng là một đứa vô ơn. Chúng tôi phải bao khổ cực mới gài ông được vào đó, rồi lúc ông tìm được cái gì, ông lại giao cho nước của ông. Chúng tôi có thể dùng nó rất hữu ích.

- Tôi đã gửi cho một người nọ, qua Sigi. Bằng bưu điện, ông cũng khéo lắm, ông chả bao giờ cho tôi địa chỉ của Léon.

Josef gật đầu:

- Thôi được. Dù sao ông cũng chả có phông sự gì cả. Ông không có bằng cớ. Nhật ký mất, hồ sơ gửi đi rồi. Cái

còn lại chỉ là hiểu biết của riêng ông. Nếu ông cố gắng nói ra thì chả có ai tin ông cả, ngoại trừ Odessa, họ sẽ tới kiểm ông. Hoặc họ có thể hại Sigi hay mẹ ông. Họ chơi bạo lắm, hiểu không?

Miller ngẫm nghĩ một lát:

- Thế còn cái xe của tôi?

- À, ông chưa biết vụ đó. Tôi quên nói đó.

Josef kể lại về quả bom gài trong đó, và nó nổ ra sao.

- Tôi nói là họ chơi bạo lắm. Cái xe đó bị bể tan tành trong hẻm núi. Cái xác không nhận ra, nhưng không phải ông. Chuyện của ông là ông bị tên kia dùng thanh sắt đập văng khỏi xe rồi lấy xe đi.

- Bệnh viện có thể nói với ông là ông được một tay đi xe máy dầu tình cờ gặp, gọi xe cứu thương, chở ông đi. Họ chẳng nhận ra tôi đâu. Lúc đó tôi đội nón an toàn và kính chống bụi tùm lum. Đó là hồ sơ chính thức của bệnh viện. Chắc ăn hơn tôi còn gọi tới nha báo chí Đức hai giờ trước, mạo danh bệnh viện và kể cho họ giống như trên. Ông sẽ là nạn nhân của một tay cướp đường, tay này sau đó bị lạc tay lái xuống khe núi chết.

Josef đứng dậy và chuẩn bị đi. Ông ta nhìn Miller:

- Ông còn may lắm đó, dù ông không nhận ra thế. Tôi được cô bạn ông gửi một bức điện hỏi trưa hôm qua, chắc do ông chỉ dẫn, rồi chạy xe như điên, từ Munich tới điện trang đó trong vòng hai giờ rưỡi. Ở đó ông ra sao biết không, gần như chết. Có một thằng sắp giết ông. Tôi ngăn hẳn lại kịp thời.

Ông quay lưng, đưa tay vịn nắm cửa:

- Cho tôi có lời khuyên. Hãy đi đòi bảo hiểm chiếc xe, mua lại một cái Volkswagen, trở về Hambourg, cưới Sigi, đẻ con và chí thú tưởng thuật tin tức. Đừng dính líu tới dân chuyên nghiệp nữa.

Ông ta đi độ nửa giờ thì cô y tá vào:

- Ông có điện thoại.

Đó là Sigi, cười khóc xôn xao trong ống nói. Nàng vừa được một người dấu tên báo cho hay Miller ở bệnh viện Frankfurt.

- Em đến ngay, liền bây giờ. Nàng gác máy.

Điện thoại lại reo:

- Miller? Hoffmann đây. Tôi vừa nhận được tin đăng Nha. Anh bị trúng đầu hả? Đã chưa?

- Cũng tạm. Ông Hoffmann.

- Hay quá. Chừng nào có thể làm ăn lại?

- Độ vài ngày. Có gì không?

- Tôi có một vụ ngay trong khu của anh. Một mở con gái chơi chơi nhà giàu nhất nước di trượt Ski, bị mấy thằng trẻ tuổi huấn luyện viên Ski bắt được. Sau cùng người ta thấy mấy cô nằm ở đường đường Batavia, vụ này chắc cũng moi ra bạc. Hình như bọn Yé Yé cũng đã cào nát cái đường đường rồi. Chuyện cũng vui hả. Có sex, tuyết băng, đàn dùm, chơi bởi ở miền Oberland này kia... lúc nào có thể làm đây?

Miller nghĩ một lát:

- Tuần tới.

- Được lắm. Còn chuyện của anh. Truy lùng Quốc Xã gì đó. Tìm ra không? Có phóng sự gì không?

- Không, thưa ông Hoffmann, chả có gì cả.

- Thôi đừng buồn. Ráng nằm cho khỏe nhanh lên nghe. Hẹn gặp ở Hambourg.



Chuyến bay chở Josef từ Frankfurt qua London rồi tới phi cảng Lod, Tel Aviv, khi trời đã ngả vào buổi tối thứ ba. Có hai người ra đón và đưa ông về bộ chỉ huy để báo cáo cho ông Đại Tá, người đã đánh bức điện ký tên CHIM CỐC. Họ nói chuyện mãi tới hai giờ sáng, nhân viên tốc ký ghi

lại cả. Xong xuôi, ông Đại Tá ngửa ra, mỉm cười và mời thuốc hút.

Thế là xong, chúng ta đã cho dò lại xưởng máy và truy ra chủ nhân, dĩ nhiên là nặc danh. Bộ phận nghiên cứu sẽ bị phá hủy. Ta sẽ làm thế, dù chính quyền Đức không làm. Máy bác học rõ ràng là không biết họ đang phục vụ cho ai. Chúng ta đã điều tra riêng từng người và đều được thỏa thuận hủy bỏ mọi kết quả. Họ biết nếu chuyện vỡ lở, thì kẹt lắm vì dư luận Đức ngày nay có xu hướng thân Do Thái. Họ đã tìm được việc làm khác và chịu giữ kín miệng. Bonn cũng giữ kín miệng. Ta cũng thế. Còn Miller thì sao?

- Hẳn thì cũng thế. Còn vụ hỏa tiễn.

Đại Tá nhả khói, nhìn lên những vì sao xa tít trên trời đêm.

- Tôi có cảm tưởng nó sẽ chẳng bao giờ phóng đi được. Nasser phải sẵn sàng, chậm nhất là hè 67, và nếu công cuộc nghiên cứu của Vulkan tan vỡ, họ sẽ chẳng thể có gì khác kịp thời để làm hệ thống điều khiển cho hỏa tiễn, trước mùa hè 67 này đâu.

- Cơ nguy thế là qua rồi, Josef nói.

Đại Tá cười:

- Cơ nguy chẳng bao giờ qua. Nó chỉ thay đổi hình thức. Cơ nguy này có thể qua. Thì còn cơ nguy khác. Chúng ta sẽ còn phải chiến đấu tiếp, rồi sau đó nữa, cho đến lúc xong hẳn. Thôi, chắc ông cũng mệt. Về nhà nghỉ đi.

Đại Tá tới bên ngăn kéo, moi ra một bao vải, trong khi người thuộc hạ đặt lên bàn giấy thông hành Đức, tiền bạc, ví chìa khóa, rồi sang phòng bên cạnh thay đồ, để lại toàn bộ áo quần kiểu Đức cho ông chỉ huy. Đại Tá ngược lên nhìn người thuộc hạ hiện ra ở cửa hài lòng, và bước tới bắt tay:

- Chào ông, Thiếu Tá Uri Ben Shaul.

Ông Thiếu Tá có vẻ thoải mái hơn khi trở về chân tướng con người thực của ông từ 1947, khi tới được Israel và gia

nhập tổ chức Palmach. Ông đi taxi về nhà ở ngoại ô, dùng chìa khóa có sẵn trong túi để mở cửa. Trong phòng ngủ mờ tối, ông có thể nhìn ra dáng nằm ngủ của Rivka, vợ ông, tấm mền mỏng đều đặn lên xuống theo nhịp thở của bà. Ông ló vào phòng với bọn trẻ và nhìn hai đứa con trai Shlomo sáu tuổi, còn con bé kia mới hai tuổi, Dov. Ông thêm được trèo lên giường cạnh vợ và ngủ vài bữa nhưng còn nhiều việc phải làm. Ông đặt xách tay xuống, im lặng thay đồ, cởi cả đồ lót, mặc lại một bộ hoàn toàn mới, lấy trong tủ ra. Rivka vẫn ngủ say. Trong nhà bếp, ông lấy bộ quân phục được ủi phẳng phiu luôn luôn nằm sẵn ở đó. Mặc chiếc quần dài vào, đi giày boots. Tới cái áo Kaki và cà vạt, nếp áo được ủi thẳng tắp, cạnh sắc như dao. Khoác thêm chiếc chiến phục, chỉ có gắn một huy hiệu dù bằng sắt của người sĩ quan và năm băng huy chương ông được ân thưởng trong trận Sinai và những trận oanh kích vượt biên giới. Món sau cùng là chiếc mũ bê-rê đỏ. Xong xuôi, ông mang theo vài thứ nhỏ nhỏ bỏ trong cái túi. Khi ra tới ngoài, đến bên chiếc xe riêng đậu ở đó cả tháng trước thì phương Đông đã mờ sáng.

Mặc dù bữa đó là 26 tháng 2, ba ngày trước khi hết tháng sau cùng của mùa Đông, không gian cũng đã ấm áp lại, hứa hẹn mùa xuân rực rỡ. Ông chạy xe ra phía Đông Tel Aviv, đi theo con đường tới Jerusalem. Ông yêu làm sao sự yên tĩnh buổi sớm mai ở đây, nổi thanh thản và trong sáng lúc nào cũng làm ông xao xuyến. Hành quân qua sa mạc, cả ngàn lần ông đã ngắm cảnh này, mặt trời lên, mát lạnh và tuyệt đẹp, khởi đầu cho một ngày nóng cháy và đôi lúc còn có chiến trận, chết chóc. Đó là lúc tuyệt nhất trong ngày. Con đường đi qua khu nông thôn màu mỡ của đồng bằng ven sông tới dãy đồi đất đỏ Judea, qua khu làng Ramleh mới thức dậy. Hồi đó, đi qua Ramleh có một con lộ bọc quanh Latroan Salieut, năm dặm cách tuyến đầu của lực lượng Jordanie. Ở bên trái, ông có thể thấy ngọn lửa bữa sáng trong khu Ả Rập đang nhả lên những cụm khói xanh lơ. Có mấy người Ả Rập đã thức dậy trong làng Abu Gosh. Và khi ông vượt qua dãy đồi cuối

cùng để tới Jerusalem thì mặt trời đã sáng rõ ở trời Đông, phản chiếu lung linh trên vòm Đá trong khu Ả Rập của thành phố bị chia cắt này.

Ông đậu xe, đi bộ một đoạn để tới làng Yad Vashem, qua con đường xanh bóng cây, trông để tưởng nhớ những ân nhân nước ngoài, và tới cánh cửa đồng to lớn, che chỗ cái bàn thờ cho 6 triệu đồng bào Do Thái đã bỏ mình vì cơn thảm sát vừa qua. Ông già giữ cửa nói, chưa tới giờ mở cửa, nhưng ông phân trần chuyện của mình và được cho vào. Ông đi qua phòng tưởng niệm và nhìn quanh. Ông đã từng tới đây để cầu nguyện cho chính gia đình mình, và ở đây vẫn còn những tảng đá xám xịt, to lớn xây thành căn phòng làm ông xúc động. Ông bước tới, nhìn những chữ viết màu đen trên nền đá xám, bằng chữ Hebrew và chữ La Tinh. Không có ánh sáng trong nhà mộ nhưng có ngọn lửa vĩnh cửu, cháy lung linh trên chiếc bình trên cao, không bao giờ tắt. Nhờ ánh sáng đó, ông đọc qua các chữ, từng dãy một Auschwitz, Treblinka, Ravenbruck, Buchenwald... Nhiều quá không đếm được, nhưng ông cũng tìm ra một chữ Riga. Ông chĩa cần một chiếc Yarmutka trùm lên, vì ông còn đội chiếc bê-rê đỏ cũng đủ. Từ trong túi xách ông lấy ra một tấm lụa dài, giống manh lụa Miller thấy trong mơ đồ đạc để lại của ông già ở Altona mà không biết là cái gì. Ông choàng tấm lụa qua vai. Ông lấy tập sách kinh, mở ra đúng trang cần thiết, tiến tới bên lan can bằng đồng ngăn cách căn phòng thành hai phần, nắm tay vào lan can, nhìn lên ngọn lửa trước mặt. Vì ông chẳng phải tu sĩ, nên phải nhờ cuốn kinh, và ông đọc lên lời cầu nguyện truyền lại cả ngàn năm nay: "*Yisgaddal... Veviskaddash... Sirdmay rabbah.*"

Như vậy, hai mươi một năm, sau khi linh hồn đã chết ở Riga, cũng có một Thiếu Tá nhảy dù trong quân lực Israel, đứng trên đồi Đất Hứa, và đọc lời cầu Kaddish cho linh hồn của Salomon Tauber.



Có lẽ, ai cũng hài lòng nếu mọi sự trên đời này luôn

luôn chấm dứt khi các đầu mối đã được thắt lại gọn ghẽ. Nhưng đó là trường hợp rất hiếm hoi. Con người vẫn tiếp tục sống và chết nơi chốn, ngày giờ riêng của họ. Như thế có lẽ, nên ghi nhận luôn những chuyện còn lại của các nhân vật chính trong đây. Peter Miller thì về nhà, kết hôn và điên cuồng săn những tin tức mà người ta muốn đọc trong bữa điểm tâm hay trong lúc chờ hớt tóc. Tới mùa hè 1970, Sigi đã có mang đứa con thứ ba của họ. Những người của Odessa thì tan rã. Bà vợ Eduard Roschmann trở về nhà, sau đó nhận được một điện tín của chồng báo là ông hiện ở Argentina. Bà từ chối không đi theo ông. Mùa hè 1965, bà viết thư cho ông theo địa chỉ cũ. Biệt thự Jerbal, yêu cầu ông ly dị trước tòa Argentina. Bức thư được chuyển tới địa chỉ mới của ông, và bà được phúc đáp theo lời yêu cầu, nhưng thủ tục làm ở tòa án Đức và được phán quyết chấp thuận cho ly dị, vào năm 1966. Bà vẫn sống ở Đức, nhưng đã dùng lại tên thời con gái là Muller, có cả chục ngàn người mang họ đó ở Đức. Còn bà vợ trước là Hella thì vẫn sống ở Áo. Werwolf sau cùng cũng yên thân với các chỉ huy cao cấp ở Argentina, ông ta sống trong một điền trang nhỏ, mua bằng tiền phát mãi tài sản của mình, điền trang đó ở đảo Formenteria, thuộc Tây Ban Nha.

Xưởng sản xuất radio thì phá sản. Các bác học làm việc nghiên cứu hệ thống điều khiển hỏa tiễn Helwan đều tìm được việc làm trong kỹ nghệ hay các học viện. Còn kế hoạch mà họ đã vô tình làm cho Roschmann thì đã sụp đổ. Các hỏa tiễn Helwan chả bao giờ phóng đi được. Dù thân hỏa tiễn đã có, nhiên liệu sẵn sàng. Đầu đạn đang sản xuất. Ai không tin sự có thật của các đầu đạn này có thể kiểm chứng các bằng cớ của giáo sư Otto Yoglek đã trình trước tòa trong vụ án Yossef Ben Gal, 20 đến 26 tháng sáu 1963, tòa án tiểu bang Basel, Thụy Sĩ. Bốn mươi chiếc hỏa tiễn, không hy vọng có được hệ thống điện tử cần thiết để điều khiển rơi đúng mục tiêu bên Israel, nên vẫn còn nằm ở cơ xưởng bỏ phế tại Helwan, sau đó chúng bị bom đập tan tành trong trận chiến sáu ngày. Trước đó các bác học Đức đã chán nản trở về nước. Việc tố cáo trước

chính quyền về tập hồ sơ của Klaus Winzer đã làm đảo lộn nhiều kế hoạch của Odessa. Một năm mới mở đầu lại chấm dứt cơ đồ của họ. Những năm sau này, một luật sư và thẩm sát viên của Ủy Ban Z ở Ludwigsburg có thể nói 1964 là một năm rất đẹp đối với chúng tôi. Vâng, phải nói là một năm tuyệt đẹp.

Cuối năm 1964, Thủ Tướng Erhard xúc động vì vụ đó nên đã ra lời kêu gọi với trong và ngoài nước, yêu cầu những người nào biết bất cứ một phạm nhân SS ở đâu cứ tới và báo với chính quyền. Sự đáp ứng rất đáng kể và công việc của những nhân viên ở Ludwigsburg được kích thích rất mạnh, kéo dài đến cả mấy năm sau. Còn các chánh khách có liên can tới vụ cung cấp vũ khí giữa Đức và Israel, thì Adenauer sống ở một biệt thự vùng Rhondorf, nhìn xuống dòng Rhine thân yêu, gần bên Bonn, ông qua đời ở đó vào 19 tháng 4-1967. Thủ Tướng Israel David Ben Gurion vẫn còn là dân biểu Quốc Hội (Knesset) đến năm 1970, sau này ông xin về hưu, trở lại quê nhà là Kibbut-Sede Boker, nằm giữa vùng đồi núi Negev, trên đường từ Beer Sheba tới Eilat. Ông thích tiếp khách và sôi nổi bàn luận về mọi chuyện, ngoại trừ về các hỏa tiễn Helwan và chiến dịch trả đũa các bác học Đức làm việc cho Ai Cập. Về phần những người nhân viên tình báo, Tướng Amit vẫn là Chỉ Huy Trưởng đến năm 1968, trên vai nặng trĩu nhiệm vụ, phải bảo đảm cung cấp tin tức chính xác kịp thời, cho trận chiến sáu ngày. Và lịch sử có ghi lại đó, ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên. Lúc về hưu, ông trở thành Giám Đốc điều hành và Chủ Tịch của Công Ty Koor của Israel. Ông vẫn sống rất đơn giản, bà vợ Yona xinh đẹp của ông không bao giờ có một cô tớ gái vì bà thích làm lấy mọi công việc nhà hơn.

Người kế nhiệm ông trong chức vụ tới nay là Tướng Zvi Zamir. Còn Thiếu tá Uri Ben Shaul thì chết ngày thứ tư 7 tháng 6-1967, khi chỉ huy lực lượng nhảy dù mở đường vào cố thành Jerusalem. Ông bị một viên đạn từ phía phòng tuyến Ả Rập bắn vào đầu, và gục chết cách cửa Mandelbaum 400 thước về phía Đông. Simon Wiesenthal

vẫn sống và làm việc ở Vienna, thu thập mẩu tin chỗ này, sự kiện chỗ kia, máy mó tìm ra tung tích của tội nhân SS. Mỗi tháng mỗi năm, ông lại thu hoạch ít nhiều thành công. Léon thì chết ở Munich năm 1968. Sau đó, nhóm bạn bè đồng chí của ông mất người lãnh đạo và tan rã. Sau cùng người Trung Sĩ Ulrich Frank, người lái chiếc xe tăng chạy ngang đường lúc Miller đang đi tới Vienna. Anh chàng đã đoán sai số phận chiếc tăng của mình, chiếc Dragon Rock. Nó không trở thành phế liệu, mà được đưa xuống hầm tàu, và anh ta không còn gặp lại nó nữa. Bốn mươi tháng sau, có gặp lại anh cũng chẳng nhận ra.

Màu thép của nó đã được quét lên một lớp sơn vàng đất hòa lẫn với khung cảnh sa mạc. Ngôi dấu chữ thập đen của quân đội Đức không còn trên pháo tháp, thay vào đó là hình ngôi sao David 6 cánh (Huy hiệu của Israel, cũng là hình vẽ trên lá cờ nước đó). Cái tên anh ta đặt cũng thay đổi nốt, và nó được đặt tên mới là "Linh Hồn Masada".

Cũng một ông Trung Sĩ lái nó, một người mũi quắm râu đen, tên là Nathan Levy. Ngày 5-6-1967, nó bước vào tuần lễ chiến trận đầu tiên và duy nhất kể từ ngày ra khỏi nhà máy ở Detroit, Michigan hồi 10 năm trước. Đó là một trong những chiếc tăng do Tướng Israel Tal chỉ huy tấn công chiếm trục lộ Mitla hai ngày sau, và buổi chiều thứ bảy 10 tháng 6, dính đầy bụi và dầu mỡ, lỗ chỗ vết đạn, bánh xích của nó bám đầy đá gạch vụn của Sinai (Bán đảo Sinai, thuộc lãnh thổ Ai Cập), chiếc Patton cũ kỹ đó dừng lại trên bờ phía Đông của dòng kinh Suez.

■ **Frederick Forsyth**
Nguyễn Hoàng chuyển ngữ